Dự án sách miễn phí cho thiết bị di động

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Dương thu Hương

Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách :
Fanpage : https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google : http://bit.ly/downloadsach

Mục lục

Chương 1
Chương 2
Chương 3
Chương 4
Chương 5
Chương 6
Chương 7
Chương 8
Chương 9
Chương 10
Chương 11
Chương 12
Chương 13
Chương 14
Chương 15
Chương 16
Chương 17
Chương 18
Chương 19

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 1

ĐỨA BÉ MẤT TÍCH

Năm ấy tôi mười hai tuổi. Tôi ở thị trấn Rêu với mẹ tôi. Thị trấn này gồm vài ba dãy phố cũ, toàn những ngôi nhà lợp ngói, hiên rộng, cột gỗ đen bóng, cây ăn quả và những bức tường phân cách thấp lè tè, rêu loang từng đám. Bên kia đường xe lửa, có thêm một dãy phố mới, gồm những ngôi nhà cất trên rẻo đất hoang và nền gạch vỡ tiêu thổ kháng chiến chống Pháp. Nhà ở đây thường hai tầng, lớn nhỏ lô nhô, bao lơn có song sắt hoa đủ kiểu. Dân phố mới phần lớn là thương nhân. Cửa hàng của họ bán đủ thứ vải sồi, mắm muối, gạo bột, tạp hóa khác… Sát đường ray, ở giữa khu phố cũ và dãy phố mới, có một khoảng đất trống. Chợ họp ở đó. Trước cửa chợ trồng cây cột gỗ treo một dải lụa hồng. Hàng năm, trước ngày Tết ông Táo, người coi chợ gỡ mảnh lụa đã bợt màu vì mưa qua gió lại, thay vào đó mộtdải lụa mới tinh khôi, màu hồng thắm. Dân cư trong thị trấn nhìn về phía chợ, lòng hoan hỉ vì thấy dấu hiệu phồn vinh của năm tới.

Ga xe lửa ở ngay gần chợ. Ngày ngày, những chuyến tàu xuôi ngược lướt qua đám dân ồn ào mua bán. Người trên tàu thò cổ ra cửa nhìn xuống chợ. Và dân trong chợ nghếch mắt nhìn con rắn kỳ dị bằng sắt trường đi trên đường ray, vừa đi vừa thở phì phò tuôn về phía sau những luồng hơi trắng như muối.

Phía trên thị trấn chừng nửa cây số có một dòng sông nhỏ. Chúng tôi goi nó là dòng sông Xanh, vì nước sông xanh như thể pha màu lá non. Thuyền qua lại luôn luôn, buồm giương lên như cánh bướm. Đôi khi, gió lặng, người chủ thuyền phải nhảy xuống lội bộ, kéo bằng dây chão tròng qua vai. Những đứa con nhỏ ở khoang giương mắt thao láo nhìn. Và bất chợt, người kéo thuyền cất lên giọng hát trầm trầm, có nhiều chỗ láy. Dòng sông Xanh ấy có hai gò đất lớn, chúng tôi gọi là đảo Hoa Vàng vì chúng mọc đầy cây duối. Quả duối chín vàng như kén tằm rắc kín các lùm cây, trông như ai rắc những lớp bụi kim nhũ lên đó. Đảo Hoa Vàng là nơi cất giấu kho tàng bí mật của chúng tôi. Trên đảo có miếu thờ Ngũ hổ, tuy đã sụt lở nhưng vẫn đủ che cho một người ngủ qua đêm. Những ngày dân trong thị xã ra đảo cúng Ngũ hổ, mùi hương thơm lan khắp mặt sông. Tưởng như những cây duối vàng rực rỡ kia tỏ hương chứ không phải những bát nhang trong ngôi miếu thờ nhỏ cũ kỹ.

Dạo đó là mùa xuân. Bánh chưng Tết đã hết, nhưng bánh gói rằm tháng riêng còn xếp đầy trong những chiếc thúng con ở bếp mọi nhà. Chợ phố họp thật đông. Vào dịp này, những người bán kẹo rong chuyên thổi con tò te bằng đường cô đặc hoặc nặn con giống bằng bột nếp nhuộm phẩm đểu tới chợ để kiếm cách moi tiền trong túi đám khách đi hội, lễ chùa ghé qua thị trấn lại đến cửa chợ. Một cỗ xe ngựa mui khum đứng ngay trên bãi đất trống. Con ngựa già lông hung vục mõm vào giỏ vừa nhai cỏ vừa rùng mình đuổi nhặng. đám lông nơi khuỷu chân trắng phếch bụi đường. Gần đó, khoảng đất lầm bụi cát đã được khoanh lại bởi những sợi thừng chăng qua bốn cây cọc. Chủ gánh xiếc, một người đàn ông thấp lùn, nhỏ bé, cái đầu phình ra một cách dị thường, da đen sạm, mắt long lanh, đang biểu diễn trò nuốt lửa, xiên linh, nhào lộn trên dây. Sau đó, ông ta tự bịt mắt bằng một tấm vải đen rồ iphóng dao lên tấm bảng bằng gỗ. những con dao nhọn cắm phầm phập trên tấm gỗ mềm. đứng áp lưng vào tấm bảng, vợ người chủ gánh xiếc dang hai tay, ngẩng cao đầu với vẻ gan góc và hùng dũng hiếm có. Đen trũi, dữ tợn, to béo như hộ pháp, người đàn bà đó khiến chúng tôi vừa kính nể vừa khiếp sợ. Bà ta dương mắt nhìn những ánh thép đang loang loáng lao tới một cách bình thản, trong khi chúng tôi thét lên vì hoảng sợ, tim nhảy trong lồng ngực thình thình. Hết trò ném dao, người đàn ông gỡ mảnh vải chào đám đông với vẻ khiêm nhường. Đoạn ông ta quay lại phía sau, giơ tay vẫy vẫy. Khi bàn tay ông hạ xuống, hai con khỉ đèo nhau bằng xe đạp tiến ra. Cả hai con đều mặc quần đùi đỏ viền đen, áo may ô vàng và đội mũ cát-két đen. Con trước lái, con sau đứng vịn vào

vai bạn. Hết một đợt chừng mười vòng, con khỉ đứng sau nhẩy xuống xe, giật mũ chào người xem và xin tiền. Con kia ngồi trên xe, gác chân lên ghi-đông vểnh váo. Khi mũ đã đầy tiền giấy và xu, con khỉ chạy lại đưa cho chủ gánh xiếc. Ông cất tiền vào túi bên trái, móc túi bên phải ra một nắm hạt dẻ hoặc vài trái chuối chín thưởng cho hai con vật. rồi ông ta cúi thấp đầu cảm tạ người xem và lui lại phía sau, chuẩn bị đợt diễn tiếp.
Ngày thứ hai tới thị trấn, gánh xiếc đã diễn năm lần mà người xem vẫn còn đông. Trong đám khán giả xúm xít bên ngoài vòng vây bỗn xuất hiện một người đàn ông lạ mặt. dân thị trấn, dân các làng phụ cận, khách vãng lai xem hội và lễ chùa không ai lạ lùng như vậy. Người mới tới bận quần áo đen giống y phục của người Nùng. Áo vạt dài, khuy tết, quần ống rộng. Bên hông đeo chiếc túi vải như mấy ông già Tàu bán thuốc bắc và cao hổ ngày phiên chợ. Mũ đội đầu bằng da bò cáu bẩn. bộ mặt dài, nhiều vết rỗ ở chân lông. Đôi tay to lớn, ửng đỏ, chắc hẳn là rất cứng rắn đặt lên vành mũ che nắng một cách vụng về. Cặp mắt sáng quắc ẩn dưới hai hàng mày rậm đen như than. Người đàn ông lạ đứng ở vòng ngoài cùng, sau lưng những người khác. Ít ai chú ý tới ông ta vì mải xem đôi khỉ đang trêu cợt, cắn nhau chí chóe. Người lạ không xem xiếc. Đôi mắt sáng quắc của ông ta sục sạo khắp đám trẻ thị trấn đang chen chúc nhau đứng sát vòng dây thừng. Khoảng cổ hở ngoài áo đỏ rực, cục yết hầu nhảy lên tụt xuống như trái nhót. Người khách lạ chăm chú nhìn hồi lâu, rồi tự dưng biến mất.
Chiều tối, vợ chồng người làm xiếc nhổ cọc, cuốn thừng gấp vải phông và thu dọn đồ vật cho lên xe. Họ nhốt hai con khỉ vào chuồng. Rồi con ngựa được tròng vào ách. Giỏ cỏ gác phía sau giàn khung. Chiếc xe lên đường. Lũ chúng tôi chạy theo xe, sục vào đám bụi nồng mùi mồ hôi ngựa. Tới khi chiếc xe đã khuất hẳn sau khúc đường vòng, tôi mới quay về. Phố đã lên đèn. Trước cửa đồn công an thị trấn, một đám đông đứng lô nhô. Tôi nghe tiếng xì xào, ồn ã:
- Đứa bé mất tích rồi!... Khốn khổ…
- Sao? Đứa nào mất tích?
- Con lão cai Cân.
- Đứa nào?
- Cái thằng bé nhất, tôi cũng chẳng biết tên.
- À, thằng Dũng còm. Thằng bé lẻo khoẻo, đen thủi, đen thui chứ gì?
- Có lẽ đúng đấy.
- Thằng ấy là đứa ngoan nhất trong đám con nhà cai Cân. Mất thằng bé thì bố nó điên lên mất.
- Ờ… Nhưng cũng chưa chắc. Cai Cân chỉ điên lên khi mất tiền thôi.
- Trời ơi, bà này độc miệng quá.
- À, để rồi mà xem…
Trên thềm, một trung úy cảnh sát bước ra:
- Mời bà con về. Tình hình ra sao, chúng tôi sẽ thông báo sau.
Nhưng đám người xem vẫn đứng túm tụm, thì thầm bàn tán. Họ muốn xem mặt cai Cân. Họ vốn không mấy cảm tình với ông ta nhưng tò mò muốn biết thái độ của ông ta trong hoàn cảnh đau khổ này. Người nào cũng chuẩn bị sẵn một lời an ủi. Nhưng kìa, cai Cân đã từ căn phòng lớn của đồn công an bước ra. Mặt ông ta lạnh như tiền. Hai gò má nhẵn, râu cạo trơn tru, vầng trán bóng như xoa mỡ, cặp mắt nhìn bình thản, ông bố đứa bé mất tích bước xuống thềm. giơ một cánh tay lên:
- Các ông các bà tốt phúc sinh con ngoan. Tôi vô phúc đẻ ra đứa chẳng ra gì. Nó bỏ nhà trốn đi lêu lổng mất rồi. Thật không ngờ nó hư đốn thế…
Dân thị trấn chưa kịp nói một lời chia buồn, cai Cân đã vùn vụt đi về. Bóng ông ta khuất dưới bóng dãy bàng cổ thụ. Không ai nhìn thấy ông ta đang nhếch mép cười. một nụ cười bí hiểm, khinh mạn và tàn ác.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 2

CHUYẾN ĐI BẮT BUỘC

Dũng còm bị mất tích không hiểu vì lý do gì. Dân thị trấn đoán rằng nó không muốn ở với ông bố keo kiệt và độc ác nên bỏ đi theo gánh xiếc. Bằng cớ là đứa bé mất cùng với chiếc xe mui khum cũ kỹ kia. Hẳn là người chủ gánh xiếc đã giấu nó trong cái thùng xe ọp ẹp được che bằng tấm vải sơn loang lổ những hình vẽ. Bà vợ to béo của ông ta đủ sức giấu hai đứa trẻ sau lưng… Cũng có người đoán Dũng còn bị mẹ mìn bắt đem bán. Điều này được các bà mẹ chúng tôi tin ngay. Và ngày nào cũng vậy, các bà mẹ răn đe chúng tôi rằng: mẹ mìn không chỉ bắt trẻ con, lớn hơn chúng mày nó cũng bắt được. nó cho ngửi thuốc mê rồi dẫn lên núi. Con gái mười ba tuổi bán cho người Mèo làm vợ. Con trai mười ba tuổi bắt mang thuốc phiện lậu sang bên Tàu… Kèm theo lời dọa dẫm đó là một chế độ kiểm soát gắt gao. Thậm chí, có bà còn mua cả xích chó về xích con vào cột nhà. Ba tuần lễ liền tôi không được đi chơi đâu ngoài buổi học. Kể ra điều đó cũng có thể chịu được, nếu những cơn mưa đầu xuân không rơi xuống. Ô, các bạn có nhớ những cơn mưa này không nhỉ? Chúng đẹp như không phải mưa mà như bạc ròng tuôn chảy. phố xá lấp lánh những sợi tơ dài, reo lanh tanh và nhảy nhót trong ánh mặt trời chiếu rọi. Mưa thật đẹp nhưng lòng chúng tôi đầy lo phiền. Bạn biết đấy, gia tài riêng của tôi và Loan hạt mít chôn ở đảo Hoa Vàng giữa dòng sông Xanh. Dưới gò đất giữa đảo cách cây duối còng một thước có một chiếc thùng nhôm. Trong thùng, tôi và Loan cất chiếc hộp đựng bánh quy. Trong hộp có một tập tiền mừng tuổi. Toàn những tờ giấy bạc mới cứng, cọ lên mặt còn kêu sột soạt. Tờ nào tờ nấy mát rượi và bốc mùi thơm phức. Ngoài xấp tiền giấy còn một đống tiền hào. Hào nào cũng sáng trắng như bạc, chưa hề bị xây sát hoặc hoen ố một li. Chiếc hộp đựng bánh quy đó là nửa phần kho tàng của hai đứa tôi. Nửa phần kia gồm có một pho tượng vũ nữ bằng bạc đúc của bà ngoại Loan hạt mít cho, một xấp vải vụn các màu có thể may hàng chục bộ váy áo cho búp bê, một gói lớn hạt dưa hấu phơi khô. Những thứ này chúng tôi mới gói tạm bằng lượt giấy dầu, định sẽ kiếm tấm vải đi mưa bọc thêm bên ngoài cho khỏi thấm hơi đất. Chưa kịp làm thì xảy ra vụ Dũng còm mất tích và do đó chúng tôi bị trói chân ở nhà như những con chuột bạch bị nhốt trong lồng. Trời mưa thế này, vải có thể bị ẩm mục, hạt dưa sẽ thối. chưa kể tới hơn ba trăm củ khoai nghệ vùi bên cạnh gò sẽ lần lượt nảy mầm và thế là đi đứt...

Buổi chiều, tôi đã học hết những bài học cho cả tuần, làm hết lô bài tập toán, lý. Tôi ngồi nhìn hai cánh cửa đóng im ỉm. bên ngoài, mẹ tôi đã khóa một ổ khóa đồng đóng im ỉm. Qua khung cửa sổ, khoảng trời xanh chan hòa ánh nắng hiện lên. Cành ổi đu đưa, mấy quả ổi trái mùa chín trắng ngà. Lũ chim liêu điêu vừa nhảy vừa hót như trêu chọc đứa bé bị giam lỏng trong nhà. Tôi định ném cho chúng một hòn sỏi nhưng nghĩ thương tình nên lại thôi. Đúng lúc đó, gương mặt bầu bĩnh của Loan hiện lên ngoài cửa sổ:

- Bê.

Loan gọi tôi, miệng cười tươi tắn.

- Loan, sao đằng ấy đến đây được?

Tôi mừng rỡ lao tới khung cửa sổ. Hai gương mặt chúng tôi áp vào nhau. Loan trả lời:

- Tớ nhận đi xếp hàng mua thịt phiếu là được bay khỏi nhà ngay.

Nói xong, Loan chìa cho tôi xem chiếc rổ con đựng thịt lợn với dừa cùi và rau cải. Tôi thở dài:

- Mưa to qua, kho tàng ngoài đảo nguy mất.

Loan gật đầu:

- Tớ cũng lo ngay ngáy. Vải nhựa xin được rồi mà không có cách nào chuồn được… Nhưng tối

nay tụi mình sẽ bay.
Tôi hỏi:
- Sao cơ?
Loan thì thầm:
- Tối nay câu lạc bộ thanh niên có biểu diễn văn nghệ. Hai đứa mình xin phép đi xem rồi trốn ra sông lấy thuyền bà An Lạc bơi ra đảo. Tuyệt chưa?
Tôi ậm ừ
- Nhưng ai lại đi nói dối mẹ…
Xưa nay, tôi chưa hề nói dối mẹ lần nào. Bố tôi ở một đồn biên phòng xa tít tắp nơi phương bắc. Vài ba năm bố mới về phép một lần. Nhà chỉ có hai mẹ con. Vì thế, mẹ tôi là tất cả quyền uy, tình thương mến, niềm an ủi và hy vọng. Mẹ tôi vẫn dạy tôi dối trá là tật xấu nhất trên đời… Không lẽ bây giờ tôi lại nói dối mẹ? Nhưng nếu tôi nói thật, mẹ chẳng bao giờ cho tôi đi và kho tàng trên đảo sẽ tiêu ma… Lạy trời, một lần thôi, chỉ một lần này thôi…
Tôi nghĩ bụng và gật đầu bảo Loan:
- Thôi được, cũng đành vậy.
Loan thở phào sau một lát im lặng chờ đợi. Rồi nó nhanh nhẹn hỏi tôi:
- Sáu giờ rưỡi nhé?
Tôi đáp:
- Sáu giờ. Đi sớm một chút.
Loan nói:
- Đúng hẹn nhé. Tớ về đây.
Cô hạt mít biến mất.
Chiều, ăn cơm xong, tôi xin phép mẹ ra câu lạc bộ nghe ca nhạc. Mẹ tôi không nghi ngờ chút nào, bằng lòng ngay. Tôi cảm thấy mặt tôi nóng ran lên như hơ lửa khi mẹ tôi cúi đầu bình thản trên chồng vở của học sinh, nhúng cây bút sắt vào lọ mực đỏ chấm bài.
“Con xin lỗi mẹ, chỉ lần này thôi…”
Tôi thầm nói tỏng lòng rồi vội vã bước ra phố. Đi giữa dòng người tấp nập, ồn ào, tôi thấy nhẹ nhõm hơn. Loan hạt mít đã đứng chờ tôi dưới gốc cây phượng ở ngã ba đầu thị trấn:
- Mau lên, hết trăng bây giờ.
Lúc ấy, trăng thượng tuần lơ lửng như mảnh ngọc lam treo trên trời. chúng tôi đi hối hả. Hết rặng đèn đầu thị trấn, chỉ còn ánh trăng mờ nhạt trải trên dải đường xám, trên những mảnh ruộng và những đám đất trộng xung quanh. Tới bờ sông, mồ hôi đã ướt dính trong lưng áo.
Loan thì thào:
- Trống ngực tớ đánh khiếp quá, đằng ấy có thế không?
Tôi đáp rắn rỏi:
- Không.
Kỳ thực, tim tôi cũng đang nhảy thon thót vì hồi hộp. Chưa bao giờ chúng tôi ra đảo lúc đêm tối như hôm nay. Trước khi xảy ra vụ mất tích Dũng còm, chẳng ai giam cầm chúng tôi và vì thế vài ba ngày một lần, chúng tôi thong thả ra sông, gỡ thuyền bơi ra đảo. vừa bơi, vừa ngắm cảnh mặt trời rực rỡ chiếu trên làn nước biếc và những cánh buồm thấp thoáng gần xa.
Bây giờ, dòng nước trôi dưới ánh trăng mờ trông bàng bạc, xam xám như một con trăn kỳ quái. Những bụi cây nhỏ ven bờ nước, ban ngày nhìn rất xinh tươi lại giống những con thú đang vờ vịt ngủ, chờ cơ hội nhảy chồm lên vồ mồi. thỉnh thoảng một con chim đêm bay qua buông tiếng kêu:
- Két ét ét ét….
Loan níu chặt tay tôi, gọi giật giọng:
- Bê.
- Gì thế?
- Có đi nữa không?
- Sao lại không?
Tôi gằn giọng đáp, hất tay cô bạn ra. Loan hạt mít cắm cúi bước, không dám hỏi thêm câu nào. Mép nước đã sát dưới chân. Tôi định hướng tìm cây cọc buộc thuyền. Đây rồi. Chiếc thuyền tôn của bà An Lạc cột vào cọc bằng một dây xích lớn. gió đánh khiến sợi dây xích đập xoang xoảng. Những gợn nước vỡ dưới mạn thuyền giống đàn rắn con đang bò. Có tiếng huýt gió vang lên

phía bờ kia nghe rờn rợn. Tôi lạnh cả gáy. Lúc đi chỉ hăm hở nghĩ tới lúc mở hộp tiền thơm phức ra ngắm, không nghĩ tới cảnh dòng sông đêm tối tăm ghê rợn thế này. Nhưng không lẽ quay lại?... Thứ nhất, mất toi buổi tối. Thứ hai, Loan hạt mít cũng sẽ cho tôi là thứ thỏ nhút nhát như nó. Nghĩ vậy, tôi mím môi nhảy ào xuống thuyền. Bàn chân bị động mạnh, đau nhói. Tôi vớ vội cọc chèo. Lần này, cọc chèo lại đập vào chân tôi một cú đau hơn. Loan hạt mít vừa nhảy theo tôi, bật lên rên rỉ:
- Đằng ấy ơi, về đi, tớ sợ lắm.
Tôi đang tức giận vì đau, quay lại quát to:
- Sao hèn thế? Vì mình mà người ta phải nói dối mẹ, đi ra đây… Giờ lại đòi về… Không biết xấu hổ hay sao?
Hạt mít lặng im. Có lẽ hai cái mép nhỏ hênh hếch của nó đang mếu xệch trong bóng tối. tôi thương hại cô bạn, nhưng vẫn lầm lỳ làm mặt giận đập mái chèo bồm bộp xuống nước. Tiếng chèo đập nước khiến tôi trở lại bình tĩnh. Con thuyền đã lìa bờ mỗi lúc một ra xa. Tới giữa dòng, nhìn những gợn nước loang loáng trôi dưới mạn thuyền, tôi bỗng nảy ra ý nghĩ: Nhỡ Loan ngã xuống sông thì sao? Và nỗi lo ập đến khiến tôi lạnh toát cả người. Quãng sông này nhiều vực, người ta đồn là lắm ma nam. Tháng sáu năm trước có hai chị em cô bé làng bên chết đuối. Năm kia, một ông lão gù ngớ ngẩn xuống sông tắm buổi trưa, đột nhiên kêu ú ớ từng tràng rồi cũng chìm nghỉm luôn. Lâu hơn nữa, thời mẹ tôi còn nhỏ, cũng đã có một cô gái xinh đẹp nhảy xuống sông tự vẫn vì bị ép duyên. Nhớ tới những chuyện đó, tôi sởn gai ốc. Tuy nhiên, tôi không thể lộ cho Loan biết những ý nghĩ của mình. Tôi cố gắng chèo đều đặn. Loan hạt mít ngồi thụp sâu trong lòng thuyền , tay níu mạn thuyền, tay bám chặt chân tôi. Con thuyền trôi và dần dần dải bờ bên kia đã hiện ra dưới ánh trăng non.
- Kíu íu íu íu… ít ít ít…
Một tiếng kêu rất lớn, thảng thốt, đột nhiên ré lên xé màng nhĩ chúng tôi. Một hơi gió lạnh đột ngột phả mùi hôi lạ vào mặt. Kèm theo hơi gió là một khối đen vụt qua. Loan rú một tiếng, giật mạnh quần tôi. Tôi loạng choạng suýt ngã khiến con thuyền tròng trành muốn lật. phải gắng hết sức, tôi mới giữ cho thuyền thăng bằng trở lại. Định thần rồi, tôi mới thấy cái khối đen vừa vụt qua mặt chính là một con chim lớn. Chính nó cất tiếng kêu ghê rợn và phả ra mùi hôi hăng hắc. Đó là một con lênh đênh. Loài chim này tôi vẫn nghe những người bắn chim nói tới. Nó là loài chim lớn nhất vùng đồng bằng. Mỗi con nặng tới hàng chục cân. Thịt nó dai, không ngon nhưng nhiều và nạc. Nó thường nổi lềnh bềnh trên mặt nước như con thuyền không chèo lá. Người săn chim thường ngậm hơi lặn dưới nước, đầu đội cụm bèo Nhật Bản hay chiếc lá môn, lặng lẽ đi tới gần rồi lừa miếng túm đôi chân con vật. Còn bây giờ nó làm chúng tôi tắc thở vì sợ. Con chim vẫn đập đôi cánh nặng nề, vừa bay vừa tiếp tục buông tiếng kêu khàn khàn hoảng hốt. Tiếng chim kêu vang trên mặt nước, khuấy động trời đêm. Tôi bảo Loan:
- Con lênh đênh đấy, sợ gì…
Loan không đáp, thở dốc từng hồi. Con lênh đênh đã bay xa. Tôi đập mái chèo thật mạnh để xua nỗi sợ hãi…
Chừng hai chục mái chèo nữa, chúng tôi tới đảo Hoa Vàng. Tôi neo thuyền rồi đi tới gò đất chôn kho tàng. Nỗi sợ hãi tan biến. chúng tôi vui vẻ hẳn lên. Loan tong tả bước, miệng hát ư ử. Tôi bảo:
- Giá ban ngày, thế nào mình cũng hái được nửa đấu quả duối chín.
Gò đất chôn của cải của chúng tôi đã sụt một góc sau mấy trận mưa. Hòn đá chôn làm dấu lăn xuống chân gò. Tôi nhìn quanh, đêm vắng lặng, không một bóng người. Trăng thượng tuần xanh như lá non đã ngả lên những ngọn tre đen thẫm làng bên. Tôi bảo Loan:
- Canh gác nhé.
Rồi tôi quỳ xuống, rút cây xà beng cụt giấu trong bụi duối cạnh gò bắt đầu đào. Non nửa thước đất là tới cái thùng nhôm. Tôi mở nắp thùng thật khó nhọc vì rỉ sắt đã cắn chặt lại. May sao, hộp đựng tiền bên trong vẫn còn nguyên. Chúng tôi ghé mắt nhìn những đồng hào sáng trắng và ngửi mùi xấp tiền mừng tuổi còn thơm phức một cách thú vị. Sau đó tôi đậy hộp, quấn hai lớp vải sơn rồi mở gói đựng vải vụn với pho tượng bạc ra xem. Chợt Loan kêu lên:
- Có người kìa.
Tôi quay lại. quả tình sau lưng chúng tôi hiện lên một bóng đen. Cái bóng nhỏ bé đó đi dọc theo mép nước lúc mờ lúc tỏ. Nghe tiếng hét của Loan, nó sựng lại như cái cọc, rồi cứ như vậy, đứng

trơ trơ. Loan đã run rẩy. Hơi thở nóng hổi của nó phả vào vai tôi. Tôi bảo Loan:
- Không phải là trộm. Nếu là trộm, nghe kêu nó đã chạy.
Loan thì thào:
- Hay là ma?
Tôi bảo bạn:
- Đừng sợ. Để tớ ra xem. Đằng ấy cứ bọc lại gói vải cho cẩn thận rồi bỏ vào thùng.
Nói xong, tôi tiến về phía bóng đen kia. Vừa đi tôi vừa bẻ một cành duối vung vẩy. Bà ngoại tôi vẫn bảo: ma quỷ sợ nước tiểu và roi dâu. Không có roi dâu, tôi dùng roi duối vậy. Tôi quật cây roi vun vút trong không khí. Khi đã thấy rõ bóng đen, tôi dừng lại hỏi?
- Ai kia? Người hay ma?
Bóng đen lắp bắp trả lời:
- Em…
Tôi quát to hơn nữa và thấy tay mình bỗng run như gặp rét:
- Em là ai?
Bóng đen nói nhỏ như mất hơi:
- Em là…
Tôi hỏi dồn dập, nửa thị uy nửa tự trấn tĩnh mình:
- Nói mau, em là ai? Làm gì ở đây?
Bóng đen đáp lại vội vã:
- Em là… đi chụp cá… Em đi chụp cá…
Tôi tiến lên vài bước nữa và nhận ra một thằng bé còi cọc đen thủi đen thui. Khi nó nói, chỉ có hàm răng trắng ánh lên. Lưng nó đeo chiếc giỏ và tay cầm chụp. tôi bỗng thấy mủi lòng, chả lẽ một đứa bé gầy guộc như vậy mà đêm đêm lặn lội đi kiếm ăn? Nó còn thua mình vài ba tuổi…
Tôi định bước tới, nhưng một câu chuyện cũ lại hiện lên trong trí nhớ khiến tôi dừng bước.
Chuyện thế này:
Năm năm mươi tư giải phóng thủ đô, bộ đội ta về tiếp quản các thành phố và thị trấn. Đêm đêm các anh thường thay nhau đi tuần tra. Một lần đã khuya, hai anh bộ đội gặp một đứa bé lên năm giữa ngã ba đường. Thằng bé khóc nức nở, kể rằng bị lạc mẹ từ chập tối. hai anh bộ đội cũng thương xót cõng nó tới đồn công an. Từ ngã ba tới đồn công an, chừng non nửa cây số. thằng bé trên lưng lúc nhẹ như bấc, lúc nặng như chì. Anh bộ đội kinh ngạc hỏi:
- Cháu lạ thật, lúc nặng lúc nhẹ như ma ấy…
Thằng bé cất tiếng cười sằng sặc:
- Hay là ma thật đấy…
Và nó thè cái lưỡi dài hơn cái đòn gánh liếm vào mặt anh bộ đội…
Chuyện đó bà Tô béo bán bún riêu kể khiến tôi chùn bước. tôi suy nghĩ vài giây rồi ngồi ngay xuống tiểu tiện. Nếu cái bóng kia là ma, hẳn nó phải biến ngay. Nhưng không, nó vẫn đứng im và lặng lẽ quay đầu đi. Vậy nó là một thằng bé bằng xương bằng thịt. Tôi đến gần nói:
- Xin lỗi nhé, tao phải làm thế vì sợ mày là ma.
Thằng bé sửng sốt nói:
- Ma gì cơ?
Tôi giải thích:
- Ma là linh hồn người chế đêm đêm hiện về.
Thằng bé nói:
- Đêm nào em cũng đi chụp cá. Khắp bãi sông này và đầm bên kia – Nó giơ tay chỉ - cả hồ sen nữa. Chẳng thấy ma bao giờ.
Tôi lặng thinh, hơi ngượng. Thằng bé chụp cá thấp hơn tôi một cái đầu. Tay chân nó nhỏ quắt như những ống xì đồng bắn chim. Trong chiếc giỏ tre đeo bên lưng có những vệt trắng óng ánh.
Tôi hỏi:
- Mày được nhiều cá chưa?
Đứa bé đáp:
- Chỉ đủ niêu kho thôi. Chưa có cá bán. Hôm nay đen quá, toàn cá nhỏ.
Tiếng nói của nó thật dịu dàng, ngoan ngoãn. Tôi bỗng muốn gần gũi và thân ái.
- Nhà em ở đâu? – T ôi hỏi.
- Trong làng, ven đám hồ kia. – nó đáp.

Tôi nhìn theo hướng tay chỉ của chú bé, thấy mặt đầm loang mờ ánh nước và những khoảng tối đen của các đám cây. Tiếng lịch kịch từ gò đất vẳng tới đã tắt. Tôi đoán Loan đã chôn xong thùng nên gọi to:
- Loan ơi, lại đây.
Khi Loan tới, tôi giới thiệu:
- Đây là chị Loan, bạn chị. Còn đây là chú bé đi chụp cá. Tên em là gì nhỉ?
- Em là Cọt.
- Cọt? Sao tên buồn cười thế.
- Mẹ em đặt tên em là Cau. Nhưng em nhỏ quá nên người làng gọi em là Cọt. Hai chị về nhà em chơi nhé.
Loan ngần ngừ. Tôi nhìn về phía thị trấn còn sáng đèn, bảo bạn:
- Mới hơn bảy giờ thôi. Tụi mình đi chơi một lát rồi về cũng kịp.
Chú bé chụp cá mau miệng nói:
- Về nhà em đi. Chỉ có mình mẹ em thôi. Mà mẹ em thích có khách tới chơi lắm… Về bây giờ khoai vừa chín nục. Trước khi đi cá, em đã vùi nồi vào đống trấu.
Ồ, đêm lạnh thế này mà ngồi ở một căn bếp chốn làng quê, ăn khoai mật hầm thì thú vị tuyệt. Tôi sốt sắng nói:
- - Đi.
Cậu bé Cọt thoăn thoắt đi trước. Tôi và Loan bước theo sau. Từ phút ấy, đêm tối lẫn sông nước không còn chút nào vẻ bí hiểm đe dọa chúng tôi nữa. Vừa đi chúng tôi vừa chuyện gẫu. Toàn những chuyện vu vơ mà cười giòn như bắp rang.
Nhà Cau nhỏ xíu, giống như chòi canh dưa hấu. Cổng làm bằng hai cành tre vít cong lại. Chú bé nhấc cánh cửa rào rào cho chúng tôi vào. Sân vắng lặng. Tôi hỏi:
- Nhà em không nuôi chó hay sao?
Chú bé đáp:
- Có gì mà phải nuôi chó!
Nói xong, nó cười hì hì như ông cụ. Tôi hiểu, nhà chú nghèo nên chẳng có gì cần canh giữ. Cau tiến sát tấm cửa liếp, cởi giỏ cá đeo bên hông. Trong nhà, tiếng gọi vọng ra:
- Cau về đấy hả con?
Giọng trong như nước mưa vậy.
Chú bé đáp:
- Con về đây. Mẹ thắp đèn lên đi. Nhà ta có khách.
Người mẹ đáp lời ngay, thánh thót như tiếng nói của một đứa bé đứng trong dàn nhạc lễ ngày xưa:
- Chờ mẹ một tí. Có đèn ngay đấy.
Tiếng lịch kịch khe khẽ, rồi sau đó ánh đèn dầu le lói rọi chiếu ra. Một bàn tay nhẹ nhàng nâng liếp cửa:
- Ai đấy? Xin mời vào nhà chơi.
Một người đàn bà nhỏ xíu, y hệt thằng bé Cau hiện ra. Nhưng sau đó cô thụt vào trong nhà, nhanh đến nỗi chúng tôi không kịp trả lời.
- Các chị vào nhà đi.
Chú bé giục chúng tôi. Rồi lau tay lên vạt áo, nó rót nước ra chén mời mọc. Những chiếc chén Bát Tràng xoàng xĩnh vẽ hoa xanh được rửa sạch bóng. Cả bóng đèn hoa kỳ cũng được lau đến trong suốt, nhìn rõ từng hạt bọt thủy tinh. Nhà Cau nghèo nhưng sạch sẽ và ngăn nắp.
- Nước vối ủ, mẹ em cho thêm gừng thơm lắm.
Chú bé nói. Chúng tôi uống nước, không những thấy thơm mà còn thấy vị ngọt đọng mãi ở đầu lưỡi.
- Thằng Cau thích nước vối ủ pha gừng lắm. Đi cá về làm một chén là ấm người lên ngay.
Người đàn bà nói, đoạn nheo mắt cười. Mắt cô rất to, xanh biếc, mi dài và cong. Sống mũi cô thẳng và cao, chi chít những vết tàn nhang. Gương mặt cô khác hẳn những gương mặt đàn bà ở làng quê mà tôi thường gặp.
Chú bé Cau đã bưng nồi khoai lên. Nó kêu:
- Mẹ đỡ hộ con tí. Nóng quá.
Người đàn bà lật đật đứng dậy, đỡ nồi khoai cho con. Lúc đó, tôi mới thấy rõ là lưng cô bị gù

gập lại. một cái bướu lớn nằm ngay dưới vai trái. Trông cô xiêu lệch và nhỏ tẹo như con cua bị bẻ một bên càng.
- Các cháu ăn khoai đi.
Cô mời. Lần này nhờ ánh đèn tôi thấy rõ những gợn tóc hung đỏ bao quanh gương mặt cô, đẹp như tóc của một tài tử phương tây, và làn da trắng nõn. Cô là một người lai. Một người lai tàn tật.
Tôi không dám nhìn người đàn bà lâu hơn nữa, cúi xuống bát khoai đang bốc hơi nóng hổi. Còn cô, cô ngồi trên giường, lấp sau lá màn nhuộm nâu và nhẹ nhàng nói chuyện:
- Chủ nhân nhà này là em Cau đó. Nó đi học một buổi, đi cá, đi tôm một buổi. Tiền bán cá bán tôm, mua muối, hương hoa ngày lễ Tết, áo quần chăn màn mùa đông. Còn thóc thì hợp tác xã bán cho rẻ. Ngày mùa, Cau đi mót thêm lúa, thêm khoai. Chỉ có cô là chẳng được tích sự gì…
Cau nhăn mặt, gắt:
- Mẹ lại nói chuyện cà kê gì thế? Chán lắm…
Nói xong, chú bé quay đi. Dường như nó muốn che giấu nỗi xúc động trước chúng tôi. Còn người mẹ, thì khẽ thở dài, ngước nhìn con bằng cặp mắt long lanh và dịu dàng nói:
- Thì mẹ kể cho các chị ấy nghe. Có gì sai đâu?...
Chú bé im lặng.
Mẹ chú vuốt ve chú bằng những ánh mắt chan chứa yêu thương lẫn tự hào.
Chờ chúng tôi ăn khoai xong, Cau giục:
- Đi đi, khéo không trộm nẵng hết giàn câu của các chị.
Tôi ngẩn người, hỏi:
- Giàn câu nào?
Lại tới lượt Cau ngẩn ngơ:
- Giàn câu của các chị… Thế không phải là các chị đi canh giàn câu cho bố mẹ hay sao?
Hóa ra Cau tưởng chúng tôi ra sông canh giàn câu. Ở thị trấn có vài gia đình sống bằng nghề câu giàn. Họ cắm từng dây cần câu mắc sẵn mồi và ngồi canh. Lâu lâu lại đi tuần một lượt gỡ cá mắc mồi và thay mồi mới khi mồi cũ đã bị rỉa hoặc nhạt vì ngấm nước. Câu giàn là lối câu nhàn nhã nhất trong nghề câu kiếm sống. Nhưng muốn câu giàn phải có một số vốn to
Cau vẫn băn khoăn nhìn chúng tôi:
- Em tưởng là…
Tội bấm Loan gật đầu:
- Ờ, ờ…
Chúng tôi chào cô chủ nhà, ra đi. Quen đường, tôi đã có thể phân biệt được cành tre ngả phía trước lẫn bãi phân trâu bên vệ cỏ. Tới ngã rẽ, chúng tôi chia tay nhau. Cau đi về phía đầm nước. Chúng tôi trở lại dòng sông. Trí nhớ khá tốt khiến tôi tìm được lối tắt đi ra đảo mà chú bé Cau đưa chúng tôi lúc trước. Đang đi, chợt tiếng gà gáy te te trong làng vẳng ra. Thú phiêu lưu chợt tan biến. Nỗi lo âu khiến cả hai chúng tôi lạnh cả người. Loan khẽ nói:
- Chết rồi Bê ơi! nửa đêm gà mới gáy thế chứ.
Nhìn sang bên kia sông, thị trấn đã tắt đèn. Tôi cũng hoảng sợ.
Loan tỉ tê nói tiếp:
- Mẹ tớ đánh chết thôi.
Tôi gắt:
- Có gan đi chơi thì phải có gan chịu đòn chứ! Đằng ấy có im đi không, tụt xuống sông bây giờ…
Chưa dứt lời, Loan kêu hự. Nó tụt xuống nước thật, kéo cả tôi theo. May sao tôi bình tĩnh lội được cô bạn lên, nhưng áo quần hai đứa ướt lướt khướt. tôi không dám gắt nữa, ngọt ngào dỗ bạn:
- Cứ bình tĩnh, sắp tới đảo rồi.
Quả nhiên, Loan không kèo nhèo kêu than nữa, túm áo tôi lặng lẽ bước. Lát sau chúng tôi tới đảo. Vừa lúc đó, bên kia sông hiện lên hàng chục đốm lửa li ti. Những đốm lửa thoạt đầu còn nhoà trong sương đêm, sau hiện rõ dần lên, giống như những ngôi sao màu vàng ngâm trong đáy nước. Tôi che mắt nhìn kỹ hồi lâu và nhận ra những cây đèn bão đang lắc lư tiến đến bờ sông. Bóng người bị vuốt dài ra, như những cây cột đèn di động. tất cả hơn hai mươi cây đèn. Vậy là đoàn người đi tìm chúng tôi ít nhất cũng hơn số hai mươi. Tôi chắc mẹ tôi và cô Lưu - mẹ Loan hạt mít – đã khóc chạy ngược chạy xuôi khắp thị trấn tìm kiếm, báo công an và nhờ

cậy bất cứ ai. Nỗi ân hận khiến tôi nao nao trong dạ. Lúc mải vui, tôi đã không nghĩ tới cơ sự này.
Loan níu tay tôi, lo lắng hỏi:
- Làm sao bây giờ?
Tôi đáp
- Lặng im đừng nói năng gì cả. Giống như người bị ma rủ ấy. Không thì chết đòn.
Lúc đó, tôi chưa kịp nghĩ ra cách nào hơn. Sau này, tôi mới thấy lối thoát đó đem lại một kết quả tuyệt diệu. Đám người trong thị trấn tới bờ sông cất tiếng gọi. Trong những tiếng gọi đó, nghe thấy tiếng mẹ tôi và tiếng cô Lưu yếu ớt như hụt hơi, run run như vừa gọi vừa khóc. Tôi cay sè cả mũi. Loan thút thít chùi nước mắt vào tay áo. Tôi khẽ bấm cô bạn:
- Im ngay.
Tiếng gọi bên kia sông lắng dần. Rồi tiếng bàn tán vẳng sang rõ mồn một:
- Chúng nó không có ở đây. Thôi về đi.
- Không còn ngõ nào không sục tới. Chẳng lẽ con mẹ mìn nào đó lại tóm được một lúc hai đứa lớn ngồng như vậy sao?
- Bây giờ chúng nó có thuốc mê. Người lớn như mình cũng lú lẫn nữa là trẻ…
- Năm nay lắm chuyện buồn quá.
- Tôi đã bảo mà, chưa hết hạn sao Chổi. Các cụ đã nói: "Sao Chổi quệt đuôi vào trái đất là phải chịu đủ ba mươi sáu tai nạ mới tới lúc yên hàn. Thôi về đi…
Những cây đèn lắc lư, lắc lư. Chợt bà An Lạc tru tréo lên:
- Thôi chết rồi, chiếc thuyền của tôi đâu? Tôi vẫn buộc nó vào cây cọc này mà… Cả một sợi dây xích sắt to tướng…
Đám người xôn xao:
- Đúng rồi, hai đứa bé lấy thuyền bơi đi rồi.
tiếng bà An Lạc vẫn san sát:
- Còn chệch đi đâu nữa? Cái thuyền tôn tôi vẫn bơi sang sông lấy bèo cho lợn ấy. Chẳng mấy con ranh này thi ma khênh đi hay sao?
- Chết thật, đêm hôm thế này mà rủ nhau bơi thuyền. Chúng nó điên hay sao?
- Điên gì! Ma đã quyến rũ thì trèo lên mái nhà cũng cứ trèo như không. Tôi đây này, to như hộ pháp mà năm hai mươi tuổi còn bị ma rủ đi vòng quanh đầm nước suốt đêm. Sáng bảnh mắt, người đi làm đồng mới dắt về nhà…
Một giọng thanh niên rắn rỏi vút lên:
- Thôi bà con trật tự. Có thể các cháu rủ nhau sang bên hồ nhổ củ ấu thì sao?… Hai thanh niên bơi sang tìm đi…
Tiếng nói vừa ngừng, hai bóng người đã nhảy tòm xuống nước. Họ bơi rất nhanh về phía chúng tôi.
- Thuyền bà An Lạc đây rồi.
Một tiếng reo cất lên, nghe quen quá mà tôi không nhận ra người nói. Bên bờ kia, có tiếng hỏi:
- Tìm thấy hai đứa bé không?
Người thanh niên vừa cất tiếng reo đáp thật to:
- Đang tìm…
Rồi anh nhảy lên thuyền, bơi ngược dòng sông. Anh đã nhận được hai cái bóng mờ mờ của chúng tôi dưới bụi duối:
- Các em đấy phải không?
Anh mừng rỡ cất tiếng hỏi, trong khi chiếc thuyền lừng lững trôi trước mặt chúng tôi. Tôi bấm chặt tay Loan, nhất quyết không đáp. Anh chàng không thấy trả lời liền nhảy xuống nước lội bì bõm tới nơi chúng tôi ngồi:
- Sao không nói năng gì cả, hai cô bé? Trời ơi, ướt sũng rồi…
Anh kêu thật to rồi bế xốc từng đứa một đặt vào lòng thuyền. Lúc đó tôi nhận ra anh. Anh tên là Chiến, đấu thủ bóng bàn của thị trấn. Chúng tôi thường chiêm ngưỡng anh trong những trận đấu giao hữu tại câu lạc bộ thị trấn, một ngôi nhà to lớn có những dây cờ lụa nhiều màu bay phất phới quanh năm. Khi chúng tôi đã ngồi yên trên thuyền, anh bắt đầu chèo về phía bờ bên kia. Lúc đó, bạn anh mới tới nơi liền bám vào mạn thuyền bơi trở về. Tới bờ, anh lại bế từng đứa lên. Mẹ tôi ôm chặt tôi vào lòng. Cô Lưu cũng vồ lấy Loan, vừa khóc vừa cười như điên dại:

- Con ơi là con. Ma quỷ rủ rê thế nào mà đêm hôm mò ra sông nước. Lạy đức thánh Trần, lạy bà cô miếu Cội… Từ rày lễ lạt hương khói tháng hai lần, con không dám đơn sai…
Người đàn ông kể chuyện ma rủ đi quanh đầm nước lúc này đắc ý nói oang oang:
- Đã bảo mà, đã sáng mắt ra chưa?…
Không ai đáp lời. Hẳn mọi người đều tin rằngchúng tôi bị ma rủ thật. Nếu không, họ đã thi nhau mắng mỏ. Và chúng tôi ít nhất cũng lĩnh đủ một chục con lươn trên mông.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 3

NGƯỜI THẦY VÀ ÔNG GIÁO

Sau cuộc phiêu lưu kỳ dị dó hai tuần, một chuyện làm biến động cuộc đời học sinh tươi đẹp của chúng tôi.
Tôi chưa nói cho các bạn rõ, tôi có hai thầy giáo rất tuyệt. Thứ nhất là thầy chủ nhiệm. Cả lớp không ai gọi thầy bằng thầy mà chỉ gọi là bố Thế. Thầy đúng là ông bố của lớp. Thầy ngoài bốn mươi nhưng chưa có mụn con nào. Thầy và người vợ cùng tuổi đều hoạt động vùng địch hậu, bị địch bắt giam, tra tấn đến thành bệnh, khó có khả năng sinh nở. Trong những trường hợp đó, người ta thường trở nên khó tính và ác độc. Nhưng thầy giáo của chúng tôi lại hiền hậu, dịu dàng như có cả một người cha lẫn một người mẹ kết hợp lại trong tâm hồn mộc mạc của thầy. Từ trò đứng đầu lớp đến trò đội sổ lưu ban, không ai có thể oán thán điều gì, không ai nhận thấy một dấu hiệu cỏn con của sự thành kiến hay bất công ở thầy. Công bằng và nhân hậu, nâng đỡ và dìu dắt con người cho tới khả năng cuối cùng, thành thực và chất phác, đó là những đức tính chúng tôi nhận được ở thầy. Điều đó giúp tôi một khả năng lâu dài bền bỉ trong cuộc sống sau này, khiến tôi có thể vững vàng chịu đựng gian truân, khoan dung với những sai lầm của kẻ khác và tự kiềm chế mình mỗi khi trong tôi dấy lên những ý muốn trả thù.
Sau bố Thế, chúng tôi yêu quý thầy dạy thể dục. Hồi đó, thể dục là môn học phụ nhưng vì thầy dạy thể dục tốt và vui tính, nên đối với chúng tôi nó bỗng trở thành một môn học lý thú được chờ đón trong tuần. Thầy dạy thể dục ít tuổi hơn bố Thế, người tầm thước, rắn rỏi, da ngăm đen. Tóc thầy đen, dày. Cặp mắt nghiêm nghị nhưng cởi mở. Thầy luôn luôn đem lại cho chúng tôi tiếng cười thoải mái trên sân tập. Thầy nói rất ít, dường như không thuyết giáo bao giờ. Nhưng chúng tôi hiểu những cử chỉ và ý muốn của thầy. Ánh mắt tươi vui, trìu mến của thầy khiến chúng tôi vượt qua nỗi sợ hãi hay sự nhọc mệt. Khoảng sân cỏ mềm tràn đầy ánh nắng. Những lá cỏ tươi xanh. Những con chuồn chuồn bay lượn. Bầu trời xanh lơ có những đám mây nhỏ. Và tiếng cười sảng khoái khi trán còn long lanh mồ hôi sau buổi tập hoặc sau các trò chơi thể dục… Những giờ học đó là hạnh phúc thực sự của tuổi thơ. Tôi nhớ chúng rõ ràng như nhớ những bông hoa phượng đỏ có những chiếc vòi mà mỗi mùa hè, chúng ta thường rứt xuống để chơi trò chọi gà vậy.
Thế mà bỗng dưng thầy rời xa chúng tôi. Thầy có ba con nhỏ với người vợ ở làng. Vợ thầy đau yếu luôn, không làm ruộng được nên nhà túng bấn. Gần đây, cô bị viêm gan. Vì thế thầy phải chuyển về một trường ở huyện để tiện chăm sóc vợ và lũ con dại. Thầy đi vội vã đến nỗi không kịp gặp gỡ, liên hoan chia tay với học trò theo thường lệ. Chúng tôi chỉ còn biết bùi ngùi thương nhớ thầy, tự trách mình quá thờ ơ với con người chịu nhiều khổ sở nhưng lúc nào cũng bình tĩnh và làm việc hết lòng ấy. Lớp trích quỹ mua tặng thầy một cặp sơ mi và một đôi giày da mùa đông. Giờ thể dục bỏ trống. Và hai tuần sau giáo viên thể dục mới về trường.
Sáng đó chúng tôi xếp hàng đứng đón. Trước mặt chúng tôi xuất hiện một người đàn ông to cao, béo nục, tóc chải bồng, bận bộ đồ trắng lốp. Chúng tôi xiết bao ngạc nhiên khi thấy bố Thế giới thiệu thầy thể dục mới hai mươi bốn tuổi tên Gia. Chúng tôi tưởng ông giáo này ít nhất cũng ba mươi tư hoặc ba mươi lăm rồi. Trong lúc bố Thế nói, thầy giáo mới đứng im, mắt nhìn lướt qua đầu chúng tôi về phía xa xăm như một triết gia. Bố Thế đi rồi, ông giáo cúi đầu nhìn lũ trò. Chúng tôi chờ đón xem thầy thể dục mới nói gì. Bất chợt ông giáo hô to:
- Tất cả nghiêm!
Chúng tôi nhảy dựng lên như bị kiến đốt, vội vàng ưỡn lưng, nghển cổ nhìn về phía trước. Thầy

giáo Gia liếc nhìn bộ hài lòng, rồi bắt đầu bài giảng:
- Tôi bước vào tiết học đầu tiên ở đây. Trước khi dạy các anh chị, tôi là giáo viên trợ giảng của trường Đại học thể dục thể thao. Học viên của tôi là những thanh niên trẻ khỏe, đã tốt nghiệp cấp ba phổ thông, có nhận thức rất khá. Vì thế, e hèm… việc tôi về đây dạy các cô, các cậu (thầy giáo Gia hạ chúng tôi từ anh chị xuống cô cậu đột ngột như hô nghiêm vậy)… rất là đặc biệt. E hèm, tôi lưu ý các cô các cậu điều đó…
Chúng tôi đứng im phăng phắc. Lúc đó một con ruồi trâu to tướng bay tới. Tiếng bay vo vo của nó vang rất rõ trong không gian. Thầy Gia tỏ ý không hài lòng. Thầy giơ tay đập. Con ruồi vọt lên cao, nhưng không bay đi mà cứ rung cánh ro ro như ấm nước đun bằng dây điện vậy. Thầy Gia hậm hực lườm lườm con ruồi rồi nói tiếp:
- Bây giờ bắt đầu vào tiết học. Đối với chúng ta, thời gian là vàng ngọc, sức khỏe là châu báu. Không được lãng phí một giây. Trước tiên hãy khởi động cho cơ thể được hâm nóng. Nó cũng giống như dịch vị tiết ra trước bữa ăn… Theo tôi… Một, hai… Tất cả hãy chạy vòng tròn…
Chúng tôi hồi hộp nhìn nhau, bắt đầu chạy. Loan thở hổn hển, ghé vào tai tôi thì thầm:
- Ông này điêu quá, mày ạ. Chỉ có việc khởi động mà thuyết lý hàng tràng. Nghe cứ rối mù lên.
- Lặng im xem còn gì nữa không.
Tôi đáp. Trước đây thầy dạy thể dục chỉ cần giơ hai cánh tay, chụm hình chữ U trên đầu là chúng tôi đã ngoan ngoãn chạy vòng tròn khởi động.
"Thật sung sướng khi sống với những người giản dị và tươi vui" – tôi thầm nghĩ.
- Tất cả chú ý!
Thầy Gia lại đột ngột thét như lên như còi tàu. Lần này tim chúng tôi cũng nhảy thon thót. Chúng tôi lén đưa mắt nhìn nhay. Thầy Gia nói:
- Giữ khoảng cách thật đều. Sao cho mỗi cá nhân là một đơn nguyên trong cấu tạo vòng tròn. Tôi cho mỗi người hai phút tự kiểm tra, điều chỉnh để định vị mình cho chính xác. Phải nêu cao ý thức thể dục thể thao mới. Phải nghiêm túc và giữ gìn kỷ luật… Nào, bắt đầu… Tôi bấm giờ đây. Mỗi người được quyền tự tu chỉnh trong hai phút…
Đám học trò nhìn nhau:
- Gì thế? Thầy giáo mới bảo gì thế?
- Chịu. Khéo, giẫm lên chân tao rồi.
- Chạy đi, sao đứng ì ra đấy? Thầy ấy quay lại thì chết cả nút bây giờ…
- Nhưng tao chẳng hiểu gì hết…
Thầy Gia trịnh trọng nhìn chiếc đồng hồ quả quýt đeo trước ngực đếm:
- Ba mươi lăm, ba mươi sáu,… bốn mươi giây. Còn sáu mươi giây nữa…
Mọi người cuống quýt:
- Bỏ sừ. Bê ơi… bảo chúng tao với! Ông ấy nói gì thế nhỉ?
Lúc ấy tôi ghé vào tai Yến sếu nói:
- Chia khoảng cách cho đều. Chỉnh lại vòng tròn. Cả mớ lý thuyết đó tóm gọn chỉ có thế thôi.
Yến sếu thở phào. Tín hiệu được truyền đi ngay tức khắc và được thực hiện hối hả.
Một hồi còi dài báo hiệu hết giờ tự tu chỉnh. Chúng tôi dừng lại, hướng về phía giáo viên như những hành tinh hướng về mặt trời.
- Các cô các cậu chú ý này… - mặt trời của chúng tôi nói - Bài tập của chúng ta hôm nay là…
Đang trịnh trọng, thầy Gia đột nhiên dừng lại, mặt phồng lên, căng thẳng một cách khổ sở. Hai cánh mũi lớn có những mạch máu li ti đỏ rần rật. Mắt thầy nhìn xuống đất, giống như cắm một cây cọc nhọn xuống đó và nhất quyết không nhổ lên nữa. Cả bộ mặt thầy y hệt một mảnh buồm đã mục, căng hết cỡ trước làm gió dữ, chỉ cần một hơi thở dồn tới là bục ngay. Tình trạng nguy hiểm đó kéo dài chỉ chừng năm sáu giây. Rồi bỗng:
- Hắt ắt ắt xì ì ì hơi ơi ơi !!!...
Thầy Gia không thể kìm được cơn hắt xì hơi vốn mạnh hơn ý muốn giữ vẻ trang nghiêm đạo mạo trước đám học trò. Thầy đành ngửa mặt lên trời, há miệng không kịp giơ tay che, cũng không kịp quay đầu đi để hắt hơi một cái thật mạnh như hơi nồi súp de bị xì, làm bắn nước bọt lên đầu Yến sếu.
Vì bộ mặt thầy lúc đầu quá trịnh trọng nên khi nhăn nhúm lại do phản ứng của cơ thể nom hài hước quá. Nó khiến chúng tôi không nhịn được, nổ tung lên một cơn cười. Từ trưởng lớp đến học viên. Tất cả mọi người trong lớp đều không kìm được cơn tức cười cồn cào gan ruột. Nhất

là mấy chị lớn tuổi, cứ gục đầu vào vai nhau, nước mắt giàn giụa, cười rũ rượi hồi lâu.
Sau khi bình tĩnh lại, thầy Gia giậm chân, trợn mắt quát:
- Tất cả trật tự!
Chúng tôi giật mình đứng nghiêm, nhưng tiếng cười vẫn còn bắn ra khỏi cổ họng, nổ giữa hai hàm răng. Thầy giáo liếc nhìn chúng tôi, giận dữ nói:
- Các cô các cậu cười gì? Cười cái gì?... Đây là giờ học hay giờ chơi. Ý thức tổ chức kỷ luật để đâu? Các cô các cậu coi thường bộ môn, coi thường thầy dạy phải không?...
Chúng tôi không còn cười được nữa. Chúng tôi im re, cúi mặt nhìn xuống đầu móng chân. Không khí trở nên nghiêm trọng vì mặt ông giáo mới tím lại, giận dữ và uất ức. Ông nhìn xoi mói vào chúng tôi. Rồi như nhận ra tôi là đứa bé con đứng đầu hàng cười to nhất và nhiều nhất, ông chỉ:
- Cô kia, tên gì?
Tôi lạnh toát sống lưng, khẽ trả lời:
- Thưa thầy em tên là Vũ Thị Bê.
- Cô cười gì?
- ...
- Tôi hỏi, cô cười gì?
- ... Đây là giò học hay gìơ chơi?
- Thưa thầy, giờ học.
- Giờ học có được phép cười không?
- Thưa thầy ... không ạ.
- Vì lý do gì cô cười?
- ...
- Cô là kẻ vô kỷ luật, vô tổ chức, không xứng đáng đi học...
Ngón chân cái của tôi nhảy lên nhảy xuống trước mặt. Những dòng nước lạnh toát bò dọc sống lưng. Rồi sau đó, lại là những dòng nước khác nóng bỏng luồn vào từng thớ thịt. Tôi thấy mình tròng trành như đi đò ngang qua sông. Cả lớp đứng im, mặt cúi gằm. Chợt một giọng rụt rè cất lên:
- Thưa thầy, em xin có ý kiến...
Tôi ngẩng lên, Ly run run giơ tay xin nói. Đó là đứa bé còi cọc nhất lớp. Mẹ chết vì hậu sản, Ly ở với ông bố nát rượu làm nghề đánh xe ngựa chở thuê và một bà mẹ ghẻ bán nước mắm ở chợ. Hai người thi nhau hành hạ đứa bé, không ai rỏ cho nó một giọt tình thương. Ly phải làm quần quật suốt ngày.Nó học kém nhất lớp, mặt mũi tay chân quắt queo như quả trám khô.
- Thưa thầy, - thằng bé run run cất giọng nói - chị Bê không dám cười thầy đâu ạ.
Ông giáo mới gườm gườm:
- Thế thì cười ai?
Ly thở gấp, hối hả nói:
- Thưa thầy, giờ thể dục trước đây được phép cười thoải mái. Thế nên chúng em quen đi...
Ông giáo im lặng. Rồi ông hắng giọng nói:
- Thôi được, tôi cho qua. Nhưng các cô các cậu phải biết rằng tôi rất nghiêm khắc với những hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật.
Giờ học kéo dài trong không khí nặng nề, lo sợ. Trưa hôm đó, khi tan học, tôi bước qua sân trường. Chân giẫm lên những ngọn cỏ mềm, trí não tôi tưởng nhớ tới gương mặt tươi vui, đôn hậu của thầy giáo cũ.
- Thầy ơi, thầy ơi, thầy ơi...
Tôi thầm gọi, lòng vang lên tiếng cười ánh ỏi của những giờ học xưa kia. Giờ chúng vĩnh viễn trôi mất. Tôi rẽ qua hành lang tìm bố Thế nhưng bố đã đạp xe lên Ty giáo dục mất rồi. Buồn rầu, tôi trở về nhà. Không ngờ, một sự kiện khác đang chờ đợi. Nó đem lại tai ương cho Loan hạt mít, cô bạn ruột thịt của tôi. Và lần lượt cả hai đứa tôi phải gánh chịu những tai ương xảy đến.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 4

NHỮNG ĐIỀU KHÔNG TỐT LÀNH ĐÃ TỚI

Trưa đó mẹ tôi bảo:
- Con đi mua ít đá về pha nước chanh. Trời oi quá.
Tôi cầm chiếc ca ra phố. Thị trấn chỉ có hai nơi bán đá lẻ. Một hãng nước đá nhỏ của Pháp để lại, có cái tên rất kêu: Hoa Lư. Bây giờ, mậu dịch ăn uống tiếp quản làm kem que và bán đá lẻ. Hai là nhà cai Cân. Ông ta mua một cái máy làm kem nhỏ, xin được giấy phép chạy nước đá bán. Tuy nước đá nhà cai Cân bán thường là đá non, rất mau chảy và bán đắt gấp đôi mậu dịch nhưng gần nhà nên tôi tới đó mua. Trước sân, năm sáu người khách tới trước đang đứng chờ. Tôi vừa tới nơi thì gặp Ly trong nhà bước ra:
- Đằng ấy tới mua đá hả? Phải nửa giờ nữa mới có. Tớ vừa xem máy xong. Đằng ấy có chờ không?
Tôi nhìn ra phố: trời nắng, oi giữa hè. Giá có đi tới hãng Hoa Lư cũ thì cũng rã chân. Nghĩ vậy tôi gật đầu.
- Chờ.
Ly kéo tay tôi.
- Thế thì vào đây nghe chuyện.
Ly dắt tôi vào sân trong. NÓ chơi thân với đứa con thứ ba của cai Cân nên đi lại tự do như người nhà. Ly đưa tôi vòng ra ngách sau dưới chiếc cửa sổ, dây mảnh bát leo tựa tấm mành. Có tiếng người vọng ra. Tôi nhận được tiếng cô Lưu, mẹ Loan hạt mít.
- Để cho em nghĩ thêm đã – Cô Lưu nói.
- Lưu không tin tôi sao?... giọng cai Cân nghe ngọt ngào. - Cả tôi và Lưu không thiếu gì tiền. Chúng ta chỉ thiếu tình cảm thôi. Tôi muốn Lưu về đây vui vầy, đoàn tụ. Khi trái nắng, lúc trở trời có nhau. Lưu cứ giữ cặn nhà đằng ấy, làm sao chúng ta gần gũi được?... Đành rằng chẳng xa xôi vạn dặm gì... Nhưng dẫu sao cũng là cách trở.
Cô Lưu lặng im. Hẳn là cô theo thói quen đang đưa ngón tay lên cuốn sợi tóc mai vốn đã quăn tít bên tai. Sau đó, tôi nghe cô thở dài.
- Nhưng còn con Loan... Em khó nghĩ quá.
- Chúng ta đã tính chuyện trăm năm thì phải lo hết nhẽ. Con nào cũng là con chung. Hai ta cùng gánh nặng, cùng vác đầy. Lẽ nào tôi lại cam lòng cho cháu Loan khổ? Nó khổ là Lưu khổ. Mà Lưu khổ thì tôi sung sướng nỗi gì?
Cô Lưu lại thở dài. Hai người cùng im lặng
Ly nhăn mũi, bĩu môi bảo tôi:
- Chắc lão đang thơm cô Lưu đấy.
Tôi cốc vào đầu nó:
- Im mà nghe, quỷ sứ.
Lúc đó lão cai Cân lại cất tiếng:
- Mình bán nhà xong rồi làm lễ cưới. Bảo họ đóng cọc nửa tiền. Làm giấy sang tên xong thu nốt... À à... dạo này nhà đang lên giá. Lão trung tá về hưu bên phố mới đang cay cái nhà của mình lắm, Lưu cứ mặc tôi ra tay...
Đứa con trai thứ ba của cai Cân bỗng từ trong bếp đi ra, ho nhổ khoàng khoạc. Tôi và Ly vội vàng bươn ra sân trước. Mua đá xong, tôi về nhà ngay. Không kịp ăn cơm, tôi bảo mẹ:
- Mẹ ơi, cô Lưu sắp lấy lão cai Cân đấy. Con nghe hai người bàn chuyện cưới xin và bán nhà về ở

chung.
- Thế nào? Cưới? … Bán nhà cô Lưu về ở chung?
Mẹ tôi hỏi sửng sốt như nghe tin núi lửa sắp phun xuống thị trấn.
Tôi gật đầu quả quyết:
- Chính tai con nghe thấy mà.
Mẹ tôi ngồi lặng trước bàn, đăm đăm nhìn khoảng trời loá nắng. Tôi ăn cơm xong, nhọc mệt ngủ thiếp đi. Trong giấc ngủ trưa nặng nề đó, tôi mơ thấy Dũng còm. Không hiểu sao nó ăn mặc y hệt như con khỉ trong gánh xiếc rong ngày Tết. Đầu đội mũ cát két đen, mặc may ô đỏ viền đen, nó nhảy nhót như thằng hề trước một đám đông xin tiền. Rồi khi đám đông biến mất nó quay lại nhìn tôi buồn ủ ê:
- Bê ơi, đằng ấy có biết vì sao tớ phải lang thang như thế này không?
Tôi lắc đầu:
- Không. Không một ai biết cả.
Dũng còm trầm ngâm nói:
- Ừ, Chắc không ai biết.
Tôi bảo:
- Vậy thì đằng ấy nói đi. Vì sao?…
Dũng còm ngước nhìn tôi:
- Tớ không dám nói… Tớ không bao giờ dám nói…
Những đồng hào trong túi nó rơi xuống, lăn rổn rảng trên đường. Lăn mãi cho tới khi đám bụi mù sau chiếc xe ngựa bốc lên. Và Dũng còm biến mất…
Tôi còn ngơ ngẩn vì giấc mơ, mẹ tôi đã gọi dậy học bài. Hơn ba giờ rồi. Sau bữa cơm chiều mẹ con tôi tới nhà cô Lưu. Mẹ không nói nhưng tôi biết hẳn tin tôi vừa thông báo khiến mẹ phải suy nghĩ nhiều. Hai nhà cách nhau một phố, đi chừng mười lăm phút là tới nơi. Cô Lưu đang ngồi trong bếp rán bánh. Ánh lửa hắt lên hai gò má tròn, đỏ hây hây. Dạo này, cô béo tốt, xinh tươi hẳn ra. Cô mời mẹ tôi ngồi vào bàn, rồi nhanh nhẹn bưng lên một đĩa bánh vừa vớt:
- Chị xơi bánh nóng. Thứ có vừng lăn ngoài là bánh ngọt, nhân đậu xanh đường, dừa nạo. Thứ bánh dài không vừng là bánh mặn, nhân thịt nạc, tiêu hành…
Mẹ tôi hỏi:
- Lâu lắm có thấy cô làm bánh đâu?
Cô Lưu đáp:
- Vâng, hôm nay em nghỉ chợ, làm một ít. Vừa cho cháu ăn, vừa đem biếu…
Nói tới đó, cô cười thẹn thùng. Hai mẹ con tôi đều hiểu rằng người được biếu bánh ở đây chính là ông cai Cân, chồng sắp cưới của cô. Mẹ tôi không cười, buồn buồn nhìn xuống đất. Xưa nay mẹ tôi vốn có thiện cảm với cô. Ngoài lẽ tôi và Loan thân nhau, cô là một trong số rất ít người lao vào nghề buôn bán mà còn giữ được tính hiền hậu, thực thà. Trước đây cô làm bánh rán. Cả thị trấn mê những chiếc bánh rán giòn, bột nhuyễn mịn, thơm phức của cô làm. Bánh ngon, người bán lại tươi cười, ăn nói dễ nghe.
Chồng cô là thợ cơ khí đẹp trai, hiền như đất. Một chiều tháng bảy, chú đi ăn cỗ về, ra giếng tắm bị cảm hàn chết. Người chị chồng ở tận Lào Cai về đưa ma, chu cấp vốn rồi dắt díu em dâu đi theo. Cô Lưu thạo buôn bán, giàu có vượt lên. Một mình, vừa nuôi con ăn học đàng hoàng, vừa xây lên ngôi nhà năm gian, nền cao thước hai, tràn láng như giấy, hiên trước đổ bê tông, sân sau đủ bếp núc, buồng tắm, chuồng gà chuồng chim. Dân thị trấn nể cô. Và cô trở thành đối tượng số một cho những người đàn ông độc thân ở khắp hai khu phố cũ, mới… Vậy mà bỗng dưng cô lại gật đầu thuận lấy lão cai Cân - một người nổi tiếng tham lam, bần tiện trong thị trấn. Đầu lão dài, hói, giống như quả dưa hấu. Cặp mắt quầm quặp sau đôi kính. Đi đau, lão cũng thích bòn mót, từ cái ốc rỉ tới chiếc nắp chuông xe đạp. Xin được, nhặt được vật gì, cai Cân cũng cho vào túi áo. Lũ trẻ trong thị trấn vẫn nhìn những chiếc túi áo của lão như nhìn vào túi của lão ba bị. Ba bị chín quai, mười hai con mắt, đi bắt trẻ con…
Hẳn vì thế nên mẹ tôi mới rầu rĩ thế, mặc dù cô Lưu hơn hớn cười, đặt đĩa bánh vào tay mời mọc:
- Kìa, chị Hanh, mời chị xơi bánh kẻo nguội bây giờ…
Mẹ tôi đưa mắt nhìn tôi. Biết hiệu lệnh, tôi kéo Loan ra phố. Chắc khi chúng tôi tới đường nhựa thì cuộc chuyện trò giữa hai người bắt đầu…

Loan đoán biết được điều đó, nên im lặng đi theo tôi, không nói leo lẻo như mọi bận. Đang rảo bước, vấp phải rễ cây, tôi suýt ngã. Trong bóng tối của vòm lá, tôi chợt nhìn thấy một tấm áo hoa om dáng lưng quen thuộc.
- Chị Bội.
Chút nữa tôi kêu lên. Đúng là chị Bội thật. Chị đang đứng dưới gốc bàng đầu cúi gục. Sau chị, một người đàn ông cao lớn, tóc chải bồng. Anh ta diện quần áo trắng lốp, tựa như thỏi bột vĩ đại. Loan kéo tôi núp sau tấm bảng dán áp phích của phòng thông tin thị trấn. Hú vía, chỉ hai bước nữa là chúng tôi chạm trán họ.
- Thưa thầy, thầy về ạ…
Tiếng chị Bội run run.
Không có tiếng đáp. Rồi sau đó, người đàn ông nói:
- Hôm nay trời lắm sao quá nhỉ?
Tôi nhận ra giọng nói của ông giáo thể dục mới: thầy giáo Gia. Té ra ông thầy này đã nhanh chóng tìm được người để tán tỉnh. Chị Bội là nữ sinh lớn nhất lớp. Xinh đẹp và hiền hậu nổi tiếng khắp trường, chị khiến tất cả các chàng trai khôn lớn quay cuồng như chong chóng. Bao nhiêu thư tình của họ gửi cho chị, lũ nhóc chúng tôi đều bóc ra xem trước rồi ngặt nghẽo cười. Lần nào chị cũng đỏ mặt lên, kêu:
- Lũ quỷ con!
Sức học của chị làng nhàng. Kém nhất lại là môn thể dục. Chẳng hiểu sao chị không thể vượt qua được mức quy định thấp nhất cho các môn điền kinh. Có lẽ vì vậy mà lúc này, đứng trước ông giáo Gia, chị run rẩy như con cò gặp bão:
- Thưa thầy…
- Trai gái trong phố đi xem phim đông thật.Phim gì thế nhỉ?
- Thưa thầy phim Pha-ti-ma.
- Ờ ờ.. Pha-ti-ma. Em đã xem chưa?
- Thưa thầy, em xem từ tuần trước.
Ông Gia cười hinh hích rồi hạ giọng:
- Bội giông Pha-ti-ma lắm cơ, nhất là mái tóc dài và đôi mắt đen đẹp mê hồn…
- Thưa thầy, thầy về kẻo đường xa…
- Hơ hơ hơ… Bội đuổi tôi đấy à? Tôi về đây.
- Dạ, thầy về ạ…
Ông Gia dắt chiếc xe đạp dựa sát tường xuống đường nhựa. Lốp xe nảy tanh tách, giòn giã. Sau đó ông nhảy lên xe, hùng dũng như con gấu, chân đặt lên bàn đạp, tay tì vào ghi đông. Tôi tưởng ông ta đi. Nhưng ông ta chưa đạp đi ngay mà còn nói:
- Bội phải chịu khó tập lại mấy môn điền kinh nhé. Cả cầu thăng bằng và nhảy ngựa nữa. Điểm hai là không được lên lớp đâu
- Dạ, thưa thầy vâng ạ.
Người nữ sinh lớn tuổi đáp lí nhí. Ông giáo thể dục đi khỏi, chị vội vã bước vào nhà ngay. Tôi bảo Loan vòng vài phố rồi quay về. Câu chuyện đã xong, cô Lưu đăm chiêu nhìn những viên gạch lát dưới chân. Khi cô tư lự, những nếp nhăn hiện rõ nơi đuôi mắt. Loan hạt mít bảo rằng mẹ nó ba mươi tám tuổi rồi. Gần bốn mươi tuổi với người đàn bà goá là đáng sợ lắm – bà ngoại tôi thường nói thế…
Hai hôm sau, một buổi tối, mẹ con tôi đang thu dọn cửa nhà thì cai Cân xộc tới. Lão không chờ mời, ngồi phịch xuống ghế.
- Bác tới chơi hay có việc gì? – mẹ tôi hỏi.
- Tôi tưởng cô phải biết chứ? Cô vẫn đi dạy con nhà người ta mà – cai Cân cười khẩy đáp lại.
- Đúng đấy… - mẹ tôi thản nhiên đáp – Tôi vẫn dạy trẻ học. Nhưng nhà nước chỉ phân công tôi giáo dục trẻ em. Còn những người lớn tuổi, tôi không có trách nhiệm. Nhất là những người đã từng ăn cơm Tây, ở nhà Tây…
Cai Cân sầm mặt. Hẳn lão tức lắm. Trước ngày giải phóng, đi đâu cai Cân cũng khoe rằng lão là người của nhà nước Pháp, ăn cơm bằng cùi dìa, phóng sết, và nhảy đầm thạo hơn cả dân chính xứ Gô-loa… Chiều chiều, cơm xong, lão mặc độ lính bằng ka ki vàng rồi đi la mát. Hòa bình về, bộ đồ ka ki đó biến ngay, và thay vào đó là bộ đồ gụ với đôi dép cao su. Giờ nghe mẹ tôi nói, cai Cân im như thóc. Lão tự rót nước trà, uống xùm xụp rồi dịu giọng:

- Xưa nay, tôi vẫn trọng cô giáo là người ít tuổi nhưng biết đường ăn lẽ ở. Sao bỗng dưng cô nhảy vào chuyện của người khác làm gì? Tôi mát tính chứ kẻ khác hung đồ, cục súc thì…
- Thời này, không ai sống theo cái lối cháy nhà hàng xóm bình chân như vại - mẹ tôi cắt lời lão.
- Cô nhầm – cai Cân cười nhạt – Nhà chúng tôi có cháy đâu?
- Bác đừng nói nhiều. Tự nhìn mình, nhìn người thì sẽ thấy – mẹ tôi đáp - thấy người bên cạnh sắp nhảy vào lửa, phải có lời khuyên can. Đó là lẽ làm người.
Cai Cân cười khẩy, những chiếc răng nanh bọc vàng của lão sáng loé lên:
- Đàn bà goá cần chồng chứ không cần lời khuyên của hàng xóm, cô đừng phí công.
Nói xong, lão bỏ về.
Mẹ tôi ngao ngán thở dài. Rồi mẹ cứ ngồi lặng im trước chén nước nguội cho tới lúc tôi mắc màn đi ngủ.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 5

SỰ KIỆN THÁNG TƯ

Sang tháng tư rồi. Hàng phượng vĩ trên sân trường loé lên vài ngôi sao đỏ. Đầu tuần tôi bỗng trượt chân ngã. Trán sưng một cục to bằng quả ổi và đầu gối bị trầy rớm máu. Điều đó cũng chưa tệ hại bằng chiếc quần âu ka ki xanh mẹ tôi vừa may cho bị rách ngay trước gối. Lỗ thủng to bằng đồng xu, thịt hở ra trắng phếu. Đi tới trường ngay thì không được, mà quay về nhà thì sẽ trễ giờ. Nghĩ một lát, tôi mở cặp xé mẩu giấy nháp, lấy bút tô cho màu giấy xanh đen lại, tôi xin bà Tô béo sợi bún dán vào quần.
- Con bé kia, dạo này còn ra sông chơi không hả?
Bà bún riêu gẩy vào tay tôi mấy sợi bún, miệng quát to.
- Thưa bà, dạo này cháu không dám đi nữa ạ.
- Liệu hồn, con nam nhận xuống nước thì không ai cứu nổi đâu con ạ. Bố mày ở tít tắp mù khơi, mà mẹ mày chỉ có một mụn con gái hiếm hoi… Nghịch vừa chứ…
Bà quát oang oang rồi dứt thêm cho tôi mấy sợi bún nữa. Tôi cảm ơn bà, chạy ra một góc dán mẩu giấy vào lỗ thủng nơi đầu gối. Xong xuôi, tôi yên tâm rảo bước tới trường.
Giờ đầu là giờ hoá. Tôi đọc kỹ lý thuyết, làm bài tập trên bảng, lĩnh gọn một điểm năm của bố Thế rồi trở về chỗ. Bất đồ, mẩu giấy dán rơi xuống. Lạy trời, khi nằm trơ trên nền đá hoa, trông nó mới buồn cười làm sao. Tôi ngượng ngùng cúi lom khom che lỗ thủng nơi đầu gối. Cả lớp cười ồ lên. Bố Thế ngơ ngác nhìn lũ học sinh. Khi vỡ lẽ, bố cũng bật cười. Tiếng cười hiền lành như tiếng cười của một ông lão nông dân, vẫn đem chổi lúa hoặc rổ rá vào thị trấn bán. Hết giờ học, bố Thế gọi tôi:
- Bê!
- Dạ.
- Đi đâu thế?
- Con ra chơi ạ.
- Hừm… Ăn mặcthế mà ra sân chơi hả?... Học bao nhiêu giờ nữ công rồi mà còn lấy giấy dán vào quần rách?... Con gái đoảng. Phải phạt cho mày một trận thôi.
Bao giờ bố Thế cũng xưng bố và gọi chúng tôi bằng mày hoặc cô, cậu. Khi nào bố xưng tôi và gọi các em theo đúng phép thường là lúc đó bố đang cực kỳ giận dữ trước những khuyết điểm của lũ chúng tôi.
Thấy tôi nghếch mắt nhìn. Bố Thế vẫy tay:
- Xuống đây với bố.
Chúng tôi đi tới khu nhà tập thể của giáo viên trong trường. Bố Thế xin một mảnh vải vá bằng vải xanh, một cây kim và sợi chỉ dài. Đoạn bố dẫn tôi trở lại căn buồng nhỏ sát phòng thí nghiệm, nơi bố cùng ở với thầy Bách dạy toán.
- Đóng cửa vào, vá quần cho nghiêm chỉnh – bố nói.
- Nhưng… sắp đến giờ sinh rồi ạ… - tôi rụt rè đáp.
- Giờ nào cũng bỏ. Chép bài, tự học sau. Lớn rồi, không được phép cẩu thả trong sinh hoạt. Một lần này phải nhớ đến già nghe chưa?
Nói xong, thầy vớ hộp thuốc lào trên bàn, bỏ vào túi, đi ra. Tôi đóng chặt của, cởi quần dài, trùm chăn ngồi vá. Đó là lần đầu tiên tôi thấy bố Thế tỏ ra nghiêm khắc với mình.
Chiều hôm đó, lớp tôi cùng cả khối đào mương giúp một hợp tác xã kết nghĩa với trường. Trời oi ả khó chịu. Chừng nửa buổi, mưa ập xuống tưới xối xả lên đầu tóc, mặt mũi mọi người. Lũ

con trai reo hò, nhảy cẫng lên dưới dòng nước trắng xóa. Lũ nhóc như tôi cũng vậy. Đứa nào đứa nấy thi nhau há miệng, thè lưỡi nếm nước mưa, chạy đuổi, té nước vào nhau và la hét ầm ĩ. Chỉ có các chị lớn tuổi là khổ sở. Các chị đứng túm tụm vào nhau, cố sức lấy nón che lớp áo quần lướt thướt dính chặt vào người. Chị Bội lớn nhất đám. Người chị nở nang, khỏe mạnh. Lớp áo phin ướt dính vào da khiến chị giống như một bức tranh khỏa thân thời Phục hưng mà thầy dạy vẽ cho chúng tôi xem trong giờ ngoại khóa. Chị ngượng ngùng vì đám học sinh khối trên đứng đen đặc xung quanh. Trong số đó hẳn có nhiều anh chàng đang theo đuổi, tán tỉnh chị. Lẽ thứ hai là ông giáo thể dục mới cũng ở đây. Đứng trong đám giáo viên bộ môn nhưng cặp mắt hẹp và dài của ông ta dán vào tấm thân ướt đầm của cô nữ sinh một cách miệt mài.
Tụi con trai trong lớp nhận ra điều đó trước tiên. Chúng nhấp nháy nhau, thì thào:
- Kìa, xem ông Gia "tia" chị Bội… Khiếp quá, đứt mất đuôi mắt rồi.
- Tụi mày chú ý nhé… Sắp rồi, sắp rồi… Đấy, tao nói có sai đâu. Ông ấy giả vờ hỏi chuyện bố Thế nhưng mắt cứ nhìn chòng chọc vào bà Bội nhà ta…
Tôi nhìn bố Thế. Đúng là bố đang nói gì đó với ông Gia thật, nhưng quay mặt đi nơi khác. Bố già biết hết mọi chuyện… Bố già biết hết – tôi thầm nghĩ
Mưa vừa tạnh, trời lại nắng ngay. Chúng tôi lao vào xắn đất. Đang làm, Ly bỗng lảo đảo, ngã quỵ xuống. Chúng tôi xúm lại đỡ lấy nó. Tất cả đều luống cuống chưa biết xử trí ra sao thì bố Thế tới. Bố áp má vào trán Ly nghe ngóng rồi lẩm bẩm:
- Thằng bé sốt cao quá. Có lẽ nó bị ốm trước khi đi làm.
Ngước nhìn chúng tôi, bố hỏi"
- Không đứa nào biết nó ốm hay sao?
Chúng tôi nhìn nhau, đáp lí nhí:
- Thưa bố không ạ.
- Gọi ngay y tá công trường tới đây.
Bố ra lệnh. Trưởng lớp ba chân bốn cẳng chạy ngay. Nhưng y tá công trường nào thấy… Chị ta đã tót lên huyện từ lúc hai giờ. Đám người chạy về lã chã mồ hôi, lắc đầu ngao ngán. Trong lúc đó, bố Thế đã xoa dầu cao lên hai thái dương, sống mũi, cổ họng và ngực cho người bệnh. Ly nằm trên tay bố, mắt nhắm nghiền, mặt đỏ như trái cà chua chín. Bố Thế nhìn không dứt hai mí mắt tím xanh, run giật từng hồi của cậu ta. Nghe nói y tá lên huyện rồi, bố lẳn lặng xốc Ly lên lưng cõng chạy về phía đường nhựa. ruộng lốn nhổn đất, bờ cao bờ thấp mấp mô, bước chân bố Thế đôi lúc loạng choạng như muốn ngã. Dù sao bố cũng đã bước tới tuổi già.
- Bố để tụi con khiêng cho… Bố không cõng được mãi đâu…
Lũ chúng tôi lếch thếch chạy theo, nài nỉ.
- Võng đâu mà khiêng?... – bố quay lại nói – Chúng mày quay lại làm kẻo lớp vắng nhiều quá.
Hai đứa đi theo bố.
Chẳng ai phân công nhưng tôi cùng lớp trưởng ra đi, còn mọi người trở lại công trường. Lớp trưởng nhiều tuổi nhất, chững chạc nhất, lo toan việc lớn. Tôi bé nhưng láu lỉnh, nhanh nhẹn, sẽ đóng vai đầu sai. Vả lại xưa nay bố Thế vẫn có ý chiều tôi hơn mọi người tí chút, nên tôi đi theo bố cũng là lẽ thường tình.
Tới đường, may sao chúng tôi gặp một chiếc com-măng-ca của bộ đội. Thấy đứa bé ốm trên lưng một người đàn ông, các anh tự động dừng xe lại, đón chúng tôi lên bệnh viện.
Ở phòng cấp cứu của viện, người ta tiêm cho Ly ba ống thuốc liền, rồi cho nó thở bằng ống cao su dẫn tới một bình kim khí sáng choang, đồ sộ. Sau đó, họ đưa nó sang buồng khác, có sáu chiếc giường sắt nhỏ sơn trắng. Ly vẫn nóng như chiếc bánh mì trong lò, mắt nhắm nghiền, những đường gân xanh phập phồng trên cổ. Bố Thế bảo chúng tôi:
- Thằng bé bị thương hàn.Trong hai đứa mày, phải có một ở lại đêm nay với nó.
Lớp trưởng đáp:
- Thưa bố, con ạ.
Nhưng sau đó anh im lặng ngay, gương mặt hiện rõ vẻ bối rối. Tôi biết nhà anh nghèo, và đêm đêm anh thường đóng gạch xỉ để lấy thêm tiền giúp mẹ. Tôi nói:
- Anh về đi, em sẽ ngủ lại đây. Qua phố, báo cho mẹ em một tiếng nhé.
Lớp trưởng không trả lời, đứng tư lự. Bố Thế gật đầu, vuốt tóc tôi:
- Con Bê giỏi lắm.
Bố móc túi, rút ra chiếc ví da to phồng những giấy tờ, vét tất cả ngăn lớn, ngăn nhỏ mới được

bốn đồng:
- Chiều nay ăn bánh chưng với phở thay cơm nhé. Mai bố sẽ liệu sau…
Đưa tiền cho tôi xong, bố và lớp trưởng ra về. Tôi đứng giữa sân bệnh viện, nhìn hút theo chiếc áo xi ta bạc màu và dáng lù khù quen thuộc của người thầy cho tới khi khuất hẳn. Rồi tôi quay vào phòng, ngồi cạnh Ly. Ly ngủ. Tôi nhìn quanh phòng. Năm giường khác đều có người. Nhưng họ đều ở trạng thái hôn mê hoặc tê liệt mọi hoạt động tinh thần khiến tôi rờn rợn. Mặt người nào người nấy nhợt nhạt như nặn bằng sáp, mắt nhắm nghiền hoặc mở thao láo nhưng bất động như mắt cá chết. Tôi tưởng những ánh mắt vô hồn của họ như dính vào mặt tôi. Ánh mắt trắng đục của họ như những sợi dây vô hình trói chặt tôi vào nỗi sợ hãi. Bên ngoài căn phòng là một rặng cây tối om. Rồi xa hơn nữa là trái đồi đất đỏ. Trên trái đồi đó, những ngôi mộ nằm rải rác với những nắm chân hương và tàn tro, những chiếc bát cắm hương nghiêng ngả và những vòng hoa đen lại. Dưới chân đồicó một căn nhà nhỏ, quét vôi trắng toát. Đó là nhà xác của bệnh viện. Trong ánh chiều, tôi nhìn rõ hai người hộ lý mặc bờ lu trắng đang khiên một chiếc băng ca phủ vải đi vào. Dưới làn vải, thò ra đôi chân vàng khè…
Càng ngồi lâu, càng nhìn những cảnh vật xung quanh, nỗi sợ hãi trong tôi càng tăng lên. Tim tôi đập thình thịch trong lồng ngực. Mắt tôi căng ra nhìn. Lúc nào tôi cũng chờ đợi một cái xác gầy đét trên giường bỗng vùng dậy, túm chặt lấy tôi. Giá không vì Ly đang nằm đó, không vì nghĩ tới bố Thế và lời hứa danh dự của mình, tôi đã bỏ chạy. May sao chừng hai mươi phút là cô y tá trực tới. Cô mũm mĩm, hồng hào khiến tôi cảm thấy như được sưởi lửa và nỗi sợ hãi cùng không khí lạnh lẽo trong phòng tan biến đi. Cô nhìn tôi:
- Sao cháu tái xanh đi thế, đói à?
Tôi khẽ gật đầu không nói.
Cô lại bảo:
- Cô trông cho. Đi ăn kẻo tối sập xuống bây giờ.
Tôi cám ơn cô, đi nhanh như chạy khỏi phòng. Bầu trời và không gian bên ngoài như một thế giới thần tiên sau nửa giờ ngồi trong căn phòng nồng nặc mùi thuốc sát trùng và mùi người ốm. tôi ra ngay cửa bệnh viện. Ở đây có một dãy quán cơm bình dân, phở, bún, bánh cuốn và các thứ bánh gói lá lẫn hoa quả. Cơm phở ở đây nổi tiếng bẩn và đắt. tôi ăn hai chiếc bánh chưng. Hồi đó, năm hào một chiếc bánh chưng to bằng miệng bát cơm, nhân đậu xanh thịt nạc thịt mỡ hẳn hoi. Tôi ăn hai chiếc bánh xong đã no căng bụng. Mua thêm hai chiếc kẹo bột lớn nữa mới hết đồng mốt. Còn hai đồng chín, tôi giữ lại, vào bếp ăn bệnh viện uống nước nhờ. Nghĩ tới cảnh vào lại phòng bệnh nặng tôi sởn gai ốc… Nhưng dẫu sao, cũng không thể để Ly nằm đó một mình. Tôi thu hết can đảm, không nghĩ tới những cặp mắt trắng như mắt cá chế nhìn mình nữa, bước vào. Trong phòng, cô y tá trực béo tốt, hồng hào vẫn ngồi đan. Thấy cô, tôi sung sướng hơn cả khi thấy mẹ tôi về chợ. Tôi buông màn, rúc vào nằm cạnh Ly ngủ đi lúc nào không biết.
Sớm hôm sau, người đánh thức tôi không phải là cô y tá má đỏ mà là một người đàn ông đeo kính gọng đồi mồi.
- Này, con búp bê nhà ai rơi vào phòng bệnh thế?
Ông hỏi. Bàn tay trắng nõn như tay thiếu nữ vuốt má tôi. Tôi ngồi dậy, ngơ ngác nhìn gương mặt nửa hiền, nửa nghiêm của ông.
- Cháu lạc từ tủ kính nào đến đây vậy?
Người đàn ông đeo kính trắng nhắc lại? Tôi giụi mắt cho tỉnh ngủ rồi trả lời ông rằng tôi là bạn cùng lớp với cậu bé đang nằm mê mệt trên giường. Tôi đã nhận ở đây trông cậu ta trước thầy chủ nhiệm. Vì thế tôi phải thực hiện đúng điều đó…
- Ô ô ô…
Người lạ - tôi đoán là ông bác sĩ kéo dài tiếng ô ngạc nhiên rồi vỗ vai tôi:
- Cô bé kỳ diệu… Khá lắm… Bằng tuổi cháu, giá có thuê vàng, chú cũng không dám ngủ qua đêm ở một phòng bệnh như thế này. Khá, khá thật…
Tôi nóng bừng mặt lên. Tôi không thích người ta khen ngợi tôi như thế, nhất là trước đám đông. Những người bệnh trong phòng giương mắt nhìn trừng trừng vào mặt tôi. Còn hai cô y tá đi theo ông bác sĩ thì cứ tủm tỉm cười. Tuy nhiên, vẻ mặt ông ấy thật đôn hậu nên tôi không nỡ ác cảm. Ngược lại, tôi thích đôi mắt đen long lanh của ông sau cặp kính dày, những ngón tay hồng hồng sạch sẽ, và chiếc cổ áo sơ mi kẻ ô nhô lên trên cổ áo bờ lu. Vì thế, sau khi khám bệnh

và cho đơn thuốc, ông gọi tôi tới phòng ông chơi, tôi liền đi ngay.
Phòng ông ở cũng sạch sẽ như ông vậy. Tường quét vôi màu cẩm thạch non, trưo những bức tranh phong cảnh và dây vạn niênthanh lá lốm đốm trắng.
- Cháu ăn kẹo nhé. Khi nào trực đêm, chú phải có hộp kẹo trên bàn… Nào, ăn đi cô bé, đừng làm khách như người lớn thế, chẳng đúng điệu tí nào đâu…
Ông bác sĩ dốc những viên kẹo đủ màu sắc lên một chiếc đĩa sứ trắng trên bàn. Kẹo thật ngon. Bên trong lớp vỏ đường, ruột kẹo trong suốt, dai và thơm như múi quất vậy. Ông bác sĩ ngồi đối diện với tôi, cũng nhón kẹo ăn ngon lành như tôi và uống nước chè từng ngụm nhỏ. Mắt ông rất sáng và tràn ngập niềm trìu mến. Chúng tôi nói chuyện thật dễ chịu. Câu chuyện đang vui, tôi chợt nhớ đến Ly và ân hận đã để nó một mình. Biết đâu, khi tôi ngồi đây nó đã chẳng tỉnh cơn mê, thức dậy. Tôi bỏ rơi viên kẹo trên tay xuống đĩa.
- Cháu về đây.
Ông bác sĩ ngước nhìn tôi ngạc nhiên:
- Sao vậy?
- Cháu xin phép chú… có thể bạn cháu thức dậy rồi.
Tôi giải thích và không kịp chờ ông đáp lại, chạy luôn. Ông bác sĩ đứng dậy đi theo tôi. Tới chỗ ngoặt, tôi còn thấy bàn tay trắng nõn của ông giơ lên:
- Chào cô bé…
Tiếng ông vang tới tận cuối hành lang, ấm và êm dịu. Sau này, tôi không bao giờ còn gặp lại ông. Nhưng tôi vẫn nhớ ông với một ấn tượng hoàn hảo. Và tôi cứ tin rằng, tất cả những bác sĩ thật sự trên đời đều có gương mặt đẹp, tâm hồn dịu dàng, đôi mắt đen long lanh sau kính và hai bàn tay thiếu nữ…
Tôi vừa bước vào phòng bệnh đã thấy Ly mở mắt thao láo nhìn mình. Nó đã tỉnh. Chưa kịp hỏi han cậu bé thì một người đàn ông béo sồ sề như người đàn bà chửa, đầu hói, tóc lưa thưa bước vào. Một tay ông ta cầm cuốn vở kẻ ô, tay kia cầm bút chì gõ gõ vào tấm bảng treo đầu giường Ly nằm:
- Giường số 6, bệnh nhân mới ăn gì?
Giọng ông ta cấm cửu. Tôi và Ly nhìn nhau:
- Ăn gì?
Ông ta nhắc lại, nghe khó chịu hơn. Ly thì thầm:
- Cháu… ăn cháo ạ…
- Ăn mấy ngày?
- Dạ…
Quả tình chúng tôi cũng không hiểu phải báo ăn mấy ngày ở đây. Ông to béo nhăn mặt gõ cây bút chì cành cạch mạnh hơn nữa:
- Ăn mấy ngày thì phải báo mau để tôi ghi sổ.
Tôi đáp liều:
- Ba ngày ạ…
- Ba tám hai mươi tư. Mỗi ngày tám hào, ba ngày hai đồng tư, nộp tiền mau.
Người đàn ông vừa nói vừa hí hoáy ghi những con số vào cuốn sổ. Mặt Ly bỗng tái mét lại. Nó có đồng xu nào trong túi đâu… Tôi vội vã mở kim băng, lấy tiền giao cho người quản lý. Ông ta đút ngay vào trong may ô rồi đi ra. Lúc ấy tôi mới ngồi lo. Gia tài còn vẻn vẹn năm hào. Cả tôi và Ly đều đói. Thằng bé nhịn ăn, nhịn uống cả ngày qua, mà cháo viện thì tới mười một giờ trưa mới có. Suy đi tính lại, tôi ra cửa bệnh viện mua cho Ly một túm chuối ba hào, mua cho mình một hào sắn luộc. Còn lại một hào, tôi giao cho Ly giữ.
- Ăn chuối rồi ngủ đi nhé. Tớ ra đằng này một chốc. Muốn tè, cúi xuống lấy bô. Đừng ra gió mà ngã chết…
Ly gật đầu ngoan ngoãn.
Tôi ăn sắn xong, hăm hở lên đường. Tôi đã nghĩ được kế rồi. Bệnh viện này nằm trên ngọn đồi, xung quanh là đồng lúa. Từ đây về thị trấn mười bảy cây số, về trường mười lăm cây số, nhưng tới chùa Đông Na chỉ hơn ba cây. Chùa Đông Na là nơi chúng tôi thường rủ nhau ra chơi ngày chủ nhật. Ở đó có một khu vườn um tùm, không biết cơ man nào là ổi.Ngoài ra còn hai cây khế ngọt, hơn một chục gốc na và hai chục cây đu đủ. Bà vãi chùa ngoài bốn mươi tuổi, mặt tròn trặn, phúc hậu. Lần nào chúng tôi đến chơi, bà cũng thổi cơm cho chúng tôi ăn, hái quả chín

cho chúng tôi đem về làm quà. Cơm của bà dẻo như bún, thơm phức. Chỉ ăn với tương, với dưa cũng thật là ngon. Mà miệng bà cười thì tươi ơi là tươi:
- Các cháu lên chơi vui quá. Mọi ngày quanh đi quanh lại chỉ có một mình. Ra quét sân chùa, vào nhặt hoa lan rụng, buồn như chấu cắn…
Bà nói với chúng tôi như vậy, kèm theo một lời mời: "Hai tuần nữa lại lên đây chơi với bà các cháu nhé…"
Về phần chúng tôi, mỗi lần lên chùa, chúng tôi đem theo những món quà lặt vặt: những cây nến thắp, vài bao hương sạ, một cuộn chỉ với bao kim khâu, những bộ khuy áo dài lẫn mấy chiếc cúc bấm, một lít dầu thắp đèn, một gói bánh… Bà vãi nhận những món quà đó với môt nụ cười chân thật, khiến lũ tôi vui sướng lâng lâng. Và chúng tôi ríu rít quanh vạt áo nâu của bà, gần gũi với tất cả những gì có trên trái đồi ấy: ngôi chùa nhỏ cũ kỹ, những bức tường loang lổ rêu, cái cánh cổng gỗ kêu cọt kẹt, khu vườn loang loáng ánh nắng chen bóng lá và những con chim nhảy nhót trên cành cao, thỉnh thoảng lại vắt đuôi ỉa toẹt xuống, nhiều khi đúng vào đầu chúng tôi…
Hăm hở lên đường, tôi vui sướng khi nghĩ tới ngôi chùa thân yêu sắp tới: "Mình sẽ ăn cơm chay với bà vãi. Rồi mình hái đem về cho Ly vài trái đu đủ chín. Nếu trong chum gạo có na rấm nữa thì tuyệt…"
Tôi đến chùa, vừa lúc trời nắng gắt.Mồ hôi thấm vào lưng áo, nhớp nháp. Hai cánh cổng chùa mở toang nhưng không thấy bóng người. Tôi vào sân, cất tiếng gọi:
- Bà ơi, bà vãi ơi…
Tiếng gọi đập vào tường, ngân nga. Không có tiếng ai trả lời, ngoài lũ chim kêu lích nhích trên cành. Tôi vào nhà, sục khắp vườn cũng chẳng thấy bà vãi đâu. Trước cửa dãy nhà ngang, có hai nong bột phơi trắng xóa, một chum tương mới ngả đậy vải màn và một túm tỏi treo trên dây song căng sát hàng hiên. Đã hơn ba tháng chúng tôi không lên chùa, kể từ ngày xảy ra vụ mất tích Dũng còm, rồi chuyến phiêu lưu kỳ dị trên đảo Hoa Vàng mà dân thị trấn xôn xao bàn tán mãi… Tôi cất tiếng gọi thêm vài lần nữa. Sau cùng không còn hy vọng, tôi tìm hòn gạch viết lên sân chùa:
Cháu đến chơi người bà đi vắng. Cháu hái mấy quả đu đủ chín cho đứa bạn ốm. Khi nào rỗi cháu sẽ lên thăm bà.
Ký tên: Cháu Bê
Bà vãi chùa biết đọc quốc ngữ. Bà sẽ hoàn toàn yên tâm rằng không phải trẻ chăn trâu hái trộm đu đủ trong vườn chùa. Tôi ngắm nghía, chọn mấy quả đu đủ chín nhất rồi trèo lên hái. Đu đủ ở chùa đã già, thân nhỏ quắt nhưng cao lêu đêu. Phải bạo gan lắm mới trèo nổi. Nếu run tay,ngã xuống gạch thì ít cũng vỡ đầu hay què cẳng. Lâu không trèo, thoạt tiên cũng run. Nhưng khi đã lên đến lưng chừng, tôi vững dạ trở lại và hái được trái đu đủ tít ngọn cây một cách nhẹ nhàng.
Xong xuôi, tôi thong thả tụt xuống. Chân tôi vừa chạm đất, có tiếng quát the thé bên tai:
- A, mày chết với ông…mày chết với ông…
Hai cổ tay tôi bị thít chặt trong gọng kìm. Trước mặt tôi là một ông già mắt đục ngầu, đầu cạo nhẵn, trán thấp và quai hàm bạnh ra dữ tợn. Tôi hoảng sợ lắp bắp:
- Ông ơi, cháu…
- Mày chạy đằng trời, ông bắt được quả tang nhé… Vào đây…
Không chờ tôi nói hết câu, ông ta lôi tuột tôi vào gian buồng đầu dãy nhà ngang, ấy tôi ngã chổng kềnh rồi đóng sập cửa, cài cái then gỗ lim to tướng bên ngoài vào.
- Ông ơi cho cháu nói hết đã… Cháu quen thân với bà vãi chùa, thỉnh thoảng lại lên đây chơi hái quả. Ông không tin ra sân gạch xem sao, ông ơi…
Tôi cố gắng phân trần. Mặc, lão già đã đặt quả đu đủ sang một bên ngồi đảo bột. Tôi kêu to, thảm thiết:
- Ông ơi, hãy xem dòng chữ cháu viết trên sân… ông ơi…
Nước mắt trào ra, lăn trên mặt tôi, ấm nóng. Tôi vừa liếm những giọt nước mắt mằn mặn vừa cố sức van nài. Nhưng lão già kỳ quái vẫn bình thản ngồi đảo bột, như câm điếc. Tiếng khóc của tôi vang lên giữa các bức tường, rồi lắng dần trong không gian tĩnh mịch. Giờ này mẹ tôi đang dạy học, bố Thế chắc cũng lên lớp, và lũ bạn thân thiết ngồi trong căn phòng đầy ánh nắng nghe bài giảng… Không ai biết tôi bị cầm tù ở đây. Không ai nghe tiếng tôi khóc.
Bỗng có ai đó cào chân tôi. Tôi vùng dậy. Một con chuột to xù chạy xuôi chạy ngược bên người tôi lục lạo. Sau rốt, nó dừng lại gặm lớp da dày dưới chân gót chân tôi một cách ngon lành. Tôi

tung chân đá. Con chuột bay bổng lên, kêu chít một tiếng rồi rơi bộp xuống đất, biến ngay. Tôi định thần nhìn kỹ những viên gạch nhớp nháp, mốc meo lát nhà. Khóc mệt quá, tôi đã gục xuống đó ngủ đi lúc nào không rõ. Gian buồng bốc lên mùi chua của men rượu hỏng lẫn mùi ẩm ướt của những đám rêu bám dọc chân tường. Đã từ lâu không ai ở đây. Bà vãi chùa xếp một chồng thúng mủng và đổ đống khoai sọ nơi góc nhà. Mỗi năm một lần, vào ngày lễ chính, người đi lễ từ các nơi xa tới đây thì căn phòng này mới được quét dọn, kê bục, trải chiếu cho họ nằm. Còn lại, nó chỉ là kho chứa đồ lặt vặt. Nhưng cái then gỗ lim bên ngoài thì chắc chắn tới mức không thể nào nghĩ tới chuyện vượt ngục được. Tôi ngồi khoanh tay đặt lên gối, nhìn ra ngoài. Qua ô cửa bé bằng cái tráp đựng trầu, tôi thấy một cành ổi trắng ngà đung đưa trong ánh nắng. Chiều rồi. Chắc đã hơn ba giờ. Bụng tôi đói cồn cào réo lên ùng ục. Tưởng như có bàn tay vô hình nào đó vặn thắt từng khúc ruột, khiến tôi đau quặn lên từng hồi. Nghĩ tới cái đói, lập tức cái đói như bị nhân trăm lần, hành hạ tôi thậm tệ. Mồ hôi tôi vã ra ướt lạnh sau lưng, rồi mắt tôi hoa lên như có muôn ngàn con đom đóm đang nhảy múa. Cái đầu bỗng nhiên như hóa đá, đè nặng trĩu lên cần cổ. Tôi trào nước mắt, bóp chặt bụng trong lúc đầu óc vẩn vơ mơ tưởng tới những bữa cơm ngon lành ở nhà… Trời ơi, sao những bữa cơm thường nhật đó lại hiện về trong trí nhớ của tôi rõ ràng đến thế? Nào cá rô nướng, dầm nước mắm tiêu, nào canh cua khoai sọ rau rút, nào thịt kho cùi dừa, nào cá quả om sốt cà chua… Lại còn đậu phụ luộc chấm mắm tôm, bánh đa vừng đường ăn lẫn chè kê, đậu đãi…
Ước gì có chiếc đũa thần của một bà tiên phúc hậu ở đây! Chỉ cần gõ nhẹ vào tường, những mòn ăn ngon lành đó sẽ hiện về… Nhưng mơ màng mãi, cũng không có bà tiênnào xuất hiện. Đói quá, rôi đành ao ước một bát bún riêu của bà Tô béo hoặc vài củ khoai luộc. Bụng tôi không réo lên ùng ục nữa mà óc ách như nước suối chảy, rồi nó sôi âm ỉ như nồi cơm sắp cạn. Và sau cùng, nó xẹp xuống một cách thảm hại, không còn dám kêu gào, đấu tranh nữa.
Trời đã tắt nắng. Lão già đi lại lọc cọc ngoài sân. Lúc sau. Mùi cơm chín thơm nức bay tới. A, ra lão thổi cơm. Mùi lúa mới làm tôi hình dung lại những bữa cơm ngon lành với bà vãi chùa. Cứ nhắm mắt cũng thấy được vị đậu dầm tương, nõn khoai xào dầu lạc. Cơn đói vừa dứt lại dấy lên cồn cào. Nhưng giờ tôi đã chịu được. Tôi lắng nghe tiếng lão già ăn cơm bên ngoài. Lão nhai thật to, chóp chép, choạp chạo như lợn tợp cám. Tôi không còn thấy sợ mà chỉ coi thường lão. Mặc dầu đang đói, nhưng giá lão có đem cơm vào, rôi cũng sẽ quay mặt đi… Tôi nghĩ đinh ninh như vậy.
Đêm hôm đó, khi ánh đèn dầu bênngoài tắt phụt và bóng tối mênh mông trùm lên trái đồi Đông Na cũng như căn phòng hôi hám giam tôi, những ý nghĩ ghê rơn chợt ập tới:
- Lão già ác độc có bộ óc ngu độn kia sẽ bỏ quên mình trong gian buồng này. Bà vãi chùa Đông Na không về đây nữa. Và mình sẽ chết một cách thảm thương…
- Điều đó có thật không?
- Có chứ… Rất nhiều khả năng là nó sẽ xảy ra…
Tôi sẽ lả dần trong căn phòng này, áo quần, thịt da đen xám lại. Từng đàn chuột to xù sẽ từ hốc tường bò lên. Thoạt đầu, chúng gặm mười ngón chân tôi. Kế đó, đến mười ngón tay. Sau cùng là bộ lòng và hai lá phổi… Vũ Thị Bê, con gái độc nhất của cô giáo Hạnh, trò yêu nhất của bố Thế, diễn viên xuất sắc trong các buổi biểu diễn văn nghệ và vận động viên số một về thể dục tự do lẫn cầu thăng bằng sẽ biến thành bộ xương trắng giống hoàn toàn bộ xương trong phòng thí nghiệm. Rồi tới kỳ nghỉ phép, bố tôi đeo ba lô bước vào nhà:
- Con Bê của bố đâu? Bố đem cho con chiếc túi thổ cẩm với cái vuốt hổ đây này… Cả mật on và đào Sa Pa nữa…
Lúc đó, mẹ tôi từ trong buồng bước ra, khóc nức nở và nói:
- Còn đâu nữa anh! Con gái mình bị chuột gặm chết rồi. Bộ xương nó treo trong phòng thí nghiệm ấy…
Nghĩ tới đó, tôi khóc òa lên. Nức nở hồi lâu, tôi ngủ thiếp đi. Tới nửa đêm, chuột bò lên găm sột soạt. Tôi quờ tay, đập lia lịa, rồi lại ngủ. Được ít phút, đám chuột già táo tợn lại kêu chít chít xông tới… Cứ thế cho đến khi trời sáng bạch. Mắt díp lại, đầu óc nặng trĩu, tôi ngồi dựa vào tường gà gật ngủ thêm. Chợt thấy tiếng then gỗ lạch cạch ở buồng bên. Rồi nghe giọng bà vãi chùa ngọt ngào vang tới:
- Mau tay lên hộ nào… Thúng đồ lễ nặng quá.
Tôi tỉnh ngủ hoàn toàn, giỏng tai lên nghe ngóng. Bà vãi chùa vui vẻ nói tiếp:

- Ông nhẹ tay cho tôi kẻo gãy hết chuối… Khiếp, đường xa ơi là xa…Ở nhà ông có nhớ cho hai con sáo ăn không đấy?
Lão già đáp lại bằng một giọng cục cằn:
- Nhớ.
Bà vãi tiếp:
- Oản lộc đây, ông ăn buổi sớm cho tốt lành. Qua đêm, vỏ hơi khô nhưng xôi còn dẻo lắm.
Sau đó, có tiếng quạt nón lạch phạch. Rồi lão già nhai oản chóp chép. Hồi lâu, lão thủng thẳng nói:
- Ở nhà, tôi bắt được một con bé ăn cắp đu đủ.
Bà vãi chùa bình thản hỏi:
- Đu đủ đã chín rộ kia à?... Trẻ chăn trâu có thèm, chia cho chúng ít lộc. Vườn tược nhà chùa mà chặt chẽ sao được.
Lão già thủng thẳng nói:
- Tôi giam vào rồi.
Bà vãi hốt hoảng:
- Ông bảo sao cơ?
Lão già nói:
- Tôi giam nó lại.
Bà vãi kêu:
- Chết thật. Có quả đu đủ, sao ông nỡ giam con người ta? Nó ở đâu rồi?
Lão già ho một tiếng:
- Đấy…
Tiếng chân bà vãi bước hối hả trên hàng hiên. Cái then gỗ kêu lách cách bên ngoài cánh cửa. Tôi rùng mình, người nóng rần rật và nước mắt tự dưng trào ra đầm đìa hai má:
- Mô phật! … - bà vãi kêu to rồi chạy vào. Cháu Bê đấy à? Khổ thân quá, ông ấy giam cháu từ bao giờ?...
Nỗi uất ức và căm giận dâng lên khiến tôi nghẹn họng. Tôi quay mặt vào tường. Bà vãi chùa quay lại mắng lão già đứng sau lưng:
- Đứa bé thế này mà ông nỡ giam vào buồng tối. Ông là người hay quỷ thế? Ông không sợ bị ném vạc dầu hay sao?
Lão già đứng thần ra.
Bà vãi chùa ôm vai tôi, khóc:
- Bà xin lỗi cháu nhé, bà xin cháu…
Vì bà khổ tâm thực sự nên tôi mủi lòng. Tôi quay ra.
- Khốn khổ cho bà, bà xin cháu…
Bà vãi nói, rút chiếc khăn nhuộm nâu trong túi lau nước mắt. Tôi nhìn bà, lòng trào lên nỗi xót xa: Vì sao một người đàn bà đôn hậu nhường này lại phải chung sống với một lão già ngu độn, độc ác nhường ấy? Ở đời thật lắm chuyện trớ trêu. Tâm hồn thơ dại của tôi xao động và sửng sốt mãi vì điều đó.
Và vãi chùa khẩn khoản, dỗ dành mãi, tôi mới ăn chút oản và chuối cho bà yên tâm. Chờ tôi ăn xong, bà xếp nào oản, nào chuối, nào oản ngọt bọc giấy kính xanh đỏ vào chiếc thúng con rồi cắp nách, đi theo tôi tới tận của bệnh viện mới quay về.
Mẹ tôi và bố Thế đón tôi ở phòng thường trực. Hai người nhớn nhác vì sự vắng mặt của tôi đêm qua. Tôi kể lại câu chuyện đáng buồn ở chùa Đông Na rồi đem oản, đem chuối vào cho Ly. Nó ăn hết ngay hai cỗ oản, mặt tươi tỉnh ra nhiều. Tôi hứa sẽ trở lại thăm nó rồi theo mẹ về thị trấn. Nhưng tôi đã không thực hiện được lời hứa với Ly vì tai ương đã bất chợt gieo xuống cuộc đời học sinh tươi sáng của tôi, giống như một cành cây gãy bỗng dưng rơi xuống đầu kẻ qua đường xấu số.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 6

TAI ƯƠNG KHÔNG BÁO TRƯỚC

Ngay tối hôm tôi từ bệnh viện trở về, Loan hạt mít sang bảo:
- Mẹ tớ bằng lòng cho lão cai Cân bán nhà rồi.
Mặt nó buồn thiu. Tôi không còn cách nào khác hơn là rủ bạn đi chơi cho khuây khỏa. Chúng tôi mua hạt bí và ô mai cam thảo, vừa đi vừa ăn ô mai, cắn hạt bí, chẳng đứa nào nói một câu. Ngang nhà chị Bội, chúng tôi lại bắt gặp hai bóng người đứng nép dưới vòm lá tồi om của cây bàng.
- Thưa thầy…
- Anh đã bảo rồi… Bội cứ gọi anh là anh Gia.
- Thưa thầy, em…
- Sao em nhát thế? Con gái thời nay phải mạnh dạn lên chứ!... Ôi, mái tóc em đẹp thật. Hệt như mái tóc nàng Pha-ti-ma…
- Dạ, thưa thầy…
- Tay em cũng đẹp… nhưng sao đầu ngón trỏ lại nháp thế này?
- Em vẫn phải thêu hàng cho mẹ nên kim đâm vào tay.
- Ô, hỏng mất ngón trỏ, phí quá… Nhưng chẳng sao. Tay em điểm bốn, tóc em điểm năm, con người em năm cộng, đôi mắt em năm trừ, còn môi…
Ông bố chị Bội ló đầu ra khỏi cửa, hắt toẹt chén nước thừa chút nữa thì vào cô gái rượu. Ông Gia im bặt. Chúng tôi bấm nhau lui lại. Nhưng rủi ro thay, chính vào lúc đó, ông giáo thể dục đã nhìn thấy chúng tôi. Trong giây phút, mắt ông đờ ra vì kinh ngạc. Rồi nó tối sầm lại tức giận. Hai đưa tôi đứng sững như trời trồng, sợ thót tim. Lúc sau hoàn hồn, chúng tôi cất tiếng chào lí nhí rồi chuồn mất. Cặp mắt lươn của ông Gia chọc thẳng vào mắt chúng tôi như gầm rít: "Hai con mất dạy rình dập ta… Chúng mày sẽ biêt tay…"
Sự hăm dọa toát ra từ ánh mắt hằn học của ông ta quá rõ ràng. Từ phút đó, nỗi kinh sợ bóp chặt lồng ngực tôi, khiến mỗi hơi thở cũng mệt nhọc, khó khăn hơn trước.
Gần tới nhà, Loan run run kéo áo tôi:
- Chết rồi… Làm sao bây giờ?...
Tôi cố gắng làm bộ cứng cỏi:
- Mình có tội gì đâu mà sợ!
Loan lắc đầu:
- Chả có tội gì cũng chết. Lão ấy thù tụi mình…
- Cóc sợ! Đằng ấy im đi…
Loan không dám nói nữa. Nhưng mặt nó chảy thượt như cục bột ướt.
Đêm hôm đó, tôi mơ thấy mình bị trói chặt vào một mỏm đá dưới đáy biển. Những sợi dây thít chặt chân tay tôi đau rát. Nước xung quanh trong suốt, lạnh buốt xương. Một con cá ngão há mồm rộng ngoác lởm chởm hai hàm răng nhọn bơi lừ lừ tới trước mặt tôi. Tôi nhìn rõ cái cổ họng đen ngòm, ghê rợn như miệng hang núi của nó nằm sâu trong hai hàm răng lấp lánh. Và con vật khủng khiếp đó cứ im lặng tiến về phía tôi, mỗi lúc một gần…
Sáng hôm sau, tôi dậy muộn. Cơn mơ dữ khiến người tôi mỏi nhừ. Không kịp ăn sáng, tôi hối hả chạy tới trường cho kịp giờ học. Tiết đầu tiên đúng là giờ thể dục, môn học trước đây vài tháng là niềm vui thú, còn hôm nay là nỗi kinh hoàng.
Yến sếu ghé vào tai tôi thì thầm:

- Chuẩn bị tinh thần đi. Hôm nay mặt ông Gia hằm hằm trông kinh lắm. Lúc nãy ông hét lớp trưởng: "Kiểm tra chạy. Cự ly một trăm mét và hai trăm mét."
Tôi lặng im. Theo đúng chương trình, hôm nay là giờ tập nhảy ngựa. Một hồi còi róng riết rít lên. Ông giáo thể dục đi tới. Chúng tôi tập hợp thành hai hàng dọc trước mặt ông ta.
- Vòng tròn khởi động.
Ông Gia ra lệnh. Bây giờ, ông không lý thuyết dài dòng như buổi đầu mà chỉ phát ra những mệnh lệnh cụt ngủn, thô bạo. Chúng tôi chạy vòng tròn dưới sự chỉ dẫn của cán sự thể dục lớp. Ông giáo chắp tay sau mông, đứng nhìn. Cặp mắt gườm gườm của ông không hứa hẹn điều gì tốt lành hết. Chị Bội cúi gằm mặt xuống. Còn Loan hạt mít tái xanh không còn hạt máu. Tôi vừa chạy vừa đếm từ một tới một trăm để tự trấn an tinh thần.
- Ra đường lớn, chuẩn bị chạy!
Ông Gia đột ngột hét to. Rồi ông quay lưng đi trước chúng tôi, vừa đi vừa rút trong túi quần chiếc đồng hồ quả quýt. Đôi vai và cặp mông đầy ú thịt của ông rung rinh.
Trên con đường cát đỏ mịn màng, đã có những vạch vôi kẻ sẵn. Cán sự thể dục xách những cặp bàn đạp ra đặt trước vạch xuất phát. Trực nhật đem quyển danh bạ lớp cho ông giáo. Và ông mở sổ ra lệnh:
- Bắt đầu.
Ngón tay to và dài của ông đặt lên cột số thứ tự:
- Vũ Thị Bê.
Theo vần chữ cái, bao giờ tôi cũng là học sinh đầu tiên được gọi tên trong các cuộc thi hoặc kiểm tra. Điều đó với tôi là việc bình thường. Nhưng lúc này, tim tôi bỗng đập vang dội trong lồng ngực như cái trống con. Tôi bước lên vạch vôi xuất phát, người nóng rần rật. Nguyễn Xuân Bảo, Phạm Thứ Bình, Khang Quốc Bình, Trần Thế Bính…
Ông Gia đọc tiếp. Cả năm đứa tôi giẫm chân lên bàn đạp trước cặp mắt ngơ ngác của mọi người. Trước đây không bao giờ nam nữ kiểm tra điền kinh chung. Mức quy định cho nữ sinh bao giờ cũng nhẹ hơn. Nhưng không ai dám hé răng hỏi.
- Chuẩn bị! Bắt đầu…
Ông Gia hô to. Lá cờ hiệu phất lên. Năm chúng tôi lật bật lao về phía trước.
- Sai quy cách, chạy lại
Ông giáo nói một cách lạnh lùng.
Chúng tôi quỳ gối, đặt chân lên bàn đạp, ngẩng đầu hướng về phía trước theo đúng bài giảng.
- Chạy… lại sai quy cách rồi. Lần thứ ba, làm lại đi…
Cả năm đứa thở hồng hộc quay lại vạch xuất phát lần nữa. Không ai bảo ai, chúng tôi liếc nhìn nhau kiểm tra các tư thế và động tác. Tất cả đều hoàn hảo. Ông Gia gãi ngón tay trỏ lên mặt kính đồng hồ:
- Tôi bám giây đấy. Chuẩn bị chạy… Chạy!
Lá cờ hiệu vẫy lần thứ ba. Lần này, chúng tôi cố gắng cho tới đích. Bí thư chi đoàn có đồng hồ đeo tay. Anh bấm giây và kêu to:
- Hoan hô! Tất cả vượt tiêu chuẩn một giây rưỡi… Thoát nợ rồi…
Tôi lau mồ hôi, thở hào hển. Nhưng ngay lúc đó, tiếng ông giáo thể dục vang lên ở đầu đường:
- Vũ Thị Bê, sai quy cách chạy lại.
Tôi sững người. Cả lớp ngơ ngác nhìn tôi, im phăng phắc. Người tôi nhẹ bẫng. Lúc lâu, tôi mới thốt lên được:
- Thưa thầy, em sai?
- Bàn chân sau đặt chưa đủ độ dốc bàn đạp, chạy lại.
Ông Gia đáp, lạnh tanh. Mọi người đứng xung quanh cúi mặt xuống. Rõ ràng đó là một nhận xét có tính moi móc, một lối trù lộ liễu. Tôi không còn sợ hãi nữa. Máu trào lên hai mang tai khiến mặt tôi nóng phừng phừng. Tôi cắn răng quỳ trước vạch xuất phát, cố sức thực hiện mọi động tác một cách hoàn hảo.
- Bắt đầu, chạy…
Lá cờ hiệu vẫy phía trước. Tôi lao người khỏi vạch vôi.
- Dừng lại… Tư thế chuẩn bị vẫn chưa được… Lần nữa…
Ông Gia gằn từng tiếng.
Tôi không nhìn vào bộ mặt to nung núc của ông giáo nữa. Toàn thân căng thẳng tựa sợi dây

đàn. Trước mắt tôi, mọi vật như nhòa hết. Từ lá cờ hiệu đỏ, cặp mắt rưng rưng của chị Bội tới những ngấn nước mắt óng ánh trên má Loan. Tất cả trôi trong sương mù.
Hết giờ thể dục, tôi về lớp, gục xuống bàn và lên cơn sốt.
Không hiểu vì sao, bố Thế biết chuyện ngay. Bố đèo tôi về nhà:
- Chịu khó uống thuốc cho khỏi mà đi học con ạ. Sắp thi rồi.
Bố dặn tôi, vẻ buồn bã.
Tôi trùm chăn lên đầu vì bỗng dưng rét run như giữa mùa đông. Rồi tôi chìm vào giấc ngủ mê mệt. Nhưng lúc đang chập chờn, tôi còn nghe rất rõ tiếng cành cạch vang xa dần. Đó là tiếng mảnh nhôm gác-đờ-bu ở xe bố Thế bị rách làm đôi, đập vào nhau. Tiếng động đó quá quen thuộc. Có lần tôi nói:
- Bố ơi, xe của bố là bà lão gãy răng.
Bố Thế cười hiền lành, đáp:
- Thì bố cũng là ông lão gãy răng chứ trẻ trung gì?
Đúng là răng của bố sứt một chiếc thật.
Tôi nghỉ mất năm hôm. Thứ ba tuần sau tôi mới đi học được. Tụi bạn reo hò mừng rỡ. Không đứa nào nhắc tới chuyện giờ kiểm tra chạy cho tôi quên đi. Nhưng lúc ra chơi, Yến sếu bỗng kéo tôi ra hành lang thì thào:
- Hôm qua, tớ thấy ông Gia đèo chị Bội lên công viên.
Tôi nhìn chị Bội. Chị hỏi han tôi với vẻ ngượng ngùng. Tôi bảo Yến:
- Im ngay, nếu lộ chuyện, đằng ấy sẽ khốn khổ như tớ thôi.
Yến sếu sợ, im tắp lự.
Ly cũng đã đi học lại. Nó đem cho tôi một gói bánh đậu Hải Dương to tướng. Dì ruột của Ly vừa ghé thăm nó chiều qua. Những ngày học nối tiếp trôi qua. Tôi mải miết chép và làm những bài tập trong các ngày nghỉ ốm nên bận rộn quên đi mọi sự. Tối thứ bảy, buổi học cuối trong tuần, chúng tôi bỗng có giờ nghỉ. Bố Thế nhận được điện từ quê báo tin mẹ ốm đã về từ trưa qua. Tụi bạn rủ nhau xuống sân đá bóng. Riêng tôi, tôi mới ốm dậy nên không tham gia. Tôi thơ thẩn trèo lên nóc bể đựng nước chơi. Tôi chưa nói với các bạn rằng trường tôi có một bể xi măng lớn. Bể đào chìm trong lòng đất, chỉ nhô phần thân trên chừng một thước tây. Thành và nắp bể rất dày, xi măng láng bóng. Mùa mưa, hai ống máng dài chạy dọc mái trường hứng nước tuôn vào bể xối xả. Khi bể cạn, chúng tôi thường thò đầu vào trong hét lên và nghe tiếng dội lại âm u ghê rợn như tiếng con quỷ ngồi trong lòng đất. Dạo ấy bể lưng lưng nước nên ông bảo vệ đóng chặt hai chiếc nắp lại. Chúng tôi tha hồ chạy nhảy trên bể, ngồi truy bài hoặc chơi ô. Từ bể có con đường nhỏ dẫn tới nhà vệ sinh. Hai bên đường, vườn bạch đàn liễu tươi tốt rủ lá xuống.
Khi leo lên nóc bể, tôi chợt thấy một bóng người mặc quần áo trắng đi giữa lối mòn qua vườn bạch đàn ấy. Ngay tức khắc, mặt tôi nóng bừng lên. Hình ảnh con đường kẻ vạch vôi, cặp bàn đạp bằng sắt và lá cờ hiệu phất phất hiện lên ngay trước mắt. Một ý nghĩ như tia chớp vụt qua. Rồi ý nghĩ đó xâm chiếm tôi không kịp đắn đo gì. Tôi nhìn quanh. Không một bóng người. Cả lớp dồn xuống sân bóng hết. Chỉ một mình tôi đứng trên nóc bể và nhìn thấy ông Gia vào nhà vệ sinh. Nhà vệ sinh của trường gồm bốn ngăn buồng nhỏ xây gạch, nóc đổ bê tông kiên cố. Phía trước có bức tường che cao vượt đầu người lấp cả dãy cánh cửa phía trong. Các cánh cửa đều bằng gỗ lim dày, che kín từ bực thềm tới mái không hà tiện hở đầu hở đuôi như các nơi khác. Bởi thế người ngồi bên trong không thể nào nhìn thấy người đứng bên ngoài. Tôi tính toán lại lần nữa, rồi tới đống bàn ghế hỏng chờ sửa chữa của trường, chất gần bể nước dưới một mái tôn che tạm. Tôi vác chiếc ghế băng cụt chân, dày và nặng. Đi theo lối mòn giữa vườn bạch đàn, tôi đem xuống nhà vệ sinh, chống lên cánh cửa đang đóng kín mít, còn đâu kia gối lên bức tường che phía trước. Có lẽ hai người đàn ông lực lưỡng hè nhau cũng không du đổ bức tường kiên cố đó.
Tôi lên lớp lấy cặp. Tụi bạn đang xem đá bóng dưới sân gọi ơi ới:
- Bê ơi, làm gì về sớm thế? Xuống đây xem một tăng.
Tôi đáp:
- Mệt lắm. Tớ về đây… Các đằng ấy có về tới đợi.
Một vài đứa lác đác bỏ cuộc về theo tôi. Rồi cả lớp bỏ về hết. Sân trường vắng tanh.
Chiều thứ bảy là buổi chiều duy nhất trong tuần tôi được đi chơi tự do. Ăn xong, tôi chuồn sang nhà Loan ngay. Cô bạn báo tin:

- Ngày mai mẹ tớ cưới rồi.
Tôi thương Loan quá. Gọi một người tốt là bố thì không sao. Nhưng gọi cai Cân là bố thì khổ thật. Tôi bảo bạn:
- Ra đảo chơi.
Loan lặng lẽ gật đầu. Với nó, đi đâu bây giờ cũng vui hơn ngồi nhà nhìn cai Cân nhe răng vàng ra cười cợt.
Chúng tôi ra sông. Chiếc thuyền tôn của bà An Lạc đã buộc sẵn ở cây cọc. Trên thuyền vương vãi và sợi rong xanh và mấy cánh bèo dập nát. Bà đã đi lấy rau lợn rồi và chúng tôi có thể yên trí rong chơi. Loan ngồi đàng hoàng rồi, tôi thong thả đẩy thuyền ra rồi nhảy lên, chèo. Nắng chiều nhè nhẹ phủ lên dòng nước làn ánh sáng tươi tắn, lộng lẫy. Bầu trời vàng rực nhưng êm dịu vì những cơn gió đẫm nước bay từ đầm sen bát ngát bên kia sông tràn tới, mang theo mùi thơm trong suốt thanh cao. Những cây cỏ trứng ếch rập rờn bên roi cát..
- Trời đẹp quá
Tôi thốt lên kêu, lòng nhẹ lâng lâng.
Loan thở dài:
- Mình chán lắm, ngày mai phải về ở nhà cai Cân rồi.
Tôi chợt nghĩ, đúng thế thật. Ngày mai cai Cân cưới cô Lưu. Cô sẽ giao nhà cho chủ mới và theo lão về ở căn nhà có sáu buồng. Hẳn mẹ con cô sẽ phải ở căn nhà ngang phía dưới mà lão vừa thuê thợ quét vôi, sửa sang lại. Mấy đứa con trai ghê gớm của lão không đời nào chịu nhường ngôi nhà trên cho người khác. Dân thị trấn đã bàn tán ba bốn tuần lễ nay. Họ chờ đợi cai Cân đối xử với mẹ con cô Lưu ra sao, một khi lão đã nắm hết vàng lẫn tiền bán nhà trong tay.
Tôi bảo:
- Buồn làm quái gì? Nếu lão giở mặt thì sang nhà tớ ở.
Chúng tôi lên đảo Hoa Vàng, kiểm tra lại kho tàng. Mọi thứ nguyên vẹn, riêng khoai nghệ lác đác nảy mầm. Sợ để lâu khoai xốp nên chúng tôi dỡ xuống thuyền đem về nhà. Trước khi chèo thuyền về, tôi rủ Loan sang nhà thằng bé chụp cá chơi nhưng cô bạn từ chối. Chúng tôi trở lại thị trấn vào lúc sao Hôm vừa mọc nơi chân trời phía tây, long lanh như hạt nước lớn. Những hàng phượng vĩ hứng ráng chiều hóa thành màu vàng rơm, trông xa như phủ lớp bụi kim nhũ. Lũ trẻ nhỏ ùa ra hè phố, chạy nhảy la hét. Và mấy ông già lững thững dạo chơi giữa bọn chúng, vẻ thung dung.
Tôi hôm đó, Loan ăn cơm với tôi rồi ngủ lại luôn.
Sáng hôm sau, chủ nhật, mẹ tôi bảo hai đứa:
- Dẫu sao hôm nay cũng là ngày vui của mẹ, cháu nên về. Còn Bê, con mang đồ mừng sang cho cô Lưu và nói rằng mẹ xin phép ở nhà vì có việc bận.
Mẹ đưa cho tôi một mảnh lụa hoa dâu trắng, gói trong giấy mỏng. Hai đứa tôi vâng lời ra đi. Tôi chẳng cần mô tả lại cái đám cưới trớ trêu đó cho các bạn phiền lòng. Đám cưới gì mà cô dâu ra phòng ngoài tiếp khách thì cười, vào trong buồng trong lại khóc nức nở như mẹ chết. Chỉ cai Cân là liên tục nhe hàm răng vàng ra cười hí hí, hơ hơ một cách khả ố, vô duyên. Khi tôi và Loan tới, cô Lưu vội vã gọi chúng tôi vào buồng. Tay cầm món quà tặng của mẹ tôi, tay ôm con gái vào lòng, cô khóc tức tưởi như đứa trẻ bị đòn oan, nước mắt rơi xuống đầu Loan lã chã. Loan cũng sụt sịt khóc theo. Và tôi, cầm lòng không nổi, khóc theo nốt. Mấy bà phù dâu vào gọi cô Lưu rối rít. Cô lau nước mắt, ra ngoài. Tôi và Loan chuồn về nhà, ăn cơm. Ngày cưới của cô đối với chúng tôi là như vậy.
Sáng hôm sau, thứ hai, tôi với Loan cắp sách tới trường. Dọc đường, tôi nhớ lại việc làm của mình ngày thứ bảy, vừa lo vừa hả hê trong dạ. Tới lớp , tôi nghe ngóng xem có ai bàn tán về việc ông Gia bị nhốt trong khu nhà vệ sinh không.
Nửa giờ sau, tin ông Gia bị nhốt trong nhà tiêu hôm thứ bảy lan khắp trường. Đám học sinh nhỏ thì thầm, mắt to mắt bé. Những anh chị khối chín, khối mười thì cười ha hả, vui vẻ đùa cợt không giấu giếm:
- Hề quá nhỉ… Thằng nhóc nào nghĩ ra cái trò ấy cũng hay. Ngồi trong nhà xí tha hồ cho thầy Gia suy tư nhé.
- Ừ, thừa thời gian nghĩ cách tán tỉnh các em nữ sinh khau khảu.
- Lớp nào lão cũng chõm một cô. Học sinh thắc mắc, bép xép là lão trù cho khốn khổ. Các cậu biết chuyện thằng Xít 9B không?

- Có nghe loáng thoáng. Cậu kể lại đầu đuôi cho rõ.
- Thằng này vốn nghịch ngợm nhưng lại rất lễ độ với các thầy cô. Tuy nhiên, lão Gia này thì chẳng đáng là thầy. Tuần trước tập nhảy ngựa, lão vờ vĩnh kiếm cớ ôm lưng con Bích. Bích mắt ngọc thạch ấy mà. Thằng Xít bưng miệng không được, cười phá lên. Lão bẽ mặt, cáu lắm. Giờ sau, lão kiếm cớ bắt thằng bé nhảy ngựa suốt nửa tiết học dưới trời nắng chang chang… Ha, ha, cái trò này chắc cậu Xít nghĩ ra để trả hận đây… Ha ha ha… Đáng lắm…
Lời bàn tán, người đi lại rộn rịp, ầm ĩ ngoài hành lang. Tôi rút lui vào lớp, ngồi xuống ghế. Yến sếu tới bên cạnh:
- Bê, mày có biết thằng Xít không?
- Biết.
- Thằng ấy trông thế mà ghê thật. Liệu cậu cả có bị đuổi học không nhỉ?
Tôi quay mặt, đáp dửng dưng:
- Biết đâu đấy…
Tuy nói vậy, đầu tôi nóng bừng lên: câu chuyện đã xoay sang hướng khác. Trước đây, tôi hồi hộp chờ phút người ta tìm được thủ phạm, và chuẩn bị tư thế giơ lưng ra chịu đòn. Giờ, bỗng nhiên một kẻ khác phải hứng chịu thay tôi. Một cậu học sinh vô tội. Nỗi lo sợ bay mất, thay vào đó là nỗi hổ thẹn và buồn bã. Tôi cảm thấy nhục nhã như mình là một tên móc túi mà đang tâm nhìn người khác bị còng tay dẫn vào trại giam. Trống trường điểm thùng thùng. Tiết học thứ năm kết thúc. Từ các lớp, học trò đổ ra ào ào. Tôi đi lẫn vào dòng người đông đúc, mặt cúi gằm, trán vã mồ hôi. Qua văn phòng, tôi liếc mắt nhìn. Ở gian chính, bốn bề mở cửa toang, một cậu học trò mặc quần xanh, áo trắng, ngồi đối diện với bà hiệu trưởng. Ở giữa là chiếc bàn có quả cầu nhựa màu xanh. Cậu học trò nói vài câu rồi đưa tay áo lau nước mắt. Mặt bà hiệu trưởng lạnh như nước đá, không hề máy động. Đôi mắt bà mở rộng sau cặp kính. Còn gương mặt cậu kia thì tái nhợt đi…
"Đó là Xít. Đó là người chịu tội một cách oan uổng thay mình…" – tôi nghĩ, cố gắng bước cho nhanh qua cửa văn phòng. Loan hạt mít lạch bạch chạy sau:
- Bê ơi, đợi tớ với! Làm gì mà đằng ấy như ma đuổi vậy?…
Tôi không trả lời, bước vùn vụt.
Chiều, cố gắng lắm tôi mới học thuộc bài. Những dòng chữ nhảy nhót lung tung, không chịu sắp thành hàng lối trong trí nhớ. Học xong, tôi lơ láo nhìn những người qua đường. Một con nhện to kềnh giăng lưới trên cửa sổ, tôi cũng không buồn đuổi. Hình ảnh cậu học trò xa lạ với gương mặt nhợt nhạt đầm nước mắt cứ hiện lên. Hẳn chiều nay cậu phải ngồi viết bản kiểm thảo. Không tham dự, không làm, không biết… nhưng chắc chắn bà hiệu trưởng buộc cậu phải nhận lỗi. Cả trường chúng tôi không ai quên được vụ kỷ luật Đào Ca năm ngoái…
Đào Ca là học sinh 8D, con một người đàn bà gầy còm, bán kim chỉ và đồ vặt ngoài chợ. Ông bố Ca làm thợ mộc, nhưng quanh năm rượu chè nên không bao giờ đưa cho vợ được một đồng nuôi con. Nhà sáu miệng ăn, ngoài giờ học Ca phải bán thêm kẹo kéo. Mặt mũi cậu ta lúc nào cũng ủ ê, cau có. Bỗng nhiên, trường bị mất năm cân đường chuẩn bị cho hội thi văn nghệ. Không hiểu người nào đó xướng lên rằng thủ phạm chỉ có Đào Ca, vì hoàn cảnh khó khăn, vì chính bản thân cậu thường phải tìm mua đường trắng ở cửa hàng về nấu kẹo. Ý kiến đó lọt vào tai bà hiệu trưởng. Bà vốn nổi tiếng về sự sắt đá. Bà tin là sự thật. Bà quyết bắt Ca phải nhận lỗi. Cậu phải viết đi viết lại một trăm hai mươi hai bản kiểm điểm, từ chỗ không biết gì đến chỗ hoàn toàn nhận tội và miêu tả cụ thể, ngày giờ, cách thức lấy trộm năm cân đường. Hơn ba tuần ngồi viết kiểm thảo, Đào Ca đờ đẫn như kẻ mắc chứng tâm thần. Sau khi nhận tội, cậu ta được hưởng kỷ luật khoan hồng của bà là cảnh cáo ghi lý lịch và lưu ban. Nhưng Đào Ca không đủ sức theo học nữa. Cậu nghỉ luôn và trở nên ngờ nghệch như mắc chứng tâm thần thật sự.
Đào Ca nghỉ học được một tháng, công an tới trường báo đã phát hiện ra kẻ trộm. Đó là gã con trai lớn của ông bảo vệ trường, hai mươi tám tuổi, làm nghề đẽo đá đóng cối xay và bia mộ. Gã làm thợ thì tồi nhưng xoáy vặt thì rất giỏi. Nhờ những vụ trộm liên tục, công an mới tóm được gã một cách đột ngột, tường tận, không thể chối cãi…
Mọi người thương xót Đào Ca . Duy chỉ có bà hiệu trưởng tỏ ra không xao động. Mặt bà lúc nào cũng uy nghiêm, lạnh lùng. Một gương mặt như chạm bằng đá rắn. Lúc đó tôi nghĩ rằng những người đàn bà ham quyền lực còn khắc nghiệt hơn cả đàn ông. Tôi rờn rợn khi gặp bà. Điều đó sau này trong cuộc đời tôi thấy hoàn toàn đúng.

Trở lại sự việc của mình, nỗi day dứt giày vò tâm trí tôi. Bà hiệu trưởng nhất quyết bắt Xít nhận lỗi, dù phải viết tới năm trăm bản kiểm thảo. Trước đây bà đã chẳng bắt Đào Ca từ không đến có đó là gì?… Xít sẽ không thể nào chống đỡ. Sẽ không ai an ủi, dìu dắt được cậu trong cơn tai biến này. Sẽ không ai cứu cho cậu thoát khỏi vòng oan nghiệt..
- Mình phải làm việc ấy. Mình phải đứng lên nhận hình phạt.
Tôi tự bảo mình. Nhưng cặp mắt bà hiệu trưởng hiện lên sau lớp kính trắng, lạnh lùng và nghiệt ngã. Đừng hy vọng một sự khoan dung nào ở bà. Bà sinh ra đời là để trừng phạt và chỉ thế thôi. Những học sinh khối mười đã nhiều lần bàn tán về bà như vậy. Nhận tội, tôi sẽ bị đuổi học tức khắc. Trời ơi, con cô giáo Hạnh mà bị đuổi học sao? Mẹ tôi sẽ nói năng với bạn bè đồng nghiệp thế nào?…
Còn Xít bị đuổi học, mẹ cậu ta sẽ khó mà sống nổi. Bà ấy gầy như que củi, suốt ngày ngồi đan sau chiếc tủ kính đựng len, những sợi gân xanh nổi như cọng rau muống trên làn da trắng bệch vì thiếu máu. Bà goá chồng từ năm ba mươi lăm tuổi, ở vậy nuôi Xít và mắc bệnh đau tim đã sáu bảy năm nay. Tôi nỡ nào để một người mẹ yếu đuối như vậy đau khổ?
Nhưng Xít chỉ là một học sinh bình thường. Còn mình được cả trường biết đến tên tuổi. Nào là học sinh xuất sắc, diễn viên kịch trứ danh, vận động viên thể dục mềm dẻo số một…
Bao nhiêu vinh quang. Tất cả sẽ rơi rụng hết một khi tôi đứng trước văn phòng, nghe bà hiệu trưởng tuyên án…
Đầu óc quay cuồng, tôi mở tung cửa chạy ra hè phố.
Lúc đó khoảng bốn giờ chiều, nắng đã nhạt. Một đoàn xe ngựa chạy qua đường. Những chiếc chuông rung reng reng. Từng con ngựa bụi bặm, mỏi mệt lắc bờm diễu qua mắt tụi nhóc, nửa như phớt lờ, nửa như trêu chọc. Lũ trẻ reo hò, đuổi theo chúng tới tận ngã ba đường. Trên hè phố trơ lại hai đứa bé. Một thằng to béo, má đỏ, trông nhanh nhẹn. Thằng kia thấp nhỏ, yếu đuối hơn. Hai đứa bị đám trẻ lớn gạt lại nên đành đứng trông theo đoàn xe ngựa. Mặt chúng tần ngần một cách tội nghiệp, lát sau thằng bé to béo rủ bạn chơi bi. Chúng cởi hai chiếc cặp da có quai đeo, đặt vào gốc cây cơm nguội, rút phấn trong túi quần vẽ lỗ rồi bắt đầu bắn bi. Lát sau, thằng lớn ăn gian, đút viên thuỷ tinh mới có múi khế xanh đỏ vàng của bạn vào túi. Rồi nó xách cặp chạy về nhà. Thằng bé bị mất oan viên bi không dám chạy theo đòi. Nó đứng lặng yên nhìn theo kẻ cướp giật kia, nước mắt ứa qua bờ mi, lăn hối hả trên gò má. Cặp mắt thằng nhỏ xanh trong, tròng đen màu nâu có những rạch sáng. Những giọt nước mắt của nó cũng trong suốt như thủy tinh. Tôi đến gần dỗ:
- Nín đi em, nín đi…
Thằng bé ngước cặp mắt trong veo nhìn tôi. Và ngay lúc đó, nỗi hổ thẹn khiến miệng tôi đắng nghẹn lại. Tôi có khác gì thằng bé lừa đảo kia. Tôi cũng gạt tội lỗi cho kẻ khác mà kiếm phần hơn cho mình. Tôi không dám hỏi thằng bé nữa, bỏ vào nhà.
Loan hạt mít cũng vừa sang:
- Đằng ấy ốm à? Sao xanh tái như tàu lá thế?
Tôi gượng gạo đáp:
- Ừ, chóng mặt…
- Thôi, đúng rồi. Đằng ấy bị cảm gió. Năm nay trời độc lắm, người già con trẻ ốm la liệt ra.
Loan bắt tôi nằm xuống giường để nó xoa dầu đánh gió. Tôi mặc cho nó làm vì chính tôi cũng thấy bải hoải như ốm thật. Vừa làm, Loan vừa nói lem lém:
- Tớ vừa gặp ông Gia xong.
- Ở đâu?
- Hiệu phở. Mặt ông ấy to ơi là to. Tớ sợ không dám mua phở phải vác bát vào chợ mua cháo lòng cho mẹ tớ.
- Sợ gì?
- Sợ chứ. Nghe Yến sếu bảo ông ấy tuyên bố trước hội đồng giáo viên là không tìm được đứa nào nhốt ông ấy vào nhà xí và đuổi học thì ông ấy sẽ nghỉ dạy.
- Nghỉ thì đã có người khác. Thiếu gì giáo viên thể dục.
- Nhưng ông ấy lại là em chồng bà hiệu trưởng. Anh rể Yến sếu làm trên Ty giáo dục nói rằng ông Gia bị kỷ luật ở trường cũ phải đổi đi Lào Cai nhưng bà Vinh xin về đây. Bà ấy mạnh cánh lắm. Hiệu trưởng nào cũng phải sợ
Tôi lặng im. Dẫu sao, tôi cũng đã quyết định rồi. Và dù tai ương có khủng khiếp đến đâu tôi

cũng không thay đổi ý nghĩ.
Sớm hôm sau, tôi tới trường. Bố Thế ở dưới quê vừa lên. Bố đem cho chúng tôi một gói quýt và khoai lang luộc. Cả lớp xúm xít vây quanh:
- Bố ơi, bà khoẻ chưa hả bố?
- Khoẻ rồi. Tưởng cụ chết. Nhờ châm cứu với mấy chén thuốc bắc, cụ lại hồi.
- Cô con khoẻ không ạ?
- Cây táo vườn sau còn quả không bố?
- Luống khoai dong riềng dỡ hết chưa mà bố không đem lên đây luộc?...
Bố Thế tươi cười trả lời lần lượt những câu hỏi. Rồi bố ngạc nhiên nhìn tôi:
- Con Bê làm sao thế? Mọi ngày mồm mép như tép nhảy cơ mà?
Loan nhanh nhẹn đáp:
- Thưa bố, Bê ốm từ chiều qua.
Bố Thế đặt bàn tay thô nháp lên trán tôi:
- Ô, trán hơi nóng mất rồi. Mày đã uống thuốc gì chưa?
Bố nhìn vào mắt tôi, hỏi. Bao giờ bố cũng chỉ có môt kiểu nhìn như vậy: trung thực và tin cậy. Tôi nghĩ bụng: Với một con người như bố, chỉ có quỷ sứ mới có thể dối trá được. Cảm giác kinh hãi thoáng lướt qua như cơn gió lạnh khiến tôi bất giác rùng mình. Rồi tôi thu hết can đảm ngẩng lên nhìn vào mắt bố và nói:
- Bố đi về phòng đi... Con có chuyện này...
Có lẽ thầy chủ nhiệm của tôi cũng đoán được đôi phần điều hệ trọng sau câu nói của tôi. Bố Thế không cười nữa, dắt tay tôi đi dọc hành lang trở về phòng. Đám bạn trong lớp ngơ ngác nhìn theo.
Khi bố Thế vừa mở cánh cửa, dẫn tôi tới ghế ngồi thì tôi bỗng bật lên khóc. Những cơn nấc dữ dội như những làn sóng bị dồn nén từ lâu trong mạch nước theo nhau trào ra, ào ạt xối xả khiến tôi mụ mẫm cả người. Tôi khóc như đứa trẻ con bị đòn oan, ngây ngất không chú ý tới mọi vật xung quanh mình. Cổ họng khản đặc. Mắt sưng húp lên. Hai ống tay áo và khoảnh bàn tay tôi tì lên ướt đầm đìa. Chưa bao giờ tôi khóc như hôm ấy. Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm trên giường bố Thế, chiếc chăn hoa mỏng đắp tới tận cằm. Giường bên kia, thầy Bách ngáy khò khò. Bố Thế ngồi chấm bài ở bàn. Góc bàn, một chiếc lồng bàn nhỏ đậy phần cơm. Thấy tôi ngồi dậy, bố quay lại bảo:
- Dậy xúc miệng rồi ăn cơm kẻo đói lả bây giờ.
Tôi trả lời:
- Thưa bố vâng.
Nhưng tôi hoàn toàn không thấy đói. Giờ này, chắc mẹ tôi đã đi dạy học rồi. Hôm nào tôi về muộn, mẹ cũng để phần cơm tôi như thế này.
Bố Thế pha một cốc nước chè nóng với đường cho tôi uống rồi gạt chồng bài kiểm tra sang bên, ngồi đối diện với tôi.
- Lúc ngủ, mày nói mê loạn xạ... Bố phải dấp khăn ướt trùm lên trán mới thôi. Nào, sự việc ra sao, kể cho bố biết.
Tôi bắt đầu kể hết mọi chuyện: Từ chuyện tôi và Loan thấy ông Gia tán tỉnh chị Bội tới giờ kiểm tra chạy tôi bị trù. Cuối cùng là sự việc sáng thứ bảy tuần trước, khi lòng căm tức đã xui khiến tôi có hành động dại dột.
Tôi kể xong, bố đứng dậy.
- Giờ bố con ta xuống văn phòng minh oan cho cậu Xít. Rồi mọi chuyện sẽ tính sau.
Chúng tôi xuống văn phòng. Quả nhiên, Xít đang ngồi ảo não trước tờ giấy trắng. Trông cậu ta thiểu não. Đường gân xanh nổi phập phồng bên thái dương. Sau tấm bàn, bà hiệu trưởng đang ghi chép gì đó lên cuốn sổ tay bọc da lớn bằng cuốn sách vỡ lòng. Không khí lặng lẽ đến mức nghe rõ tiếng mọt đục kèo trong chân bàn. Hai thầy trò bước vào. Bà hiệu trưởng không ngẩng lên, cất tiếng hỏi:
- Có việc gì thế anh?
- Tôi muốn nói với chị chút việc riêng.
Bà hiệu trưởng ngước mắt nhìn. Đôi mắt lạnh và sắc của bà khiến tôi run rẩy. Bố Thế biết tôi sợ, quay lại nói:
- Con ra ngoài sân chơi. Lát nữa bố gọi.

Tôi chào bà hiệu trưởng, chạy ra ngoài. Chừng năm phút sau, Xít ra theo. Cậu ta rón rén lại gần gốc cây phượng, nơi tôi đang ngồi:
- Này, bạn đã nhốt lão Gia đấy à?
Cậu ta cất tiếng hỏi, vừa rụt rè vừa hồ nghi.
Tôi gật đầu, không đáp.
Xít đi vòng quanh, vẫn bằng dáng điệu rón rén e sợ, rồi sau khi thở một hơi dài, quả quyết, cậu ta gọi tôi:
- Bạn này.
Tôi ngước mắt lên:
- Gì cơ?
Xít rón rén ngồi xuống cạnh tôi:
- Bạn là con gái mà ghê thật đấy. Bạn không sợ bà Vinh đuổi học hay sao?
- Có sợ.
- Thế sao bạn lại dám nhận tội?
- Tôi không nhận thì anh bị đuổi học thay tôi. Mà anh bị đuổi học, mẹ anh sẽ buồn phiền mà chết.
Xít im bặt. Rồi lát sau, cậu ta khe khẽ nói:
- Cám ơn bạn nhé.
Tôi đáp:
- Chẳng cần đâu.
Cậu trai tần ngần:
- Có cách nào thoát được không nhỉ?
Tôi lắc đầu:
- Chẳng cần. Tôi làm, tôi chịu.
Xít cau mày:
- Bạn biết tính bà hiệu trưởng chứ? Mà lão Gia lại là em ruột của chồng bà ta.
Tôi gật đầu:
- Biết rồi.
Xít hạ giọng thì thầm:
- Bạn có biết từ hôm qua tới giờ bà Vinh tra khảo tôi những gì không? Cứ thế này kéo dài một tuần chắc tôi ốm chết…
Tôi nói:
- Tôi thì chẳng sợ tra khảo. Tôi nhận rồi mà.
Xít ái ngại nhìn tôi, thở dài sườn sượt:
- Thế cũng chẳng sung sướng gì hơn. Bạn sẽ bị buộc thôi học ngay trong vòng một tuần.
- Đành vậy thôi.
Tôi đáp và quay đi. Tôi không muốn Xít nhìn thấy cặp mắt sưng mọng của mình. Chưa bao giờ tôi khóc trước mặt bạn trai. Xít cũng đoán được ý tôi. Cậu ta băn khoăn đi đi lại lại một hồi rồi chụp mũ lên đầu, chào tôi ra về.
Nửa giờ sau, bố Thế gọi tôi:
- Con hãy nói cho cô Vinh nghe mọi chuyện.
Bố ngồi bên tôi. Tay bố nắm cánh tay tôi khiến tôi vững dạ. Tôi đủ minh mẫn để thuật lại đầy đủ những sự việc dẫn tới hành động cuối cùng của mình. Bà hiệu trưởng vừa nghe vừa gõ nhịp chiếc bút lên bàn. Tôi nói xong, bà hất bàn tay lên:
- Cho cô ra ngoài.
Tôi đi ra. Bố Thế còn ngồi lại nói chuyện với bà cho tới khi trời tối. Sương buông xuống, phủ trên đồi bạch đàn. Cánh đồng xung quanh mờ mờ như bị xông khói. Bố Thế lấy xe đạp đưa tôi về nhà. Bố dặn tôi đừng nói cho mẹ tôi biết chuyện.
Tôi hôm đó, ngồi trước ánh đèn, tôi bỗng thấy chua xót tràn ngập tâm hồn. Tôi là một học sinh gương mẫu, tôi muốn mãi mãi là trò giỏi, là vận động viên xuất sắc, là diễn viên không chuyên nghiệp nổi danh của tỉnh, tên tôi mãi mãi ghi trên tấm bảng danh dự của trường… Lạy trời, ông giáo thể dục này từ đâu tới phá vỡ cuộc sống tươi sáng ngọt ngào của tôi? Vì sao cuộc đời lại có những con người khả ố thế và vì sao lòng căm tức lại xui khiến tôi có những hành động liều lĩnh như vậy?… Không một nàng tiên nào giáng thế để trả lời những câu hỏi cho tôi.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 7

NHỮNG NỖI BẤT NGỜ CAY ĐẮNG VÀ ÊM DỊU

Trong bản kiểm điểm, tôi giải thích hành động của mình có hai duyên cớ: Thứ nhất, đáp lại sự hành hạ tàn nhẫn của ông giáo. Thứ hai, phản đối thái độ bất chính của ông ta với nữ sinh. Bà hiệu trưởng đọc xong nhưng chưa trả lời. Bà cần nghiên cứu, xác minh. Và trong thời gian chờ đợi ấy, bà buộc tôi nghỉ học. Bố Thế và thầy Bách đấu tranh rất kiên quyết và nhẫn nại nhưng không thể lay chuyển quyết định của bà. Bà muốn chứng tỏ cho mọi người thấy bà là hiệu trưởng và quyền quyết định tối cao của bà là một thứ tài sản bất khả xâm phạm. Những ngày bị buộc nghỉ học, tôi gầy tọp đi. Bạn hãy tưởng tượng một ngày nào đó, người ta nói với bạn rằng: Mày sẽ được cho ăn, cho uống, nhưng bị nhốt vào chuồng sống chung với lũ bò và sống như thế cho tới mãn kiếp… Tôi cảm thấy mình bị hành tội đúng như vậy trong những ngày chờ phán xử.
Mẹ tôi không dung tha cho bất cứ hành động hoặc lời lẽ nào của tôi. Mẹ tôi chỉ nhắc đi nhắc lại điều duy nhất:
- Bất luận lý do gì, thầy vẫn là thầy, trò vẫn là trò. Trò dám chống lại thầy là tội không dung thứ.
Hoặc là mẹ tôi cố tình không hiểu. Hoặc là mẹ không bao giờ hiểu rằng đôi khi số phận áp đặt cho ta một ông giáo không đủ tư cách làm thầy, thậm chí không đủ tư cách làm một người đứng đắn và lương thiện. Vì thế mọi lỗi lầm mẹ trút cả lên đầu tôi:
- Con là đứa phá hoại luân lý gia đình. Bốn đời nhà ta làm nghề dạy học mà chưa gặp đứa học trò bất trị nào như con. Con phải hiểu rằng người học trò ngoan chỉ có mỗi nhiệm vụ: lắng nghe và học hỏi thầy…
Tôi buồn rũ, chỉ ngồi im. Nhưng có lúc nổi khùng, tôi vặn lại mẹ:
- Nếu con là con trai mà thực hiện đúng lời mẹ dạy, thì con đã theo ông Gia đuổi theo các cô gái tán tỉnh suốt ngày… Liệu mẹ có chịu không?
Lúc đó, mẹ lại quát to:
- Con nhà mấy dạy, không được cãi lý với mẹ.
Tôi nói:
- Nhưng thưa mẹ, mẹ vừa bảo con phải học hỏi người thầy. Vậy con đã nghe thấy thầy Gia nói với chị Bội rằng…
Tôi nhắc lại nguyên văn những câu tán tỉnh ba xu của ông giáo thể dục. Mẹ tôi bí thế, lại đùng đùng quát lên:
- Giỏi thật, cho chúng mày tiền đi ăn kem, lại đứng nghe những chuyện nhảm nhí. Ngữ này không đánh cho no đòn thì cũng đến nước hư hỏng thôi. Bê, nằm xuống đây!…
Mẹ tôi quất roi mây lên mông tôi, vừa thở hổn hển. Thoạt đầu, tôi còn khóc vì đau đớn. Sau, tôi không khóc nữa. Tôi cảm thấy mình trở nên lỳ lợm. Tôi nằm im đếm những roi đòn rơi xuống và thầm nói:
- Lão Gia ác độc, cầu cho lão chết đi, cầu cho lão chết…
Tôi không giận mẹ, mặc dầu mẹ đánh tôi quá nhiều và thật vô lý. Đánh xong, mẹ ném roi, ngồi ôm mặt khóc. Dường như mỗi roi đòn mẹ quất lên mông tôi thì một ngọn roi vô hình nào đó cũng quất xuống trái tim mẹ và khiến mặt mẹ co dúm lại vì đau khổ. Đêm tới, khi thấy tôi ngủ say, mẹ rón rén tụt quần tôi ra, xoa dầu lên những lằn roi bỏng rát. Tôi thức giấc,nằm thật yên, nhưng nước mắt rơi ướt đầm gối vì thương mẹ và thương cả thân mình.
Giấc ngủ kéo dài mười hai giờ liền. Mãi gần trưa hôm sau, tôi mới tỉnh. Lúc ấy khoảng mười

giờ rưỡi. Mẹ tôi đi đâu đó, khoá cửa ngoài. Nắng lọt qua cửa sổ kẻ lên mặt chiếu. Vệt nắng khiến tôi nhìn ra những đồ đạc quen thuộc hàng ngày: bàn ghế, tủ treo quần áo, tủ chè gương mặt đã ố, con búp bê ngồi trên xích đông, cái đầu sư tử treo trên tường mua ngày Tết Trung Thu năm tôi lên bảy… Tất cả đều xám xịt và buồn tẻ.
Căn phòng tối lờ mờ như nhà tù. Còn tôi, tôi là một tù nhân. Đúng tôi là một tù nhân. Nhưng không phải tù hình sự - đám lưu manh chuyên móc túi, cướp giật, lừa đảo… Tôi là tù chính trị. Nếu sinh vào thời cách mạng, rất có thể tôi sẽ trở thành Tô Hiệu, Lý Tự Trọng… Các chiến sĩ cách mạng đã chẳng chống lại lũ thực dân áp bức dân lành đó sao? Còn tôi, tôi không thể chống thực dân Pháp vì chúng đã cút về nước và cách mạng đã thành công rồi.Nhưng tôi chống lại ông Gia là kẻ độc ác, hành hạ trẻ nhỏ, cưỡng bức phụ nữ… Ít ra, việc làm của tôi cũng khiến lão phải e dè hơn trước. Và sự hả hê không che giấu của học sinh trong trường đã chẳng nói lên điều đó sao?… Nếu tôi biết căm ghét và phản kháng cái xấu, tôi có thể trở thành người chiến sĩ khi nước nhà gặp cơn nguy biến… Tôi tự an ủi và không buồn chán nữa. Tôi vừa định ngồi lên thì có tiếng khoá lách cách. Mẹ về. Nhớ lại những đòn roi tối qua, tôi lại nằm xuống giường. Mẹ toi cất túi xong, vội vã tới hỏi:
- Bê đã dậy chưa con?
Tôi im lặng.
- Bê đã tỉnh chưa con?
Mẹ tôi hỏi lần thứ hai, hốt hoảng hơn. Tôi không trả lời.
- Trời ơi, con bé ốm mất rồi! … - mẹ kêu lên, ôm chặt lưng tôi - khổ thân con bé, trời ơi!
Tôi co cứng người lại để mẹ không thể xoay mặt tôi ra ngoài. Giờ đây, những giọt nước mắt nóng hổi đang theo nhau lăn xuống gối.
“Không được khóc, chẳng chiến sĩ nào khóc trong nhà tù cả… Mày phải nín ngay đi…” – tôi thầm giận dữ mắng mỏ mình.
Mẹ tôi vẫn ôm tôi, vừa lay vừa nói:
- Con ơi, xôi cô Vân Anh cho kia kìa, cả cháo sườn mẹ mới mua ở nhà bà Soi về còn nóng hổi… Con ăn một tý kẻo ốm bây giờ, con ơi…
Tôi nghĩ: “Ăn bây giờ là hèn. Ăn bây giờ là chấp thuận ý kiến của mẹ. Mẹ buộc mình phải kính trọng lão Gia và hoàn toàn nhận lỗi…”
Mặc cho mẹ nài nỉ, tôi vẫn nằm im, quay mặt vào tường. Rồi một ý nghĩ như cơn gió lướt tới: Tôi tuyệt thực. Đúng rồi… ngày xưa, các chiến sĩ Nam Kỳ khởi nghĩa đã chẳng nằm nghiêng, không cử động, không ăn uống mười lăm ngày liền và đã anh dũng chết đó sao?… Các nhà hoạt động chính trị đã chẳng tuyệt thực hàng tuần trong nhà tù Sơn La cho tới khi thực dân Pháp phải thực hiện yêu sách đó sao?… Tại sao mình lại không học tập được những con người dũng cảm đó?… Ý nghĩ đó khiến tôi như lớn hẳn lên, vững chãi và đầy uy lực của một người chiến thắng. Tôi quay mặt lại, mở mắt nhìn mẹ và nói dõng dạc:
- Mẹ không thể nào mua chuộc được con. Con tuyệt thực.
- Cái gì? - mẹ tôi trợn tròn hai mắt, dường như không tin ở tai mình nữa – Con nói gì?
Tôi dằn từng tiếng:
- Con nói rằng con tuyệt thực. Tuyệt thực để bảo vệ chân lý.
Mẹ tôi đứng dậy, ngơ ngác nhìn tôi như nhìn người từ âm phủ chui lên. Biết mẹ chưa hiểu, tôi nói tiếp:
- Từ nay con sẽ nằm nghiêng, không ăn uống, không cử động cho tới khi áo quần thối rữa. Con sẽ chết, giống như cácchiến sĩ Nam Kỳ khởi nghĩa trong khám Chí Hoà ngày trước. Mẹ tôi lặng đi vài giây. Rồi sau khi hiểu ra mọi chuyện, mẹ bật khóc:
- Hu hu hu… Trời đất ơi… Khổ thân tôi… Tôi cũng chết đi cho rồi…
Mẹ khóc như đứa trẻ bị đòn, yếu đuối và thơ ngây. Tôi mủi lòng, định dỗ dành mẹ. Nhưng lúc đó tôi đã nằm nghiêng quay mặt vào tường như đã dự định nên tôi không thể quay ra.
“Phải cứng rắn, phải đấu tranh cho chân lý…” – Tôi tự hạ lệnh cho mình. Và cứ thế, tôi nằm yên lặng. Mẹ tôi hết khóc lóc dỗ dành lại nhờ Loan hạt mít, Yến sếu tới khuyên can tôi. Tôi đã chiến thắng được những phút yếu lòng. Tôi đã chiến thắng được mùi thơm của cháo sườn, cháo gà hạt tiêu, phở bò, xôi nén với chả…
Khoảng năm giờ chiều, vì mệt, tôi nằm thiu thiu ngủ. Chợt nghe tiếng đập cành cạch của tấm nhôm rách bên ngoài. Bố Thế đã dắt con ngựa già lọc cọc tới – tôi nghĩ bụng. Đúng như vậy,

chưa đầy một phút sau đã có tiếng gọi:
- Cô Hạnh có nhà không?
Mẹ tôi dưới bếp cuống quýt chạy lên. Thấy bố Thế, mẹ tức tưởi khóc:
- Em mong anh suốt từ trưa. Cả ngày nay, nó chẳng chịu ăn uống gì. Nó bảo em là nó sẽ tuyệt thực để đấu tranh cho chân lý. Nó kiên quyết nằm úp mặt vào tường đến khi nào thối hết da thịt, chết như những chiến sĩ Nam Kỳ trong khám Chí Hoà. Mấy chị hàng xóm khuyên em nên mời sư sãi trên chùa về nhà cúng giải ma… Mà em thì sợ rằng…
Bố Thế ngắt lời:
- Cô cứ bình tĩnh. Đừng có cuống lên như thế…
Nghe tiếng động, tôi biết rằng bố đã bỏ cái xắc da to tướng xuống và kéo ghế ngồi. Mẹ tôi hấp tấp đi lại, chừng như để kiếm trà pha nước.
- Mời anh xơi nước. Trà ướp sen cô Vân Anh mới cho em.
Bố Thế uống trà, khà một tiếng theo thói quen của bố mà chúng tôi biết từ lâu. Rồi bố ề à cất tiếng:
- Cô ăn cơm chưa? Chạy ra phố mua cho tôi mấy chiếc bánh ngọt. Mặc tôi ở đây với con Bê.
- Vâng, em đi ngay bây giờ.
Mẹ tôi hối hả đi ngay tức khắc, tiếng xe đạp tanh tách xa dần. Tôi hé mắt nhìn, thấy đôi vai to ngang của bố Thế in lên bóng tường. Chao ôi, mới nghỉ học mấy ngày mà tôi nhớ bố quá thể. Nỗi nhớ người thầy thân thiết hoà trong nỗi nhớ lớp, nhớ trường. Bởi thế khi thầy vừa cất tiếng gọi: "Bê, dậy bố bảo…" tôi liền nhổm ngay dậy và oà khóc.
Thầy ôm tôi vào lòng và rút chiếc khăn tay sặc mùi thuốc lào lau nước mắt cho tôi:
- Sao mày không chịu ăn uống gì hả con?… Đúng là đồ ngốc.
Tôi nức lên to hơn, không nói được lời nào.
Bố Thế hỏi:
- Bố nghe con Loan nói mày nhất quyết tuyệt thực phải không?
Nói rồi bố cười hì hì, đúng như tiếng cười của một ông già hiền lành.
- Ngốc lắm – bàn tay ấm và nham nhám của bố xoa lên tóc tôi – ngày xưa bố cũng đã tuyệt thực khi ở trong nhà tù của kẻ địch chứ không ai tuyệt thực trong ngôi nhà êm ấm của mình. Mày có hiểu tuyệt thực là gì không? … Một biện pháp đấu tranh chống kẻ địch. Vậy mà con lại đem biện pháp đó áp dụng với người thương yêu mình nhất trên đời. Như vậy có đúng là điên không?…
Tôi vẫn úp mặt vào lòng bố Thế và không nhìn rõ bố đang cười. Nhưng tôi hình dung được trước mắt những chiếc răng thưa đều và ám đen khói thuốc của bố. Tôi cố cãi một câu chiếu lệ:
- Nhưng tại sao mẹ con cứ bắt con phải con phải kính trọng, học tập ông Gia.
- Phải kính trọng, học tập các thầy các cô giáo nói chung - bố Thế ngắt lời tôi – vì các thầy các cô là người dạy dỗ, truyền đạt cho mình những kiến thức về cuộc sống. Không có kiến thức, sao con người tốt đẹp và trưởng thành lên được?… Nhưng trong số những cá nhân lãnh trách nhiệm làm thầy, làm cô… cũng có người không đoan chính. Bố biết vậy… Nhà trường, các thầy cô có trách nhiệm giúp đỡ những giáo viên có khuyết điểm. Còn học sinh không được làm điều gì xúc phạm đến thầy cô giáo.
Tôi ngẩng lên, nhìn thầy. Ánh mắt hiền hậu của thầy lộ rõ vẻ buồn bực.
- Bố biết, tay Gia này…
Tôi ôm chặt bố Thế thân yêu của mình. Phải, bố đã hiểu tất cả, bố đã công bằng. Tôi chỉ chờ vào điều ấy thôi…
Bố vuốt tóc tôi, xoa vầng trán tôi và nói tiếp:
- Con xử sự với ông Gia như vậy là con có lỗi. Đáng lẽ con phải cho bố biết mọi sự. Con phải kiên nhẫn chờ bố ở dưới quê lên.
Bố nhìn tôi thở dài, mắt bố rất buồn. Tôi cũng rưng rưng trong dạ. Biết vậy, bố khẽ nói:
- Thôi, dẫu sao thì mọi chuyện cũng qua rồi. Giờ phải ăn đi chút gì đã. Mới bằng con ếch đã tưởng đấu được với bò. May mà không ốm nặng.
Đúng lúc ấy, mẹ tôi hớn hở dắt xe vào, đặt gói bánh ngọt lên bàn. :
- Anh xơi bánh với nước chè. Bánh mới còn mềm lắm.
Bố Thế đeo chiếc xắc da to tướng lên vai:
- Thôi để bữa khác. Giờ thầy trò tôi ra phố đã.
Rồi bố đèo tôi đi ăn phở. Ăn xong, thầy trò tới hàng nước uống chè tươi nóng với kẹo bột, chè

lam. Bố nói toàn chuyện vui cho tới khi đưa tôi về nhà, bố mới dặn:
- Chiều mai cô Vinh gặp đấy.
Rồi bố về trường. Còn tôi nằm nghĩ tới buổi chiều mai. Đó là thời khắc quyết định số phận mỏng manh của tôi.
Vào buổi chiều ghê sợ đó, nắng gay gắt như thể giữa tháng sáu ta. Chiếc đồng hồ quả lắc cổ lỗ trong văn phòng kêu tích tắc, tích tắc một cách nặng nhọc và cáu kỉnh. Cái quả lắc hoen rỉ đung đưa đều đặn trước mắt tôi. Tôi giương mắt nhìn nó trong khi chờ đợi bà hiệu trưởng phán xét. Bố Thế ngồi bên tôi, vẻ trầm tĩnh nhưng buồn. Dường như bố đã thấy trước một kết thúc không mấy tốt đẹp đang chờ đợi tôi. Tôi cảm thấy điều đó và thêm lo lại. Tim nhảy trong lồng ngực như một con chim bị trói. Tôi phải bấu chặt mép bàn để giữ bình tĩnh. Bà hiệu trưởng ngồi im lặng lật từng tờ giấy trong tập hồ sơ dày cộm. Hồi lâu, bà rút ra bản kiểm thảo của tôi, nói:
- Đọc lại đi
Giọng bà lạnh lẽo khiến tôi tái tê cả người. Bố Thế ngồi im như tượng, nhìn qua ô cửa về phía cánh đồng xa tít tắp. Hình như bố đang nghĩ tới điều gì đó không liên quan gì tới bà hiệu trưởng, bản kiểm điểm và bầu không khí nghiêm trọng trong căn phòng này. Tôi chợt thấy bơ vơ như đứa trẻ bị lạc trong bãi tha ma đêm, hoảng hốt, run rẩy. Trước mặt tôi, những dòng chữ xanh đậm trên bản kiểm điểm nhảy nhót, chập chờn. Một giọt mực rơi giống hệt con nhặng đậu lên trang giấy. Ngay chữ ký dưới cùng cũng xa lạ như thể chữ ai đó, chứ không phải chữ ký của mình…
- Đọc kỹ chưa?
Bà hiệu trưởng cất tiếng hỏi đột ngột khiến tôi giật nẩy người. Ngón tay trỏ của bà đưa lên, ấn vào sống chiếc kính cận đang tụt xuống chóp mũi. Rồi bà nhìn xoáy vào mặt tôi. Mắt bà trơ trơ như hai hạt nhãn nước, không giận giữ, không xót thương, không căm ghét. Cả đến sự giễu cợt cũng không. Trước cặp mắt vô tri của bà, tôi thấy mình bị tan vụn ra như cục bột ngâm nước. Chưa bao giờ tôi bắt gặp một ánh mắt nhọn như kim, tàn nhẫn một cách bình thản và ngọt ngào như thế.
- Em nhớ rõ những gì đã viết chứ? – bà hỏi từ tốn.
- Thưa cô, vâng. – Tôi trả lời.
Bà hiệu trưởng hơi nhếch mép, môi trên đụng đậy. Hình như bà mỉm cười thì phải. Rồi gõ ngón tay xuống bàn, bà dõng dạc goi:
- Nguyễn Ngọc Bội, vào đây.
Cánh cửa sau lưng bà mở ra lẹ làng, không tiếng động như được làm phép. Một bàn tay trắng nõn vịn vào khuôn cửa. Rồi sau đó, một thiếu nữ bước ra:
- Thưa cô, em đây ạ.
Chị Bội trả lời. Đúng là chị Bội. Nhưng mặt chị trắng phếch, nhợt nhạt và đôi mắt đen sập xuống, như bị cắm vào từng bước đi ngắn, e dè như bước đi của ông già mù hát xẩm.
- Mời em ngồi… - bà hiệu trưởng kéo ghế - Hôm nay, nhà trường mời em tới để xác minh một sự việc. Trước tiên, tôi yêu cầu em phải nói thật, hoàn toàn sự thật – Bà dằn từng tiếng. – Em rõ chưa?
- Thưa cô, rõ ạ.
Chị Bội đáp, giọng run run và mặt càng nhợt ra như tờ giấy.
Bà hiệu trưởng gõ ngón tay lên bàn:
- Tốt lắm. Bây giờ, em nghe cho kỹ càng: Thầy Gia có tán tỉnh, bờm xơm với em không?
- Thưa cô, không ạ.
- Thầy Gia có biểu hiện thiếu đứng đắn với em không?
- Thưa cô, không ạ.
- Thầy Gia có tới rủ em đi xem phim Pha-ti-ma không?
- Thưa cô, không ạ.
- Thầy Gia có vuốt tóc, ôm lưng em không?
- Thưa cô, không…
Cứ mỗi câu trả lời, đầu chị Bội lại cúi thêm xuống. Cuộc đối thoại xong, mặt chị gằm xuống sát mặt bàn. Mỗi câu trả lời của chị giống như những viên đại bác bắn vào đầu tôi, khiến tất cả nát vụn, tan tành. Tôi không nghĩ được gì nữa. Óc tôi như khối bùn nhão, lạnh tanh. Tôi chỉ cảm

thấy mặt mình từ nóng phừng phừng chuyển sang giá ngắt. Bàn tay tôi tuột từ mép bàn xuống gối, run bần bật. Còn quả lắc đồng hồ thì đảo đi đảo lại như cái đầu trọc của lão già trên chùa Đông Na. Cuối cùng, không hiểu vì sao, tôi đã thu hết sức lực mà hét lên:
- Chị Bội nói điêu, chị Bội nói dối!..
Bà hiệu trưởng quắc mắt lên, nhưng giọng lại rất mềm dẻo:
- Em ngồi xuống, không được vô lễ…
Nói xong, bà ta quay sang chị Bội:
- Em hãy trả lời trước tôi, thầy Thế và em Bê. Những điều em nói đúng hay sai?
Tôi nhìn trân trân vào cái má trắng bợt của chị Bội. Những sợi tóc mai rung rung:
- Thưa cô em nói đúng.
Chị Bội trả lời không nhìn ai.
Có cái gì đó vỡ oà trong tôi. Nỗi đau quặn lên, cồn cào gan ruột. Nó khiến tôi rã rời như biến thành những hạt cát. Tôi không thể gào thét được, thậm chí không thể gọi được tên một người thân thiết nào đó tới với mình. Những viên gạch men lát nền nhà quay chậm chậm dưới chân tôi. Rồi tốc độ quay mỗi lúc mỗi nhanh như cánh chong chóng trên đỉnh đồi. Chúng khiến tôi chóng mặt, đầu óc quay cuồng. Một tiếng còi xe lửa rít lên trong óc, và tôi rơi vào trong cái vòng quay tròn dưới chân tôi…
Tôi ốm năm ngày thì được biết hội đồng nhà trường họp thi hành kỷ luật tôi. Mức kỷ luật bà hiệu trưởng đề ra là mức kỷ luật cao nhất đối với một học sinh: Đuổi học, cảnh cáo và thông báo toàn thể các trường cấp ba trong tỉnh; hạnh kiểm 0 điểm. Lý do kỷ luật: Vu khống và có hành động trả thù giáo viên.
Tất cả bạn bè của tôi đã thay nhau theo dõi các cuộc họp. Tụi nó kể với tôi rằng cuộc đấu tranh giữa bố Thế và bà Vinh vô cùng gay go. Cuối cùng, bà Vinh lấy quyền thủ trưởng quyết định vì ý kiến ủng hộ hai bên ngang nhau, không hơn kém một phiếu. Tôi đã chuẩn bị tinh thần chịu đựng kỷ luật cao nhất là đuổi học. Nhưng tôi không ngờ bà hiệu trưởng còn kèm theo điều kiện thông báo toàn bộ các trường cấp ba trong tỉnh. Như vậy, bà vĩnh viễn buộc tôi thôi học vì không một trường nào dám nhận tôi nữa. Bà đã chặn tất cả các ngả đường phía trước đời tôi. Hẳn bà biết cậu ruột tôi có ý định đem tôi lên một trường huyện cho học tiếp. Bà dập tắt nốt ngọn lửa cuối cùng trong hy vọng của tôi.
Tôi gục đầu xuống hồi lâu, không ngẩng lên được. Sau đó, thay nỗi thất vọng và buồn tủi là lòng hờn oán. Tôi hỏi:
- Còn lão Gia thì sao?
Tụi ban hỏi lại:
- Thì sao là nghĩa gì?
Tôi đáp:
- Lão ta có bị kỷ luật, phê bình gì không?
- Làm gì có chuyện ấy. Lão ta còn được thể làm già, khăng khăng đòi đi nơi khác. Nhiều thầy cô ghét lão nhưng không dám nói. Riêng bố Thế với thầy Bách chỉ trích lão thì bị bà Vinh phê bình là nuông chiều học sinh, thành kiến với đồng nghiệp… Mấy hôm nay, mặt lão vênh lên trông đáng ghét lắm.
Tôi lặng im, tức thở như bị ngạt khói. Trước mặt tôi bỗng hiện lên con đường quen thuộc dẫn tới trường. Nắng rực rỡ. Những cây kim phượng hoa vàng và những cây phượng vĩ hoa đỏ chót nở dọc lối đi. Sân trường xanh mướt cỏ. Nơi ấy cơ man nào cỏ may, cỏ chỉ. Chúng tôi đã ngắt cọng cỏ, cắm vào đuôi những con chuồn ớt, chuồn ngô rồi thả chúng lên trời. Thế là hàng chục chiếc phi cơ óng ánh sắc màu lượn trên khung trời lơ, trong như lọc. Sát sân cỏ là hội trường với hai chùm đèn bóng trắng. Các đêm liên hoan đã diễn ra ở đó. Nào tiếng ghi-ta, tiếng phong cầm, tiếng vi ô lông, tiếng sáo… Nào váy áo lụa xanh, lụa hồng rực rỡ và những chiếc mũ dán giây tráng kim lấp lánh dưới ánh đèn… Chẳng lẽ không bao giờ tôi còn được thấy chúng nữa sao?… Cả cái bàn bóng một bên vênh, một bên có khe nứt, bóng đi xiên vẹo và luôn gây cho ta những cú thua oan. Cả cái phòng thí nghiệm có ông già mặc áo bờ lu trắng, mũi khoằm khoằm và luôn hăm dọa lũ học trò nhưng lại hiền như đất. Rồi những dãy chai lọ hình thù lạ lẫm, những chiếc bình cong cổ, những ống nghiệm làm phản ứng hoá học, chum a xít sun-phua-ríc có hình chiếc đầu lâu với hai ống xương bắt chéo bên trên, bộ xương người bằng thạch cao nhe hai hàm răng trắng nhởn trong bóng tối, lọ phoóc môn ngâm bào thai người… Rồi dãy hành

lang lát gạch men vàng, những tấm kính cửa sáng bóng mà ngày ngày chúng tôi soi gương vào đó, chiếc bàn dài đầy vết mực và có các hình vẽ nguệch ngoạc, ngăn kéo dưới bàn là nơi chúng tôi bí mật giấu ô mai và ngô nướng ăn vụng trong giờ học, tấm bảng đen có ô nhỏ bên trên ghi sĩ số từng ngày… Thế giới thân yêu tràn ánh sáng và tiếng cười đó sẽ mãi mãi rời xa tôi sao? Tôi là người sinh ra để gắn bó với nó. Tôi yêu nó đến nỗi trong mỗi vụ nghỉ hè, dù bao nhiêu trò chơi vui thú lôi cuốn, tôi vẫn không quên được màu phấn trắng, mùi hăng hăng bụi bặm của phòng thí nghiệm và không khí hồi hộp trước mỗi tiết kiểm tra bài. Ngôi trường đó có bao nhiêu dấu vết của tôi. Này nhé, cái cọc lưới bóng bàn tôi đã xin Ban thể dục thể thao tỉnh. Đôi vợt mút là phần thưởng cây vợt trẻ của tôi. Chiếc bình cắm hoa lớn nhất thường dùng trong ngày lễ là phần thưởng diễn viên văn nghệ không chuyên của Ty văn hóa tỉnh. Còn bồn hoa trước văn phòng là do cả lớp tôi trồng mùa thu năm ngoái. Hôm trồng hoa, tôi đã bị cảm nắng một trận nên thân…
Những kỷ niệm tha thiết quá. Chúng khiến tôi đau đớn nhiều hơn. Nước mắt trào qua bờ mi, lăn xuống tận cằm. Tôi để mặc cho nước mắt rơi ướt đẫm vạt áo.
Hôm sau chủ nhật, tôi vừa thức dậy thì lũ bạn đã kéo tới đầy cửa. Chúng gào ầm ĩ:
- Bê ơi, dậy mà nghe tin mừng.
- Bê ơi, có chuyện quan trọng lắm…
Tôi đứng dậy mở cửa vì mẹ đi chợ từ sớm đã chốt then ngang thay khóa. Tụi bạn xô vào, xúm quanh giường. Rồi chúng tranh nhau kể cho tôi nghe. Tiết học thứ năm hôm qua, bà hiệu trưởng cho văn thư đánh máy quyết định kỷ luật của tôi gửi đi các nơi. Trong lúc bà đang đọc, Ly bước vào nhận rằng chính mình mới là người nhốt ông Gia vào nhà xí. Vũ Thị Bê chỉ khiêng giùm cậu ta chiếc bàn lim thôi. Nhưng chị ấy đã đứng ra nhận tội vì thương Ly gầy gò, ốm yếu và nếu bị đuổi học sẽ không đủ sức chịu những trận đòn của ông bố…
Tụi bạn kể xong, giương mắt nhìn tôi đầy vui vẻ và tò mò. Tôi im lặng. Tôi không ngờ chú bé loẻo khoẻo, thể xác ốm yếu, có bộ mặt ủ ê, sầu não đó lại tốt đến thế. Niềm thương mến tràn ngập tâm hồn khiến tôi rung cảm.
Loan hỏi:
- Đằng ấy mừng quá phải không?
Tội gật đầu:
- Ừ.
Loan tức tối:
- Thế mà bà Vinh xử oan đằng ấy.
Tôi lắc đầu:
- Không oan đâu.
Tụi bạn trợn tròn mắt nhìn tôi:
- Sao lại thế?
Tôi bảo:
- Tớ mừng vì điều khác chứ không phải vì thoát được kỷ luật của bà Vinh.
Tối hôm đó, tôi đến nhà Ly.
Ông bố say rượu của nó đang ngồi ngất ngư trước một mâm bún lòng.
Trống quân, trống quýt, trống còi,
Tôi chẳng lấy nó, nó đòi lấy tôi…
Ông ta ngửa cổ lên trần nhà, cất giọng khê nồng nặc hát. Hát xong, ông hét thằng con út đang đứng gần cửa:
- Cu, con mẹ sề của mày đâu rồi?
Thằng bé lên năm nhưng mặt già câng trả lời:
- Bà bô sang nhà mụ đồng Son. Có thuê cu đi gọi thì đưa năm hào.
Ông bố móc túi, tìm đồng năm hào ném cho con:
- Này, con mẹ sề mày đi với ai hả?
Đứa con giơ từng ngón tay đen nhẻm, móng tay đầy ghét lên đếm:
- Bà Năm Nghĩa này, bà Tư này, bà Nhàn này… Cả chú Lợi công văn nữa này… Nhiều lắm…
Ông bố gầm lên, đôi mắt lồi như hai quả nhót chín:
- Tiên sư nhà nó, rượu nhạt như nước ốc, mắm tôm chấm lòng thì không chanh, không ớt… Nó bỏ đi đàn đúm với cái thằng đĩ đực ấy. Ông thì ông cho cả nút ăn dao…

Ông ta giơ chén rượu lên cao, đập cộp một cái thật mạnh. Chiếc chén thủy tinh vỡ vụn trên tấm phản gỗ lim. Mảnh thủy tinh đâm vào tay người đàn ông nát rượu. Ông ta giơ bàn tay ròng ròng máu lên và kêu:
- Ly, Ly đâu? Cha tiên sư mày, chết ở đâu rồi?
Tôi nép vào cánh cửa, sợ hãi nhìn những giọt máu đỏ tươi từ bàn tay người đàn ông rớt trên mặt gỗ. Trước đây tôi vẫn nghe dân thị trấn đồn cặp vợ chồng này vô cùng hung bạo, đánh đập nhau luôn luôn và hành hạ thằng bé mồ côi mẹ không tiếc tay. Tuy thế, tôi cũng chưa thể hình dung rằng trên đời có một người cha gớm ghiếc đến như vậy.
Người đàn ông say rượu vẫn gào:
- Cha con đẻ mẹ mày! Ly, Ly… y… y…
Lúc bấy giờ, chú bé hớt hải chạy lên:
- Bố gọi con ạ.
Ông bố quát:
- Không gọi mày thì gọi con chó à?
Nói xong, ông ta co chân đạp thốc vào bụng đứa con, văng ra một câu chửi tục. Ly thót bụng lại như con tôm, lùi ra sau rất nhanh nên cú đạp tàn bạo kia rớt xuống cặp đùi gầy gò của nó. Hẳn là Ly đã quen tránh đòn chứ như tôi mà bị đạp vậy thì chỉ đứng thườn ra hứng trọn cú đòn và sau đó lên bệnh viện ngay.
Trong nhà, ông bố gào:
- Kiếm giẻ băng tay cho tao.
Đứa con trai lẳng lặng vào buồng. Lát sau, Ly mang ra mảnh giẻ cũ với nhúm thuốc lào. Nó cầm bàn tay ông bố lau hết máu, rịt thuốc rồi lấy giẻ băng kín lại. Ông bố đưa bàn tay đã băng cẩn thận lên nhìn, vẻ mặt dịu đi. Ly thu dọn những mảnh thủy tinh vỡ, lấy giẻ ướt lau vết máu trên phản rồi ra sân. Lúc đó, cậu ta mới thấy tôi. Nó nhìn trước nhìn sau rồi chạy ra:
- Đằng ấy đến từ bao giờ?
Tôi không trả lời, hỏi lại:
- Ông ấy đá đằng ấy có đau không?
Ly ấp úng:
- Không… tớ tránh được.
Tôi cau mày:
- Tội nghiệp!... Bố đằng ấy ác quá...
Ly im lặng. Lát sau, nó dịu dàng nói:
- Ông bố tớ ấy mà… ông ấy cũng chẳng sung sướng gì đây. Ông ấy khổ lắm nên mới đâm ra nghiện rượu…
Tôi nói:
- Nhưng ông ấy không thương đằng ấy.
Ly cúi đầu nói khẽ:
- Có chứ. Bố tớ cũng thương tớ…
Rồi sau một lát im lặng, nó lảng sang chuyện khác:
- Đằng ấy tới bảo gì tớ thế?
Tôi ngẩn người, bỗng dưng quên hết những lời lẽ mà dọc đường tôi đã nghĩ ra để nói với Ly. Sau cùng, tôi buông một câu hỏi cộc lốc:
- Sao đằng ấy lên hội đồng nhà trường nhận kỷ luật cho tớ?
Ly từ tốn đáp:
- Thế tốt hơn.
Rồi nó cười:
- Mà sao đằng ấy biết? Nhanh thế! Loan hạt mít thông báo à?
Tôi không trả lời, hỏi lại:
- Ai bảo đằng ấy làm việc đó?
- Không ai cả.
- Thế tại sao?
- Tớ học kém quá. Học thêm nữa cũng chẳng ích gì. Đằng ấy học giỏi mà lại phải thôi thì tiếc quá. Bố Thế nhiều lần bảo rằng lớn lên đằng ấy thừa sức du học nước ngoài.
- Đằng ấy không sợ ông bố với bà dì ghẻ đánh hay sao?

- Chắc… cũng có đánh. Nhưng chẳng sao, tớ quen đi rồi…
Ly lại cười. Gương mặt nhỏ sáng long lanh. Tôi mủi lòng nói:
- Ly, đằng ấy nghĩ tớ cam tâm để đằng ấy bị đòn oan hay sao?
Nói xong, tôi nhìn Ly. Nó cũng ngước nhìn tôi. Ánh mắt chúng tôi soi vào nhau. Và tôi biết rằng, chỉ một giây nữa, hai đứa sẽ cùng òa lên khóc. Vì thế tôi vội vã quay đi, cắm đầu chạy một mạch về nhà.
Sáng thứ hai, tôi đến nói với bà hiệu trưởng rằng bà cứ việc công bố thi hành kỷ luật tôi như cũ. Rằng việc Ly đứng lên nhận lỗi chỉ là do thiện ý của cậu ta và hoàn toàn không xác thực. Tôi nói một cách bình tĩnh, không mảy may run sợ, hồi hộp. Khi đã biết hoàn toàn sự tàn nhẫn và độc ác của bà, tôi không e sợ quyền lực của bà nữa. Chúng tôi, những đứa trẻ chưa tới tuổi trưởng thành, chúng tôi dũng cảm trước sự thật, chúng tôi thương yêu nhau và biết hy sinh vì nhau. Chúng tôi cao hơn bà. Tôi nhận cuốn học bạ mà bên dưới những dòng chữ dài dằng dặc biểu dương mọi ưu điểm, dưới những cột số điểm nằm đỏ chói, có dòng chữ đuổi học to tướng và điểm hạnh kiểm 0. Tôi nhận cuốn học bạ đó từ tay bà, lặng lẽ, dửng dưng. Tôi đã vượt qua giới hạn của nỗi đau khổ rồi.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 8

VÀ NHỮNG LO TOAN KHÔNG TÍNH TRƯỚC

Ngày mai mình sẽ sống như thế nào đây? Mình sẽ trở thành cái gì? Mình sẽ làm gì…
Trên đường về, những câu hỏi quay cuồng trong óc. Dẫu sao, tôi cũng đứt ruột khi rời bỏ cái cổng trường đồ sộ, cả hai cánh lớn quay cọt kẹt trên ổ trụ và một tán phượng vĩ xanh mướt che bên trên. Dẫu sao, tôi cũng đau lòng khi nhìn từng tốp học sinh ngược tới trường. Tôi thèm muốn số phận của họ biết bao. Đứa học trò kém cỏi nhất, láo lếu nhất, đội sổ hoặc lưu ban cũng còn sung sướng gấp ngàn lần tôi bây giờ. Dẫu dốt nát và lười biếng, nó vẫn có quyền bước vào lớp, nơi ngày ngày trên tấm bảng đen diễn ra một phương trình toán mới, một phản ứng hóa học mới, một định luật vật lý mới, một bài thơ hay một bài văn mới. Đứa học trò hư hỏng nhất cũng có quyền bước vào phòng thí nghiệm, nơi trong bóng tối chúng tôi hồi hộp ngước nhìn bộ xương thạch cao hay bức tranh vẽ con khủng long thời cổ đại. Đứa học trò tồi tàn nhất cũng có quyền cầm chiếc vợt mút của tôi, đánh bóng trên chiếc bàn tôi quen từng vết nứt, hái hoa trong bồn hoa trước cửa văn phòng… Đám học sinh đông đúc và sung sướng kia tới trường. Còn tôi, tôi trở về nhà với cuốn học bạ đen kịt. Lòng tủi hổ, tôi không dám đi đường lớn tôi rẽ xuống con đường nhỏ băng qua cánh đồng.
Về phố, tôi lang thang thơ thẩn chơi ở các cửa hàng. Tôi không muốn về nhà. Từ ngày tôi tuyệt thực, mẹ tôi không đánh tôi nữa. Nhưng mẹ không nhìn tôi và nói với tôi một câu. Sự im lặng của mẹ khiến tôi cảm thấy tôi đã chết rồi. Tôi đã chết thật.
Tôi là đứa con hư, là học trò bị đuổi, tôi không xứng đáng là con cô giáo Hạnh…
Đang đứng, tôi chợt nhìn thấy một đám đông trước cửa nhà cai Cân. Chắc có chuyện gì… - Tôi nghĩ.
Ở thị trấn, hễ có sự lạ là người ta xúm lại vòng trong vòng ngoài. Trước đây mẹ tôi dặn phải lảng tránh những đám đông hiếu sự, tò mò đó. Người bây giờ, buồn chán nên tôi tới xem. Tới nơi, chưa chen chân vào đám đông được, tôi lại gặp ngay Cóc tóc đỏ. Cóc tóc đỏ là đứa con gái kém tôi một tuổi, con ông gác chợ. Vì mặt nó bị mụn, sần sùi từ nhỏ nên bố nó đặt luôn tên là Cóc. Cóc học dốt quá, nên đúp ba năm mà không lên nổi cấp hai. Ông bố liền bắt nó thôi học ở nhà giúp bố gác chợ, thu thuế đám hàng rong. Ngoài ra, nó xếp chỗ bán lấy tiền. Cửa hàng thịt, hàng mậu dịch nào Cóc cũng đặt hàng chục hòn gạch, rổ cá, nón rách, mũ mất chóp… để giữ chỗ từ tối hôm trước. Hôm sau người ta tới xếp hàng mua thực phẩm thì Cóc bán lại chỗ cho. Chỗ tốt một hào, chỗ kém hơn năm xu. Làm cái nghề kỳ quặc thế nên con bé nổi tiếng là đanh đá, láo xược. Nó sẵn sàng chửi nhau tay đôi với một bà già hoặc cởi trần đánh nhau với một thằng bé mười ba, mười bốn tuổi. Suốt ngày phơi nắng nên da Cóc đã đen lại càng giống như nhọ chảo. Tóc đỏ xác xơ như lông bò. Những mụn thịt ở mặt ngày càng dày chi chít và to thêm Cóc tóc đỏ là hình ảnh quái gở nhất mà các bà mẹ thường đem ra dọa đám con trai. Đứa nào nho nhoe, bướng bỉnh là bị cảnh cáo:
- Mày liều liệu không tao cưới con Cóc tóc đỏ cho đấy…
Các cậu con trai dù ương ngạnh mấy cũng phải nhũn như chi chi ngay.
Vậy mà đối với tôi, Cóc lại tỏ ra tử tế. Không hiểu sao, nó chuyên gọi tôi là chị, xưng em một cách ngon lành mặc dù bình thường nó cứ mày mày tao tao với đám thiếu nữ mười lăm, mười bảy. Có lần, tôi ra chợ mua thịt, Cóc sấn sổ gạt mọi người, giành chỗ tốt nhất cho tôi. Mua xong, tôi dúi vào tay Cóc năm xu và bảo:
- Cám ơn nhé.

Cóc tóc đỏ lập tức trợn mắt lên:
- Sao chị coi khinh em thế? Em với chị mà lại ngửa tay nận năm xèng hay sao?
Rồi vỗ bộp vào túi quần, nó nói:
- Em mời chị một bát tái bò, phở nhà Hoi ngon lắm…
Tôi vừa lắc đầu từ chối thì Cóc tóc đỏ đã nắm tay tôi kéo đi xềnh xệch trước những cặp mắt tò mò vì kinh ngạc của mọi người…
Bây giờ, nó đang đứng trên hè, kể cho tôi nghe vụ xung đột nhà cai Cân:
- Chị biết không? Lão cai Cân vừa đánh mụ vợ kế đấy. Hai thằng con trai lão cũng nhảy vào đánh hôi. Công an tóm lão lên đồn. Còn hai thằng ranh bị em trai bà Lưu tát tai cho đang la lối om sòm trong sân…
- Nhưng vì sao lão đánh cô Lưu chứ? Vừa cưới nhau được hơn một tháng mà!...
- Vàng, vàng… Tiền, tiền… Từ đó mà ra cả…
Cóc tóc đỏ cong môi, khua hay tay như người rao bán dầu cù là. Vẻ mặt nó hăm hở và tức tối, đúng tính cách của một đứa trẻ quá quan tâm và làm quen với đồng tiền:
- Chị hiểu không, lão cai Cân lừa mụ vợ kế ngon ơ. Hồi cưới, lão xui mụ bán nhà về ở với lão. Thu được sáu lạng vàng và một cục tiền, lão bảo vợ đem chung vốn buôn thuốc phiện với cánh Hà nội. Mụ vợ nghe ngọt nhạt gật đầu. Thế là lão tuốt về quê. Tuần sau, lão trở về bảo đã bị lừa hết. Mụ vợ phát điên rồ kêu la, lão nện liền…
Tôi đứng lặng người. Thế là Loan bắt đầu cơ cực. Nỗi lo buồn không thể đo đếm, những tai ương không thể tính trước, người xưa nói đúng thật.
Cóc tóc đỏ thấy tôi im lặng, giơ tay lên:
- Em mà như vậy ấy à?... Em sẽ róc xương lão ra cho tới khi lão trả đủ số vàng đó…
Lúc đó một bà già cao lòng không đứng bên kia đường gọi to:
- Con bé trời đánh kia, bố mày hét ầm cả nhà lên kia kìa…
Cóc tóc đỏ nhướng cổ đáp:
- Rõ rồi, thưa bà…
Nó chào tôi rồi biến mất. Tôi đứng suy tính hồi lâu, quay lại, tìm quán nước chè quen, vào ngồi chờ Loan đi học về. Ở quán nước đó cũng như mấy quán bên cạnh, đâu đâu người ta cũng xôn xao bàn tán vụ đánh lộn ở nhà cai Cân. Nhân cớ đó, người ta lục tìm quá khứ mờ ám của lão, từ những vụ mua bán lừa đảo tới việc chạy chọt xin giấy mở cửa hàng chạy nước đá bán lẻ. Tôi ngồi nghe chuyện vặt đó cho tới gần trưa Loan hạt mít mới về. Tội nghiệp, nó đi thui thủi một mình giữa những tốp học sinh vui vẻ. Ngày thường, bao giờ chúng tôi cũng cặp kè nhau như đôi cá thờn bơn. Loan bảo tôi:
- Tối nay bố Thế đến nhà đằng ấy đấy. Buổi sớm bố ở Ty giáo dục về thì đằng ấy đã đi rồi…
Tôi biết rằng bố Thế thương tôi. Nhưng tôi không muốn gặp mặt bố nữa. Vì tôi bố đã phải chống đỡ và sẽ còn gặp nhiều sự phiền hà. Tôi không thể nào nhìn gương mặt chất phác và nhân hậu của bố, khi gương mặt đó nặng trĩu những nỗi lo buồn. Tôi bảo Loan:
- Mình không về nhà đâu.
Loan chưa kịp hỏi, tôi đã nói tiếp:
- Còn đằng ấy cũng có chuyện cần phải nghĩ đấy. Ta tìm chỗ vắng rồi tớ sẽ kể lại đầu đuôi.
Nhìn vẻ mặt tôi, Loan ngoan ngoãn phục tùng. Chúng tôi chui vào một ngõ hẻm có ngôi chùa cổ để tránh đám học sinh tan trường đang tiếp tục diễu qua. Ở đó, dưới một tán bàng xanh um, tôi kể cho Loan biết vụ xung đột tại nhà cai Cân, biết mẹ Loan hiện đang nằm bệnh viện, biết tình thế của Loan hiện tại. Sau cùng, tôi bảo:
- Đằng ấy về thẳng nhà mình. Buổi chiều, mẹ mình sẽ đưa về nhà cai Cân lấy quần áo. Có đằng ấy ở với mẹ, mình sẽ yên tâm. Mà đằng ấy sẽ bớt khổ sở.
Loan im lặng. Tôi biết nó sẽ ưng thuận hoàn toàn. Lát sau, cô bạn ngước nhìn tôi, hỏi rụt rè:
- Còn Bê… Bê đi đâu?
Tôi đáp:
- Không thể cho đằng ấy biết được. Chiều nay lúc năm giờ ta sẽ gặp nhau ở bến sông, chỗ buộc thuyền của bà An Lạc. Tuyệt đối không được cho mẹ mình và bố Thế biết rằng đã gặp mình. Thôi, đứng dậy… và đi đi…
Tôi ngồi dưới gốc bàng, ôm đầu suy tính: Đi đâu bây giờ? Đi đâu? Ở thị trấn này chăng? Các thầy cô giáo quen biết mẹ ở khắp nơi. Họ sẽ phát hiện ra tôi và đem trả ngay cho mẹ. Và

mẹ lại nhìn tôi với con mắt lạnh lẽo, buồn rầu, không nói một tiếng. Chao ơi, tôi sợ những tia nhìn nghiệt ngã đó và sự im lặng hơn những roi đòn đau rát nhất từ xưa đến nay… Hay về quê? Không, về quê xa xôi quá. Vả lại có về đó rồi mẹ tôi cũng sẽ tìm thấy ngay. Mà tai hại hơn nữa, là tất cả bà con họ hàng, chị em họ, cháu họ xa gần sẽ biết tôi bị đuổi học. Xưa nay, tôi vẫn là ngọn cờ để họ biểu dương: "Cứ nhìn chị Bê con bác giáo Hạnh đấy, học sớm hai năm mà năm nào cũng đứng thứ nhất". Hoặc: "Cứ nhìn cô Bê con bà trẻ Hạnh đấy, học cứ như thần đồng. Còn chúng mày thì chỉ là một lũ ăn hại thôi…" Đáng buồn thay, thần tượng của họ đã bị sụp đổ rồi. Tai ương và lỗi lầm đã cướp đi của tôi niềm tự hào nhất đối với tuổi niên thiếu. Đi tới đâu, bây giờ tôi cũng bị nỗi tủi nhục bao vây…
Nghĩ tới đó, nước mắt tôi chảy ròng ròng trên má tự lúc nào không biết. Tôi cúi đầu úp mặt vào hai đầu gối để mấy bà đi vào chùa khỏi nhìn thấy. Nghĩ lan man mãi, cuối cùng tôi quyết định đi tới nhà chú bé chụp cá bên kia sông.
Đồng hồ các nhà trong ngõ thong thả điểm mười hai tiếng chuông. Đám học sinh tan trường đã về tới nhà. Đường phố vắng vẻ hơn. Tôi đi rất nhanh ra bờ sông, mặt cúi gằm xuống đường để tránh những cặp mắt của người quen trong thị trấn. Bến sông vắng lặng. Làn nước lấp lánh dưới ánh nắng. Vài đám bèo Nhật bản hoa tím nổi bập bềnh trên sông và một con bói cá lẻ loi, lông xanh biếc chốc chốc lại nhào xuống cắp mồi. Tôi định bơi qua sông nhưng chợt nhớ mình đang đói bơi dễ bị chuột rút nên tôi cố gắng leo lên đồi, đi vòng qua cầu để sang bờ bên kia. Vượt qua đê, tôi tới làng chú bé chụp cá đêm. Men theo hồ sen, tôi lại tìm được nếp nhà tranh nhỏ xíu, cổng bằng rào tre, mảnh sân hẹp như chiếc chiếu xung quanh co vài bông mào gà và cúc kim chi vàng nở.
- Cau ơi Cau… Cọt ơi… Cọt…
Tôi cất tiếng gọi:
- Ai đấy, vào đi i i…
Giọng đàn bà cao vút trả lời. Rồi mẹ chú bé bước ra. Ban ngày, tôi nhìn rất rõ người đàn bà lai tàn tật. Lưng cô gù gập xuống khiến dáng người như con cua. Khuôn mặt đẹo nhưng quá nhỏ nên trông kỳ dị, đôi mắt rất to với những rạch sáng xanh lam, và những lọn tóc quăn màu hung rực rỡ bao quanh mái đầu.
- A, cháu đã đến chơi hôm trước, đúng không?
Cô cất tiếng cười vui vẻ, hỏi tôi.
Tôi lúng túng cảm động vì thái độ hồ hởi của người đàn bà, khẽ đáp:
- Thưa cô, vâng ạ…
Chủ nhân quay người đi trước, miệng nói:
- Vào nhà kẻo nắng.
Tôi hỏi:
- Em Cau có nhà không cô?
Người đàn bà bước vào nhà, ngồi xuống chõng. Lấy tích rót nước vào chén cho tôi rồi mới trả lời:
- Em Cau đi học rồi. Nhưng cháu cứ ngồi chơi.
Chờ tôi bưng chén nước uống, người đàn bà lặng lẽ xuống bếp. Rồi sau đó, cô trở lại với một nồi đất đầy ngô bung đậu đen:
- Cháu uống nước rồi ăn ngô. Cô với em vừa ăn xong tức thì.
Tôi thấy những ánh mắt xanh long lanh của cô nhìn tôi trong sáng và nhân hậu quá. Dưới cái vỏ ngoài kỳ dị, tâm hồn cô dịu dàng và tinh tế. Lòng tốt của cô khiến tôi bàng hoàng. Tôi nói khẽ:
- Cháu cám ơn cô.
Người đàn bà cười:
- Ô, có gì đâu…
Rồi cô nói lảng chuyện khác:
Chiều hôm đó tôi kể cho cô nghe tất cả những rủi ro của mình. Tôi kể một cách tự nhiên, tin cậy như tôi đã thân thiết với gia đình cô từ lâu lắm. Người đàn bà lắng nghe với vẻ cảm thông, trầm tĩnh. Sau đó cô bảo tôi:
- Tất cả rồi đâu sẽ vào đấy. Cháu cứ tin điều cô nói. Qua cơn bĩ cực, tới tuần thái lai.
Chừng non chiều, người tôi bỗng mệt rã rời. Mắt díp lại sau những ngày căng thẳng. Tôi có ý

nghĩ nếu đặt lưng nằm xuống tôi sẽ ngủ mãi mãi không thể thức dậy được. Thế nhưng, tôi ngủ được tới năm rưỡi, Cau đánh thức. Chú bé gọi:
- Chị dậy ăn cơm. Cơm chín rồi.
Tôi choàng dậy. Tắt nắng rồi. Những ráng chiều màu đỏ, màu da cam chất ngất ở phía tây, trải lên mặt đất thứ ánh sáng như đồng chảy. Trong ngôi nhà tranh, mọi vật đã nhũ nhòa. Trước sau chỉ còn những bông cúc kim chỉ và những bông hoa mào gà là còn tươi sáng. Tôi sực nhớ giờ hẹn với Loan, hốt hoảng:
- Mấy giờ rồi, Cau nhỉ?
Chú bé ngửa mặt nhìn trời:
- Sắp sáu giờ.
Tôi nói:
- Thôi chết, mình phải đi ngay.
Cau túm tay tôi lại:
- Không đi đâu cả. Cơm dọn ra rồi. Ăn xong đã.
- Nhưng có việc cần, mà mình đã hẹn…
Chú bé nghiêm nghị nhìn tôi:
- Việc nào cũng phải ăn rồi mới có sức làm được.
Và mẹ chú từ trong bếp bước ra, má đỏ lựng hơi lửa, tiếp lời con:
- Cơm thương cháo thương hơn tất cả mọi người thương. Phải ăn đã, cháu ạ...
Tôi không còn cách nào hơn là ngồi xuống bên chiếc mâm gỗ đặt ngay giữa sân. Trên mâm, một đĩa rau khoai lang luộc chín tới xanh rờn đang bốc khói. Chiếc đĩa nhỏ đựng cà pháo kho với tép và ớt chỉ thiên.
Mẹ chú bé chụp cá bảo con:
- Cau múc tương chưa nhỉ?
Chú bé vội vã trả lời:
- Con múc tương bây giờ đây.
Nói đoạn, chú cầm chiếc bát sạch, ra góc sân. Ở đó, có một chiếc chum da lươn nhẵn bóng. Trên miệng chum úp cái chậu sành non. Cau thận trọng lật chiếc chậu sành lên. Xong, nó dỡ mấy lượt lá chuối khô phủ trên rồi mới tới lượt vải màn bên dưới. Cuốn tấm vải màn sang một bên, chú bé vực cái bát ăn cơm vào trong chum. Rồi khi nhấc bát tương lên, nó thè lưỡi liếm những giọt tương rớt bên dưới bát khiến cho tôi suýt bật cười. May mà tôi ghìm giữ được.
Chúng tôi ngồi ăn cơm khi trời chập choạng tối. Ánh hoàng hôn chỉ còn vương vất trên những ngọn tre cao vút và những tàn lá xoan mỏng manh, luôn luôn lay động vì gió thổi. Quanh sân, những con cóc già nghiến răng trèo trẹo nơi góc tường hoặc kẽ đất. Thỉnh thoảng, cào cào châu chấu từ đồng lúa bay vào, đá tạch vào tai tôi, vừa đau vừa ngứa. Tôi lo ngay ngáy khi nghĩ tới chuyện một chú ễnh ương hoặc nhái bén nhảy vào bát tương hay đĩa cá. Nhưng may sao, điều đó không xảy đến. Còn mẹ con chú Cau đã quen ăn cơm ngoài trời nên chẳng mảy may bận tâm. Sau này, khi đã quen, tôi cũng cảm thấy ăn cơm ngoài trời thú vị. Bầu không khí mát mẻ, thoáng đãng khiến ta ngon miệng hơn. Và phong cảnh xung quanh cũng làm cho bữa ăn đạm bạc thêm thú vị.
Ăn xong, tôi ra bến sông. Không thấy Loan hạt mít ở đó. Tôi ngồi chầu hẫu bên chiếc thuyền tôn của bà An Lạc cho tới hơn bảy giờ tối, Loan mới dò dẫm tới nơi.
Tôi chưa kịp hỏi, nó đã nhăn nhó:
- Mẹ đằng ấy không cho đi.
- Tai sao cơ?
- Cô bảo ở nhà với cô cho đỡ buồn. Sau đó tớ phải nói dối là tới nhà Yến sếu mượn bài tập vật lý mới đi nổi.
- Mẹ tớ có tìm tớ không?
- Có. Cô đi khắp lượt những nhà quen trong thị trấn.
- Rồi sao?
- Không tìm thấy, cô đoán đằng ấy về quê ngoại.
- Biết ngay mà...
Tôi lẩm bẩm, hết sức hài lòng vì mình đã tính đúng mọi nước.
Loan kể tiếp:

- Chiều, cô đưa tớ lên viện thăm mẹ rồi sang nhà cai Cân lấy quần áo.
- Mẹ đằng ấy ra sao?
- Đau lắm nhưng vẫn tỉnh. Mẹ tớ khóc nức nở, xin lỗi vì không nghe lời cô.
- Thế mẹ đằng ấy có bằng lòng cho đằng ấy ở với mẹ tớ không?
- Có. Mẹ tớ bảo khi ra viện, mẹ tớ không về nhà lão cai Cân nữa...
Hai đứa im lặng một lúc, rồi tôi hỏi Loan:
- Chiều ăn cơm với gì?
- Rau muống xào tỏi và trứng luộc.
- Còn mình, mình ăn rau lang luộc chấm tương mà cũng thấy ngon. Con người sẽ quen được mọi thứ...
Tôi nói vừa như để lên lớp cô bạn, vừa như tự bảo mình.
Loan nhìn tôi, mắt long lanh như ướt nước:
- Đằng ấy có đói không?... Này cầm lấy cho đỡ thèm.
Nó rút trong túi ra một gói kẹo đưa cho tôi. Tôi chưa kịp bóc kẹo ăn thì Loan đã thò tay vào lục trong lưng quần hồi lâu, rồi móc ra một gói giấy khác:
- Đây nữa.
Tôi cầm gói giấy, giơ lên dưới ánh sao?
- Gì thế này?
Loan nói khẽ:
- Tiền.
Tôi sửng sốt hỏi:
- Một mình đằng ấy mà dám ra đảo lấy tiền cơ à?
Loan lắc đầu:
- Không. Đây là tiền khác... Mà nhiều lắm, nhiều hơn cả kho tàng của chúng mình.
Nó nhìn quanh quẩn rồi quỳ gối, ghé sát vào tai tôi, thì thầm:
- Hai trăm cơ đấy. Toàn giấy mười đồng thôi.
Tôi sững sờ. Quả thực hai trăm lúc đó là to lắm. Cả vốn liếng hai đứa tôi dành dụm ngoài đảo cũng chỉ ngót nghét năm mươi đồng. Mà chỉ toàn giấy năm hào, một đồng mới. Chưa bao giờ chúng tôi có được một tờ năm đồng trong tay. Ngày ấy ăn quà chỉ cần ba hào là sang lắm. Ba hào một bát phở tái. Một hào ba quả chuối chín, mười hai cái kẹo bột, hoặc hai tấm bánh dẻo không nhân. Trứng gà chỉ có sáu bảy xu một quả. Còn trứng vịt to nhất cũng chỉ một hào mốt là cùng... Đó, bạn hãy cứ hình dung ra giá trị món tiền hai trăm đối với chúng tôi trong lúc vật giá như vậy.
Tôi cầm gói tiền, hỏi Loan:
- Tiền ở đâu ra? Ai cho thế?
Loan rụt tay lại:
- Không ai cho cả.
Tôi nói:
- Không ai cho thì cậu lấy ở đâu?
Thấy vẻ mặt nghiêm nghị và ngờ vực trên mặt tôi, Loan nói khe khẽ:
- Mình không làm điều gì xấu cả. Mai mình sẽ nói. Bây giờ mình phải về, không cô sẽ mắng.
Nói xong, không chờ tôi trả lời, Loan quay về phía thị trấn, đi mải miết như chạy.
Tôi giắt gói tiền vào cái túi nhỏ trong lưng quần. Tính tôi hay ăn vặt: lạc rang, hạt dẻ, thóc nếp rang hay bỏng ngô... Thế nên quần nào tôi cũng khâu một chiếc túi để tiện chứa thực phẩm. Không ngờ cái túi con bây giờ có giá trị lớn lao thế. Tôi cẩn thận sờ các đường chỉ may xung quanh, rồi lấy ghim băng cài chặt lại Về nhà Cau, tôi thấy chú bé đang chuẩn bị đồ nghề đi cá.
Tôi bảo:
- Cho chị đi với nhé.
Cau lắc đầu:
- Không được. Mẹ em bảo chị đang mệt lắm, đêm nay phải nghỉ ở nhà nghỉ ngơi đã. Khi nào béo khỏe mới được đi. Sương đêm độc lắm, con gái không thể liều được đâu.
Nói xong, chú bé đưa mắt nhìn mẹ. Người đàn bà cười:
- Em Cau nói đúng đấy. Cháu không bì được với nó đâu.
Cau đưa mắt nhìn tôi kiêu hãnh như muốn nói: “Chị đã thấy chưa?”. Rồi nó cao giọng:

- Chị ấy ở ngoài phố nên thích ăn khoai hầm lắm đấy. Chốc nữa mẹ đổ trấu ủ một nồi mẹ nhé.
Người đàn bà gật đầu, trả lời với giọng nói thánh thót nhẹ nhàng như giọng thiếu nữ
- Con cứ đi đi. Mẹ nhớ rồi.
Chú bé đeo giỏ, xách chụp ra sân. Lưng lủng lẳng những hộp mồi lớn, mồi nhỏ. Tay nắm một bó cần câu nhỏ. Trông nó oai vệ như viên tướng xuất trận. Bỗng dưng tôi ao ước được như nó. Tôi ao ước mình cũng làm được một công việc gì đó hữu ích như Cau để nuôi mẹ, đem lại niềm vui sướng cho những người thân và trở thành trụ cột của gia đình...
Tôi cứ theo đuổi những ý nghĩ đó mãi cho tới khi mẹ chú bé đứng dậy để sắp nồi khoai theo lời con dặn. Tôi theo cô xuống bếp. Người đàn bà vần nồi cám lợn sang bên, bắc nồi khoai lên bếp. Những tàn lửa đỏ bắn lung tung như hoa cà hoa cải. chúng tôi đung khoai tới lúc nước sắp cạn thì ủ vào lửa trấu. Sẵn than, người đàn bà nướng thêm mấy củ khoai nhỏ cho tôi ăn trước. Tồi ngồi rủ rủ nói chuyện với cô mãi cho tới khuya mới lên giường đi ngủ. Trong giấc ngủ đầu tiên xa nhà, bao nhiêu giấc mơ ngắn ngủi và lộn xộn ập đến, giống như những câu chuyện thực xen lẫn những huyền thoại hoang đường. Tuy thế, đó cũng là một giấc ngủ ngon lành, nó đem lại cho tôi sự thăng bằng, niềm phấn khởi để bước tiếp trong những ngày tháng tới.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 9

ÔNG GIÀ CHĂN VỊT

Tám giờ rưỡi sáng hôm sau tôi mới tỉnh dậy.
Căn nhà vắng vẻ. Chỉ có tiếng thạch sùng tắc lưỡi trên mái gianh. Gà trong xóm chốc lát lại gáy te te. Ngoài sân, một con mèo hoang gừ gừ với chú gián vừa chộp được. Mẹ con chú bé Cau đi đâu từ sớm. Họ để phần tôi một bát khoai hầm trên chõng. Tôi ra sân đánh răng, rửa mặt bằng tay rồi trở vào ăn khoai. Xong, tôi lững thững đi theo con đường làng, qua những khu vườn là những mái nhà nối tiếp. Giờ này, dân trong các xóm đã ra đồng. Chỉ có những bà già giữ cháu và đám trẻ lau nhau chơi khăng, chơi đáo là còn ở nhà. Phía đình làng, lớp mẫu giáo đang học. Bên cạnh đó, nhà trẻ hợp tác có cái giếng xây to tướng và một dãy khăn mặt bay phất phới trên dây phơi. Thằng cu nào đó đang ăn vạ gào rất to. Tiếng cô giữ trẻ cố át đi mà không được. Tôi ngắm nhìn những rặng táo qua mùa, chỉ còn lại dăm quả lơ thơ, nhỏ như cuống cà pháo. Hồi lâu, buồn chán, tôi quay gót ra đồng.
Từ làng ra đồng có một con đường nhỏ, chạy song song với dòng mương. Đường bờ vùng vừa đủ cho xe cải tiến chở phân ra bón và chở lúa về sân phơi. Còn khắp nơi là ruộng xanh bát ngát, chạy mênh mông tới chân trời. Lác đác có những mảnh đầm ruộng, loang loáng nước. Ở đó, dù xa, cũng có thể thấy những đốm trắng li ti xao động. Đó là những đàn vịt được lùa đi kiếm ăn. Nắng chưa gay gắt nhưng vừa đủ rực rỡ để cho những đám mây lung linh như thêu kim tuyến. Dọc bờ ruộng, cây vòi voi uốn những chùm hoa tím xuống mặt cỏ. Còn những bụi cỏ mật xanh um thì tỏa lên mùi hương ngọt ngào, say sưa như ủ men rượu bên trong. Con mương kẻ một vệt dài thẳng tắp trên cánh đồng lúa. Và mặt nước sóng sánh lay động của nó khiến tôi nhớ lại một câu chuyện xa xưa:
"Có một hoàng tử thích chơi thuyền. Nhà vua đóng cho con chiếc thuyền rồng xinh xẻo. Rồi ngài sai quân lính đào một dòng sông nhỏ trong thành. Hoàng tử vui sướng thả con thuyền của mình lên đó. Viên cận thần của vua nói: "Thưa hoàng tử, thuyền rồng của hoàng tử đã tới biển Cát-xpiên...". Ông hoàng con ngạc nhiên hỏi: "Thuyền ta tới Cát-xpiên rồi sao?". Viên cận thần đáp: "Thưa hoàng tử, đúng như vậy". Hoàng tử cười, và từ đó cứ đinh ninh dòng sông đào trong kinh thành của vua cha là biển Cát-xpiên xa xôi hùng vĩ..."
Chợt nhớ lại câu chuyện về ông hoàng con ngây thơ, tôi mỉm cười. Dẫu sao, tôi cũng trưởng thành và cứng cỏi hơn anh chàng con vua. Nghĩ lan man, tôi đã tới giữa đồng. Cách dòng mương chừng hai mươi thước, nổi lên một gò đất. Gò đất ăn liền với con đường. Trên đó, mọc sừng sững một cây gạo lớn. Gốc cây to, xù xì bướu, một người lớn dang tay mới ôm hết nửa vòng. Cành cây trổ ra bốn phía, da nâu pha từng mảng trắng phếu. Hoa gạo đã rụng hết, chỉ còn lại những chùm quả xanh non mềm mại. Tán lá mỏng, cuốn lao xao trong gió. Cây gạo già khiến tôi đứng lặng đi vì cảm phục. Vẻ đẹp của nó hùng vĩ và thanh cao quá, giống như vẻ đẹp của những ông thần trong chuyện cổ chứ không phải vẻ đẹp của một loài cây bình thường trên mặt đất.
Nhưng sau phút giây sững sờ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, tôi chợt thấy mình bơ vơ, lạc lõng giữa cánh đồng bao la tràn trề ánh nắng và mày xanh cây cỏ, tôi thấy mình như một kẻ bị lãng quên. Chẳng ai cần tới tôi, biết đến tôi lúc này. Dòng mương lấp lánh trôi. Nó tự thầm thì trò chuyện với mình. Những cây vòi voi hoa tím rủ rỉ nói với những con ong ruồi bé tí. Cây gạo oai phong kia trò chuyện với bầu trời. Những người dân đang làm cỏ lúa và vãi phân trò chuyện cùng nhau. Chỉ mình tôi trơ trọi, đơn chiếc. Tôi đi tới gốc gạo. Tôi định bụng sẽ ngồi đó chơi

cho tới khi chú bé Cau đi học về. Đến đỉnh gò, tôi chợt thấy một ông già nhỏ bé ngồi thu lu dưới gò, giáp với những đám ruộng. Vì gò đất cao, từ xa tôi không thể nhìn thấy ông. Ông nhỏ bé đến nỗi tôi cứ tưởng rằng ông vừa lụ khụ bước ra từ cánh rừng nào đó của các chú lùn và nàng Bạch Tuyết. Ông đội mũ lá, mặc áo bộ đội chằn ba mươi hai đường gian khổ (loại áo từ thời kháng chiến chống Pháp). Chiếc quần vải nâu xắn cao. Tay ông khoanh trước gối, vẻ mặt tư lự như mặt tượng Tuyết Sơn trong chùa. Bên cạnh ông, đặt một cây que dài, đầu buộc túm lá chuối khô. Té ra ông là một ông già chăn vịt. Trong mảnh đầm nhỏ bị vây giữa đám ruộng dưới chân ông, dăm chục ả vịt bầu đang ngoi lên hụp xuống, vẻ thỏa thuê khoái trá.
Thấy tôi đi đến, ông già quay đầu lại:
- Cháu chào ông ạ. – tôi nói.
- A, ông chào cháu – ông già đáp lời, cặp mắt ẩn dưới hai hàng lông mày bạc nhìn tôi hơi tò mò – Cháu ở đâu đến đây? – ông hỏi.
- Thưa ông, cháu ở trong phố.
Tôi đáp lời. Rồi tôi ngồi xuống vạt cỏ dưới chân gò. Những con vịt dưới đầm ăn no, phởn chí vươn cánh lên vỗ phành phạch và định nhảy sang ruộng lúa. Ông già chăn vịt đứng dậy, huơ cái cần tre buộc túm lá chuối khô, miệng dọa:
- Xùy, xùy...
Lũ vịt quác mồm kêu cạc cạc rồi hốt hoảng quay lại, nhảy tõm xuống đầm. Rồi chúng lại mò hụp, bơi lội một cách ngoan ngoãn trong phạm vi mảnh đầm nhỏ bé. Ông già chăn vịt lại ngồi xuống, đặt chiếc cần tre sang bên cạnh. Rồi ông lục túi áo, lấy ra bao thuốc thơm Thủ Đô. Móc túi bên kia, ông lại lấy ra chiếc bật lửa nhỏ xíu, mạ kền sáng loáng. Ông thong thả rút thuốc, dỗ lên mặt bao cho chặt, bật lửa châm. Cử chỉ của ông không giống tất cả những ông già chăn vịt bình thường. Những người chăn vịt không khi nào đuổi vịt "xùy, xùy..." như ông hồi nãy. Họ cũng không hút thuốc như ông. Thường thường, khi thèm thuốc, họ móc hộp thuốc lào trong túi áo ra, rút chiếc điếu tre gài ở thắt lưng, nạp một một thuốc rõ chặt. Rồi họ rút ở phía thắt lưng bên kia một que đóm mang đi từ nhà, hoặc giật mái lều lấy một nuộc lạt châm lửa. Thuốc đã cháy, họ rít liền ba bốn hơi, cổ họng thít vào thật sâu, điếu nổ giòn như pháo: roọc roọc roọc... Hút xong, thế nào họ cũng ngửa cổ lên, lim dim mắt và từ từ nhả khói trong họng ra. Họ nhả khói một cách chậm chạp, khoái trá và lâu đến nỗi đôi khi, tôi tưởng cổ họng họ có một đám trấu rấm lửa ở bên trong, nên những hơi khói trắng đục cứ tuôn mãi chẳng ngừng... Rồi nhả hết khói, bất chợt họ mở choàng mắt, đưa chiếc điếu lên nhìn như nhìn người bạn lâu ngày mới gặp. Và sau đó, họ giơ tay vỗ bộp vào miệng điếu cày. Thế là mồi thuốc tàn trong nõ nhảy ra, như con cóc nhảy ra từ miệng mụ phù thủy...
Những lần về quê ngoại, tôi thường theo đám em họ, cháu họ ra đồng. Và nhờ những ngày lang thang, rong chơi đó, tôi biết được khá nhiều thứ. Sau khi suy xét, tôi đâm nghi ngờ ông già chăn vịt kỳ lạ này. Ngoài chuyện đuổi vịt như đuổi chó và cách hút thuốc rất tỉnh thành ra, ông còn có đôi tay nhỏ xíu và những cử chỉ hết sức lịch lãm, tinh vi.
Ông cụ ở đâu đến đây?
Tôi thầm hỏi, băn khoăn nhìn mái tóc trắng như cước của ông phủ xuống tận gáy. Ông già dường như không để ý đến vẻ tò mò của tôi, ngả người ra phía sau, nhả khói lên trời. Mắt ông nheo lại và những nếp nhăn chi chít tụ sau đuôi mắt.
Bất ngờ, ông quay lại bảo tôi:
- Này cô bé, lại đây ông bảo.
Tôi vẫn ngồi trên vạt cỏ, phân vân.
- Lại đây với ông nào...
Ông già khuyến khích. Giọng ông nhỏ nhẹ, hơi trầm.
Tôi nhìn cặp mắt hiền hòa của ông, vững tâm tới gần. Ông dắt tay tôi ngồi xuống bên mình, cất tiếng hỏi:
- Có chuyện gì buồn mà lang thang bỏ học bỏ hành thế?... Nhìn vào mắt cháu, ông biết được điều đó... Hãy nói cho ông nghe xem sao. Có thể, ông sẽ giúp được cháu ít nhiều.Còn như nếu không giúp được cháu, ông sẽ im như hạt thóc trong vựa lúa. Cháu cứ yên tâm...
Tôi ngạc nhiên nhìn ông. Ông đưa cặp mắt già nua, thoáng nhìn tôi trìu mến. Rồi ông lại ngẩng lên, rít thuốc và lơ đãng thả từng làn khói vào khung trời xanh thoáng đãng. Sự im lặng của ông chứa đựng điều gì đó khiến tôi bỗng thấy ông gần gũi, tin cậy. Và phía sau những lời khích lệ

nhẹ nhàng của ông có một sức mạnh vô hình mà tôi có thể tựa đỡ, cũng như có thể gửi gấm tâm sự của mình. Tôi im lặng hồi lâu, rồi chậm rãi cất tiếng. Mọi chuyện đều được miêu tả lại minh bạch, rõ ràng, không thêm bớt. Có lẽ, tôi đã qua những phút giây quá xúc động. Tôi đã quen được với nỗi đau khổ của mình nên tôi nói về nó với một giọng điệu bình tĩnh. Trong thời gian tôi nói, ông già đã hai lần rút thuốc, châm lửa hút. Những mẩu tàn ném xuống vạt cỏ, dưới chân ông. Cặp mắt sâu của ông như bất động dưới hai hàng lông mày bạc trắng. Cánh mũi khẽ phập phồng và cục yết hầu chuyển động mỗi khi ông thở.
Khi tôi kể xong, ông khẽ đưa tay vuốt mái tóc tôi:
- Này cô bé, theo cháu thì việc làm của cháu sai hay đúng?
Tôi hỏi:
- Ông muốn cháu nói tới việc cháu nhốt ông Gia vào nhà tiêu? Vâng, cháu biết là sai, nhưng dù sao...
- Nhưng dù sao cũng phải làm, có đúng không?... – Ông già cất tiếng cười và ngắt lời tôi.
- Thưa ông, cháu định nói là... – tôi ấp úng.
- Thôi, không cần giảng giải... ông biết rồi.
Ông giơ tay lên, ra hiệu cho tôi im lặng. Sau đó ông nói:
- Những người theo đạo Thiên Chúa thường nhắc câu nói của Giê-Su: "Nếu có kẻ tát vào má trái của con, con hãy chìa nốt má phải cho y". Câu nói ấy là bình phong che đậy cho cuộc sống an phận, không đấu tranh. Nếu dân tộc mình cũng chìa nốt má phải cho thực dân Pháp thì chúng ta không còn Tổ quốc. Các cháu sẽ không được học lịch sử Hai Bà Trưng, Bà Triệu, chí khí anh hùng của Nguyễn Huệ, Quang Trung. Các cháu sẽ bị bắt buộc đọc những bà sử nhập cảng: "Tổ tiên ta là người Gô Loa...". Ngày xưa ông đã phải học như thế đấy...
Ông già thấy tôi trợn tròn mắt nhìn liền mỉm cười, gật đầu nói:
- Đúng như vậy. Hồi Pháp thuộc, ông đã nhai nhải học thuộc lòng: "Tổ tiên ta là người Gô Loa..."
Ông nói vậy để cháu thấy rằng ý chí đấu tranh của một dân tộc cũng như mỗi cá nhân con người là vô cùng cần thiết...
Ông ngừng lại, nhìn tôi. Đôi mắt nheo nheo đầy hóm hỉnh mà vui vẻ. Tựa như trong đó có một ngọn lửa nhỏ đang nhảy nhót, reo cười. Và ông nói tiếp:
- Nhưng cái khó nhất là phải biết đấu tranh thế nào cho đúng. Đấu tranh với kẻ ác thì khác, đấu tranh với những sai lầm của những người xung quanh khác. Nhất là khi người đó lớn tuổi hơn và đứng vào một vị trí mà mình phải tôn trọng.
Tôi nói luôn:
- Như thế có nghĩa rằng cháu phải im lặng chịu đựng hoặc chỉ có quyền báo cáo mọi chuyện với thầy chủ nhiệm...
Ông già đặt tay lên đầu tôi, ngắt lời:
- Cứ từ từ, đừng vội vã. Ông không bảo cháu phải nhẫn nhục chịu đựng. Nhưng cần thận trọng.
- Thế ở hoàn cảnh của cháu, ông sẽ làm gì? – tôi nôn nóng hỏi tiếp.
- Ờ ờ... – ông gật gù – Ông sẽ kiên tâm theo dõi mọi sự thêm một thời gian nữa, vì biết đâu mình chẳng kết luận hồ đồ. Hoặc nếu không hồ đồ thì cũng thiếu tang chứng cụ thể. Đời xưa đã có câu: "Nói có sách, mách có chứng". Cháu không nhớ sao?
Tôi sực nhớ lại việc chị Bội từ chối hoàn toàn sự thực và cảm thấy ông già nói đúng. Nói có sách, mách có chứng... Quả là chúng tôi đã quá ngây thơ, hấp tấp trong việc báo cáo lại những hành vi thiếu đứng đắn của ông Gia.
Ông già nói tiếp:
- Muốn được việc, tất cả điều kiện phải chín mùi. Như ông, thì cháu nên nói rõ chuyện với mẹ, với thầy chủ nhiệm, với người nào đó sáng suốt, công bằng và quan trọng hơn cả là có đủ tư cách và quyền lực giải quyết.
- Nhưng mà ông ấy trù úm cháu, hành hạ cháu ác độc lắm – tôi kêu lên.
- Ông biết chứ - Ông già nhẹ nhàng, trầm tĩnh trả lời – Nhưng dù sao cháu cũng phải cắn răng chịu đựng cho mọi sự sáng tỏ. Trong đời, đôi khi rủi ro ta gặp phải những kẻ xấu, kẻ ác. Nếu ta hấp tấp chống trả lại, không đắn đo suy nghĩ thì hỏng việc. Kẻ xấu không bị phơi áo mà chính ta sẽ thiệt thân. Ví như hoàn cảnh của cháu vậy, cháu bị đuổi học, còn ông giáo hư hỏng kia thì lại trắng án...
- Đời toàn những bất công – tôi kêu lên lần thứ hai, tức tối.

Ông già lại nhè nhẹ vuốt tóc tôi, cười:
- Đừng vung tay lên thế, va vào đầu ông thì ông đau lắm. Ông già rồi, không chịu được đòn như cháu đâu. Này cô bé ngoan ngoãn ơi, cháu đang buồn nhưng đừng vội bi quan. Đời có bất công chứ không hoàn toàn bất công như cháu nói. Mẹ cháu có thương yêu cháu hết lòng không? Có thể mẹ cháu chỉ quen nghĩ một cách đơn giản và không lường hết những phức tạp của cuộc đời nên đã không tìm được cách cư xử đúng với cháu trong lúc này và khiến cháu bỏ nhà ra đi... Nhưng mẹ cháu vẫn là người tốt. Thầy chủ nhiệm của cháu thì tuyệt diệu. Đúng không? Còn cậu bé có ông bố nát rượu đó, tên là gì nhỉ? À Ly, Ly... một cái tên đẹp như tên con gái. Nó cao thượng đấy chứ? Và còn mẹ con chú bé đánh cá ở làng này nữa... Biết bao người! Vì những người đó mà cuộc đời này tươi đẹp và đáng sống biết bao. Cháu đừng mong trên trái đất chỉ toàn những người tốt. Cái xấu đi kèm cái tốt như bóng đêm đi bên ánh sáng. Không có đêm, sao ta phân biệt được ngày? Kẻ xấu, kẻ ác bao giờ cũng tồn tại trong xã hội, và người tốt phải đấu tranh với chúng... Vả lại, cái xấu ngày nay đâu có thấm tháp gì! Cháu cứ tưởng xem, tên giáo viên đồi bại kia lại là một thằng mắt xanh mũi lõ. Nó có thể hãm hiếp mẹ cháu, đốt nhà cháu...
- Thà như thế để cháu đi làm cách mạng giết chết nó còn hơn... Chứ như thế này tức lắm... – tôi ấm ức nói.
- Cha cha cha... – ông già cười to – Đừng nói tầm bậy. Không có thù hận nào mãnh liệt và thiêng liêng hơn thù hận của dân tộc bị cướp đoạt tự do. Nỗi oan ức bây giờ của cháu chỉ là cái gai đâm sầy tí da chân thôi. Phải dũng cảm vượt lên, cô bé ơi. Phải nghĩ tới tương lai.
- Chẳng có tương lai nào hết... – tôi nói – Bà hiệu trưởng đã gửi thông báo kỷ luật cháu khắp các trường cấp ba trong tỉnh. Cháu biết đi đâu bây giờ? Thế là chấm hết.
- Chấm hết. – ông già nhắc lại câu nói với vẻ diễu cợt thân ái – năm mười bảy, sống dưới ngọn roi của pô-lít Pháp, ông vẫn thấy cuộc đời bắt đầu chứ không phải là chấm hết...
- Nhưng cháu biết làm gì bây giờ? Chẳng lẽ cháu lại đi bán kem lấy tiền lời hay ra chợ xếp hàng bán năm xu một chỗ...
Tôi định nói đùa nhưng miệng lại méo xệch và nước mắt cứ tự tuôn ra ào ào không thể nào ghìm được.
Ông già lặng im giây lát, rồi lại vuốt tóc tôi:
- Đừng mưa rào nữa mà! Trời đã tạnh ráo từ lâu rồi... Cô bé ơi, nín đi rồi ông kể cho mà nghe. Hồi trước ông đọc một cuốn truyện bằng tiếng Pháp, nhan đề Pa-pi-ông, nghĩa là con bướm. Con bướm là biệt hiệu của một người tù. Và cuốn truyện đó thuật lại cuộc đời của anh ta. Con bướm vốn là một thanh niên lương thiện bị kết tội oan. Cuộc sống tù tội khiến anh ta trở nên một người gan góc, lỳ lợm, có khả năng làm những việc ghê gớm như bắt cá sấu, giết kẻ mưu phản dễ như trở bàn tay, tổ chức những cuộc vượt ngục mạo hiểm và đẫm máu... Con bướm trốn trại nhiều lần. Lần nào cũng bị bắt và đầy đọa khổ sở hơn, anh ta bị nhốt dưới hầm cấm cố, quanh năm không nhìn thấy ánh mặt trời. Phải ăn cả những con gián, con rết sống để sống. Anh ta đã từng lạc tới đảo của những người hủi bị chìm trong đầm lầy, bị vùi dập trong những cơn giông tố... Mặc những đầy ải khủng khiếp đó, ý chí tự do của người tù không lùi bước. Cuối cùng, khi tất cả bạn bè đầu hàng, yên phận cuộc sống trong trại giam, con bướm đã vượt biển trên một chiếc bè làm bằng những quả dừa khô và đi tới châu Mỹ. Lúc đó, anh ta đã già, tóc trắng như sương. Pa-pi-ông viết cuốn truyện tư thuật cuộc đời mình và trở thành một nhà văn lẫy lừng của thế giới. Chính phủ Pháp, cái chính phủ bỏ tù oan Pa-pi-ông tại đảo Guy Am đã phải mời anh trở về thăm tổ quốc, không phải với danh hiệu một tù nhân, mà với danh hiệu một nhà văn được hâm mộ...
Thấy tôi há hốc miệng nghe, ông già cười:
- Thế nào?
Tôi thẹn thùng cúi xuống.
Ông già chăn vịt hỏi tiếp:
- Cháu đã đọc Gooc Ki chưa?
Tôi đáp:
- Cháu mới đọc "Bài ca chim báo bão" trong văn tuyển lớp chín.
Ông già hỏi:
- Còn quyển "Thời thơ ấu" và "Trường đại học của tôi"?

Tôi thẹn thùng thú nhận:
- Chưa ạ.
Ông già lắc đầu:
- Thật đáng tiếc. Đọc những tác phẩm đó, cháu sẽ hiểu được nhiều điều. Gooc Ki tiếng Nga có nghĩa là cay đắng. Ông là đứa trẻ mồ côi, phải lang thang kiếm sống từ thời thơ ấu. Ông đã từng đọc sách bằng ánh trăng phản chiếu lên một chiếc xoong nhôm, chứ không phải dưới ánh đền một trăm nến như cháu ở nhà – nói tới đây, ông nhìn tôi cười giễu cợt – Gooc Ki đã từng làm đủ mọi nghề, sống với những kẻ mà người ta quen gọi là lớp người đáy của xã hội. Các trường đại học của ông chính là khuôn hình của cuộc đời rộng lớn và đau khổ ở nước Nga xưa. Đi qua cuộc đời ấy, ông vẫn giữ được tấm lòng nhân ái, cao thượng của mình. Ông trở thành môt nhà văn được nhận loại yêu quý.
Tôi im lặng. Ông già lại nhìn vào mắt tôi:
- Chắc chắn rằng Gooc Ki không bao giờ nghĩ tới chuyện chấm hết, dù ông đói khát hay đau khổ.
Ngừng lại giây phút, ông hạ giọng nói khẽ khàng:
- Đừng bao giờ nghĩ tới chuyện chấm hết, ngay cả khi người ta đã già rồi.
Dứt câu, ông trầm ngâm nhìn ra phía trước. Tôi im lặng ngồi bên ông. Tôi biết ông đang theo đuổi những ý nghĩ rất riêng biệt và tôi không muốn khuấy động giây phút trầm tư đó. Những câu chuyện ông vừa kể còn xáo động tâm tư tôi.Chúng khơi mở một thế giới hùng vĩ và lấp lánh. Có lẽ từ khi tôi lớn tới giờ, chưa người nào làm được công việc thiêng liêng đó. Ông già thổi vào tội một ngọn lửa kỳ diệu, khiến tôi bỗng thấy mình khôn lớn vượt bậc, nhìn cuộc sống với cặp mắt trong sáng, tự tin và bình tĩnh trước mọi gian nguy. Nỗi đau khổ tôi đang chịu bỗng trở nên nhỏ bé, tầm thường. "Ít ra mình cũng phải vượt qua những tai ương và nguy biến dữ dội gấp năm lần như thế..." – tôi nghĩ vậy mà yên tâm. Dẫu sao tôi cũng phải đứng lên đi tiếp tới mục tiêu của đời mình.
Mặt trời lên cao. Ánh nắng ngả sang màu trắng. Cánh đồng xanh mênh mông yên lặng. Chỉ còn nghe gió rì rào. Xa xa, nơi đồng lúa tiếp giáp với chân trời, những gợn mây trắng mỏng từ từ bay lên cao như những con cừu rong ruổi qua thảo nguyên vô tận của thinh không. Tôi bỗng nảy ra ý muốn ôm chúng trong vòng tay, những con cừu nhẹ như bông , trắng như sữa và hẳn là mát lạnh. Vài đốm nắng lọt qua tàn lá gạo rọi xuống gáy tôi nóng ấm. Tôi chợt nhớ ra là đã trưa và có thể là Cau đã về nhà. Tôi đứng dậy:
- Thưa ông, cháu xin phép ông.
Ông chăn vịt như choàng dậy. Ông nhìn tôi rồi nói:
- Cháu về làng hả?... Thôi được cứ về đi...
Tôi cúi chào ông, định quay lưng bước đi. Ông già vội vã gọi:
- Này cô bé...
Tội nhìn ông:
- Ông bảo gì cháu ạ?
- Có mỗi việc quan trọng nhất thì lại quên – ông nói, lục túi áo lấy ra một chiếc bút máy hoàn toàn bằng vàng tây, nhỏ như điếu thuốc lá – cháu cho ông ghi tên tuổi của cháu, mẹ cháu và số nhà cháu ở, tên trường và lớp cháu học, cả thầy chủ nhiệm nữa. Ông sẽ cố gắng hết sức mình...
Ông nghe tôi đọc và ghi trên bao thuốc lá những dòng chữ nhỏ li ti. Xong, ông cất chiếc bút sang trọng và bao thuốc váo túi chiếc áo cổ lỗ có ba mươi hai đường gian khổ:
- Dũng cảm lên, cô bé nhé... Ông hy vọng ông cháu ta sẽ còn được gặp nhau. Nhất định sẽ gặp nhau, trong một hoàn cảnh thú vị hơn bây giờ. Người ta nói trái đất tròn mà... Có đúng không?
Tôi không biết trả lời sao, đành ấp úng:
- Thưa ông, cháu cảm ơn ông... Cháu chào ông ...
Ông già giơ bàn tay nhỏ bé , nhăn nheo và nổi những vệt đồi mồi:
- Ông chào cháu. Chúc cô bé gặp may mắn trong cuộc đời. Hãy nhớ những lời ông nói. Nó không thú vị như trò chơi nhưng rất có ích cho cháu, ngay cả khi cháu đã lớn rồi...
Ông đứng dậy, bắt tay tôi như bắt tay một người bạn thật sự. Khi tôi ra về, ông trở lại chỗ ngồi. Hết con đường bờ mương vào đến làng, tôi còn thấy bóng ông dưới gốc cây gạo hùng vĩ. Nhỏ bé và uy nghi, mái tóc trắng như cước bay phơ phất,ông đúng là ông già tốt bụng từ trong cánh rừng của nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn đi lạc tới đây.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 10

CON ĐƯỜNG DẪN TỚI CUỘC PHIÊU LƯU

Tôi về nhà, đã non trưa. Hóa ra tôi đã ngồi trò chuyện với ông già chăn vịt gần ba tiếng đồng hồ.
Cau lúi húi nấu cơm dưới bếp. Nó bảo tôi:
- Hôm nay chỉ có hai chị em mình ăn cơm thôi. Mẹ em sang nhà cô Nhài làm giúp đám cưới rồi ăn ở đó luôn.
Nó bảo tôi ra vườn hái một nắm lá lốt.
- Để bỏ vào canh ếch. Chị đã ăn canh ếch nấu lá lốt bao giờ chưa?
Tôi rửa nắm lá lốt đưa cho Cau và đáp:
- Chị chưa bao giờ ăn ếch cả.
Cau nói:
- Thế thì dại quá. Thịt ếch ngon ghê lắm. Người ta đã bảo gà đồng mà lại.
Rồi nó đọc luôn:
Măng chua nấu với gà đồng
Chơi nhau một mẻ xem chồng về ai?...
Tôi cười rũ ra. Chúng tôi cùng ngồi trước một chiếc nồi đất đang sôi lục bục trên bếp lửa. Cau giải thích cho tôi hiểu rằng các món canh như cá, cua, lươn, ếch nấu nồi đất thường ngon hơn nồi đồng, xoong nhôm, vì đất hút hết mùi tanh. Ở làng này, người ta thích ăn canh cua, canh lươn và canh ếch. Canh lươn cho rau răm, hành, còn canh ếch cho măng mụt tước nhỏ với lá lốt và ớt chỉ thiên. Món nấy ở làng quê đơn giản vì người ta còn vội làm nhiều việc khác. Nhưng nhất thiết phải tươi và nóng. Bưng nồi canh ra, mở vung là hơi phà lên mù mịt, mùi lá thơm bốc lừng nhà, thế mới đạt tiêu chuẩn.
- Đây này, chị xem nhé...
Cau bảo tôi. Miệng nói, tay nó mở vung nồi. Trong lớp hơi nước bốc mù mịt, tôi thấy những miếng thịt ếch trắng nõn nhào lộn với nhiều sợi dài như sợi bánh đa, đó là măng mụt và măng vòi tre tước nhỏ. Cau nêm một thìa tương vào nồi canh, rồi ném nắm lá lốt thái nhỏ vào. Xong nó hối hả bắc ra ngay, không để những sợi rau thơm kịp chín. Thằng bé lấy chiếc vung đất úp chặt miệng nồi lại, bảo tôi:
- Được rồi đấy, chị bưng ra mâm cho em.
Trên mâm, đã có đĩa cá bống kho tương khô lăn lóc. Cau xới cơm ra bát rồi mở vung nồi canh.
- Nào, ăn thôi.
Mùi canh ếch bốc lên ngọt ngào. Những miếng thịt ếch còn tươi rói nên vừa trắng lại vừa ngọt. Tuy không có mì chính, chỉ nêm tương ăn cũng tuyệt vời. Chỉ có điều đáng tiếc là canh rất cay, tôi ăn ớt chưa quen nên ho sặc sụa.
Ăn xong, chú bé phải tới trường ngay. Chỉ còn mình tôi nằm nhà, lắng nghe tiếng mọt đục gỗ và những con thạch sùng tắc lưỡi trên mái gianh. Tôi nhớ lại cuộc gặp gỡ với ông già chăn vịt lạ lùng buổi sáng. Cặp mắt hiền hậu và tinh anh của ông hiện lên trước tôi, khích lệ:
- Nào hãy dũng cảm mà tiến lên, cô bé.
Ô, nhưng tôi sẽ tiến lên bằng con đường nào cơ chứ? Việc lánh nạn lên một trường huyện xa xôi nào đó thì đã hết hy vọng rồi. Ở lại thị trấn, nhìn tụi bạn ngày ngày cắp sách tới trường, tôi không thể nào chịu nổi. Nơi đó quá khứ oanh liệt của tôi chưa phai mờ trong tâm trí mọi người và do đó nó sẽ không ngừng day dứt tôi. Về quê ư? Cũng không được vì ở đó tôi cũng đã trót

được coi như hình tượng tốt đẹp nhất cho lũ trẻ trong họ hàng học tập. Hay tôi xin làm thợ nhỏ ở một xưởng cơ khí hay nhà máy nào đấy? Cũng không được vì tôi đầu đã đến tuổi lao động...
Cuối cùng, tôi chợt nhớ đến bố tôi. Con người thân yêu nhất nhưng lại xa biền biệt đến nỗi tôi chẳng kịp nghĩ tới trong những lúc vui sướng cũng nhu khi đau khổ. Bây giờ tôi bỗng dưng nhớ tới người. Có lẽ vì một thằng bé nào đó bị bạn đánh vừa khóc vừa gọi "Bố ơi" ở ngoài đường. Tiếng gọi của nó vọng vào trong nhà, đánh thức những ý nghĩ trong tôi: "Ồ, mình cũng có một người bố. Lẽ ra trong lúc này, tôi cũng có thể gọi: "Bố ơi, con khổ quá, bố bảo con làm gì bây giờ? Bố có thương con không? Bố che chở cho con và đừng ghét con...". Và khi đó, chắc chắn bố sẽ ôm tôi vào lòng: "Con Bê của bố, làm sao bố ghét bỏ con được. Bố sẽ che chở cho con. Bố sẽ dìu đỡ con..."
Lần nào về phép, bố cũng ôm tôi tha thiết, âu yếm như thế. Vậy mà những lúc đó tôi lại cố gắng chui khỏi vòng tay bố để nhông ra phố chơi, để khoe với lũ bạn chiếc túi thổ cẩm hoặc chiếc vuốt hổ treo ở sợi dây đeo cổ. Tôi chê người bố có mùi thuốc lá và mùi hăng hăng là lạ mang ở trên rừng về.
Mẹ tôi mắng:
- Con nhà bất hiếu.
Còn bố chỉ cười hiền lành. Rồi bố chìa tay:
- Bê ơi, bố con mình ra sông tắm nhé. Bố nghe mẹ viết thư kể rằng con bơi vượt sông được rồi, bố mừng quá. Cả đồn biên phòng của bố đều biết tin con Bê đã vượt được sông... Nào, bố con mình cùng nhau bơi thi chứ?...
Chao ơi, những giờ phút đó ngắn ngủi và mau qua. Bây giờ bố đang làm gì trên miền rừng xa xôi đó? Bố có biết tôi đang đau khổ và đang khóc vì nhớ bố không?
Ngoài đường, thằng bé lúc nãy bị đòn lại khóc ré lên, gọi:
- Bố, bố ơi...
Tôi chợt nảy ra ý nghĩ: lên biên giới tìm bố. Hai bố con sẽ được ở với nhau cho tới vụ hè. Rồi sẽ định liệu năm học tới. Đằng nào thì tôi cũng phải bỏ hẳn năm nay. Ở trên đồn biên phòng heo hút đó, chắc bố nhớ tôi ghê lắm. Tôi lên, chắc bố sẽ mừng biết bao. Tôi sẽ mang kim chỉ vá áo quần rách cho bố. Tôi sẽ mang thuốc lá, dầu cù là, thuốc ho cam thảo và ô mai mơ cho bố... Tôi quyết định ngay: Mình sẽ đi. Dẫu sao mình cũng là con một đại úy mà kinh nghiệm chiến đấu và lòng dũng cảm khiến nhiều cán bộ cấp tá phải kính nể. Đã nhiều lần tôi nghe bạn bè bố nói vậy. Tôi phải đủ can đảm để lên miền biên giới đó, đứng ở cửa đồn biên phòng mà gọi to:
- Bố ơi, con Bê của bố đã lên.
Bố tôi sẽ ngẩng đầu lên, kêi:
- Trời đất, thật hay mơ thế này. Các cậu nhìn xem, con Bê của tôi đã lên tới tận đây sao?...
Viễn cảnh tươi đẹp khiến tôi vui vẻ, lòng nhẹ lâng lâng. Tôi cứ nghĩ tới đó mãi và trôi vào giấc ngủ êm ái, dễ chịu.
Khi tôi tỉnh dậy, đã gần năm giờ chiều Mẹ Cau về, đem theo gói xôi lớn:
- Cháu ăn một nửa, phần em Cau một nửa.Chiều nay khỏi phải nấu cơm. Phần cô, cô đã ăn no nê rồi.
Xôi đám cưới là xôi gấc đỏ tươi, vừa ngọt vừa béo ngậy mỡ. Tôi ăn xôi xong, chào cô để ra bến sông chờ Loan. Lần này chỉ năm phút, cô bạn đã tới.
Tôi hỏi:
- Mẹ cậu khỏe chưa? Sao cứ ỉu xìu thế?
Loan đáp:
- Mẹ tớ đỡ rồi. Nhưng hai người em của mẹ tới dưới quê lên. Các cậu ấy tới nhà lão cai Cân đòi tiền. Lão chửi ầm ĩ và sai hai thằng con ra cổng đuổi. hai cậu tớ kéo cả một dây đàn ông trong họ tới định đốt nhà. Thế là chính quyền, công an phải tới can thiệp. Chuyện ầm lên, tớ xấu hổ quá.
Tôi an ủi cô bạn:
- Người lớn họ đánh nhau. Mình dính gì vào đấy mà sợ?...
Rồi tôi kể cho Loan nghe ý định của tôi. Loan kêu thét lên. Tôi tưởng nó hoảng sợ can ngăn, không ngờ cô bạn hí hửng nói:
- Tớ đi với. Nhất định đằng ấy phải cho tớ đi. Hai đứa mình sẽ cùng đi. Thú thật!
Tôi lắc đầu:

- Không được. Nhiệm vụ của cậu là phải ở nhà học. Học cho giỏi để sau này còn kèm cặp tớ.
Loan kêu to:
- Tớ không thể học được nữa. Đằng ấy thì lang thang. Mẹ tớ thì nằm trên viện. Chuyện nhà ầm ĩ lên, tớ không dám nhìn mặt ai cả. Đến bố Thế, tớ cũng phải tránh đi...
Tôi nói:
- Tự dưng bỏ học, có họa là người điên.
Loan bướng bỉnh lắc đầu:
- Không. Tớ quyết sẽ đi. Xưa nay, tớ cứ làm theo sự chỉ huy của đằng ấy. Bây giò, tớ làm theo ý mình.
Tôi chưa kịp đối đáp, Loan dọa thêm:
- Nếu đằng ấy không cho tớ đi, tớ sẽ báo mẹ đằng ấy tới đây bắt đằng ấy về nhà. Nào, suy tính đi.
Tôi chưa bao giờ thấy Loan hạt mít tỏ ra bướng bỉnh và đáo để như lúc ấy. Tôi nghĩ bụng: Có khi mình phải nhượng bộ nó thật. Mà kể ra, đi hai đứa cũng vui hơn... Tôi đành dàn hòa:
- Thôi được. Nhưng gặp khó khăn gian khổ dọc đường, đừng có oán tớ, nghe chưa?
Loan mừng cuống quýt, và nó trở lại hiện lành, êm ái ngay tức khắc:
- Mình hứa mà... mình hứa là sẽ...
Tôi ngắt lời:
- Còn chuyện này nữa. Số tiền hai trăm cậu lấy ở đâu? Nếu là tiền phi nghĩa thì phải trả ngay.
Loan chợt ngẩn ra, thở dài. Sau đó, nó khẽ nói:
- Hồi mẹ tớ bán nhà, chú tớ không đồng ý. Vì đất là nhà của ông bà nội để cho. Nhưng mẹ nghe lão cai Cân cứ bán. Chú tớ khóc, bảo tớ rằng: "Cháu tìm cách lấy lại một món tiền trong số tiền bán nhà để lập bàn thờ cúng vong hồn bố cháu. Chú tàn tật yếu hèn, chú không giữ được mảnh đất tổ tiên để lại. Chú xin thắp ba nén nhang để vong linh bố cháu chứng giám cho tấm lòng ...".
Thế rồi, từ đó tớ rình mãi nhưng không có cơ hội. Một hôm, tớ đang ngồi đi đồng trong chuồng xí chợt thấy thằng con lớn lão cai Cân chạy xuống nhà tắm, lật ngói lên, giấu một gói giấy. Tớ đoán chắc đó là tiền. Tụi con lão luôn tìm cách ăn trộm, ăn bớt tiền của bố. Chờ cho nó ra phố, tớ nhấc viên ngói, lấy gói tiền cất đi. Hôm sau thằng đó cứ quanh quẩn tìm nhưng không dám kêu. Nó hậm hực kiếm cớ đánh thằng em. Còn tớ, tớ chờ dịp đưa cho chú tớ làm bàn thờ, nhưng chưa thấy chú lên. Bây giờ, tớ nghĩ đằng ấy cần tiền hơn...
Tôi lắng nghe chuyện. Lòng tôi bỗng dấy lên nỗi chua xót. Bố Loan ngày xưa là chú thợ cơ khí khỏe mạnh, đẹp trai, hiền như đất. Tôi nhớ hai cánh tay lực lưỡng của chú thường tung Loan và tôi lên cao. Hàm răng trắng ánh khi chú cười. Và mỗi khi chú khom lưng làm ngựa cưỡi, chúng tôi thương kêu:
- Ếp ếp, nhong nhong...
Người đàn ông tốt bụng hiền lành đó đã chết đột ngột làm sao! Em chú, một anh thợ rèn ở làng, khập khiễng, nhút nhát tới mức chỉ cần một đứa trẻ hay một cô hàng xôi trêu cũng đỏ mặt lên, lưỡi líu lại. Người em đó đã không đủ sức giữ mảnh vườn mà anh mình đã tưới biết bao mồ hôi lên.
Loan thấy tôi im lặng hồi lâu, hỏi:
- Đằng ấy bảo sao?
Tôi thở dài:
- Thôi cũng được. Coi như đây là tiền của bố cậu. Chúng mình sẽ dùng nó vào chuyến đi này. Khi nào có dịp, ta sẽ lập bàn thờ và cúng vong linh cho bố cậu.
Rồi tôi dặn Loan những công việc cụ thể: Phải lấy đủ quần áo, nhất là áo rét vì miền núi khí trời lạnh lắm. Phải tìm bằng được lá thư bố tôi đề địa chỉ và ghi rõ đường đi. Mẹ tôi đã theo đường này lên thăm bố khi tôi chín tuổi. Phải vào phố mua khăn mặt, bàn chải và thuốc đánh răng, kẹo bạc hà, ô mai cam thảo, thuốc lào, kim chỉ, phong bì, giấy viết thư với tem. Ngoài ra, phải nhớ mang chiếc hộp bằng nhôm ở nhà đi. Thứ nồi lưu động đó, nấu ăn dọc đường là tiện nhất. Các chú bộ đội đã bảo thế.
Tôi ra lệnh:
- Cậu phải chuẩn bị tất cả mọi thứ trong vòng ba tiếng đồng hồ. Đúng chín giờ, mình lại chờ cậu ở đây. Ta ra đảo kho tàng. Sớm mai, lên đường.
Loan nín thở, nghe tôi nói. Mắt nó long lanh, đầy xúc động. Tôi cũng thấy hai đầu gối run run.

Chao ôi, thiêng liêng làm sao cái phút giây trước chuyến đi xa đầu tiên của cuộc đời. Loan về thị trấn, tôi quay lại nhà chú bé Cau, xin mảnh giấy viết thư cho mẹ:
Thưa mẹ kính yêu của con,
Con rất đau khổ vì đã gây cho mẹ những nỗi lo buồn. Con mong mẹ tha thứ cho con. Ngày mai, con sẽ lên đường đi xa, con sẽ tiến lên bằng đôi chân bé nhỏ và lòng dũng cảm của mình. Con sẽ cố gắng để trở thành con ngoan của mẹ, trò yêu của bố Thế. Mẹ đừng lo cho con. Lúc nào con cũng giữ một tâm hồn trong sạch và ngay thẳng. Mẹ ở nhà đừng ốm và đừng buồn vì con nữa. Con chắc mọi người không nỡ quên con. Trước khi đi, con gửi mẹ và tất cả họ hàng ruột thịt nhà ta lời chúc tốt đẹp.
Con gái mẹ: Vũ Thị Bề
Tái bút: Loan đi cùng với con. Mẹ nói để cô Lưu yên tâm.
Gập lá thư làm tư, tôi bỏ vào túi quần. Rồi tôi lấy trong số hai trăm, ba mươi đồng, đặt dưới gối chú bé Cau. Và không nói một lời, tôi lẳng lặng ra dòng sông xanh quen thuộc. Giá ban ngày, tôi đã có thể thấy được làn nước trong với những gợn sóng lăn tăn, những đám cỏ mềm xanh như lá liễu và bầu trời lơ soi mình trên đáy nước. Nhưng bây giờ là đêm, nên tôi chỉ có thể lắng nghe tiếng gió rì rào và tưởng tượng ra chúng mà thôi. Tôi tìm được cái thuyền của bà An Lạc rồi. Chút nữa, tôi sẽ chở Loan ra đảo. Sáng tinh sương mai, chúng tôi sẽ đi bộ lên một ga xép cách thị trấn năm cây số và lên tàu. Trước khi lên tàu, tôi bỏ thư cho mẹ. Khi chúng tôi tới một thị trấn cách ga hơn một trăm cây số, mẹ sẽ nhận được thư tôi.
- Trời ơi, con gái của mẹ, sao con dại dột thế?... Sao con bỏ mẹ ra đi? Giờ này, con gái tôi bơ vơ ở đâu rồi?
Mẹ sẽ nức nở gục đầu lên chiếc bàn chất chồng vở học trò chờ chấm.
- Mẹ ơi, con không dại dột đâu, và mẹ cũng đừng lo cho con bơ vơ giữa cuộc đời...
Tôi thầm nói với mẹ như vậy. Và nước mắt tôi chảy ra tự lúc nào không rõ, ướt lạnh trên hai má.
Thôi, chào sông nhé, chào dòng sông thân yêu, chào hòn đảo đã cất giấu kho tàng và những bí mật tuổi thơ. Chào thị trấn quê hương. Tất cả ở lại nguyên vẹn, tươi đẹp. Và hãy chúc cho tôi một lời may mắn, trước khi tôi bước vào chuyên đi xa thứ nhất của cuộc đời.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 11

BÀI HỌC ĐẦU TIÊN TRONG CUỘC HÀNH TRÌNH

Chuyến tàu dẫn chúng tôi vào cuộc phiêu lưu là một chuyến tàu chợ. Tàu chợ là tàu chạy chậm, đỗ ở tất cả các ga xép để đón khách. Khách đi tàu thường là dân miền xuôi lên trên núi mua khoai, sắn khô phòng ngày giáp hạt, dân buôn măng khô, mộc nhĩ, nấm hương, gạo nếp, củ nâu từ miền núi về. Và cá mắm, cá khô, tôm tép ướp muối, các loại kim chỉ màu, phẩm nhuộm… tóm lại là trăm thứ đồ vặt vãnh ở dưới xuôi lên. Hàng hóa của họ đặt chồng lên nhau chặt như nêm cối. Lần đầu tiên đi tàu, tôi không khỏi choáng váng vì sự đông đúc, nhộn nhạo, vì tiếng trò chuyện, cãi cọ ồn ào, vì cả mùi trầu thuốc, mùi mồ hôi chua khắn và mùi khai từ buồng vệ sinh đầu toa theo gió tạt xuống. Nhưng dẫu sao, đấy cũng là những giây phút đầu tiên chúng tôi rời tà áo mẹ, bước vào đời. Tôi và Loan đều hồi hộp khi con tàu thét lên hồi còi dài để giã từ cái ga xép chúng tôi vừa từ đó lên. Những toa tàu dồn nhau lịch kịch. Các đầu nối xô lại khiến hành khách ngã giúi giụi. Một làn khói trắng tuôn lên trời cao. Rồi con tàu chuyển bánh, lăn về phía trước.

Hai đứa tôi ngồi sát vào nhau. Mặc dù chúng tôi mua đủ hai vé, một bà buôn gạo to béo vẫn huých chúng tôi vào một xó để đặt bộ mông đồ sộ của bà vào ghế:

- Chúng mày là trẻ con, ngồi thu vào một chỗ trong kia.

Bà ra lệnh. Không đợi chúng tôi trả lời, bà bắt đầu mở túi lấy trầu ăn và nói chuyện oang oang với đám bạn buôn chuyến ngồi quanh.

Chúng tôi nhìn ra bên ngoài. Những cánh đồng quen thuộc lùi lại phía sau. Những thửa ruộng tôi và Loan từng đi tát cá dầu về nấu dưa. Dòng mương chúng tôi vẫn cùng nhau lội mò trứng vịt đẻ rơi. Trái đồi tròn, xanh um kia là trái đồi Đông Na, nơi có ngôi chùa xinh xắn, những trái đào ngọt lịm và những trái đu đủ chín cây đỏ hườm hườm. Bà vãi chùa thật hiền từ, còn lão già sống với bà là một conquỷ độc ác. Lão đã nhốt tôi trong căn buồng tối tăm, hôi mốc và khiến tôi đói lả suốt ngày đêm… Dòng mương thẳng tắp có những gợn sóng lăn tăn, dọc con đường bờ vùng học sinh trường tôi đã góp sức đào với dân xã. Chính cái hôm đào mương, trời vừa mưa vừa nắng, Ly đã bị cảm và bố Thế cõng nó đưa lên bệnh viện… Những kỷ niệm lần lượt hiện về khiến tôi xốn xang trong dạ. Loan cũng im lặng. Hẳn nó cũng đang xúc động như tôi. Khi con tàu rẽ vào một đoạn đường ngầm xuyên qua núi, tôi bỗng muốn khóc. Nhưng tôi không dám để cho Loan hạt mít biết mình yếu mềm như thế. Tôi ngoảnh mặt ra ngoài cửa sổ và đưa lưỡi liếm những giọt nước mắt mằn mặn đang theo nhau chảy xuống.

Con tàu chui khỏi đoạn đường hầm. Từ đây nó chạy giữa những trái đồi nối tiếp. Trái đồi nào cũng tròn và thấp, làng mạc bám xung quanh giống như những trái cam màu xanh.

- Các bà,các cô giúp cháu với. Cháu tìm mẹ cháu từ sáng tới giờ mà chẳng thấy đâu… Mẹ ơi i i!… Mẹ ở đâu rồi?

Tiếng kêu than của một đứa trẻ vang lên giữa lúc nhịp chuyển động đều đặn của vòng bánh quay đang làm mọi người gà gà ngủ. Riêng bà lái buôn to béo ngồi cạnh chúng tôi đã ngủ rất say, miệng há hốc, thở phì phò như bễ lò rèn. Mấy bà bạn buôn chuyến với bà cũng gục đầu xuống gối ngủ mê mệt. Chỉ đám khách đi tàu bình thường như chúng tôi là quay lại nhìn đứa bé:

- Mẹ ở đâu rồi? … Mẹ ơi i i… Hu hu hu…

Nó cất tiếng than hời rồi khóc tức tưởi như bị đòn oan. Đó là một đứa bé trai trạc tuổi tôi, gầy gò, đen đủi. Đôi mắt đen, rất sáng nhưng không nhìn thẳng vào ai. Nó cứ mở trừng trừng, nước

hàng mi dày lên như nhìn vào nỗi bất hạnh của sự cô đơn, của tai hoạ mà nó đang phải gánh chịu. Đôi vai gầy hơi so. Tóc dài lợp xuống tận gáy. Thằng bé mặc chiếc sơ mi kẻ sọc đã cũ bẩn và chiếc quần dài tới đầu gối. Những sợi vải tua lùa rủ xuống khách đi tàu, gồm những cán bộ, bộđội, sinh viên và hai đứa tôi, đều tỏ vẻ băn khoăn. Mấy người lớn tuổi sốt sắng hỏi:
- Nhà cháu ở đâu?
- Cháu ở Hưng Yên, làng Lệ Xá… Bố mẹ cháu bỏ nhau rồi. Mẹ cháu đưa cháu lên Lạng Sơn tìm cậu. Từ sáng đến giờ chẳng thấy mẹ cháu đâu nữa… Mẹ ơi i i!…
Thằng bé kể lể xong lại khóc, lại gọi mẹ bằng cái giọng vô cùng ảo não. Một chàng trai xoa đầu nó:
- Tại sao có hai mẹ con mà lạc nhau được? Chú trông cháu có đến nỗi khờ khạo đâu.
Thằng bé liếc nhìn anh rất nhanh và đáp:
- Cháu ngủ. Mẹ cháu cũng ngủ. Mẹ cháu bảo sớm mai tới ga mua bánh mì ăn. Lúc thức dậy, cháu không thấy mẹ cháu đâu nữa… Mẹ ơi i i… Mẹ ở đâu bây giờ?
Sau mỗi câu trả lời, đứa bé gọi mẹ càng thảm thiết hơn.
Mấy chị ngồi quanh tôi thì thào:
- Có lẽ mẹ nó không nuôi nổi nên bỏ con đi nơi khác.
- Hoặc chị ta theo nhân tình nhân ngãi nên bỏ con khỏi vướng thân chăng?…
- Ăn nói hồ đồ… Làm gì có thứ đàn bà quạ tha gà mổ thế!… Đến hổ cái cũng còn biết thương con, huống chi là người…
- Thế vì cớ gì mà thằng bé bị bỏ bơ vơ?
Mỗi người một ý, xôn xao bàn tán. Thằng bé vẫn đứng giữa đám đông, ngước đôi mắt sầu não lên, khuôn mặt lem nhem bụi bẩn và hoen nước mắt. Một chú bộ đội rút chiếc bánh mì kẹp thịt trong túi ra đưa cho nó:
- Chắc từ tối hôm qua tới giờ cháu chưa ăn gì?… Cháu ăn tạm chiếc bánh này. Bụng cháu thì cũng đủ no đấy…
- Cám ơn chú - thằng bé lắc đầu - Mẹ ơi, mẹ ơi!…
Nó không ăn uống gì mà đưa mắt nhìn quanh để tìm kiếm một cách vô vọng. Trong đám hành khách có người khẽ chép miệng:
- Nó là con nhà tử tế đấy. Đói thế mà có thiết ăn đâu… Nó mải tìm mẹ… Đến khốn khổ cho số kiếp con người…
Thằng bé không để ý những lời bình phẩm xung quanh. Nó đưa mắt nhìn tôi, vừa như ngạc nhiên vừa như muốn tìm một câu an ủi, một niềm cảm thông. Những kẻ đồng niên bao giờ cũng dễ thân thiết với nhau hơn là với những người khác tuổi. Tôi nghĩ thế nên goi:
- Bạn có thể cùng đi với chúng tôi tới Lạng Sơn. Chúng tôi có đủ thức ăn dọc đường cho cả ba người đấy.
Mấy chị cán bộ hùn vào:
- Phải rồi, cùng tuổi đi với nhau dễ ăn dễ nói hơn. Cháu cứ lại ngồi với hai bạn gái cho vui. Tới Lạng Sơn, các cô dẫn vào đồn công an tìm mẹ…
Thằng bé im lặng đưa mắt nhìn chúng tôi. Rồi nó lại nhìn bà lái buôn to béo vẫn đang há hốc miệng như con cá ngão mà ngủ, thây kệ mọi chuyện trên đời.
Loan hạt mít sốt sắng chìa túi thức ăn gồm rất nhiều thứ: nào bánh dày kẹp chả, bánh giò, xôi nén, bỏng nắm ngào mật…
- Đằng ấy không lo tụi tớ đói đâu. Ối thức ăn cơ mà.
Đứa bé chừng như yên tâm, lặng lặng tới ngồi bên mép ghế đối diện với chúng tôi. Loan mời mãi, nó mới chịu ăn miếng xôi nén với chả. Mặt thằng bé buồn thiu khiến chúng tôi không dám hỏi thêm một lời nào về tình cảnh thương tâm của mẹ con nó.
Xình xịch, xình xịch, xình xịch,… Con tàu cứ chạy đều. Những trái đồi bên ngoài dần dần thưa thớt và cao hơn. Đã có những khoảng rừng ven chân núi đá. Không còn những thôn ấp trung du tròn trịa như những trái cam xanh mà chỉ có các xóm trại lơ thơ giữa thung lũng hoặc bám chênh vênh lưng chừng đồi. Ngắm mãi cảnh cũng chán mắt. Tiếng bánh tàu nghiến trên đường ray tạo nên một âm điệu đều đặn buồn tẻ khiến dần dần mí mắt tôi cứng đờ, rơi sập xuống. Tôi dựa đầu vào ghế mà ngủ. Trong giấc ngủ, gió lẹ làng từ ngoài ô cửa tới vuốt ve làn da và mái tóc tôi. Hương thơm của lúa, của những vườn cây xa xôi đưa tới. Tôi mơ thấy mình đang cưỡi trên lưng con ngựa hồng. Con ngựa xinh đẹp phi nhịp nhàng qua những dãy múi xanh thẳm vùng

biên cương. Rồi nó hý vang lên khi tới trước một đồn biên phòng ở đỉnh ngọn núi cao chót vót. Tiếng hí của con ngựa hồng rung chuyển khoảng trời im vắng. Bố tôi ở trong chiếc lán nứa, phía sau mảnh sân cắm lá cờ bước ra, kêu lên mừng rỡ:
- Con Bê của bố, con Bê của bố lên tới tận đây… Này các cậu xem, con gái tôi có cừ khôi không? … Nó đã lên tới tận đây mà thăm chúng mình…
Có người đập vào vai tôi rất mạnh, nhưng không phải bố tôi mà là bà lái buôn to béo có cặp môi nứt nẻ quết trầu.
- Tới ga Voi Xô rồi đấy, chúng mày có xuống không?
Tôi giụi mắt, đáp:
- Chúng cháu còn đi xa hơn nhiều, bà ạ.
Loan hạt mít cũng vừa tỉnh dậy. Hẳn nó vừa được một giấc ngon lành, say sưa như tôi. Tiếng cô phát thanh viên trên loa ra rả:
- Tàu đã tới ga Voi Xô. Mời hành khách kiểm tra hành lý, trật tự xuống tàu. Ai đi trước xuống trước, ai đi sau xuống sau, không nên chen lấn, phòng kẻ gian móc túi.
Các bà các cô lục tục đứng dậy, tìm túi, tìm nải, quang gánh lên vai xuống ga. Tôi thò cổ khỏi cửa sổ để nhìn cái ga đầu tiên vùng trung du.
Chợt Loan hốt hoảng kêu lên:
- Bê ơi, túi quần áo đâu rồi?
Tôi quay vào, ngẩng đầu nhìn lên giàn gác hành lý. Chiếc ba lô đựng toàn bộ áo quần đồ đạc của chúng tôi đã không cánh mà bay. Thằng bé lạc mẹ ngồi đối diện với chúng tôi cũng biến mất. Bây giờ không phải thằng bé đó khóc mà chính Loan hạt mít hu hu.
- Mất hết áo quần đồ đạc rồi… Biết làm thế nào bây giờ? Hu hu hu…
Trong chiếc ba lô đó, tôi xếp đủ áo quần mùa hè lẫn mùa đông của hai đứa. Chiếc phong bì có vẽ đường lên Khậu Phai. Tất cả những thứ tôi sắm sửa để đem lên cho bố tôi và các chú bộ đội: kim chỉ, dầu cù là, khuy áo, tem thư, kẹo bạc hà ngậm ho, ô mai cam thảo, một cân đường phèn, ba lạng hàn the để quấy bánh đúc (Tôi nghe nói bộ đội hay thèm ăn mấy thứ quà vặt đó). Cả bộ Đông Chu Liệt Quốc. Ngoài ra số tiền dành dụm và pho tượng vũ nữ bằng bạc của bà ngoại Loan cho. Chao ơi, đối với chúng tôi, đó là một gia tài quá lớn. Vả chăng, khi bắt đầu cuộc hành trình đầy mạo hiểm này, tôi chưa hề nghĩ tai hoạ xảy ra với mình chua cay thế. Tôi cứ tưởng tượng cảnh gặp hổ ngang đèo, gặp tướng cướp từ các đám lau rậm xông ra giống như những chuyện bọn lục lâm đòi tiền mãi lộ thời trước… Ai dè kẻ gieo tai hoạ chỉ là một thằng nhãi gầy gò, loẻo khoẻo.
Loan hạt mít vẫn khóc nức nở.
Tôi cố gắng để không khóc. Tôi cũng khóc thì còn ra thể thống gì nữa?…
Đằng nào thì tôi vẫn là con chim đầu đàn, là người dẫn đường cho nó. Những hành khách xung quanh xúm lại hỏi thăm. Khi vỡ lẽ, người ta thốt kêu lên:
- Khiếp thật, kẻ cắp bây giờ đóng kịch giỏi hơn tài tử xi nê ma. Lúc nãy mình định gọi nó tới cho ăn nữa chứ…
- Trông mặt mũi hiền lành, sáng sủa thế… Ai ngờ được là quân lừa đảo…
Bà lái buôn to béo ngồi cạnh chúng tôi bĩu dài cặp môi khô nẻ quết trầu:
- Tại sao các ông các bà không gọi tôi dậy? Tôi mà dậy thì tôi tống cổ thằng lỏi con ra khỏi toa này ngay. Chuyến buôn xuôi bán ngược nào tôi chả gặp mặt nó. Lúc nó giả vờ lạc mẹ, lúc nó giả vờ bị chú dượng đuổi khỏi nhà. Lúc nó giả vờ bị mất hết áo quần, tiền bạc, nó đi xin từng người tiền về quê… Dân buôn chúng tôi nhẵn mặt nó nên cứ thấy tụi tôi là nó lảng ngay. Các ông các bà là ma mới nên bị vào tròng. Phải tay tôi, tôi cứ xách tai lên, vặn ra đằng sau cho lòi con mắt ra mới thôi…
Hết tràng diễn thuyết, bà chồm người ra cửa sổ nhổ nước quết trầu rồi bảo chúng tôi:
- Từ rày phải cảnh giác, các cháu ạ. Chúng mày là con nhà lành, ra đời dễ gặp quân mèo mả gà đồng gạ gẫm, lừa gạt lắm. Chớ có tin người mà chết.
Tôi ngao ngán nhìn túi thức ăn đặt dưới chân. Ra đi hay quay về? Lấy gì mà tiếp tục cuộc hành trình, khi trước mắt là con đường dài dằng dặc, không có một người thân quen, một nơi tựa đỡ?… Còn quay về thị xã với mẹ tôi, với hoàn cảnh hiện tại, trước những con mắt tò mò thương hại của mọi người?… Rồi sẽ có những bàn tay xoa đầu tôi và nói:
- Thôi, đừng có viển vông, ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung là chết đấy…

Hoặc:
- Cứ ở nhà nuôi gà cho mẹ mày vài năm cũng chẳng sao. Chưa vỡ bọng cứt đừng có đòi bay bổng…
Mới nghĩ tới đó, mặt tôi đã nóng ran lên. Tôi không thể hèn kém như vậy! Gooc Ki từng tự kiếm sống bằng nghề bới rác vụn, đánh giày, làm thuê… Vậy mà ông đã trở thành nhà văn lỗi lạc trên thế giới. Tại sao tôi không thể làm như vậy? Không phải để trở thành một nhà văn mà chỉ để kiếm đủ tiền lên chơi với bố tôi, một người lính biên phòng…
Tôi bảo Loan:
- Đừng khóc nữa. Đằng ấy có khóc hết nước mắt cũng không ích gì. Chúng ta vẫn còn cách sống.
Tôi nói thầm cho Loan biết rằng chúng tôi vẫn còn một trăm bảy mươi đồng. Số tiền hai trăm của Loan đưa, tôi cho mẹ con bé Cau ba mươi đồng, còn lại tôi khâu vào túi con ở lưng quần. Số tiền đó đủ mua cho mỗi đứa một bộ áo quần và chiếc áo bông. Còn lại, chúng tôi sẽ ăn uống dè xẻn để dành tiền mua vé lên Cao Bằng. Từ Cao Bằng lên đồn Khậu Phai, mọi chuyện sẽ tính sau.
Loan nghe xuôi tai, không khóc nữa. Vả lại xưa nay nó vẫn tin tôi.
Bản tính nó ít lo nghĩ, tư lự. Chỉ mười lăm phút sau, Loan đã giở bánh giò ra ăn rồ vỗ tay cười toe toét khi thấy một con sơn dương chạy qua thung lũng ven đường. Tôi cũng ăn xong, ngồi tựa vào lưng ghế nghĩ ngợi. Dẫu sao, tôi không khỏi lo âu. Tôi chưa biết cái gì sẽ xảy ra trong những ngày sắp tới. Và cuộc phiêu lưu của chúng tôi sẽ tới ngả đường nào?… Bên ngoài, những dãy núi xanh rì tiếp tục lướt qua. Ánh chiều vàng rực trên sườn non đã nhạt, rồi bóng tối bò từ những khoảnh rừng đen thẫm tới. Ngọn đèn điện đỏ quạch trong chiếc lưới sắt được bật lên, soi lờ mờ. Hành khách trong toa ăn no, chuyện vãn chán, gà gật gục vào nhau ngủ, Loan tựa đầu vào vai tôi, ngáy khe khẽ. Còn tôi, tôi không ngủ được. Mắt mở thao láo, tôi tìm một đốm lửa trong những hình thù quái dị của núi non đang trôi qua khung cửa con tàu. Ngày trước, bà tôi vẫn bảo, ban đêm gặp lửa cháy là gặp điềm may. Khi con tàu đi khuất vào một hẻm núi, tôi bỗng nhìn thấy một đốm lửa thật. Ánh lửa đỏ rực, lắt lay, chập chờn giữa thung lũng. Hình như một người dân nào đó đã gieo vào lòng tôi, một đứa bé xa lạ, niềm tin đinh ninh rằng mình sẽ gặp may mắn trong đời.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 12

THỊ TRẤN LẠ LÙNG VỚI NHỮNG CON NGƯỜI LẠ LÙNG

Tàu tới ga vào lúc hai giờ rưỡi sáng. Đám hành khách bừng tỉnh khi người phát thanh nhắc nhở:
- Tàu đã tới ga… Ai đi trước xuống trước, ai đi sau xuống sau, không nên chen lấn xô đẩy, phòng kẻ gian móc túi…
Giọng nói vang trong loa rất to, rè rè như người nói đang buồn ngủ. Con tàu chạy chậm lại rồi bỗng dưng phanh kít trên đường ray. Đám dân buôn đứng giữa hai hàng ghế bị xô ngã nháo nhào. Họ lầm bầm chửi rủa rồi lần lượt đi ra hai đầu toa. Chúng tôi chờ họ bớt chen chúc mới đứng dậy. Một thanh niên cùng chuyến tàu với chúng tôi bước tới nói:
- Đi xuống ga với anh. Chắc hai em không có họ hàng quen thuộc ở đây
Tôi nói:
- Vâng, cảm ơn anh.
Trong bụng, tôi phân vân chưa biết xử trí ra sao. Suốt chuyến đi, kể cả lúc thằng bế giả vờ khóc lóc, kể cả lúc chúng tôi bị mất cắp, anh đều không nói năng gì. Đôi mắt anh nhìn mông lung đâu đó. Mái tóc mềm gió đánh bay xoà xuống tận chân mây. Anh ngồi cách chúng tôi hai ghế nên chúng tôi cũng không để ý tới anh nhiều.
Khách đi tàu đã xuống ga vãn. Chúng tôi bước theo anh. Bậc lên xuống rất cao, anh lần lượt nhấc bổng từng đứa xuống. Rồi anh xách chiếc túi đựng thức ăn nhẹ tênh của chúng tôi, cười:
- Gia tài bây giờ nhẹ bỗng rồi, phải không?… Hồi còn bé, anh cũng bị mất cắp một lần. Nhưng không phải vì một thằng bé con mà là một con mụ rất dẻo mồm. Mụ ta dụ anh đi mua kẹo hồng, mua bánh ngọt, rồi tháo chiếc vòng bạc mẹ anh đeo ở cổ cho anh.
- Thế xong rồi sao cơ?
- Rồi anh bị một trận đòn nên thân và nhớ tới tận bây giờ…Này, nhưng đừng nói chuyện nữa, đi cẩn thận kẻo ngã xuống hẻm núi đấy.
Đường từ ga xuống gập ghềnh cheo leo thật. Nó hẹp chừng non hai thước, rải đá trắng nhưng lâu ngày mưa đã xói mòn, đá lở hết. Chỉ còn trơ những rễ cây cổ thụ và những tảng đá lớn nằm bám vào gốc cây. Nhà ga không có đèn. Người gác ghi cầm cây đèn hộp vuông kính chắn xanh, đỏ, vàng đánh tín hiệu cho tàu đi xong, liền bước vào phòng bán vé đóng sập cửa lại. Thế là tất cả tối đen. Mọi vật chỉ còn hiện lên lờ mờ ánh sao và ánh lửa hắt từ đám quán ăn tít dưới đường quốc lộ. Chúng tôi túm áo nhau, nắm chặt tay anh thanh niên tốt bụng mà đi. Những người dân buôn gánh hàng sát bên chúng tôi. Họ là dân địa phương nênhọ thuộc đường. Nhiều người nói chuyện với nhau bằng thứ tiếng riêng mà chúng tôi không hiểu.
- Người Hoa đấy – anh thanh niên giải thích – Các em có ngửi thấy mùi thơm không? Họ buôn thuốc từ dưới ga Đồng Mỏ lên đây…
Trong đêm, mùi thơm bốc lên thoang thoảng, lẫn với mùi mồ hôi và mùi lũ ngựa thồ hàng cũng đang lóc cóc đi xuống. Phía trước, đèn các quán đã sáng rõ. Quán lớn treo đèn măng sông. Quán nhỏ mắc hai, ba ngọn đèn dây. Những người bán quán bận áo quần đen, khuy vải tết. Họ mời khách liên tục bằng hai ba thứ tiếng:
- Vào ăn cơm kẻo đi tàu đêm đói bụng. Phở ngọt, phở chua ngon lắm.
- Cơm tám có thịt kho đường, đậu rán, dưa chua… Nào, vào đi…
Nói tiếng Kinh xong, tiếp đến tiếng Hoa, tiếng Tày, tiếng Nùng. Anh thanh niên đi cùng bảo:
- Có khi họ còn nói được cả tiếng Lô Lô, tiếng Sán Dìu, Sán Chỉ. Dân bán cơm là dân giỏi ngoại

ngữ nhất thế giới.
Anh dắt chúng tôi vào một quán cơm nhỏ, treo hai ngọn đèn dây. Chủ quán còn trẻ, mặc áo xanh kiểu cổ viền, khuiy vải tết, tóc cắt ngắn. Trông vẻ mặt cô ta hiền hiền.
- Cô Múi, cho chú cháu tôi ăn cơm với.
Chủ quán cười:
- Chào anh Cao, lâu ngày quá mới gặp. Anh lại có thêm hai đứa cháu nữa rồi à?
Anh Cao cũng cười:
- Ờ, chị tôi đẻ nhiều lắm. Hôm nay cơm có món trám đen không?
Cô bán hàng gật đầu:
- Có, có… Cho thêm hai bìa đậu nhồi thịt rán nữa nhé. Hôm nay tôi đãi khách tý hon.
Một tốp khách buôn đông đúc kéo vào, ngồi chật ba chiếc ghế dài, kiểu ghế băng của học sinh, quây xung quanh. Cô bán hàng nhanh nhẹn dọn đồ ăn cho chúng tôi rồi quay sang phục vụ đám khách mới.
- Nào, các cháu ăn tự nhiên đi. Giống như chúng ta ăn cơm ở nhà vậy… - anh Cao so đũa, đưa cho chúng tôi mời mọc ân cần – Đi đường xa, ăn cơm ngon hơn ăn cơm ở nhà… Thế nên người ta mới thích du lịch phải không?
Anh nheo mắt cười, trông hiền lành và hóm hỉnh. Tôi quên những buồn bực, lo âu đang đè nặng trong lòng, lây cái vui hồ hởi của anh. Chúng tôi ăn cơm ngon lành. Món trám đen nhồi thịt của cô hàng lạ miệng và hấp dẫn nhất. Đám khách buôn ăn uống xì xụp cạnh chúng tôi. Họ vừa ăn vừa uống rượu. Rượu không uống trng chén mà uống cạn từng bát đầy. Mùi rượu nồng nặc phả ra khiến chúng tôi rờn rợn. Nhất là khi họ cười, những chiếc răng bọc vàng bọcbạc của họ loé lên dưới ánh lửa. Những người đàn bà giơ tay cào tóc, còn những người đàn ông gãi mái đầu cắt ngắn gần như trọc. Ăn cơm xong, chúng tôi uống nước ngay tại đấy. Những người khách ăn vẫn tiếp tục vào. Anh Cao đếm tiền trả chủ quán và bảo chúng tôi:
- Chú cháu ta kiếm chỗ ngồi cho họ bán hàng.
Chúng tôi xách túi bước ra đường. Kiếm chỗ nào ngồi bây giờ? Dãy phố kéo dài hun hút, tối đen, không bóng người qua lại. Thỉnh thoảng có những chiếc xe thồ lóc cóc gõ trên đường đá. Riêng khu quán ăn, đèn đuốc sáng trưng. Những quán ăn lớn có biển đề:
Ở đây có chỗ trọ
Năm đồng một giường
Ôi chao, đối với túi tiền của chúng tôi, năm đồng một chỗ ngủ qua đêm thì lớn quá. Nhất là khi chúng tôi vừa bị mất sạch sành sanh. Anh Cao bảo:
- Anh cũng không giàu có gì. Chúng ta không thể phí mười lăm đồng bạc để nằm mấy tiếng đồng hồ đợi trời sáng. Mà những quán trọ này khủng khiếp lắm. Không cẩn thận, mình có thể bị truyền bệnh thì nguy. Bây giờ, anh trải ni lông dưới mái hiên kia. Anh em mình ngồi dựa vào nhau ngủ một lúc. Các em bằng lòng chứ?
Cố nhiên, chúng tôi bằng lòng ngay. Anh Cao dắt chúng tôi tới một căn nhà gần đó, nơi ánh đèn khu quán ăn còn rọi tới, đủ soi rõ mặt người. Ngôi nhà này có mái hiên rộng, lợp ngói ống kiểu cổ.
Đối với chúng tôi lúc đó, nó là nơi trú thân tốt đẹp. Anh Cao rút trong túi du lịch mảnh ni lông, trải xuống thềm. Anh cởi thắt lưng buộc chiếc túi du lịch vào chân. Rồi anh lấy áo khoác trùm cho cả ba người. Xong, chúng tôi cùng tựa lưng vào cửa ngôi nhà mà ngủ. Giấc ngủ tới mau lẹ. Nhưng chừng hơn một giờ sau, tôi tỉnh dậy vì lạnh quá. Chiếc áo khoác của anh Cao không đủ giữ hơi ấm. Loan hạt mít ngôig giữa nên vẫn ngủ ngon lành. Anh Cao cũng vậy. Có lẽ vì bên trong sơ mi anh còn mặc áo dệt kim dày. Tôi rét run cầm cập. Khí núi đêm lạnh buốt. Khu quán ăn đã tắt hết đèn, đóng cửa. Trời đất đen như mực. Những ngôi nhà lô nhô trong đêm giống như hai hàm răng lởm chởm củ acon cá sấu. Phía sau dãy phố là những ngọn núi cao sừng sững, hiểm trở, bí ẩn và đầy đe doạ. Hơi gió lùa qua hẻm núi vang lên từng hồi còi dài, rên rỉ. Thỉnh thoảng một con chim buông tiếng kêu khàn khàn khiến tim tôi nhảy thót lên. Mắt mở thao láo, tôi nhìn vào bóng đêm, chờ đợi một con vật khủng khiếp nào đó bò tới, há cãi mõm đỏ lòm ra trước mặt mình. Trong cơn sợ hãi tôi nhớ lại hình ảnh conkhủng long ở phòng thí nghiệm nhà trường. Nó bước từ bức tranh xuống, khụng khiệng đi trên đường, lúc lắc cái cổ khổng lổ và dài hơn cả một chiếc cần cẩu. Rồi tôi hình dung ra những bày người vượn Nê an déc tan, người Crô ma nhông từ những hang sâu trong dãy núi hiểm trở kia đi tới, giơ cánh tay

lông lá cho tôi:
- Mày tới đây làm gì? Có muốn đi cùng chúng tao không? Nào, đứng dậy đi…
Tay chân tôi tê cứng như bị ngâm trong thùng nước đá lạnh. Đúng lúc đó, có một bóng đen lừ lừ đi tới thật. Tim tôi muốn nhảy vọt khỏi lồng ngực. Tôi định thét lên gọi anh Cao nhưng lưỡi đã cứng như bị đóng băng giữa hai hàm răng. Cái bóng đen rất cao, lòng không, hơi gù gù. Gã đi khật khưỡng như môt kẻ say rượu, nhưng không nói lảm nhảm và bốc mùi men. Gã đi từng bước một, bước nọ nối bước kia, lặng lẽ tựa như bóng ma, hai cánh tay dài đung đưa như hai que củi buộc hững hờ, lủng lẳng cạnh sườn. Tôi định thét lên, định quát thao đuổi gã, nhưng rút cục, tôi cứ ngồi lặng người đi, hai mắt mở thao láo. Mùi hôi lùa vào mũi tôi. Nhờ ánh sao, tôi nhận ra những mảnh vải rách lả tả bay dưới hai cánh tay gã. Cái bóng đen đó đi tới tận nơi chúng tôi ngồi, lặng im ngắm nghía hồi lâu. Rồi gã cất tiếng hát:
Ta có một con mèo xinh thật là xinh.
Ta có một ngôi nhà cánh cửa sơn xanh, sơn xanh…
Vừa hát, gã lại vừa đủng đỉnh bước đi. Gã đi vào trong phố. Té ra, đó là một người điên. Tôi đặt tay lên ngực vẫn thấy tim đập thình thình.
- Thật là thần hồn nát thần tính…
Tôi tự mắng mỏ mình, đúng là cái câu bà ngoại vẫn mắng tôi ngày xưa, mỗi lần tôi sợ kêu ma, đòi bà dắt ra đầu hè để ị vào bô chứ dứt khoát không xuống chuồng tiêu vì sợ bóng cây sung già đứng gần đó. Tiếng gà trong phố nhất loạt gáy lên. Toi đoán chừng khoảng ba giờ sáng. Sau cơn hoảng sợ, tôi dần trở lại bình tĩnh. Tôi nhìn vào bóng đêm bịt bùng với con mắt tự tin hơn. Những viền răng cưa khủng khiếp màu đen in lên trời đêm cũng không hăm doạ tôi dữ tợn như những giây phút đầu tiên tôi đặt chân lên mảnh đất này. Sau cùng, tôi nghĩ rằng con người có thể quen được với tất cả mọi thứ, kể cả nỗi lo âu và sự sợ hãi. Tôi co hai chân lên, thu đầu gối sát ngực để đỡ rét. Rồi tôi ngủ lúc nào không rõ. Một giấc ngủ ngắn nhưng không còn mộng mị.
Khi anh Cao gọi tôi dậy, mặt trời đã lên khỏi dãy núi phía đông. Hơi sương giá chưa tan nhưng ánh nắng tràn ngập mọi nẻo. Cảnh vật bừng lên như một đoá hoa vừa chớm nở. Tất cả những hình thù quái dị, đen tối đe doạ tôi đêm qua giờ đây phơi bày dưới ánh nắng trở nên tươi đẹp lạ thường. Hai dãy phố đã mở cửa. Các hàng quán lau chùi bàn ghế, mời mọc người vào. Những chiếc đèn lồng bằng lụa đỏ từ Trung thu năm ngoái còn treo tới tận bây giờ. Màu lụa tuy đã cũ nhưng vẫn vui mắt. Những ông phỗng xanh, phỗng đỏ đứng trước các tủ bánh kẹo, thuốc trà. Người trong phố đi chợ. Đủ màu sắc, áo quần của dân Hoa. Nhưng nhiều nhất vẫn là màu chàm của người Tày, người Nùng xuống núi. Những con đường núi óng ánh vì mặt trời chiếu trên cỏ ướt. Hoa dại nở từng chùm đỏ khắp nơi. Cả những gốc cây um tùm dưới ánh nắng cũng xanh lại. Anh Cao dắt chúng tôi tới một hàng bánh bao mua ba chiếc bánh ăn sáng. Xong anh bảo chúng tôi chờ anh ra bến xe một lát. Chúng tôi uống hết chén chè xanh thì anh quay về.
- Anh phải đi ngay bây giờ. Nửa tiếng nữa xe sẽ chạy. Còn các em phải đợi ba ngày nữa mới có chuyến xe đi Cao Bằng. Những ngày này các em ở lại quán cơm tối qua, nói với cô Múi xin ngủ nhờ. Cô ấy cũng là người tốt bụng.
Tới đó, anh rút ví, đếm tiền đưa cho chúng tôi:
- Không may cho các em, là anh cũng chẳng giàu có gì. Các em cầm tạm ba chục mà chi tiêu thêm. Khi nào rỗi, nhớ biên thư cho anh. Cứ đề: Phạm Văn Cao, lớp… Trường đại học địa chất.
Tôi nhìn chiếc ví lép kẹp của anh, lắc đầu:
- Không, chúng em không nhận của anh. Anh nghèo hơn cả chúng em nữa.
Anh Cao cười, hàm răng lấp lánh:
- Anh tới nơi trong ngày nay. Các em còn phải đi nhiều ngày nữa. Thôi cầm lấy,… còn bé mà khái tính thể hả cô?…
Anh xoa đầu tôi rồi rút trong ví ra một mẩu giấy nhỏ, hí hoáy viết. Tôi tưởng anh ghi địa chỉ của anh cho chúng tôi. Nhưng anh lại viết cho cô Múi, người bán hàng cơm tối qua.
- Các em đưa cho cô ấy. Cô ấy sẽ giúp đỡ các em phần nào… Thôi, chúc các em may mắn nhé… Anh đi đây…
Không kịp để chúng tôi cảm ơn hoặc nói lời từ biệt, anh cầm chiếc xắc du lịch, đi vùn vụt về phía bến ô tô. Chúng tôi đứng tần ngần nhìn theo anh, mái tóc mềm gió thổi lật về phía sau, cổ chiếc áo sơ mi bay lật phật. Sau này, không bao giờ chúng tôi gặp lại anh nữa. Bởi vì, cái địa chỉ anh nói, chúng tôi không kịp ghi nhớ trongphút giây bối rối. Nhưng gương mặt anh với nụ cười

rạng rỡ vẫn luôn hiện lên trong ký ức của tôi, như một khung trời mới lạ, như một dải núi non vời vợi mới hiện lên trước chân trời. Tôi đứng tần ngần mãi, cho tới khi Loan hạt mít gọi:
- Bê này, đi tới hàng cô Múi đi chứ. Anh Cao viết cho cô ấy đây này.
Tôi cúi xuống đọc những dòng chữ nhỏ, nét bay bướm và sắc:
Thân gửi A Múi,
Tôi không có thời giờ ở lại phố lâu. Nhưng tôi vvẫn giữ cảm tình tốt với A Múi. Chúng ta là những người bạn quý hoá nhau, có phải không? … Tiện đây, tôi nhờ A Múi một việc. Hai em nhỏ này tôi gặp trên tàu. Chúng bị mất cắp hết tài sản mà còn phải lên tận Cao Bằng. A Múi cố gắng giúp chúng ăn ở trong mấy ngày tới. Tôi mong A Múi vui lòng. Tôi cảm ơn A Múi và hẹn dịp sẽ tới chơi.
Tôi nắm mảnh giấy nhàu nát trong tay như nắm lá bùa hộ mệnh. Rồi tôi cùng Loan quay trở lại khu nhà trước cửa ga. Nơi đó, suốt ngày ồn ào người buôn bán, qua lại ăn uống. Dọc đường Loan kêu đói. Tôi biết nó đã no bụng nhưng con mắt còn thèm. Bánh bao ở đây quả thực ngon vì do người Hoa làm, khác hẳn thứ bánh bao cứng dèn dẹt dưới thị xã quê hương tôi. Tôi mua một chiếc cho Loan. Phần tôi, tôi nói rằng no rồi. Quả thực, tôi phải dè sẻn vì cuộc hành trình còn hứa hẹn nhiều trắc trở. Loan hạt mít ngượng. Nó bẻ cho tôi một nửa nhưng tôi không ăn. Cô nàng vật nài mãi, tôi mới ăn một mẩu cho nó vui lòng.
Chúng tôi đến cửa hàng cô Múi vừa lúc cô đang lau chùi quét dọn bàn ghế, hiên trước, sân sau. Tôi lễ phép chào cô, đưa mảnh giấy anh Cao viết. Cô bỏ chiếc chổi đang cầm trong tay xuống, kéo ghế ngồi đối diện nhìn chúng tôi với cặp mắt tò mò và hỏi:
- Các cháu mất hết đồ đạc hả? Các cháu không phải cháu chú Cao hả? Các cháu lên Cao Bằng thăm người nhà hả?…
Cô hỏi liền một hồi. Tôi trả lời từng điểm một. Xong rồi, cô bảo:
- Ở đây với cô mấy ngày cũng được nhưng phải thật thà, không được ăn cắp vặt, nghe chưa?…
Tôi thấy họng đắng lại. Tôi chưa từng bị nghe một câu nói thô lỗ và tàn nhẫn như thế bao giờ. Máu chảy rần rật trong huyết mạch tôi. Hai tai tôi có tiếng trống thình thịch. Mãi sau, tôi mới cất được tiếng nói:
- Cháu không phải con nhà ăn cắp. Chào cô…
Tôi xách túi quay đi. Hình như cô Múi cũng biết mình vừa làm một việc sai lầm. Cô đuổi theo tôi, gọi:
- Đấy là cô nói vậy thôi. Đừng có dỗi…
Tôi muốn đi ngay, nhưng lúc đó Loan hạt mít nài nỉ:
- Bê ơi! Bê ơi!!…
Hẳn là nó sợ cảnh bơ vơ giữa đường giữa chợ. Hẳn là nó sợ cảnh màn trời chiếu đất như đêm qua. Nhất là khi không còn một người nào đáng tin cậy như anh Cao ở bên mình. Tôi nghĩ thương Loan và hãi hùng nỗi bơ vơ nên đành xách túi quay lại.
Cô Múi bảo:
- Trông mặt mũi các cháu cũng con nhà tử tế đấy.
Trong bụng cơn uất vẫn trào lên. Tôi muốn nói: “Không phải chỉ là con nhà tử tế mà là con cô giáo Hanh chứ không phải con cô bán cơm hàng cho lái buôn…”. Nhưng tôi đành nuốt nước bọt như nuốt một viên thuốc đắng và lặng thinh bước vào nhà.
Ngày hôm đó cũng như những ngày hôm sau, tôi cùng Loan hạt mít giúp cô Múi quét dọn cửa nhà, lau chùi chén bát, tước măng, nhặt rau, nhổ lông gà lông vit… Để trả công, cô cho chúng tôi ăn ngày ba bữa cơm khá thịnh soạn và cho ngủ trong căn buồng xép sau nhà. Cô Múi sống một mình. Tôi hơi ngạc nhiên vì thường ở tuổi cô, người ta thường ở chung với bố mẹ hoặc với chồng con. Nhưng quan hệ cách biệt giữa chúng tôi không cho phép tôi hỏi điều đó. Duy chỉ có một lần, một người đàn ông tới đem theo chiếc xe máy với chiếc va li căng phồng. Ông ta vào thẳng trong buồng. Cô Múi đưa cho tôi với Loan hai đồng bạc, bảo:
- Cho hai đứa ra chợ mua sim ăn. Tối hãy quay lại.
Chúng tôi trở về đúng sáu giờ tối để đón khách tày xuôi. Người đàn ông kia đã đi. Ngoài ra, chúng tôi không biết gì hơn. Tôi không thể nghĩ cô chủ quán cơm đó lại là người bạn của anh Cao được. Mặc dù cô ta đối với chúng tôi cũng chẳng tồi tệ gì.
Xe đi Cao Bằng cứ ba ngày mới có một chuyến. Nhưng rủi cho chúng tôi, dịp đó đượng bị sụt vì lũ, xảy ra tai nạn giao thông nên phòng giao thông yết bảng báo tin các chuyến đi tạm dừng

cho tới khi đường sửa xong. Đã sang tới ngày thứ bảy rồi. Tôi nóng ruột sôi gan. Ngày nào tôi cũng ra bến xe thăm hỏi tin tức. Chưa có hy vọng gì cả. Mà mùa thu đã tới từng ngày. Mùa thu ở đây ví như mùa đông ở dưới đồng bằng. Nhất là ban đêm, khí núi lạnh tê tái. Đã mấy lần, Loan giục mua áo rét nhưng tôi chần chừ vì sợ không đủ tiền mua vé và ăn đường lên tới Khậu Phai. Tôi mới mua thêm cho mỗi đứa một bộ áo quần thường nữa. Như vậy số vốn một trăm bảy mươi đồng cũ, cộng với ba mươi đồng anh Cao cho, hụt xuống còn một trăm năm mươi tư đồng. Nếu mua hai chiếc áo bông, mỗi chiếc ba mươi sáu đồng, nó sẽ hụt đi bảy mươi hai đồng nữa. Chúng tôi không thể nào nhịn đói để mua vé đi Cao Bằng rồi từ đó ăn rễ cây, uống nước suối mà lên tới đồn Khậu Phai. Có thể một chàng Thạch Sanh nào đó sẽ làm được điều đó, nhưng chúng tôi thì không. Bởi lẽ, chúng tôi vốn chỉ là dân cày đường nhựa, chưa biết phân biệt cây cà pháo với cây cà độc ra sao. Dầu là một đứa liều lĩnh, ưa mạo hiểm, tôi cũng không thể vượt ra ngoài những khả năng có thực của mình.

Sang ngày thứ tám, trời bỗng nổi gió heo may. Loan hạt mít lạnh quá, sụt sịt khóc. Chính tôi cũng nổi da gà và cảm thấy muốn ốm đến nơi. Tôi đành ra mậu dịch mua hai chiếc áo bông nền xanh chấm đỏ. Mặc hai chiếc áo đó, trông tôi và Loan chẳng khác gì các cô bé ở thị trấn miền sơn cước này. Giá như tôi cắt tóc trước trán nữa thì chúng tôi hoàn toàn khiến mọi người lầm lẫn là những Hoa kiều có gốc rễ lâu năm. Cô Múi khen chúng tôi mặc áo mới đẹp quá. Còn tôi buồn nẫu ruột vì số tiền còn lại không cho phép chúng tôi tiếp tục hành trình. Chẳng lẽ cứ ở đây làm một thứ người ở không công cho co chủ quán cơm phố Khách…

Ngày lại ngày, công việc nhàm chán của quán cơm càng khiến tôi bứt rứt. Cô Múi thì vui thích ra mặt vì từ ngày có chúng tôi giúp việc, cô bán được gấp đôi gấp ba số hàng và tiền lời nhiều lên. Loan vô tư. Nơi nào có tôi, tránh được bộ mặt lãi cai Cân là nó vui thích. Thỉnh thoảng, cô nàng cũng nhớ mẹ sụt sịt khóc một lúc, nhưng những trò vui khác lại làm nó quên đi rất mau. Ở đây cũng không thiếu trò chơi. Đám trẻ con quán ăn có tiền, chúng thường rủ nhau chơi bài, đánh chắn, có đứa mua cả khỉ về làm trò, có đứa dạy được mèo và chó biết đi xe đạp con, làm xiếc…

Loan ham mấy trò vặt đó. Chỉ riêng tôi, tôi tìm cách tháo gỡ khỏi tình cảnh này. Đã có lúc tôi định nói với cô Múi trả tiền công hàng tháng cho chúng tôi, Khi nào có đủ tiền ăn đường, chúng tôi sẽ đi. Nhưng suy đi tính lại, tôi ngượng ngùng không dám nói. Trẻ con trong phố vẫn kiếm được tiền bằng cách lên núi hái sim, trèo ổi, hoặc đun nước bán cho khách đi tàu. Tôi và Loan cũng không thể làm được điều đó vì chúng tôi bị trói buộc với những công việc của cô Múi…

Rút cục, tôi thấy mình đang chui vào chiếc sừng trâu. Thế nhưng, vào lúc tôi buồn rầu vì hết hy vọng thì cuộc đời lại đột ngột rẽ sang ngả khác. Thật đúng câu ngạn ngữ của người đời: Cái rủi không báo tin, điều may không gửi dấu.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 13

MỘT ÔNG BỤT GIỮA ĐỜI THƯỜNG

Buổi sớm hôm đó trời lạnh. Tôi thức dậy, mặc tấm áo bông mới mua rồi bắt tay vào việc quét dọn nhà cửa. Cô Múi đang ngủ. Cô tự cho mình quyền được ngủ muộn vì những việc vặt vãnh đã có hai đứa chúng tôi lo. Loan cũng thức dậy sau tôi, mang rổ măng ra tước nhỏ. Món măng chỉ xào với trứng hay thịt bò là món được gọi nhiều nhất trong các bữa ăn. Hai đứa chúng tôi vừa làm vừa trao đổi về vụ xô xát giữa cô Múi và chủ quán bên cạnh đêm qua. Lúc đó, một ông già bận quần áo chàm, đeo tay nải cũng nhuộm chàm bước vào:
- Chà chà cô Múi đâu mà để hai đứa nhỏ trông hàng?
Tôi mau miệng trả lời:
- Cô Múi còn ngủ ạ. Ông muốn ăn bánh hay uống nước? Chưa có cơm đâu. Cô Múi chỉ nấu cơm đón khách chuyến tàu chín giờ rưỡi sáng thôi.
Ông già đặt tay nải xuống ghế, chăm chú nhìn tôi:
- Ông không ăn cơm. Onng chỉ muốn uống một chén trà với ăn cặp bánh mật.
Tôi bỏ chổi xuống, lau tay, rót nước cho ông. Sau đó tôi gỡ một cặp bánh mật trên dây treo cạnh bức tường, bóc đặt lên đĩa đem tới trước mặt ông:
- Bánh mới lấy chiều hôm qua, còn dẻo lắm ông ạ.
Ông gật đầu tỏ ý hài lòng. Ông ăn bánh chậm rãi, uống từng ngụm trà nhỏ rồi cất tiếng nhẹ nhàng hỏi:
- Cháu này… Ông mới tới đây tháng trước, quán chỉ có một mình A Múi. Hai cháu vừa ở dưới xuôi lên chăng?
- Thưa ông, vâng – Loan đáp – Chúng cháu không định lên đây đâu. Chúng cháu định lên đồn Khậu Phai, xa hơn Cao Bằng gần một trăm cây số nữa. Nhưng chúng cháu bị mất cắp hết quần áo, đồ đạc, không đủ tiền nên đành ở lại đây.
- Đồn Khậu Phai – ông già trầm ngâm nhắc lại, hai hàng lông mày rậm và trắng như cước nhíu lại – Các cháu lên đó làm gì?
- Lên thăm chú Tùng, bố của bạn Bê – Loan giơ tay chỉ vào tôi – Chú Tùng là đại uý, trưởng đồn biên phòng Khậu Phai. Ông đã lên tới trên đó bao giờ chưa?…
- Chưa. Ông chưa lên đó…
Ông già lắc đầu. Rồi sau khi ăn xong cặp bánh mật, uống cạn chén trà, ông hỏi:
- Các cháu có họ hàng với cô Múi không?
- Thưa ông, không.
- Các cháu làm ở đây mỗi tháng được bao nhiêu tiền công?
- Thưa ông, cô Múi chỉ nuôi chúng cháu ăn và cho ngủ nhờ thôi.
- Hả? Hả?…
Ông già nhướng cặp mày trắng lên hỏi. Rồi không chờ chúng tôi trả lời, ông lão lần trong túi áo chàm, lấy ra một gói thuốc lào, vê thuốc nạp vào nõ, châm lửa hút. Khói thuốc ông phả ra làm quán trắng mịt mờ. Lúc đó, cô Múi đã trở dậy. Cô ra bể nước sau nhà, súc miệng ùng ục.
Ông già nhìn chúng tôi hiền từ, chậm rãi nói:
- Ông chưa lên Khậu Phai bao giờ, nhưng ông có đứa cháu là lính biên phòng đóng ở gần đó. Khậu Phai, Khậu Phát, Nường Le, Phìa Khoảng là một dãy những đồn biên phòng ở trên vùng đá cheo leo. Các cháu không thể tự tìm lên đó được. Mà ở đây làm nười ở không công cho cô Múi bán cơm cũng chẳng hay. Ông chỉ có một mình thôi. Nhìn mặt các cháu sáng như gương,

ăn nói lễ phép, ông thương lắm. Về ở với ông đi. Ba ông cháu mình sẽ cùng làm nương, cùng săn thú, cùng ăn con cá bắt dưới suối lên. Ông sẽ viết thư gọi thằng cháu của ông về phép. Khi nào đi, nó sẽ dẫn các cháu đi cùng. Nào, các cháu có bằng lòng không?
Tôi nhìn Loan. Loan nhìn tôi. Cả hai chúng tôi đều tin cậy ông già ngay từ phút đầu gặp gỡ và cùng cảm thấy sung sướng đến bàng hoàng khi nghe ông nói những lời giản dị dịu dàng như thế. Cô Múi dưới sân đi lên, khăn mặt vắt trên vai. Ông già bắt đầu nói với cô ý định của ông. Chúng tôi im lặng chờ đợi. Dẫu sao chúng tôi đi, cô Múi cũng mất một món hời, tôi nghĩ thế. Nhưng tôi không ngờ, cô lại đỏ bừng mặt lên, nói sa sả:
- Không được, không được, anh Cao giao chúng nó cho tôi trông nom mà. Bao giờ anh Cao về, tôi mới trả.
Ông già gõ gõ ngón tay lên mặt bàn nước:
- Trông nom gì mà hai đứa phải làm từ tinh mơ, còn cô rúc trong chăn ngủ cho đẫy mắt. Tháng tháng, không cho trẻ lấy vài chục bạc cầm tay. Trông nom trẻ như vậy cũng gần giống địa chủ trông nom tá điền đấy…
Cô Múi đứng sững, nghẹn họng không nói được nữa. Nhưng gương mặt đỏ tía của cô chứng tỏ cô căm uất ông già tới bầm ruột bầm gan. Ông già nghiêm nghị nhìn tôi và Loan, nói như ra lệnh:
- Hai cháu thu xếp quần áo, đi thôi…
Những ngày tháng ở với người đời đã dạy tôi khôn lớn. Như con chồn, con cáo đánh hơi thấy mồi, tôi cũng nhận biết được khá chính xác ai là người tốt, ai là kẻ bất lương. Nhìn cặp mắt ông già, tôi biết ông là một cây đại thụ vững vàng mà tôi có thể tựa vào trong cuộc đời phía trước. Tôi đứng lên, bỏ cây chổi quét nhà ra sân sau, thu dọn đồ vật, gấp quần áo cho vào chiếc túi ngày xưa chúg tô dùng làm túi đựng đồ ăn khi bước vào cuộc hành trình. Chỉ vẻn vẹn hai bộ quần áo. Còn hai bộ mới mua, chúng tôi đã mặc lên người, cùng với tấm áo bông. Số tiền nằm trong cái túi con khâu dính với lưng quần. Chúng tôi bước tới trước mặt cô chủ quán cơm:
- Chúng cháu xin phép cô ạ. Chúng cháu chào cô ạ…
Dẫu sao, tôi cũng muốn coi cô như một ân nhân, mặc dù cô chỉ làm cái việc có lợi cho túi tiền của cô.
Cô Múi không trả lời, mặt hầm hầm đầy sát khí. Tôi nhẫn nại chào cô lần thứ hai. Lần này cô đành miễn cưỡng gật đầu. Ông già trả tiền chén nước trà với cặp bánh mật rồi khoác tay nải lên vai:
- Nào đi
Chúng tôi ra khỏi khu quán cơm, thẳng đường bước vào phố. Những cây đèn lồng lụa đỏ cũ kỹ, những ông phỗng xanh đỏ đầy bụi trông mới mẻ, rực rỡ hẳn lên trong mắt tôi. Cả những chiếc lá bàng đỏ úa rời khỏi cành đang nhào lộn trên không trung cũng như lời chào đón. Tôi thầm nghĩ: "Cuối cùng, mình sẽ gặp những điều may mắn, những con người nhân ái, giàu tình thương".
Ông già đi rất nhanh. Cứ vài chục bước, ông lại dừng để đợi chúng tôi:
- Ông đưa các cháu vào chợ chơi. Quá trưa ta về bản. Hôm nay là ngày chợ phiên. Trai gái hát vui lắm đấy.
Tiếng là ở phố Lạng đã lâu nhưng chúng tôi bận phục vụ quán cơm của cô Múi nên chưa biết chợ phiên vùng núi ra sao. Nghe ông già nói vậy, tôi thú lắm. Loan nhảy cẫng lên như đứa bé lên ba. Ông già hỏi tên tuổi từng đứa. Chúng tôi lần lượt kể chuyện mình, không hề giấu giếm. Ngay cả món tiền nhỏ bé khâu ở lưng quần chưa bao giờ cho cô Múi biết, tôi cũng đưa cho ông. Ông già cười, xoa đầu tôi:
- Khổ thân con bé. Từng này tiền làm sao đủ mua bánh tét ăn mà đòi lên tận Khậu Phai.
Ông bỏ món tiền còm đó vào túi. Tới lúc vào chợ phiên, ông tiêu hết một món tiền lớn gấp ba số tiền chúng tôi dành dụm. Thoạt tiên, ông đưa hai đứa vào hàng phở chua nổi tiếng của người Hoa. Sau đó lại sang hàng bánh bao nhân xá xíu ăn mỗi người một chiếc lớn. Rồi ông dắt chúng tôi vào chợ chơi. Trai gái người các dân tộc thổi khèn, lượn lờ từng đôi một, hát đối đáp như kiểu hát quan họ, hát ghẹo vùng Bắc Ninh và Vĩnh Phú. Nhưng điệu hát của họ trầm buồn, đều đều, lại khác ngôn ngữ nên chúng tôi không hiểu. Ông già đưa chúng tôi tới dãy hàng bán thắng cố. Hàng chục chiếc chảo gang to tướng, nước đầy tới miệng, luôn luôn sôi sùng sục. Bên trong là những tảng thịt trâu, thịt ngựa, thịt bò thi nhau nhào lộn, váng mỡ lẫn bọt huyết nổi

từng đám lềnh bềng. Ông già bảo:
- Dưới lớp thịt ninh kia có các loại xương nữa đấy. Phải có xương nước mới ngọt.
Những người dân miền núi tới chợ ngồi sụp xuống quanh chảo thắng cố. Nước sôi lục bục, khói tỏa nghi ngút. Người bán vớt thịt, xẻo một miếng, múc một bát nước đưa cho người mua. Người mua sì sụp húp nước, cắn thịt nhai ngon lành. Nhưng tôi ngửi mùi mỡ bò bay lên gây gây thì sợ hãi. Tôi nói với ông già:
- Cháu không biết ăn thứ này đâu.
Ông nhìn tôi, cười:
- Chính ông cũng không biết ăn. Cháu đừng sợ ông ép.
Ông dẫn chúng tôi đi một lượt qua những hàng bán hồng, bán bưởi, bán trám, hạt dẻ, củ mỡ, khoai sọ, nấm hương, mộc nhĩ… Lại tới một hàng bán thịt nhuộm hoa hòe đỏ chót lẫn những mảnh tiết đen thái nhỏ. Người ta gọi đó là món ngầu pín. Toàn đàn ông ngồi ăn. Họ ngồi uống rượu từng bát. Tôi hỏi ông già có ăn hay không. Ông cũng lắc đầu. Lòng đầy thắc mắc, tôi hỏi:
- Ông ơi, sao là người vùng này mà ông lại không biết ăn mấy món đó?
Ông già cười:
- Cháu có biết tên ông là gì không?... Ông tên là Mộc. Thời trẻ ông mồ côi cả cha lẫn mẹ, theo ông chú làm thợ mộc đi lang thang khắp vùng kiếm ăn. Người ta gọi ông là anh thợ mộc. Gọi mãi đến quen miệng, quên cả tệ cha mẹ đặt cho. Ông ở trên này, lấy vợ người Nùng. Bà xinh xắn lắm, dệt vải giỏi nhất bản. Ông với bà có hai đứa con. Hai năm sau chiến dịch biên giới, Tây càn giết sạch dân bản. Ông đang săn thú trong rừng nên thoát chết. Từ đó, ông cứ ở một mình, không lấy ai nữa. Từ ngày hòa bình, ông cũng chưa về thăm quê. Quê ông ở Kẻ Sặt. Chắc các cháu cũng chưa tới đó bao giờ?...
Tôi thú nhận:
- Vâng. Cháu chưa lần nào được ra khỏi thị trấn quê hương. Xa nhất cũng chỉ là quê ngoại, cách thị trấn mười lăm cây số.
Ông già Mộc nói tiếp:
- Ở vùng này lâu nhưng ông vẫn không quen được với nhiều món ăn của dân địa phương. Đặc biệt là món thắng cố và ngầu pín. Còn thịt thú rừng biết làm thì ngon lắm. Khi nào săn được, ông sẽ nấu nướng cho các cháu ăn.
Ông dắt chúng tôi dạo qua dãy hàng xén, mua kim chỉ, rất nhiều chỉ màu, phấn viết bảng, giấy viết và bút mực. Ông còn mua cả hai chiếc khung thêu bằng nhôm tròn. Ông mua cả một lô những chiếc vòng đeo tay đủ màu sắc. tôi kinh ngạc hỏi:
- Ông mua đem về bản bán lại hay sao?
Ông cười:
- Ờ, bán lại cho hai cháu.
Ông mua cho chúng tôi hai bộ quần áo hoa nữa, tuy đường may vụng nhưng vải láng rất dày và mịn. Sau đó, ông đưa chúng tôi sang dãy hàng bán cá mắm, mắm tôm, nước mắm khô, cá tép khô… Ông mua mỗi thứ một cân, đựng đầy cái bị cói mà ông rút trong tay nải ra. Đến lúc này, tôi mới hết ngỡ ngàng. Ông già Mộc đích thực là một nông dân vùng đồng bằng. Dẫu đã xa quê mấy chục năm ròng, ông vẫn không thể quên những món ăn quen của thời thơ ấu.
- Nào, hai đứa còn muốn ăn gì nữa không?
Ông hỏi chúng tôi khi đã ra khỏi khu chợ ồn ào, lấm bụi.
- Không, không, chúng cháu no căng bụng rồi ạ.
Tôi vội vã trả lời. Tuy vậy, ông vẫn đưa chúng tôi vào cửa hàng giải khát, gọi nước bát bảo lường xà uống rồi mới lên đường về bản.
- Ông ở có xa không ông?... Đi bộ mấy giờ thì đến nhà – Loan hạt mít hỏi.
- Cũng không xa lắm. nhưng đối với đôi chân của hai cháu thì khá xa đấy. Mình cứ đi chầm chậm thôi. Tới đâu mệ, ta lại nghỉ. Chưa về đến nhà ngay thì ta ngủ nhà bạn. Ông có vô khối bạn bè ở các bản dọc đường.
Tôi cau mày mắng Loan:
- Chưa chi đã ngại xa… Đáng lẽ đằng ấy cứ ngồi bán quán cơm như cô Múi là tốt hơn cả.
Ông già Mộc sợ Loan dỗi nên vội vã gạt đi:
- Ái chà, đừng nói bạn như thế, Loan nó hỏi cho biết đường thôi. Nào, đi đi. Hết đoạn phố này, ông cháu ta sẽ rẽ xuống đường tắt. Đúng trưa, nắng gay gắt. Trời lạ im gió nên chúng tôi đã cởi

hết áo bông mà vẫn còn thấy nóng. Thời tiết ở miền núi thay đổi như một kẻ trái tính trái nết. Tuy vậy, tôi vẫn bước phăng phăng. Núi non như gần lại phía trước. Đường chân trời cũng trở nên thoáng đãng, thân thuộc. Những con đường mòn quanh co, uốn lượn qua các sườn non, vắt qua những thung lũng sâu trông như dải lụa mềm. Cảnh trí tươi đẹp quá, khi ta có một người để thương yêu, để tin cậy. Ông già Mộc gánh gánh đồ nặng trĩu đi phía trước chúng tôi. Những bước chân ông rắn rỏi, đều đặn, không có một chút cố gắng nào. Tôi bỗng hình dung rõ ràng, ông là ông bụt hiện lên với cô Tấm trong truyện cổ. Ôi, thật kỳ diệu khi ta bỗng bắt gặp những ông bụt sống cùng ta trên mặt đất, giữa cây cỏ, dưới ánh mặt trời. Những ông bụt hiền lành, bình dị của đời thường.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 14

NHỮNG NGÀY THẦN TIÊN

Tôi muốn kể lại quãng đường ông già Mộc đưa tôi từ phố Lạng về bản Muốn, những con suối tôi đã đi qua, những vòi nước phun từ kẽ đá mát lạnh và trong suốt, những con bướm to lớn kỳ dị chưa bao giờ tôi gặp trong đời… nhưng như vậy thì sẽ tốn vô khối trang giấu và thời giờ của các bạn. Tôi chỉ nói về quãng đời thần tiên tôi đã sống với ông già ở bản Muốn.Một bản nhỏ, nép mình trong thung lũng, bốn bề núi non vây bọc, nhưng xinh đẹp và thú vị đúng với cái tên của nó. Ai chưa đến đó thì muốn đến. Ai đã ở đó thì chẳng muốn đi. Cả bản có trên hai chục nóc nhà. Nhà nọ cách nhà kia chừng vài trăm thước, người ở bản gọi là cách nhau vài quăng dao. Nhưng đứng ở sàn trước nhà này nói với sang sàn trước nhà kia vẫn cứ nghe thấy. có lẽ không gian ở đây tĩnh lặng và mỗi âm thanh đều được các vách núi ném vọng lên gấp ba lần. Nhà ở bản Muốn toàn là nhà sàn kiên cố, dựng bởi hàng chục cây cột lớn, tầm cao mỗi cây cột đúng bằng hai chiều cao từ mặt đất lên tới nóc đình dưới vùng xuôi. Đi trong nhà, người chỉ thấp chưa đầy góc cột. Có thể dựng gỗ cưa xẻ, đóng đồ mộc ngay trong nhà. Sàn nhà lát gỗ tấm dày. Trước nhà, nối tiếp với cầu thang chính là sân ken bằng gỗ cây hoặc gỗ tấm, rộng chừng ba bốn chiếc chiếu. Sân sau nhà hẹp chừng non một thước, nối với cầu thang phụ, thường là nơi kê chum đựng nước, sắn mới dỡ ngoài nương về, củi khô sắp sẵn để tiện rút vào bếp đun. Gian dùng làm bếp đun kế với cầu thang phụ. Một gác gỗ chạy lưng chừng gian để chất các bồ đựng thóc nếp, thóc tẻ, khoai sắn khô cho lợn, ngô đậu và các thứ giống. Chính giữa sàn thường có một ô vuông khuôn bằng sắt hoặc đắp bằng đất ngăn cho lửa khỏi cháy lan ra gỗ sàn. Suốt mùa thu và mùa đông, những thân củi lớn dài chừng hai thước, châu đầu trên khuôn bếp. Ngọn lửa cháy không ngưng nghỉ, khi bùng lên rực rỡ, khi âm ỉ leo lét quanh các đốm than hồng. Bất cứ lúc nào người ta cũng có thể nướng khoai, nướng sắn, rang bỏng nếp hoặc bày những trò nấu ăn khác trên cái bếp lửa cháy trường kỳ đó. Đi qua gian bếp tới gian chính, nối liên sân trước và cầu thang lớn. Gian chính có khi rộng bằng cả năm gian nhà dưới xuôi cộng lại. Lần đầu tiên bước lên, tôi và Loan cứ ngỡ ngàng đi hết đầu nọ tới đầu kia, tường như mình lạc vào cái cung điện bằng gỗ của một bộ lạc nào đó còn sót lại. Phía bên trái gian nhà chính là một dãy bốn căn buồng nhỏ, có cửa gỗ dày, khép kín đáo. Ông già Mộc bảo những gian đó là để cho đàn bà, con gái trong nhà. Từ khi vợ và các con ông bị giặc Pháp giết, ông vẫn giữ nguyên chăn nệm, gối màn trong mỗi ngăn. Cứ đến mùa hè ông đem ra suối phơi giặt. Khi đưa tôi và Loan về, ông cũng đem những tấm nệm, những tấm chăn thêu ra trước sân phơi nắng, đập bụi. Chúng bốc lên mùi nấm mốc. Tôi nhìn gương mặt rắn rỏi như tạc bằng đá của ông già Mộc, biết rằng ông đã từng đau khổ và cô đơn, rằng ông thương chúng tôi bằng tình thương chân thực và bằng trái tim khao khát yêu thương của một ông già đơn chiếc. Sau khi đun nước nóng cho chúng tôi tắm giặt, ông bảo chúng tôi giũ nệm trải trong các ngăn buồng. Ông gọi một ông già rậm râu bên nhà tới. Ông nói một tràng tiếng Nùng. Lát sau, ông già rậm râu về lấy một con dao nhọn sáng loáng. Tôi trông thấy đã sởn gai ốc. Muốn gì đây cũng là xứ lạ. Chúng tôi không khỏi còn chút hồ nghi. Ông già Mộc với ông già rậm râu nói với nhau vài câu, chỉ trỏ đám lợn đang chạy lông nhông dưới sàn. Sau đó hình như họ thỏa thuận với nhau nên gật đầu một cách hỉ hả và cùng chạy xuống cầu thang phụ. Người hò, người hét, cuối cùng hai ông cũng túm được một con lợn lang cỡ bốn năm chục cân. Té ra, ông già Mộc gọi ông già rậm râu tới nhờ thịt lợn. Bấy giờ chúng tôi mới hoàn hồn.

Tôi không ngờ ông già Mộc đón chúng tôi thịnh soạn và trịnh trọng như thế. Hôm đó, ông thịt

lợn, giã giò nạc, giò mỡ, làm lòng theo đúng kiểu miền xuôi. Còn thủ lợn và bốn chân giò, ông đem luộc lên bày tất cả vào một chiếc nông nhỏ, giống như chiếc mẹt dưới xuôi, đan bằng tre cật sợi tâm vàng óng.
Lặn mặt trời, ông đứng trước sân, khum tay che miệng làm loa hú gọi những người thân trong bản. người đầu tiên nghe tiếng hú của ông là một bà nạ dòng mặc áo dài nhuộm chàm, thắt lưng chàm bỏ múi. Bà lại đứng quay mặt về hướng núi hú gọi người khác. Người nọ gọi người kia theo kiểu dây chuyền. Cứ như thế chừng non nửa tiếng đồng hồ, thung lũng vang đầy những tiếng hú bổng trầm, cao thấp. Rồi người nọ theo người kia lục tục kéo đến. tôi rất ngạc nhiên vì người nào cũng đem theo một bó nứa rất dài. Ông già Mộc giải thích đó là bó đuốc. Đi chơi buổi chiều phải đem theo đuốc để soi đường lúc trở về. Người khách nào tới cũng ra cầu thang phụ rửa chân. Nước ở đây giống như vòi nước máy ở thành phố. Nhưng nó không chảy trong các ống thép mà chảy qua các ống nứa dài, ống nọ nối ống kia bắc ngang lưng núi, ăn sâu mãi tới đầu nguồn suối. Sau khi rửa sạch chân, khách bỏ dép dưới cầu thang, đi chân đất vào nhà, qua gian bếp, gian chính mà tới sân trước. Ông già Mộc bảo: "Khách thân tình được đi cửa sau, khách lạ, khách quý đi cửa trước". Khi khách khứa đã xếp chân ngồi thành vòng tròn, ông già Mộc xoa tay nói:
- Hôm nay, tôi gặp hai đứa cháu dưới xuôi lên chơi. Tôi thịt con lợn mời bà con bản tới ăn mừng. miếng xôi người đàn ông hông vụng, miếng thịt người già nướng không ngon, nhưng trong bụng vui, mời bà con uống rượu.
Nói xong tiếng Kinh, ông lại dịch sang tiếng Nùng. Đám dân bản nhìn chúng tôi, người gật gù, người cười cười, người đưa tay vuốt tóc hoặc nắm tay hai đứa. Tự nhiên biến thành một nhân vật trung tâm được mọi người chú ý, tôi ngượng đỏ mặt. Loan hạt mít tự nhiên hơn tôi. Nó cứ tít mắt lại mà cười. Trong đám dân bản, bà nạ dòng mặc áo dài chàm biết tiếng Kinh khá sõi.Bà ta quay sang nói dồn dập:
- Ôi dà, các cháu xinh đấy, trông các cháu ngoan đấy. Bao nhiêu tuổi rồi?... Á à…mười ba tuổi mà to vậy?... Lên ở bản Muốn là đẹp gái ra nhiều lắm đấy. Da hồng như cánh hoa đào. Rồi không muốn về dưới xuôi nữa đâu…
Chờ cho bà hết bài diễn thuyết lộn xộn và nồng nhiệt đó, ông già Mộc bưng hũ rượu rót vào từng chén. Ông có mười hai chiếc chén sứ Giang Tây rất đẹp. Không hiểu sao, bao nhiêu năm chiến tranh, qua những lần chạy giặc khổ sở như vậy mà ông vẫn giữ được nguyên vẹn những thứ của dễ vỡ đó?...
- Nào chúc hai cháu mạnh giỏi, ngoan ngoãn… Chúc bà con khỏe, cứng cáp chân tay, săn thú thú chết gieo lúa nương lúa nương đầy giàn.
Ông già Mộc bưng chén rượuc chúc. Những người khác cũng lần lượt chúc theo. Bữa ăn bắt đầu. Ba con dao nhỏ sắc lẻm đặt ba góc. Thịt nướng, thịt luộc, lòng lợn để nguyên trên từng chiếc nống xinh xắn, sạch sẽ. Ai ưng ăn miếng nào, cầm dao xẻo miếng nấy. Thoạt tiên, mọi người còn nói chuyện. Tới nửa chừng bữa ăn, rượu ngà ngà, ông già Mộc vào trong nhà lấy ra một cây đàn tính. Ông rậm râu lúc nãy cầm dao giết lợn trông thành thạo như một ông hàng thịt chính công, bây giờ cầm cây đàn tính gẩy. Cặp mắt đen của ông trở nên dại dại, hiền từ.
- Tính tính tinh… tang tình tình tang tính…
Âm điệu réo rắt của cây đàn hòa lẫn tiếng hát trầm đục, hòa lẫn tiếng suối reo xa xa vọng tới và tiếc nước chảy róc rách trong các ông dẫn nước thành bản nhạc lạ lùng, không bao giờ có thể quên. Đệm vào giai điệu đó là tiếng chày giã gạo ở các cối nước thì thụp đều đặn, khiến tôi tưởng như thời gian ở đây dài dằng dặc một năm bằng một thế kỷ ở vùng đồng bằng.
Mặt trời đã lặn từ lâu. Thoạt tiên còn nhìn rõ lờ mờ mặt người. Sau chỉ thấy những bóng đen ngồi đối diện hoặc cạnh ta. Mọi người say hát, không ăn và uống rượu nữa. họ cứ hát hết bài này sang bài khác. Những giai điệu không khác nhau là bao. Dân ca vùng này khác hẳn những bài quan họ dưới quê tôi, nó buồn, lặng lặng như cảnh núi non tĩnh mịch vậy. Khi đất trời đã tối đen như mực tàu, ngôi sao bạc nhỏ lấp láy trên đỉnh núi, ông già Mộc mới vào nhà lấy cây đèn ba dây lên thắp. Ánh sáng khiến đám người đang mê mẩn vì những bài ca kia bừng tỉnh lại. họ tiếp tục trao đổi những câu chuyện, tiếp tục uống rượu, ăn thịt, và cười khe khẽ mỗi khi ông già Mộc pha trò. Người bản thường ít cười. nếu không có ông già Mộc, hẳn suốt bữa ăn họ chỉ lầm rầm hoặc hát như vậy. Ngọn đèn ba dây sáng lay động một khoảng rộng. Ngoài xa, núi non chập chùng đen thẳm. Tiếng kêu của những con vật, chắc con hoẵng hoặc nai, tôi đoán vậy vì

nó giống như tiếng kê của con nai, con hoẵng tôi đã được xem phim vọng tới. Bữa ăn đêm vùng núi đượm một vẻ kỳ dị khiến tôi thú vị. Tôi hít thở khí trời mát lạnh hơi sương, tìm một góc vắng nằm dài, ngắm những vì sao li ti gắn trên trời. Khuya lắm, bữa tiệc mới tan. Mọi người lục tục đốt đuốc ra về. Đứng trên sàn nhìn xuống, trông như có một con rắn lửa lượn giữa thung lũng.
- Nhìn kìa, đẹp chưa?...
Tội kêu lên, chỉ cho Loan hạt mít. Nó đứng sát vào tôi, khẽ nói:
- Ờ thú thật. Thú vị thật. trong phim cũng chưa thấy cảnh này đấy nhé.
Chúng tôi đứng ngắm những đốm lửa một lúc lâu cho tới khi chúng tan tác đi nhiều ngả, khuất sau những vườn bưởi, vườn dâu gia, những nếp nhà sàn, mới vào nhà.
- Nào các cháu, giúp ông một tay nhé – ông già Mộc gọi.
Từ lúc chúng tôi đặt chân lên sàn, ông không cho chúng tôi mó tay vào một việc gì thuộc về bếp núc. Tới lúc ông cất tiếng gọi, tôi nhanh nhẹn đáp:
- Vâng. Chúng cháu đi rửa bát chén, ông nhé.
- Không đâu, không đâu… - ông già Mộc lắc đầu – Bát chén mai rửa nước nóng. Giờ ông cháu ta làm thịt cho tươi.
- Vâng. Các món thịt cháu vẫn biết làm.
Tôi đáp lời, xắn tay áo chuẩn bịthái thịt để kho hoặc làm ruốc bông theo kiểu miền xuôi. Nhưng ông già Mộc lại lắc đầu:
- Không phải vậy.
Ông gọi tôi:
- Cháu lại đây. Cứ mỗi lần ông bảo, cháu lại rắc một bát muối vào cối, rắc từ từ và thật đều.
Rồi ông gọi Loan:
- Cháu nhặt thịt ném vào cối cho ông. Khi nào ông bảo thôi thì ngừng tay lại.
Chúng tôi đi theo ông vào gian bếp, chờ đợi. ông vần ra một chiếc cối đá to như chiếc cối chìm giã gạo dưới đồng bằng, nhưng rất cao và dày. Chày giã dài hơn một thước. Đặt cối đặt chày xong, ông bưng ra chiếc thúng lớn đựng thịt lợn đầy tới cạp. Những miếng thịt đã pha sẵn, đều tăm tắp, miếng nào cũng nặng chừng năm sáu lạng. Rồi ông lại lấy ra một chiếc sọt tre đáy nhỏ, miệng rộng, tựa hình cái chum và một ôm rơm mới thơm mùi nắng. Sau đó ông bảo Loan cầm từng tảng thịt ném vào cối, tôi thì rắc muối lên. Ông vừa giã vừa đảo cho những hạt muố sắc cắm sâu vào thớ thịt. Hết mặt nọ, lật mặt kia. Khi những tảng thịt đã thấm muối, ông xếp ra sọt. Đáy sọt lót rơm. Thịt xếp xong một lượt lại ém rơm lên lượt nữa. Hết thúng thịt thì đống rơm to tướng cũng sạch trơn. Chiếc sọt tre đầu thịt tới tận ngọn. Ông già Mộc bưng sọt thịt muối đặt nơi thoáng gió:
- Cứ thế này, ông cháu ta có thể ăn thịt luôn trong hai ba tháng mà vẫn tươi ngon.
Xong việc, chúng tôi rửa mặt rửa tay chân bằng nước nóng rồi đi ngủ. Tôi với Loan nằm cùng một ngăn buồng, trên đắp chăn, dưới trải nệm. Cả hai đưa đều bâng khuâng, trăn trở vì thấy cuộc sống của mình biến động không thể nào lường trước. Nỗi vui, nỗi buồn, lòng mong nhớ, sự thắc thỏm xáo trộn trong lòng. Nhưng khoảnh khắc đó cũng chỉ kéo dài được năm mười phút. Rồi chúng tôi ôm nhau ngủ.
Hôm sau, mặt trời lên khỏi núi tôi mới tỉnh dậy. Loan vẫn còn ngủ say. Má nó đỏ hồng. tôi để cho bạn ngủ, lặng lẽ bước ra ngoài buồng.
- Lại đây uống nước cho ấm bụng.
Ông già Mộc gọi. Ông ngồi bên bếp, uống trà. Tôi nhìn chạn bát đã thấy bát chén rửa sạch, úp từng hàng, từng lối. Trên bếp, chõ xôi đang bốc hơi thơm lựng. Ông già Mộc đưa cho tôi chiếc ấm đồng tobằng cả chiếc gầu múc nước, bảo:
- Nước nóng đó, rửa mặt đi.
Tôi ra cầu thang sau, hứng nước lạnh giá chảy long tong từ ông mương vào thau, rồi pha nước nóng trong ấm để rửa mặt. Rửa nước nóng khi hí trời tê tê lạnh thật thú vị. Tôi vào bếp, trách ông già Mộc không gọi tôi dậy sớm rửa bát chén, thu dọn nhà cửa. Ông bảo:
- Cháu ngoan đấy. Nhưng ông ít ngủ, ông làm cho vui tay vui chân. Các cháu đang tuổi no ăn no ngủ mà không được phỉ sức thì ốm người đi… Nào, ngồi đây uống nước với ông, chờ bạn dậy rồi ăn xôi sáng.
Tôi hỏi:

- Mặt trời lên khỏi núi, sao ông không phải đi nương?
Ông già cười:
- Ông có một mình, nuôi lợn, nuoi bò, làm đồ mộc cũng chưa tiêu hết tiền, đi nương nhiều làm gì nữa?... Đó, cháu nhìn đàn bò của ông xem…
Ông chỉ xuống khe sàn. Dưới chuồng thênh thang có tới mười lăm con bò. Còn lợn thì khoảng ba chục chú. Gà lớn, nhỏ đậu tựng bầy trên các thanh ván gác ngang, cao thấp khác nhau. Có hơn mười chiếc ổ rơm treo giáp vách gỗ quây chuồng. Quả thực, so với người nông dân miền xuôi, gia tài của ông già quá đồ sộ. Tuy nhiên, mùi phân bò, phân lợn, mùi nước tiểu khai nồng từ dưới sàn bốc lên khiến tôi khó chịu. Nhất là buổi sớm, khi gió thung lũng chưa tới lùa đám hơi lưu cữu hôi hám đó đi. Tôi hỏi:
- Sao ông không làm chuồng nuôi bò, nuôi lợn, gà riêng? Ở thế này mùi khó chịu lắm. Ở lâu sinh bệnh ra đấy.
Tôi định nói ở thế này mất vệ sinh, nhưng sợ ông giận nên đành nói trệch đi như vậy. Ông già Mộc gật đầu:
- Ông biết chứ. Dưới xuôi, mình có làm chuông bò bên dưới nhà ở đâu… Ông đang vận động bà con trong bản làm chuồng bò, chuồng lợn riêng. Nhưng phải dần dần. Không mỗi lúc mà thay đổi được. Bà con ở đây quen ở như bây giờ. Họ bảo người ở trên, bò lợn ở dưới thì hổ sợ hơi người không dám tới bắt bò bắt lợn. Làm chuồng riêng, hổ về khênh đi hết. Ông học tập trên huyện về gần một năm nay mà đã ăn thua đâu. Bữa trước, bà Kín (tôi biết là bà nạ dòng mặcáo dài nhuộn chàm sang ăn cơm tối qua) vừa làm chuồng bò nhốt riêng hôm trước, hôm sau con cọp thọt về tha con bò cái chửa đi mất. Ai nấy sợ hãi bỏ cả. Giờ chỉ còn mình ông cương quyết quây chuồng bò, chuồng lợn riêng. Cháu có thấy đám gỗ dựng giáp sàn sau không? … Đó là gỗ cọc chuồng. Nhưng còn thiếu nhiều gỗ ván lắm.
- Ô, ông yên trí, cháu sẽ giúp ông lấy gỗ làm chuồng bò. Cháu khỏe không kém con trai đâu, ông ạ. Ở nhà cháu vẫn vật nhau với tụi chúng nó đấy…
Tôi hăng hái xắn tay áo lên.
Ông già Mộc nhìn tôi, hấp háy cười, ánh lửa trong mắt ông vui như đang nhảy múa:
- Ô, cháu ngoan quá. Cháu chỉ nói thế là ông ấm lòng, đủ sức vác gỗ về làm chuồng bò rồi… - Ông cầm cánh tay tôi, lăc lắc – Tay này phải tốn năm gian nhà thóc, ba gian nhà thịt mới vác nổi gỗ rừng… Cháu nghe chưa?...
Lúc đó Loan hạt mít lò dò từ trong buồng bước ra. Tôi giục nó đánh răng, rửa mặt để còn ăn xôi sáng. Tôi đói bụng rồi. Quái lạ, hình như ở trên này dạ dày tiêu nhanh gấp đôi dưới phố. Tôi chưa bao giờ thấy mình ăn khỏe và háu ăn như thế.
Ăn xong, ông già Mộc bảo chúng tôi cùng lên nương dỡ sắn. Chúng tôi tưởng dỡ sắn về nấu ăn nhưng ông bảo sắn ở đây chỉ nấu cho lợn. Năm nào, không may mất mùa, người bản mới ăn độn sắn vào nếp hông xôi. Từ nhà lên nương đường không dài, nhưng phải leo dốc khá cheo leo. Chúng tôi cứ bám theo gót ông già mà đi. Dọc đường, ông chỉ cho chúng tôi những nguồn nước trong suốt vọt từ kẽ đá ra. Người bản kê ống nứa vào hứng. Mỗi nhà tìm một nguồn nước. Cụm nhà nào gần nhau thì bắc chung ống máng dài. Dòng suối chảy qua phía bắc thung lũng rất xiết nên đặt được hơn mười chiếc cối giã gạo. Gạo trong các cối trắng muốt. gạo nhà ai nhà nấy tới lấy. Không được trộm của ai. Thảng hoặc nếu có kẻ cắp thì đó chỉ là những con chuột núi lông xù dạn dĩ to bằng con mèo nhỏ. Chúng đã quen với cối nước nên bò tới, thò mõm vục ăn gạo ngay khi chày vẫn thùm thụp nện xuống chạm cả vào râu. Những con chuột đó là những tên trộm không tòa án nào xử được. Chúng quá tinh ranh. Dẫu có gài bẫy cũng đố ai bắt được. Dọc theo dòng suối, giữa các cối gạo nước thường có những cây cổ thụ hoặc những mái lều con, người bản làm để trú nắng mưa khi lên nương hoặc đi đường. Từ trên cao nhìn xuống, chúng giống như những hộp diêm xinh xắn. Phía dưới các cối giã gạo, nơi dòng suối đã trở nên hiền hòa, nước mỏng và tràn lên bái sỏi phẳng lì thì không còn những cây đại thụ mà chỉ có rau cải xanh um ven bãi và những đám hoa rừng đủ màu sắc nở trong các búi cỏ dại. Mặc dì mặt trời lên cao, sương đọng trong các đám cỏ vẫn chưa tan hết, chúng phản chiếu ánh nắng như những hạt thủy tinh. Sơn ca núi từ lưng chừng trời đâm nhào xuống cỏ, rồi lại từ những búi cỏ xanh rờn bay vút lên, buông tiếng hót vang lừng.
Tôi đứng trên nương lau mồ hôi, cùng Loan ngắm nhìn cảnh núi non, lắng nghe chim hót và thấy lòng lâng lâng như đang chắp cánh bay lượn. Tôi ước chi mình được là con chim kia, suốt

tháng năm bay lượn dưới ánh nắng rực rỡ, giữa khoảng không xanh thẳm của bầu trời, và cất tiếng hót mê say, ngợi ca cảnh núi non hùng tráng… Ô, giá như vậy, giá chúng tôi có cánh bay như vậy!...
Ý nghĩ của tôi không kéo dài được thêm vì ông già Mộc bỗng đứng thẳng lưng, giơ bàn tay che mặt, nhìn trời rồi gọi:
- Hai cháu ơi, về nhà thôi. Trời sắp dông rồi đấy.
Tôi nhìn quanh. Chẳng thấy một đám mây đen nào. Cũng không có ráng mây mỡ gà, mỡ chó. Chỉ một vệt mây tê tê vắt ngang dãy núi phía đông và trời bỗng dưng lặng gió. Ông già Mộc đặt chiếc đòn gánh tre, hai đồng trồng hai quầy sắn, gọi lần thứ hai, hối hả hơn:
- Về mau thôi các cháu. Dông đến nơi rồi. Khí trời oi như thịt voi để qua đêm… Về thôi…
Miệng nói, chân ông bước. chúng tôi vội vã bước theo ông. Mỗi đứa ôm trong tay một chùm sắn nguyên gốc nặng tới năm sáu cân. Ông già Mộc ngoảnh lại:
- Các cháu ném sắn xuống, mai kia lấ cũng được. Từng này, lợn đủ ăn ba bốn ngày rồi.
Tôi tiếc rẻ chùm sắn ngon. Dưới xuôi, tụi tôi vẫn mua sắn luộc chia nhau từng khúc ăn vào giờ ra chơi. Tôi nói:
- Cháu mang được mà.
Ông già bảo:
- Không. Các cháu vứt hết đi, chạy cho nhanh.
Tôi ngần ngừ:
- Nhưng nếu đêm nay lợn rừng ra ăn hết…
- Nó ăn hết thì tôi, không tiếc. Đi nhanh lên.
Ông nói gấp gáp. Chúng tôi đành vứt bỏ hai chùm sắn, đi theo ông. Đường xuống núi còn khó hơn đường lên vì rất dễ ngã. Chỉ vô ý sẩy chân là đập đầu vào đá hoặc lăn xuống hẻm như chơi. Chúng tôi đi tay không mà toát mồ hôi mới theo kịp ông già. Quả nhiên chưa hết dốc, mây đã từ đâu cuồn cuộn bay tới trong nháy mắt, như bùa phép của loài ma quỷ. Gió từ cánh rừng thổi tới, rú lên từng hồi. Cây cối đổ ngả nghiêng, xiêu vẹo. Khi ba ông cháu chúng tôi vừa bước lên cầu thang phụ, mưa ào ào đổ xuống.
- Ôi chà chà, thật là may…
Ông già nói. Chúng tôi im thin thít. Giá chúng tôi không chịu nghe lời ông thì đã ướt như chuột lột từ chân dốc kia rồi. Mọi người rửa chân, vào nhà ngồi quanh bếp lửa sưởi. Ai nấy đều đã thấm rét. Nước trong ông máng không chảy long tong như mọi khi mà ào ào như thác xối. Chiếc chum hứng đầy tràn. Hơi nước bên ngoài bay mờ mịt vào cả trong bếp, nơi ngọn lửa hồng nhảy nhót, tỏa hơi ấm và gieo nỗi yên ấm vào tâm hồn chúng tôi. Tôi bỗng nhớ tới con sơn ca vúi lúc nãy vừa bay lượn, cất tiếng hót thánh thót trên bầu trời. Giờ này không biết nó núp trong hốc cây hay hang đá? Hẳn đôi cánh ướt đã cụp lại để giữ hơi ấm trong cơn mưa rừng lạnh buốt này. Vừa mới đây thôi tôi đã thèm khát ước ao số phận của nó. Nhưng bây giờ, tôi biết mình lắm. Không, con người vẫn hơn tất cả. Dẫu cùng cực hay nguy khốn, con người có khối óc, có đôi tay và do đó con người sẽ có một mái nhà trú ẩn. Tôi xòe bàn tay lên đám than hồng, nhìn cảnh trời mưa bão mịt mùng và bâng khuâng nhớ tiếng hót của con sơn ca bé nhỏ.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 15

VÌ CON NGỰA BẠCH MÀ GẶP THẰNG DŨNG CÒM

Ông già Mộc không chỉ làm nghề thợ mộc. ông cũng gieo lúa nương, trồng sắn, nuôi lợn, nuôi bò đàn như tất cả những người dân bản. Ngoài ra, ông còn săn thú và biết nấu cao. Trong nhà ông không treo những tấm da hổ, da báo. Ngực ông không đeo vuốt hổ, nhanh hổ như những tay thợ săn chuyên nghiệp ưa khoe tài, nhưng qua nhiều câu chuyện tôi thấy dân bản kính nể ông về tài săn thú và nấu cao là những nghề vốn dĩ không phải là của dân đồng bằng. Một chiều, theo lệ thường, tôi chuẩn bị bữa ăn. Ông già Mộc lúi húi phía sau nhà thay mấy tấm ván mục trên cầu thang phụ. Hôm đó, tôi và Loan bắt được ít ốc suối nên chúng tôi kiếm lá lốt, bày trò giã nghệ, thái thịt nấu nướng công phu hơn mọi bữa. Sắp được ăn, bỗng có người gọi phía trước:
- Ông Mộc ơi, ông Mộc có nhà không?
Tiếng Kinh rất rõ ràng, không hề pha trộn giọng vùng núi. Tôi bỏ chiếc muôi múc canh, chạy ra.
- Ông Mộc có nhà đấy chứ?
Một người đàn ông gầy gò, đen đủi hất hàm hỏi tôi, tự nhiên như ông ta bieté tôi từ lâu lắm.
- Ông cháu có nhà – tôi đáp – Mời ông ngồi chơi, uống nước đã.
Rồi tôi bảo Loan:
- Đằng ấy xuống gọi ông đi.
Loan đứng trong bếp, gọi gióng giả. Kỳ thực, không cần chúng tôi gọi, ông Mộc cũng đã nghe tiếng khách lạ vào nhà. Nhưng ông cứ lẳng lặng làm việc, dửng dưng. Thái độđó khác hẳn thái độ niềm nở của ông đối với dân bản.
Người khách cứ im uống nước, tự rút ra gói thuốc lá vụn, cuốn sâu kèn hút,nhẫn nại ngồi chờ. Khoảng nửa giờ sau ông già mới rửa chân tay vào nhà.
- Ông lên đây theo tiếng con cú kêu, hay theo lối con cáo dẫn?... Ông lại muốn rủ tôi nấu cao hổ, cao khỉ như năm xưa chăng?
Ông già mộc cất tiếng hỏi ngay, giọng không vui không giận, nhưng lạnh lùng.
Người khách cụp đuôi mắt, đưa bàn tay khô khốc gãi những kẽ ngón chân còn đầy bụi đường.
- Ông Mộc, chuyện đã qua rồi…
Ông già Mộc đáp:
- Chuyện ân nhớ nghìn năm, còn chuyện oán cũng phải trăm năm mới lạt dạ.
Người khách im lặng, mặt buồn xo. Đôi vai ông ta chảy xuống trong tấm áo màu xanh da trời đã nhem nhuốc cáu bẩn vì ghét bán và bụi đường. Mặt ông ta hóp lại, cằm nhọn hoắt. Cặp tai bé xíu và mỏng như hai chiếc mộc nhĩ dán vào da đầu. Đội lông mày thưa thớt luôn cử động mặc dù bộ mặt ỉu xìu của cúi gằm xuống và cặp mắt như gắn vào một điểm trên tấm gỗ lát sàn. Ông già Mộc châm thuốc hút. Không ai nói được với ai một lời nào nữa. cho tới khi điếu thuốc đã tàn, ông già Mộc mới đứng lên:
- Thôi dẫu sao ông cũng lội suối, qua đèo tới đây. Ông vẫn là khách, ông ra sân sau rửa chân tay rồi vào uống rượu, ăn cơm… Nào, cháu Bê, cháu Loan. Canh ốc được chưa nhỉ?... Ông đói bụng lắm rồi.
Chúng tôi dọn cơm trên chiếc mâm gỗ đen bóng như sừng. Mân có chân cao nên ngồi sàn ăn rất tiện. Không phải xôi nếp mà là cơm gạo tẻ. Ốc nấu thịt, nghệ, lá lốt, gần được như món canh ốc dưới xuôi. Thịt lợn rán và xào nấm hương.
- Chà chà, hai đứa làm bếp giỏi quá. Hôm nay ông phải uống ba chén rượu mới được.

Ông già Mộc cắt một lát cao hổ đen, mùi tanh, vị mằn mặn, cho vào chén. Ông cời mấy cục than hồng đặt chén cao chảy tan rồi rót rượu vào uống. Thỉnh thoảng ông cũng cho chúng tôi uống một tí rượu pha với nước đường chứ không cho uống cao. Ông bảo:
- Chưa tới tuổi bốn mươi, uống cao hổ với ăn nhung, thịt nứt ra. Không chết thì cũng không làm gì được.
Người khách lạ sau khi rửa chân tay, lặng lẽ ngồi xuống bên mâm. Ông già Mộc rót cho ông ta chén rượu và bảo:
- Ông đi đường xa mệt, cứ ăn no uống say rồi đi ngủ. Muốn chuyện gì mai nói.
Bữa cơm lặng lẽ, tuy ngon miệng nhưng không vui như mọi ngày. Lệ thường, ông già Mộc hay kể chuyện. Ví như ông kể trong cái hang gần nương sắn của ông có một conkhỉ già lông đã rụng trơ trụi. Một hôm cả bầy đang đu trên cành cao, con khỉ già bỗng trượt tay rơi xuống. Một con khỉ khác túm được chân nó nhưng không đủ sức kéo lên. Con khỉ già cứ chơi vơi trên miệng vực, rú lên thê thảm. Cả bầy khỉ hoảng sợ cũng rú lên. Con khỉ đựcđang túm chân còn khỉ già gần như sắp rơi theo vì căng thẳng. Sau cùng, con khỉ già quay cổ chí chóe kêu làm hiệu chocon khỉ đực kia buông tay. Khỉ đực chần chừ. Con khỉ già thu hết sức lực hét lên một tiếng dữ tợn. Khỉ đựcgiật mình buông tay, khỉ già rơi xuống vực sâu giữa những mỏm đá và chết. Bầy khỉ chuyền cành cây lần xuống, chúng kêu than, đưa tay quệt nước mắt rồi khiêng con khỉ già bỏ vào hang. Ông già Mộc dã chứng kiến cảnh đó. Ông bảo chúng tôi rằng đôi khi tình thương yêu giữa những con vật khiến cho con người phải thèm muốn và kinh ngạc. Hoặc ông kể chuyện săn nhím, chuyện bắt chồn. Thành ra bữa cơm nào cũng giống như một buổi sinh hoạt văn nghệ với hai đứa tôi. Riêng bữa cơm hôm nay thì không. Thế nên tôi không khỏi có ác cảm với ông khách xa lạ đó. Cơm xong, ông già Mộc bảo chúng tôi đi ngủ sớm. Ông chỉ góc nhà có sẵn chăn nệm cho người khách ngủ, rồi ông cũng đi ngủ luôn. Giữa nhà, ngọn lửa cháy bập bùng. Chốc chốc, hơi gió lùa vào đám than hồng rực, thổi những tàn than bay rực rỡ. chúng tôi nằm nghe ngóng xem ông Mộc có nói chuyện với con người lạ lùng rất đáng hồ nghi kia không. Nhưng tuyệt nhiên chỉ có tiếng than nổ lép bép. Sau cùng, tôi ngủ quên. Sớm hôm sau, khi tôi thức dậy, ông già Mộc và người khách lạ đã ngồi bên bếp lửa. trời còn tối om. Gió lạnh. Sương bay mù mịt như sữa loãng tràn vào tận trong nhà. Ngọn lửa được khêu cháy rừng rực. Ánh lửa hắt lên khuôn mặt rắn rỏi điềm tĩnh của ông già. Ông đang hút thuốc. Người khách lạ ngồi xo ro, quay lưng lại phía tôi nằm, nói thẽ thọt:
- Tôi đã tính cặn kẽ với ông rồi mà. Tôi không dám đơn sai. Ông giúp cho kẻo vợ tôi chết mất. Lần này, tôi không còn ham làm giàu nữa. Vợ tôi chết, tôi không thể nuôi nổi năm đứa con.
Ông già Mộc chậm rãi nói:
- Lần ftrước ông cũng bảo vợ ông sắp chết mà.
Người khách van vỉ:
- Lần ấy tôi nói dối ông. Tôi mang cao về, bán đi hết để lấy tiền. Tôi định buôn gỗ lấy lãi để trả ông nhưng tôi bị kiểm lâm phạt, thu mất hai bè gỗ lát… Rồi tôi thua bạc… Nhưng lần này tôi không dám làm thế nữa. Vợ tôi ốm nặng lắm, nếu nó chết, tôi đành dắt năm đứa con đi ăn mày…
Ông ta cúi gục đầu xuống, trông khốn khổ. Đốt xương sống lòi ra nhô cao phía trước gáy. Ông già Mộc vẫn tiếp tục nhả khói thuốc. Và người đàn ông kia, dường như cảm thấy tuyệt vọng, ngước nhìn ông già, đưa một cánh tay lên cao.
- Tôi xin thề… - giọng ông ta như nghẹn lại – Tôi xin thề vong linh của năm đứa con tôi. Nếu tôi còn đơn sai, chúng nó sẽ chết. Chúng nó sẽ chết.
Mấy tiếng cuối, ông ta nói gần như khóc. Rồi ông ta rũ mái tóc lâu ngày chưa cắt, xơ xác, bẩn thỉu xuống. Giống như một kẻ hành khất ngồi bên lề đường.
Ông già Mộc ném mẩu thuốc thừa vào đám lửa bếp, thở dài:
- Thôi được, tôi thương năm đứa trẻ vô tội. Tôi sẽ giúp ông.
Nói xong, ông đứng lên, vào gian nhà chính, lụcgì đó trong chiếc tủ đồ sộ mà ông vẫn dùng đựng quần áo, tiền bạc, đồ đạc, đồ đồng và nhiều thứ linh tinh mà tôi không biết tên. Sau đó hồi lâu, ông lại bước tới, ngồi xuống bên bếp lửa:
- Bệnh của vợ ông không trị được bằng cao hổ. Phải có cao ngựa bạch.
- Cao ngựa bạch? – người khách hỏi – Tôi có nghe thầy thuốc nói tới thứ cao đó đâu.
Ông già Mộc không trả lời mà trầm ngâm suy tính:

- Phải lần tới bản Nọi, may ra mới có. Xương hổ đã khó mua. Xương ngựa bạch lại càng khó mua hơn. Người có ngựa bạch không bao giờ bán vì xua nay họ cho rằng con ngựa bạch ra khỏi nhà chở theo một nửa linh hồn. Dân vùng này tin điều đó… Tôi sẽ giúp ông, nhưng có được hay không cũng còn tùy ở ý Trời.
Người khách lạ bỗng quỳ thụp xuống, hai tay chắp lại, vái lia lịa:
- Tôi lạy van ông, ông thương lấy năm đứa trẻ. Tôi có tội nhưng chúng nó thì không. Ông cứu cho mẹ nó được sống.
Ông già Mộc chắc hẳn không muốn nhìn cảnh đó. Ông quay mặt đi:
- Đừng làm như vậy. Ông ngồi lên. Tôi không nói thì thôi. Đã nói, một lời như con dao cắm vào cây gỗ rắn, khó rút, khó lay…
Người khách lạ đang gục đầu trên mặt sàn chống tay ngồi thẳng dậy. Bên ngoài, trời đã rạng sáng. Sương loãng ra như sữa lỏng. Từng đám mây lướt thướt bay qua khung cửa nhà. Loan trở mình, thức giấc. Nó hỏi tôi:
- Đằng ấy dậy lâu chưa?
- Rồi.
Tôi đáp khẽ và bấm nó lặng yên. Ngoài bếp, ông già Mộc nói:
- Ông đi kiếm tiền mà nuôi trẻ. Việc đã hứa giúp ông, tôi sẽ làm. Một tháng nữa, ông quay lại đây.
Ngời khách đáp lí nhí gì đó. Hình như ông ta cảm tạ ông già Mộc. Ông già bảo khách ăn xôi sớm. Ông ta ăn rất nhanh rồi khăn gói ra đi. Chúng tôi cứ nằm im thít trong buồng. Chờ cho người khách kia đi một lúc, ông già Mộc mới gọi chúng tôi dậy rửa mặt, ăn xôi. Tôi hỏi chuyện ông về con người kỳ quặc đó, nhưng ông chỉ đáp một câu:
- Ông ta là dân Kẻ Sặt, cùng làng với ông đấy. Con người tham tiền, coi nhẹ nghĩa nhẹ tình là bạc, không ăn ở bền được với ai. Nhưng vợ con ông ta vô tội nên mình phải giúp họ… Thôi cháu còn bé, đừng nghe nhiều chuyện xấu cho đen óc, đen đầu. Ngày mai ông cháu ta sẽ sang bản Nọi. Ông sẽ cố tìm mua con ngựa bạch về nấu cao.
Hôm sau, cả nhà dậy thật sớm.Ăn xôi xong, phải nén xôi gói trong lá chuối nướng. Lại phải hong than thui thịt lơn và thịt nai khô đem theo ăn đường. Tôi vui sướng vì từ ngày tới bản Muốn, đây là lần đầu tiên chúng tôi được đi xa. Đường lên bản Nọi ngược về phía tây bắc thung lũng. Phải vượt qua dãy núi sau lưng bản rồi xuống một đường mòn đi qua những rừng ổi lưa thưa dọc con suối cạn. Hết rừng ổi tới một thung lũng chỉ có những mảnh ruộng cao thấp từng hàng lúa đang lên mượt. Hết thung lũng, con đường chui vào giữa hai ngọn núi đá. Núi cao, cây cối mọc lưng chừng giống như tổ quạ màu xanh. Thỉnh thoảng một bầy khỉ lại chuyền cây, chí choé gọi nhau. Gần đỉnh núi, có miệng hang lớn chừng hai người đi lọt. Ông già Mộc bảo cái hang đó rộng chứa đủ năm mươi gia đình, ăn thông sang lưng núi bên kia. Hồi chín năm kháng Pháp, dân mấy bản quanh đây thường chạy vào đó tránh giặc.
Khoảng gần trưa, chúng tôi nghỉ dưới một gốc cây sao già ven đường mòn, giở xôi nén với thịt nướng ra ăn. Loan đeo bên lưng bầu nước chè xanh. Uống nước chè xong, mọi người ra rửa tay ở một nguồn nước nhỏ gần gốc sao đại thụ. Nguồn nước chảy từ lưng chừng núi, mát lạnh, trong như pha lê. Hai người dân Nùng đi sau chúng tôi cũng tới đó, rửa mặt, rồi chụm hai bàn tay uống nước núi một cách ngon lành. Tôi định uống thử nhưng ông già Mộc không cho. Ông bảo:
- Chưa quen dạ, uống nước trong kẽ đá ốm rụng hết tóc.
Rồi ông trải ni lông cho chúng tôi nằm bên vệ cỏ. Còn ông, ông ngồi tựa lưng vào gốc cây sao, ngủ ngay. Mười lăm phút sau, chúng tôi chưa kịp nhắm mắt, ông đã thức dậy, giục chúng tôi lên đường:
- Mình không đem đuốc, không có đèn săn trên trán, không có súng săn trên tay, không đi đêm được.
Ông nói đầy hình ảnh, theo cách nói của dân vùng cao. Chúng tôi tiếp tục đi. Buổi chiều, nắng oi và ít gió nên khá mệt. Cả hai chúng tôi đã cởi áo bông từ trước bữa ăn trưa mà vẫn thấy khó chịu. Qua con suối, chúng tôi đòi ông cho rửa chân tay, nghịch nước chừng dăm phút rồi mới chịu đi. Khi trời hết nắng, lớp sương mờ mờ đã lan khắp cửa rừng, chúng tôi tới bản Nọi. Bản này là một phố nhỏ, nơi tụ tập buôn bán của dân dưới xuôi lên và dân Mèo, lân Lô Lô trên núi cao xuống. Bản cũng toàn những nhà sàn nhưng không xa nhau vài trăm thước như ở bản

Muốn. Nhà nọ với tay sang nhà kia mượn con dao, vay nắm muối được. Dưới sàn nhà, phân lợn, phân bò ngâpj ngụa. Vì người ở chen chúc, súc vật cũng chen chúc, gió không lùa mùi phân đi khiến chúng xông nồng nặc. Giữa bản, có một đám chừng hơn chục nóc nhà làm theo kiển nền lát gạch như dưới xuôi. Đám nhà đó toàn là dân bán phở, bán hàng tạp hoá, làm đậu phụ, tương và mắm. Chợ bản Nọi gần đám nhà trệt đó. Khi chúng tôi tới, chợ đã tan.
Chỉ còn trơ lại những mái ngói cổ, lợp trên những cây cột cũ kỹ, mòn nhẵn vì tay người cọ xát. Những đám hồng giập nát, bã mía, rác rưởi, lá bánh còn ngổn ngang chưa ai quét.
- Ta tìm quán ăn bát phở cho ấm bụng – Ông già Mộc nói.
Chúng tôi đi theo ông tới căn nhà to nhất đám nhà trệt. Nhà này cũng có hiên như nhà dưới xuôi, nhưng lại lợp ngói ống là thứ ngói cổ chỉ riêng các lò ngói vùng cao mới sản xuất. Cột đỡ hàng hiên vẽ rồng phượng. Một tấm biểm lớn bằng tôn kẻ chữ "Phở" đỏ chói. Dưới là hàng chữ sơn xanh nhỏ hơn: "Ngon, lành, thơm, bổ, theo đúng mùi vị phở Hà nội. Kính mời".
Chúng tôi vào quán. Lò lửa cháy rừng rực. Thùng nước dùng sôi toả mùi mỡ bò gây gây. Rõ ràng, mùi nước dùng không thể giống mùi nước phở dưới xuôi được. Hơn nữa, thịt bò luộc treo trên móc đã khô đen. Không có túm hành treo, cũng không có tương ớt. Bánh phở thái to, cứng quèo. Bù lại, chủ nhân cho rất nhiều gừng và ớt chỉ thiên cay tới bỏng môi, trào nước mắt.
- Lâu lắm mới thấy ông tới bản Nọi ăn phở. Ông định mua xương khỉ hay xương hổ về nấu cao chăng?
Bà chủ quán bưng phở đặt trước bàn, nói. Bà ta trạc tuổi cô Lưu, người nhỏ nhắn, da trắng, tóc búi sau gáy, ăn mặc hoàn toàn như một phụ nữ vùng xuôi.
Ông già Mộc đáp:
- Ờ, lâu lắm tôi mới lại muốn nấu nồi cao. Ông bà chủ vẫn khoẻ chứ?
- Dạ, cảm ơn ông. Chúng cháu bình thường. Ông có lời dạy vợ chồng cháu không ạ?
- Tôi muốn nhờ ông nhà tìm mua cho con ngựa bạch.
Nghe tới đó, bà chủ quán "à, à…" một tiếng thật dài.
- Ngựa bạch khó tìm lắm. Tháng trước, có một người khách thấp nhỏ da đen cầm tiền tới nhờ nhà cháu mua hộ. Nhưng nhà cháu lắc đầu bỏ đi.
Ông già Mộc đặt bàn tay gân guốc lên bàn:
- Tôi biết người đó rồi. Nhưng tôi nhờ thì ông khắc tìm cho chứ?
Người đàn bà cười:
- Dạ, ông để nhà cháu về xem…
- Ông ấy đi đâu rồi?
- Nhà cháu sang bản bên xem cái lư đồng, muốn mua về làm đồ thờ tổ tiên. Khoảng tàn bếp lửa, nhà cháu về đấy.
Ông già Mộc gật gù, cầm thìa múc nước phở húp. Ông giục chúng tôi ăn cho nóng. Mặc dù phở ở đây thua xa phở dưới quê, nhưng vì đói nên chúng tôi cũng ăn một cách ngon lành. Ăn xong, ông già Mộc bảo:
- Bà xem có đậu nóng gọi cho chúng tôi mấy bìa chấm tương. Rồi mua cho hai đứa trẻ chục bánh rán nữa.
- Vâng, đậu nóng nhà bà Mén lúc nào cũng có. Ông uống rượu nữa để cháu lấy một thể. Còn bánh rán thì phải tới ông ké San. Dạo này, cả bản chỉ còn mình ké San làm bánh rán. Phiên chợ nào ông ấy cũng bán hết ba chảo đầy.
Nói xong, bà chủ cầm chiếc rổ con ra đi, trong rổ có cái bát nhỏ, chắc là để đựng tương.
Trời chạng vạng tối. Nhìn ra ngoài chỉ thấy những hòn đá mấp mô trên mặt đường vì ánh lửa rọi. Hơi sương lạnh dần, khác hẳn lúc chiều khi chúng tôi qua suối. Loan khoác áo bông lên vai. Ông già Mộc hút một điếu thuốc trong khi chờ đợi. Chừng tàn hai điếu thuốc, người đàn bà trở về. Trong chiếc rổ con, đậu phụ còn bốc hơi nóng nghi ngút. Một tấm lá dong lớn gói bánh rán cũng nóng bỏng tay, mỡ thấm đầy.
- Ông uống rượu với đậu nóng ngon lắm, ông à.
Chủ quán nói, đặt bát tương nhỏ trước mặt ông già rồi vào trong nhà bưng ra hũ rượu rót vào chén.
- Các cháu ăn đậu chấm tương trước rồi ăn bánh rán sau. Đậu ở đây ngon lắm – Ông già Mộc bảo.
Chúng tôi theo lời ông, ăn món đậu chấm tương trước. Quả là đậu phụ rất ngon, bột mịn, thơm,

ngọt và béo. Ông già uống một hớp rượu lại bẻ một miếng đậu chấm tương và nhấm một chút ớt ăn kèm. Người đàn bà chủ quán đã lui về phía sau quầy hàng, đẩy những thanh củi vào lò cho chúng cháy lom dom. Bất chợt, một thằng bé cắp rổ bước vào:
- Mợ ơi, thịt đây rồi. Bò vừa xẻ chiều nay.
Tiếng nói quen đến lạ lùng. Tôi và Loan quay ra. Lúc đó, thằng bé kia cũng đặt rổ thịt xuống, nhìn chúng tôi ngỡ ngàng.
- Dũng!... Dũng còm!...
Tôi kêu lên, vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ.
Chúng tôi đứng lên. Dũng cũng từ từ bước vào, nói rất khẽ:
- Ô, Bê, Loan... Làm sao mọi người lên tới đây được?...
Mắt nó mở to ra, loang loáng như đọng đầy nước. Nó vẫn gầy còm, tuy nó cao hơn ngày xưa chút đỉnh. Mái tóc cắt cụt ngủn khiến cho gương mặt nó có vẻ dại dại đi một cách kỳ khôi.
Ông già Mộc điềm tĩnh nhìn chúng tôi bằng con mắt từng trải và nhân hậu. Còn người đàn bà chủ quán thì sửng sốt hỏi:
- Mấy người này có quen nhau thật à? Mấy người này có quen nhau thật sao?
Tôi giải thích cho ba ta hiểu rằng chúng tôi là những đứa trẻ đã cùng sống với nhau thời thơ ấu, học cùng trường và cùng một quê hương.
Ông già Mộc vỗ vai Dũng còm:
- Ngồi đây cháu. Gặp bạn hiền là điều vui nhất trong đời. Uống một chút rượu với ông rồi ăn đậu, ăn bánh.
Dũng còm e dè ngồi xuống ghế. Nó dưa mắt băn khoăn nhìn bà mợ lúc đó đang xếp những tảng thịt bò to lớn từ rổ lên thớt. Người đàn bà hiểu ý, ngẩng đầu lên nói:
- Ông có lòng tốt, mày cứ uống rượu ăn bánh cho vui.
Dũng cầm chén rượu ông già Mộc rót cho, ngửa cổ uống một hơi. Nó uống rượu như một người dân miền núi thực thụ. Ông già Mộc hỏi:
- Cháu lên đây được bao lâu?
- Dạ, gần một năm.
Ông già gật đầu:
- Mỗi năm xa nhà, khôn lớn một gang. Khi nào cái khôn cao bằng cây lim trên núi, người ta khắc đủ khôn sống với đời. Nào, uống chút rượu nữa...
Nhưng Dũng còm không dám uống chén rượu thứ hai. Nó cầm bánh ăn và quay sang nói chuyện với chúng tôi. Tất cả những gì đã xảy ra ở quê hương, thân thuộc, từ chuyện nó mất tích, chuyện tôi và Loan bơi thuyền ra đảo Hoa Vàng để mọi người đi tìm xuốt đêm, chuyện lão Gia độc ác, chuyện tồi tệ của cai Cân đối với cô Lưu... tôi kể hết. Dũng còm trầm ngâm như một ông lão, nó nghe đủ chuyện rồi khẽ nói:
- Ông cai Cân không biết yêu con đâu. Ông ấy chỉ yêu tiền thôi. Tớ chẳng bao giờ coi ông ấy là bố. Tớ không có bố. Tớ chỉ có một người mẹ đã chết rồi. Khi nào lớn lên, làm người chủ gia đình, tớ sẽ có nhiều tiền và tớ sẽ làm giỗ mẹ tớ to hơn ngày Tết Nguyên Đán.
Chúng tôi lặng nghe Dũng còm nói. Bỗng nhiên, một người đàn ông bước vào. Đó là chủ quán, con người lạ lùng đã xuất hiện ở thị trấn khi gánh xiếc của người lùn đang biểu diễn. Ông ta vẫn cao lớn, da đỏ ửng, mặc áo đen khuy vải tết, nhưng không đội mũ cát-két bằng ka ki màu da bò bẩn thỉu mà đội mũ nồi xanh đen. Đôi mắt sáng quắc một cách dữ tợn dưới hai hàng mày rậm. Vừa đi lạnh về nên hơi thở ông phả ra trắng như sương. Ông đập bó đuốc đang cháy xuống đất, lấy chân giẫm lên cho tắt hẳn rồi bước vào nhà.
- Ôi chào, chào quý khách. Đã lâu lắm rồi ông mới lại tới đây.
Người chủ quán buông cây đuốc, giơ cả hai tay nắm bàn tay ông già Mộc lắc lắc.
- Ông chịu khó lặn lội vậy à?... Ông đã mua được đồ đồng chưa? – Ông già Mộc hỏi.
- Được rồi. Tôi đã trả tiền nhưng tới tuần trăng sau mới lấy - người đàn ông đáp lại vui vẻ. Rồi ông ta hỏi – Lâu nay ông có uống được hai ba chén rượu không?
- Được chứ - Ông già Mộc gật đầu – Tôi còn đủ sức vác cây gỗ lim trên núi về thay cột nhà. Tôi đang muốn nhờ ông tìm mua chi một con ngựa bạch.
- Sao?... Người đàn ông nhướng cặp mày lên – Đã lâu lắm ông có nấu cao ngựa bạch đâu? Vừa lâu công lại vừa tốn kém.
- Tôi biết chứ. Nhưng đây là việc cứu người.

- Người bà con của ông chăng?
- Không. Người cùng quê thôi. Nhưng chị ta có năm đứa con nhỏ. Chị ta không sống được, năm đứa trẻ sẽ mồ côi.
Người đàn ông gật đầu:
- Tôi biết rồi. Vợ cái người bữa trước lừa ông lấy cao hổ và cao khỉ. Tuần trăng vừa qua hắn lại đây năn nỉ nhờ tôi mua giùm để dắt về xuôi nhờ nấu cao nhưng tôi quay mặt đi.
Ông già Mộc đáp:
- Ờ, đúng đấy.
Người đàn ông hỏi:
- Hắn xấu bụng thế, ông còn giúp hắn làm gì? Tiền bán cao của ông một gang tay hắn còn chưa trả đồng nào.
Ông già Mộc đáp:
- Tôi không giúp ông ta đâu. Tôi cứu năm đứa trẻ vô tội thôi. Nào, ông giúp tôi chứ?…
Ông chìa bàn tay đặt lên bàn. Người đàn ông khẽ đập tay ông ta lên tay ông già, nói:
- Ông nói một lời, trèo qua bảy tám ngọn núi tôi sẽ tìm được ngựa đem về đây.
Bà chủ quan xào một đĩa thịt bò với ớt và lá sả non đem ra. Người chồng rút chiếc khăn vắt trên vách lau mặt rồi rót rượu vào chén. Ông ta bảo vợ rang lạc, nướng tôm khô thêm. Rồi ông ngồi uống rượu với ông già Mộc. Còn chúng tôi vào trong nhà ngủ. Bà chủ quán thu xếp cho chúng tôi ngủ trong một chiếc giường nhỏ ở góc buôn trong. Sau đó bà sai Dũng còm sang nhà ai đó mua thêm gừng để ngày mai làm phở bán. Mai là ngày chợ phiên. Chợ bản Nọi ngày nào cũng có nhưng cứ năm ngày một phiên nhỏ và ba phiên nhỏ tới một phiên lớn.
Trong câu chuyện của ông già Mộc với chủ quán buổi tối hôm đó, tôi nghe ông già hỏi:
- Thằng bé này là con cháu ông chăng?
Người chủ quán trả lời:
- Ôi dà, chuyện dài lắm.
Ông già bảo:
- Lửa còn cháy trong lò, đêm còn dài, ông cứ kể. Tôi trông nó, lòng tôi cũng thương. Mà nó lại là bạn với hai đứa cháu gái đi cùng với tôi đấy.
Người đàn ông đáp rành rẽ:
- Chuyện không đẹp đẽ gì. Người khác tôi không nói đâu, nhưng ông hỏi thì tôi kể. Thằng bé này là con bà chị ruột tôi. Chị em tôi lưu lạc nhau từ hồi chạy Tây. Chị tôi buôn bán giàu có lắm. Ngoài số của cải củ chị, chị còn giữ vòng vàng, nhẫn vàng, hoa tai mặt đá của mẹ tôi để lại. Cả những đồ đồng thờ cúng tổ tiên. Tôi không biết hết nhưng nghe nói là đủ bộ lư, đỉnh, chân nến, hạc chầu, cả mâm thau, ấm nước nửa… Chị tôi nhiều lần nhờ người tìm tôi về nhận số đồ gia bảo và những thứ tư trang mà mẹ tôi gửi lại vì tôi là con trai, người thờ cúng tổ tiên trong họ. Chị tôi chưa tìm được tôi thì đã chết vì có u trong ruột. Tôi tìm tới hỏi anh rể nhưng lão chối phăng. Lão còn vác gậy đuổi tôi khỏi nhà. Nghĩ căm trong dạ, tôi bắt thằng bé con đem đi, tưởng lão thương con phải trả của. Nhưng lão lại thương của hơn con, lão cứ lờ như không… Chuyện dang dở, tôi chưa biết tính thế nào… xong người đàn ông thở dài.
Ông già MỘc trầm ngâm gõ gõ ngón tay lên mặt bàn hồi lâu, rồi nói:
- Thằng bé cũng không quý trọng gì bố nó… Tội nghiệp cho đứa trẻ.
Người chủ quán nói:
- Tôi nghe nói lão nhiều vàng lắm. Lão đang cầm đầu một dây buôn thuốc phiện lậu từ dưới xuôi lên Mèo Vạc thì phải. Bữa trước có người anh em của tôi gặp lão trên đó.
Ông già Mộc hỏi:
- Thế đứa bé ông tính sao?
Người đàn ông đáp:
- Vợ chồng tôi chưa có con. Tôi giữ nó nuôi cũng được.
Ông già ôn tồn nói:
- Đứa trẻ có thuận, mình nuôi mới tốt. Nó không vui trong bụng, người sẽ héo như cây cỏ bị nhổ khỏi nương vườn. Ông cứ ngẫm lời tôi nói mà xem…
Chủ quán im lặng. Hình như ông ta khẽ thở dài, rồi rít thuốc. Tôi nghe tiếng Dũng còm về, báo tin đã mua đủ gừng với ớt để làm phở bán ngày mai.
- Thôi, mày rửa chân mà đi ngủ - Người chủ quán, ông cậu ruột của nó nói.

- Vâng.
Thằng bé đáp rồi ra sân sau. Nó đi ngang qua chỗ chúng tôi nằm, nhẹ như cái bóng. Tiếng nước chảy róc rách phía sân. Rồi có tiếng guốc gỗ khua lọc cọc. Dũng còm chui vào cái chăn chiên ở góc giường ngủ. Tôi không thấy nó mắc màn. Lúc ấy, tôi mới hiểu niềm hạnh phúc của chúng tôi khi gặp ông già Mộc. Rời bàn tay của mẹ, nào dễ mấy ai may mắn tìm được người giàu lòng nhân ái như chúng tôi. Tôi định gọi Dũng còm nhưng sợ người lớn nghe thấy. Vả lại, cũng đã khuya. Cả ông già Mộc lẫn vợ chồng người chủ quán đều lục tục chuẩn bị đi ngủ nên tôi đành im lặng. Mùi chăn chiếu lạ làm tôi thao thức lúc lâu. Nhưng rồi tôi cũng ngủ được khi gà vừa gáy lần thứ nhất.
Sớm hôm sau, tôi thức dậy muộn nhất so với tất cả mọi người. Loan hạt mít đã ăn sáng từ lâu. đứng ngoài cửa nói chuyện với Dũng còm. Lò lửa của bà chủ quán cháy rừng rực. Mùi mỡ bò, mùi xương bò ninh bốc hơi ngầy ngậy, gây gây. Người vào ăn phở đông. Phía trước la liệt sọt, lủ đựng hàng của dân vùng cao mang sa nhân, hồ, nấm hương, mộc nhĩ, măng khô… về bán. Những chiếc xe ngựa từ các phố huyện tới mua hàng đem về xuôi đứng từng dãy. Mùi phân ngựa tươi bốc lên hăng ngái. Bóng áo chàm, áo đen, áo trắng lướt qua. Bụi chưa bốc lên vì hơi sương còn quẩn nhưng tiếng ồn ào đã khiến ta hình dung cảnh chợ phiên thật rõ. Bà bán đậu ghé qua cửa hàng, đưa cho vợ chồng chủ quán một rổ đậu nóng hổi trước khi mang hàng ra chợ. Chúng tôi lại được ăn món đậu phụ chấm tương ngon lành, lạ miệng. Ăn xong, ông già Mộc bảo:
- Các cháu chào ông bà chủ đi. Ta qua chợ rồi về.
Chúng tôi chào vợ chồng người chủ quán. Dũng còm đứng mộtgóc nhỏ, nó nhìn chúng tôi với con mắt thèm khát buồn tủi. Ông già Mộc gọi ngườ chủ quán ra gốc cây trước cửa nói chuyện hồi lâu. Sau đó, ông chủ quay vào trao đổi vài câu với vợ, rồi ngồi xuống ghế.
- Mày ra đây cậu bảo – ông gọi Dũng còm.
- Dạ.
Thằng bé đến, đứng trước mặt ông cậu, vẻ nhẫn nại chờ đợi theo thói quen. Người chủ chỉ tôi và Loan rồi hỏi:
- Mày có muốn đi chơi với hai bạn không?
Dũng còm há miệng như muốn thốt lên một tiếng kêu ngạc nhiên. Nó đưa mắt hết nhìn vợ chồng người cậu lại nhìn chúng tôi, vẻ mặt băn khoăn, ngần ngại.
- Cậu hỏi thật, mày có muốn đi chơi với hai bạn một vài tháng thì tao cho đi - người đàn ông nhắc lại, giọng dịu dàng hơn.
Dũng còm như quýnh lưỡi lại. Lúc sau nó mới nói khẽ trả lời:
- Nếu cậu với mợ cho…
- Mày đi, nhà cũng bận, nhưng tao sẽ bảo con Dính sang giúp. Ở đây suốt ngày mày rầu rĩ, chúng tao cũng chẳng vui thú gì… - người mợ nói thẳng thắn một cách tàn nhẫn.
Tôi thấy Dũng còm cúi đầu, đáp lí nhí:
- Vâng ạ.
Ông chủ quán bảo:
- Vào nhà thu xếp quần áo mà đi.
Dũng còm vâng một tiếng sung sướng, chạy vào buồng, Quần áo của nó cũng chẳng nhiều nhặn gì, tất cả không đầy một túi dết. Nó đeo vào vai, chào vợ chồng ông cậu, hớn hở bước theo chúng tôi. Cái gia đình của chúng tôi từ đó gồm có bốn người.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 16

CON HỔ THỌT KHIẾN CHÚNG TÔI GẶP MỘT NGƯỜI HỦI KHỐN KHỔ

Chúng tôi về bản Muốn được hai tuần lễ thì một buổi chiều, ông cậu ruột Dũng còm dắt con ngựa bạch xuống. Đó là một con ngựa cường tráng, toàn thân trắng không điểm đốm đen, đuôi dài, bờm rủ lòng thòng. không xén tỉa. Trông nó dũng mãnh và man rợ như một con ngựa hoang thời tiền sử. Mắt nó đỏ đòng đọc tựa như hai viên hồng ngọc, ban đêm thì nhìn rõ đường, còn ban ngày nước mắt chảy ràn rụa, hai mí mắt híp lại như người mắc bệnh bạch tạng. Nếu không dắt, nó sẽ đâm giúi giụi vào những bụi cây ven đường hoặc ngã xuống vực sâu. Ông già Mộc nhìn con ngựa vẻ hài lòng:
- Tôi cảm ơn ông lắm. Ông giỏi thật.
Ông cậu Dũng còm đáp:
- Tôi cũng còn mang ơn ông nhiều, ông Mộc à.
Hai người mời nhau uống rượu, ăn thịt. Sơm hôm sau, ông già Mộc đưa cho người cậu Dũng còm một bọc tiền rồi tiễn ông ta xuông tận chân cầu thang:
- Ông ra về mạnh khoẻ nhé. Vai tuần trăng nữa tôi sẽ tới chơi lâu.
Người đàn ông hỏi:
- Thằng bé cháu tôi ở với ông thế nào?
Ông già Mộc cười:
- Trẻ có bạn như cây cỏ gặp mưa rào. Ông nhìn xem.
Người đàn ông có vẻ hài lòng. Dũng còm ra tận cầu thang chào cậu. Nó còn đứng ở đó nhìn theo cho tới khi ông đi khuất mới quay vào.
Mấy ngày hôm sau, ông già Mộc bắt tay vào việc nấu cao. Ông giảng giải cho chúng tôi nghề nấu cao có từ bao giờ và ở vùng này, dòng họ nào giỏi nhất. Thời trước bản nào cũng có phìa, tạo hoặc một hai gia đình nhờ buôn bán mà giàu có. Họ thường nấy cao đem về xuôi. Nếu có các hàng thuốc quen nhận mua thì giá cao đắt vô cùng. Người bản nói: "Bán được giá, nấu cao một vốn mười lời, hai mươi lời" Nhà phìa, tạo nào cũng lùa dân đi săn, lấy khỉ, lấy hổ hoặc sơn dương về nấu cao. Chúng bắt người già quen nghề, ngồi róc thịt, rửa xương nấu cao suốt mùa hạ cho tới mùa đông. Họ phải làm nhiều đến nỗi mùi thịt thiu thối mốc từ các khúc xương xông lên khiến họ ốm o gầy mòn. Hơi lửa nóng hơ quắt da thịt lại. Các nhà phìa, tạo thường đôn đốc công việc luôn luôn mà trả công chỉ có vài bát muối hoặc vài thúng gạo. Người làm nghề nấu cao vì thế không đủ nuôi vợ nuôi con. Đã ngồi vào lò nấu cao là nương rẫy bỏ cho cỏ gấu, cỏ gai ăn hết đất.
- Sao họ không đấu tranh hở ông?
Tôi cắt ngang câu nói của ông già. Ông lắc đầu:
- Ô, thời đó trên đỉnh đầu là quan Tây, hai vai là phìa, tạo, lính tráng… Ai dám đấu tranh. Nhưng con người đã uất giận là khắc sinh chuyện chống đói. Đầu tiên,họ tìm cách ăn cắp khớp xương bánh chân sau con hổ. Cả bộ xương đầy đủ mấy trăm khúc, chỉ mất khớp xương bánh đó là nồi cao mất hết công hiệu. Mẻ cao đó sẽ làm cho nhà phìa, tạo mất khách mua ngay. Sau, tụi nhà phìa, tạo biết. Chúng canh riết. Chúng đếm từng khúc xương trước khi thả vào nồi, rồi ngồi lì trông nồi cao canh thợ cho tới lúc xương tan. Đám người làm nghĩ ra một cách khác. Họ dùng dọc tẩu lá chuối hút bọt cao. Nồi cao chưa tới độ keo, bọt nổi lên trên lớp nước. Thứ bọt đó mang nhiều chất béo, chất bổ. Mấy ông già nấu cao vờ như thử độ dính, thò dọc lá chuối vào khoắng. Dọc chuối xốp, có hàng triệu lỗ hổng nhỏ. Các lỗ hổng đó hút đầy chất bọt kia vào. Họ

nhúng chừng năm sáu cái dọc chuối là gần hết lớp bọt cao trong nồi. Khi nào lũ người canh thấy cao thành keo, chuẩn bị đổ khuôn, không để ý tới nữa thì họ cất bó dọc chuối đó đem về nhà. Tới nhà họ vắt cho hết bọt cao, nấu lại với một hai bộ xương khỉ là được một thứ cao hổ lẫn khỉ rất công hiệu.
- Ở đây có nhiều người nấu cao giả không ông?
- Có, trước đây, thời xa lắm, người bản chỉ dùng cao chứ không bán thì họ nấu thứ cao thật. Từ ngày đám phìa, tạo và dân buôn đem cao về xuôi là sinh tệ nấu cao giả. Cao thứ tốt họ bán ở các hiệu thuốc quen với giá đắt. Cao giả, nấu độn cả xương trâu, xương bò đem bán rong các nơi… Khi nào con người tham tiền, lúc đó khắc sinh nhiều tật xấu. Năm trước, ông bỏ một người bạn phường săn cũng vì chỉ ông ta lừa dối kẻ khác lấy tiền. Dạo đó, trời đã rét, cây leo cây nhỏ xếp lá trong rừng đã rụng lá trơ trụi. Người bạn săn buồn vì vợ bỏ về nhà mẹ. Bà ta chê ông ta đã nhiều năm. Ông ta buồn nên tới rủ ông đi vào rừng. Đi hai ngày đầu chỉ đụng năm bảy con chim với một con dím đủ nướng ăn. Ngày thứ ba hạ được một con gấu ngựa lớn, ước một tạ. Ông mừng lắm, định bảo xẻ con gấu lấy mật. Loài gấu, phải mổ bụng, lấy mật ngay khi nó vừa chết, nếu để lâu, túi mật sẽ tự biến đi, dẫn vào khắp các chi của con vật. Chính vì điều này nên gấu khôg bao giờ bị thương khi ngã, mặc dì có khi say mật ong hoặc bị ong đốt, gấu buông tay từ những cành cây cao chót vót rơi xuống. Phải những con vật khác, không tan xương nát thịt cũng què. Nhưng gấu thì không. Nó cứ nằm ì lì, mắt nhắm tịt. Chất mật trong túi tự dẫn tới, làm hồi lại các vết đau. Rồi sau đó, con gấu mở mắt, khụng khiệng bò dậy, đi về hang như thường…
Ông già Mộc ngừng kể, ném một nắm muối màu xám vào đám lửa trong lò nấu cao. Nắm muối nổ lép bép, lửa toả ra xanh lè như những chiếc lá trong truyện cổ tích, hoặc gần như ánh lửa hàn vọt lên từ những que hàn gắn với bình hơi của người thợ hàn ngày hôm nay. Lũ chúng tôi, cả ba đứa, đều nín thở nghe ông nói tiếp:
- … À, ông vừa kể cho các cháu nghe bọn ông bắn được ngã được con gấu ngựa. Ông định xẻ ngay để lấy mật. Nhưng lúc đó, một đoàn địa chất nghe tiếng súng chạy tới. Họ có chừng mười người, toàn là những người có gương mặt sáng sủa, nhân từ. Người lớn tuổi nằn nì xin mua túi mật vì ông ta có một ông bố đã gần tám mươi tuổi bị bênh đau xương. Ông và người bạn săn bằng lòng. Ông cán bộ địa chất mừng rơn. Ông ta cảm ơn mãi mặc dù người bạn săn của ông bắt ông ta phải mua cái mậtgấu với giá đắt hơn giá thường hai lần. Lúc đó ông giận nhưng không nói vì giữ mặt cho bạn. Ông rút dao định xẻ con gấu. Nhưng ông bạn phường săn ngăn lại: “Chúng tôi chờ ở đây. Ông xuống lấy đủ tiền đem lên rồi tôi đưa mật. Không sợ chúng tôi khiêng gấu về bản đâu…”. Người bạn phường săn của ông nói với khách mua như vậy. Cả đoàn cán bộ địa chất bỏ đi sau khi để lại nửa số tiền để giữ hàng. Còn ông, ông cũng ngồi xuống gốc cây, nói: “Bán đắt như vậy là không tốt”. Người bạn kia trả lời: “Họ cần, họ phải mua đắt. Ông có thấy họ mua đắt thế mà họ vẫn mừng không?...”. Ông chán ngán không buồn tranh cãi, nhắm mắt nghỉ. Lát sau, mở mắt ra, ông thấy người bạn phường săn kia đang làm một việc rất kỳ quái. Ông ta rút trong túi áo một hộp tiêm, có ống tiêm, có cả mũi tiêm đã cắm sẵn. Ông ta tới xác con gấu còn đang ấm nóng, lần tìm nơi túi mật, cắm phập mũi kim vào. Rồi sau khi nhìn quanh, ông ta từ từ rút mũi kim ra. Trong cái ống thủy tinh, một dòng nước đặc quánh màu xanh đen từ từ dâng lên. Khi mũi kim vừa hết nấc, chất nước xanh đen kia cũng ngừng dâng. Bấy giò ông ngồi dậy và ông chợt hiểu việc làm xấu xa của bạn. Ông bảo ông ta: “Lòng ông không thẳng như cây thông trên núi mà cong queo như rễ cây trăn dưới khe sâu. Ông tự chặt đứt ngón tay trỏ kia đi”. Ông ta trả lời: “Người dưới xuôi họ chỉ có con mắt nhìn cây lúa chớ không có con mắt nhìn cái lá ngón, lá han. Ông cứ mặc tôi. Chưa tàn điếu thuốc, cái mật sẽ đầy căng như nguyên thôi. Tôi đã làm mấy lần rồi, đừng lo…”. Con người đen bụng nó nói đúng thật. Khi mổ con gấu ra, cái mật vẫn đầy căng như chưa từng bị rút hết ruột…
- Cháu biết rồi, cháu biết rồi…
Loan hạt mít hấp tấp ngắt lời ông già Mộc bằng cái giọng lanh chanh vốn có của nó.
- Nước đó là nước mô…
Rồi nó nhìn vào cặp mắt băn khoăn của ông già giải thích:
- Nước mô là nước có ở tất cả các tế bào trong cơ thể con người cũng như con vật. Khi con gấu bị rút mật đi thì nước mô sẽ tràn vào.
Ông già Mộc gật gù:

- Như nước ở bờ ao tràn xuống vũng thấp, đúng không?...
Rồi ông nói tiếp:
- Ông và người bạn phường săn đang cãi cọ, đoàn cán bộ địa chất trở lại. Họ đếm đủ tiền. Ông mổ con gấu, đưa túi mật cho họ. Người bạn săn cầm tiền. Thường thường về tới bản, chia thịt và bán xương xong mới nhận tiền. Nhưng lúc đó, ông ta phải chia tiền ngay. Rồi ông đưa lại cho người mua số tiền đó. Ông ta chối từ. Ông đành nói: "Tôi chỉ có một mình. Tiền ăn không hết đâu. Gặp ông, ưng cái bụng, tôi cho ông làm vui thôi". Người bạn phường săn kia sợ ông nói sự thật nên vội vã hùn vào: "Ông ấy nói đúng đó. Vợ con ông ấy bị giặc giết hết rồi. Ở một mình, tiền dày từng gang, đếm không hết đâu..." Người cán bộ địa chất cảm ơn ông mãi rồi cả đoàn trở lại dưới thung lũng khoan giếng. Ông bỏ con gấu ở đó luôn, không khiêng về bản nữa. Từ đó, ông cũng không bao giờ nhìn mặt con người lòng ruột cong queo kia...
Đám lửa trong lò reo lên, nhảy phần phật vì hơi gió mạnh lùa vào. Ông già Mộc lại nhúm một nắm muối trộn lẫn đất đen ném vào lửa. Và những bông hoa lửa lại nở bùng lên, uốn éo, nhảy múa với muôn ngàn tia sáng xanh.
Ông già Mộc thôi không kể chuyện nữa. Ông bảo chúng tôi ăn sắn nướng rồi đi ngủ. Sẵn than, Loan hạt mít sáng chế ra một kiểu nướng sắn tuyệt vời. Nó dàn than thành hàng, rồi bên trên gác củi. Sắn thái từng lát lớn, trông như từng lát bánh mì bổ dọc, đặt lên. Mặt này vàng rộn mới lật mặt kia. Sắn nướng kiểu đó ăn không còn giống sắn mà giống như miếng vỏ giòn tan của bánh mì mới ra lò. Đứa nào muốn ăn mặn thì trước khi nướng tẩm nước muối. Còn đứa nào ưa ăn ngọt, đem quết với mật mía để trong chum.
Chúng tôi đi ngủ trước ông già Mộc vì ngày hôm sau chúng tôi giúp ông kéo nốt số cây gỗ dưới chân dốc làm chuồng bò. Từ ngày Dũng còm về đây, nó tỏ ra là một người đàn ông thực thụ vì luôn luôn đề xuất những công việc mới, cả những việc nặng nhọc mà chúng tôi chưa hề nghĩ tới. Dẫu sao, nó cũng là một thằng con trai. Và một năm đi ở với người đời đã dạy nó nhiều bài học về sự làm ăn. Còn chúng tôi chỉ là những con chim vừa ra ràng đã được nằm trong vòng tay che chở của ông già Mộc. Thế nên chúng tôi phải khiêm tốn mà nói thua nó.
- Dẫu sao, về khoản này đằng ấy cũng hơn chúng tớ.
Tôi nói, tưởng Dũng còm sẽ khoái trí vì được khen. Nhưng nó chỉ khẽ bĩu môi, xì một tiếng rất kẻ cả. Tuồng như nó bảo tôi:
- Ấm ớ, lắm chuyện...
Tôi tức lắm nhưng đành im vì cãi nhau bây giờ sẽ không còn đủ thời gian làm lành trước khi bắt tay vào việc. Mà đã vào việc thì cái thằng oắt con ấy lại là chỉ huy của chúng tôi...
Chuồng bò vừa khánh thành được ba hôm, con hổ thọt đã nhảy về cắp đi một con bò tơ chưa đầy tuổi. Bà Kín te tái chạy sang cằn nhằn ông già Mộc:
- Một cây gãy ông còn chưa đủ sợ gió hay sao? Tôi đã biết rồi mà. Vắng hơi người, cọp sẽ tha bò đi ngay. Nay một con, mai một con... rồi còn đâu mà đầy đàn đầy sân nữa...
Ông già Mộc lặng lẽ không nói gì. Dân bản xôn xao, mỗi người một lời góp vào, khuyên ông phá cái chuồng bò mới lại dồn bò, dồn lợn xuống dưới sàn nhà cho yên chuyện.
Dũng còm, tôi và Loan đứng im thin thít. Cái chuồng bò đó là thành quả lao động của cả bốn ông cháu. Nhưng nó cũng lại là ý muốn của ba đứa chúng tôi. Chúng tôi vẫn tin rằng nuôi súc vật riêng tốt hơn, sạch sẽ hơn. Đáng buồn là khó khăn đã đến. Mà khó khăn đó nằm ngoài tầm tay của chúng tôi. Từ nhỏ chúng tôi đã biết con hổ ra sao, huống hồ nghĩ tới cách tiêu diện nó để bảo vệ đàn bò...
Buổi trưa hôm đó, bữa cơm thật buồn tẻ. Nhưng đến tôi, ông già Mộc an ủi chúng tôi:
- Đừng buồn. Thua keo này, phải bày keo khác. Cháu Dũng lấy sách ra đọc, còn hai đứa gái đem khung, đem chỉ mà thêu.
Hồi ở phố Lạng trở về bản, ông già mua cho chúng tôi rất nhiều kim thêu, chỉ màu, khung thêi và cả sách vở, bút mực. Thoạt đầu tôi chịu khó ghi nhật ký. Nhưng sau, dần dần ham vui tôi quên đi. Khung thêu với kim chỉ, chúng tôi rờ tới đúng hai lần, thêu chưa hết một bông hoa rồi cũng bỏ nó. Bởi lẽ cả tôi lẫn Loan đều thích trò bắt cá, bắt ốc trong suối, bẫy dím, đào khoai môn rừng, hái vả rồi nướng sắn, nướng khoai... Hết trò này tới trò khác. Chúng tôi phỉ sức để làm chàng Rô Bin Sơn chính hiệu chứ không còn phải bơi thuyền ra đảo Hoa Vàng để tưởng tượng mình trở thành Rô Bin Sơn.Vì tất cả những niềm ham mê đó, cứ chiều xuống, rửa chân tay xong là chúng tôi mệt lử. Nhất là sau bữa cơm ngon lành bên bếp lửa ấm, chỉ còn muốn chui

vào giữa lớp chăn và nệm ngủ một giấc quên đất quên trời.
Từ ngày Dũng còm về bản Muốn, tôi trở lại ghi nhật ký đều đặn, còn Loan vẫn rong chơi như xưa. Nó vốn ham vui và lười. Dũng còm có mang theo trong túi áo quần bộ Tam Quốc Chí đã nát nhầu của ông cậu. Đêm đêm, chúng tôi ngồi đọc cho cả nhà nghe chung. Đọc đi đọc lại đến nỗi tất cả đều thuộc làu. Không còn trò giải trí gì khác nên tối hôm đó ông già Mộc bảo tôivà Loan đem kim chỉ ra thêu. Nể ông, hai đứa tôi ngồi thêu qua loa vài đường. Nhưng ánh lửa chập chờn khiến nét thêu không đều và các hình vẽ trên vải cứ nhòe đi nên lát sau hai đứa tôi quay sang nướng sắn ăn với mật. Dũng còm ngồi nhai lại bộ Tam Quốc. Cái đầu bù xù to tướng in lên vách. Còn ông già Mộc loay hoay giờ lâu trước hai cánh tủ đã mở rộng. Lát sau, tôi thấy ông lôi ra khẩu súng bọc giẻ, không hiểu loại súng gì. Ngoài khẩu súng, có chiếc que thông nòng, nhiều viên đạn và những phụ tùng lặt vặt.
Vừa thấy khẩu súng, Dũng còm sáng mắt lên. Nó buông quyển Tam Quốc, sán tới ngồi bên ông già. Ông vừa lau chùi từng bộ phận, vừa giảng giải cho nó nghe. Hai người thì thầm chuyện trò lâu lắm. Khi chúng tôi đi ngủ vẫn còn thấy hai chiếc bóng, một cao một thấp, lay động, chập chờn in lên vách. Và ngọn lửa cháy đều đặn thỉnh thoảng lại lùa tung lên một đám tàn than.
Sớm hôm sau, Dũng còm gọi chúng tôi ra, điệu bộ đầy quan trọng:
- Ông Mộc sắp rủ phường săn quen tới đây. Nhất định phải diệt con cọp thọt. Còn nó, dân bản không ai dám làm chuồng nuôi bò nuôi lợn riêng. Hôm nay, ông tới bàn với trưởng bản đấy.
Tôi hỏi:
- Thế ông có cho cậu đi theo không?
- Cố nhiên là tớ sẽ đi theo ông chứ không phải các đằng ấy. Con gái không thể dính vào những việc quan trọng như thế này.
Dũng còm đáp lại với vẻ thản nhiên. Thản nhiên như điều nó nói là mặt trời mọc phương đông, lặn phương tây, là bàn tay người ta có năm ngón, còn hai bên đầu chỉ mọc ra hai cái tai vậy. Nói xong, nó không thèm giải thích thêm một lời mà lại bảo:
- Cậu đi lau bát, sắp đũa ra để tớ với ông Mộc ăn trước còn đi.
Tôi tức đắng họng, không thèm trả lời. Loan hạt mít không hiểu ý tôi lại lăng xăng đi lau bát, sắp mâm ra chuẩn bị bắc chõ xôi xuống. Tôi lườm nó đến nứt kẽ mắt mà nó không hề hay biết gì. Kể ra, ở với đứa bạn đụt lắm lúc cũng tức như ăn phải thứ không tiêu.
Lúc đó, ông Mộc khoác súng lên vai xem dây đeo vừa chưa. Rồi ông bỏ cây súng, dựng xuống bên vách, nói:
- Hôm nay hai cháu ở nhà cho lợn ăn nhé. Ông với Dũng sang nhà trưởng bản bàn chuyện.
Loan "vâng ạ" thật to. Tôi chẳng nói gì. Ông già Mộc thấy tôi ngồi im, liền nói:
- Cháu Bê đã sang nhà trưởng bản chơi với ông lần trước rồi mà... Bây giờ cháu cũng muốn đi nữa chăng?
Tôi trả lời rành rọt:
- Không. Nhà trưởng bản chỉ có vườn giâu gia với hai cây bưởi chua, cháu không sang. Cho Dũng còm đi. Nhưng khi nào ông cùng phường săn đi bắt con hổ thọt thì cháu sẽ đi theo ông . Dứt khoát là như thế.
Loan tròn mắt lên vì vẻ mặt hùng hổ và giọng nói gay gắt của tôi. Dũng còm im thít. Ông già cười hiền từ, giơ tay xoa đầu tôi, nói:
- Ôi chao, con bé này ghê thật. Rắn như miếng gỗ lim già.
Ông cúi xuống uống chén rượu buổi sớm theo lệ thường. Tôi nhìn bàn tay ông, chợt nhận thấy một ngón tay có buộc giẻ. Tôi quên cơn hờn giận rất nhanh, băn khoăn hỏi:
- Tay ông đứt hay sao mà buộc giẻ thế ông?
- Không - ông trả lời.
- Không đứt sao lại buộc giẻ. Ông mở ra cháu xem còn chảy máu không, cháu rịt lông cu li vào. Con cu li của cháu tốt hơn của cái Loan với Dũng còm nhiều.
Ông già lúng túng, rồi như cảm động sự quan tâm của tôi, ông nói:
- Có gì đâu, sáng ông thái thuốc, ông sầy chút da thôi...
Ông giơ túi thuốc lá sợi cho tôi yên tâm rồi giục mọi người ăn sáng. Tôi hoàn toàn tin là thật. Mãi mười mấy năm sau, khi đã trưởng thành, trở lại bản Muốn thăm ông, tôi mới biết rằng ngón tay buộc giẻ đó là ngón tay ông đã cứa ra để nhỏ bảy giọt máu vào chén rượ thề. Ông tự thề với mình phải giết bằng được con hổ thọt. Cũng như ba mươi hai năm trước, ông cũng tự

cứa tay nhỏ máu vào chén rượu thề trước ông chú ruột đang hấp hối rằng ông sẽ nuôi mấy đứa em cho tới lúc dựng vợ gả chồng. Và cũng như mười năm trước, ông thề trước vong linh người vợ và hai đứa con gái là ông ở vậy để tháng năm thờ cúng họ... Chuyện ngón tay buộc giẻ của ông già, cho tới giờ tôi vẫn còn thấy rõ như mới ngày hôm qua. Và tôi hiểu, mỗi con người là một thế giới huyền bí, có khi gần hết cuộc đời mình, ta mới có thể khám phá được phần nào cái thế giới sâu thẳm đó...
Ông già Mộc dắt Dũng còm tới nhà trưởng bản bàn xong, bảo nó về trước. Ông tới nhà các bạn phường săn thông báo. Khoảng một tuần sau, cuộc săn chính thức bắt đầu. Tất cả những nhà thợ săn đã làm lễ cúng cầu may từ hôm trước. Ở gia đình chúng tôi,ông già Mộc bắt hai con gà làm cơm cúng tổ tiên như ngày giỗ dưới xuôi. Ông đứng trước bàn thờ, khấn vái lúc lâu. Chờ hương tàn, ông hú gọi mấy bà con xung quanh tới. Lần này là một bữa ăn lặng lẽ, nghiêm túc. Mọi người chỉ nói nhiều tới chuyện lúa má, nương vườn mà không hề nhắc tới con cọp – kẻ thù và niềm kinh sợ của dân bản. Ông già không đem đàn tính ra, mọi người cũng không đàn hát như lần trước. Ăn xong, ai nấy đều nắm tay ông già, chúc điều lành điều tốt trước cuộc săn rồi trở về.
Tôi hồi hộp, đi đi lại lại quanh quẩn chờ đợi. Khi hết khách, tôi bước tới bên ông. Không chờ tôi nói, ông già Mộc kéo tôi vào lòng, nhìn vào mắt tôi bằng cặp mắt già, hiền từ của ông và nói:
- Việc săn bắn không phải là việc của đàn bà. Huống hồ cháu còn non như cây măng chưa đầy ngón tay. Cháu nghe ông, ở nhà. Ông sẽ đem cái vuốt cọp thọt về cho cháu đeo trước ngực. Cọp già thành tinh, vuốt nó càng thiêng. Đeo vào người, không sợ gió độc gió dữ vật ngã mình.
Giọng nói của ông ôn tồn và nghiêm trang quá khiến tôi không thể nói thêm được một lời nào. Tôi lặng lẽ cùng Loan vào buồng ngủ. Buồng bên kia, Dũng còm cũng vậy. Lần đầu tiên trong đời, tôi thầm khấn vái, cầu nguyện tổ tiên phù hộ cho ông già thân mến của chúng tôi chiến thắng. Tôi không biết khấn thành bài, thành lời, nhưng trong tâm can tôi, tiếng thì thầm cầu nguyện cứ vang lên. Và tôi bỗng tin rằng. Khi ta mong mỏi thành thực, khi ta hết lòng hướng tới một điều tốt lành nào đó, thì điều đó sẽ trở thành hiện thực. Đêm yên lặng, mênh mông. Tiếng nai, tiếng mang tác ngoài rừng vọng qua thung lũng. Chỉ còn ngọn lửa vẫn đang nhảy nhót một cách cần cù. Chỉ mình nó thức với đêm dài, giữ cho lời cầu nguyện của tôi còn lại với ngôi nhà sàn ấm cúng, không bị những cơn gió lạnh lẽo mang đi.
Sớm hôm sau, khi chúng tôi thức dậy, phường thợ săn đã ra đi từ lâu. Không có dấu vết gì. Trên bếp, cũng không có chõ xôi bốc nghi ngút mà chỉ một mình ngọn lửa vì thức suốt đêm nên mỏi mệt giờ lim dim mắt, cháy liu riu. Tàn than trắng như bột phủ lên những hòn than lớn. Chúng tôi cùng chạy ra trước sàn, nhìn quanh. Thung lũng vẫn im lìm, sương phủ trắng như sữa. Trên dải núi đen mờ trước nhà, từng đám mây dài như đuôi chồn, luệt quệt đi qua. Những dải mây đó có lúc gió lùa qua nhà, chúng áp bàn tay giá buốt lên da thịt chúng tôi rồi lại ra đi. Không một lời giải thích.
- Ông Mộc đi lúc nào mà không gọi tụi mình nhỉ? – Loan nói.
- Phường săn ra đi phải bí mật như bóng đêm, nhẹ như khói, thì mới mang được thú về. Đi mà khua kèn gõ trống thì chỉ khiêng vài bãi phân cọp đầy lông đem về thôi.
Dũng còm nói bằng giọng hiểu biết và ra vẻ giảng giải. Tôi quay vào nhà, đặt chõ xôi lên và bảo Loan múc cám lợn đã nấu tối qua trong chiếc chảo gang lớn đang còn nóng ấm cho lũ lợn. Hai chon lợn mẹ vừa đẻ đang hộc lên đòi ăn dưới chuồng. Mặc dù bị hổ cắp đi con bò tơ, ông Mộc vẫn thi gan với con cọp thọt. Nếu hôm nay, cuộc đi săn thắng lợi, ông sẽ là người chiến thắng. Chúng tôi cũng sẽ là đội quân chiến thắng vì mọi người trong bản sẽ theo chúng tôi làm chuồng bò, chuồng lợn riêng. Cuộc sống ở bản sẽ văn minh hơn hẳn bây giờ.
Dũng còm và Loan đều chung một ý nghĩ như tôi. Chúng tôi vừa làm đủ mọi việc vừa hồi hộp chờ đợi.
Vẫn không có một tiếng súng nào vọng về thung lũng. Không có một tiếng hú gọi, một tiếng kêu. Thậm chí một cơn gió mạnh cũng không. Những ngọn cây bưởi, cây giâu gia, cây chùm kết quanh vườn im lặng. Sương đã tan heté và mặt trời nhô khỏi tấm chăn trắngh như bóng của biển mây phương đông. Mặt trời cũng trắng như nhúng sữa. Dần dần, màu trắng của mặt trời chói chang hơn và ánh nắng chiếu xuống mặt đất cũng ấm nóng hơn. Đã sang trưa rồi. Chúng tôi ăn bữa trưa vội vàng, không canh, chỉ có một món thịt rang mặn.. Đứa nào cũng cố gắng không nhắc tới chuyện săn hổ cho đỡ nóng ruột.

- Dũng còm ơi, đằng ấy kể chuyện Tam Quốc đi – tôi bảo.
- Đoạn nào cơ? – Dũng hỏi lại.
- Đoạn kết nghĩa vườn đào ấy – tôi đáp lời.
Dũng lấy quyển Tam Quốc, bắt đầu đọc. Tôi nghe thờ ơ, những dòng chữ đã thuộc làu. Được một chương tôi bảo:
- Thôi, chán quá... Tụi mình làm gì bây giờ cho quên việc săn hổ đi.
Dũng còm đặt quyển sách xuống, thở dài:
- Ờ, tớ đọc mà cứ chán ngắt.
Loan nói:
- Hay chúng mình ra suối bắt ốc.
Dũng quay lại:
- Nhưng nếu chúng mình đang bắt ốc ngoài suối, hổ chạy về đây cắn cổ con lợn mang đi thì sao?... Nó đã cõng bò một lần, quen đường dễ trở lại lần nữa lắm chứ... Bây giờ, bò vào núi ăn thì nó sẽ cõng lợn đi.
- Nó về đây ban ngày à?... Loan trợn mắt lên – Úi giời, sợ quá! Các cậu ơi, chúng mình kéo hết cầu thang lên không hổ vào nhà.
Dũng còm nhìn ra ngoài chuồng bò bằng con mắt vừa sợ hãi vừa háo hức:
- Giá mà con cọp ngồi chồm chồm trước sân kia nhỉ?...
Loan rú lên:
- Thế thì chết. Trời ơi, thế thì tớ chui vào trong buồn, đóng chặt cửa lại.
Dũng lườm:
- Hão huyền! Hổ đã về đến đây, gan ruột chạy lên ngon cây hết, còn đâu mà vào buồng với đóng chốt...
Thấy Loan mặt tái xanh, rên rỉ, Dũng còm nói tiếp:
- Mà các cậu tưởng rút cầu thang lên là cọp sợ à? Nó nhảy vọt từ dưới đất lên tận sàn nhà này ấy chứ.
Tôi gạt đi:
- Loan đừng sợ. Dũng còm dọa cậu đấy. Không tin cái miệng nó được đâu. Đồ con trai mà môi mỏng quẹt.
Dũng còm cáu thật sự, quay lại vặc tôi:
- Cậu nên nhớ tớ đã ở đây một năm, trong khi các cậu mới lên đây vài tháng. Mà cậu tớ chuyên mua xương hổ, xương gấu, xương khỉ bán cho người dưới xuôi nấu cao. Bao nhiêu chuyện về hổ, các ông thợ săn đều kể cho cậu với thím tớ nghe hết.
Tôi cãi lý:
- Nhưng hổ về bản ban ngày thì chưa ai nói cả. Loài vật, dẫu là chúa sơn lâm cũng phải sợ người.
Dũng bĩu dài môi, "xì" một tiếng. Đúng là môi nó mỏng thật, trông mà ghét.
- Tớ xin cậu. Chỉ có tai cậu chưa được nghe đủ chuyện thôi. Bị rượt, bị phường săn vây, có khi hổ còn chui vào trong chuồng bò nằm im mà không tha bò, tha lợn nữa... Nhưng đấy là con hổ mèng. Chứ đã là hổ thọt thành tinh rồi. Người, nó cũng còn gặm đầu, nữa là bò!... Nó sợ người thì đã chả dám về tận bản tha bò đi mấy lần như thế!
Loan hạt mít nghe tới đó lại sợ hãi, rên rỉ, mắt tròn mắt dẹt nhìn ra ngoài. Nó bảo tôi:
- Hay mình đóng cửa vào, Bê nhé.
Tôi gắt:
- Không đóng. Đừng có hèn.
Tôi cũng sợ thật, nhưng không hiểu sao tôi lại gắt lên như thế. Có lẽ vì tôi bực Dũng còm. Cũng có lẽ vì tôi thương ông già Mộc và nghĩ rằng khi ông đang cùng những người thợ săn vây bắt cọp mà mình đóng cửa lại, chỉ lo giữ thân. Không lo giữ tài sản cho ông, thì mình không xứng đáng là một con người chính trực, con người biết tự trọng và giữ gìn nhân cách.
Thấy tôi quát, cả Loan và Dũng còm đều im. Khoảnh khắc im lặng đó kéo dài, rất dài. Sau đó bị cắt ngang chừng bởi một tiếng hú. Tôi lao ra cửa, theo sau là Dũng và Loan. Một thanh niên chạy băng qua bản. Vừa chạy, anh ta hướng về phía núi trước mặt mà hú. Tiếng hú vang lên từng hồi, khẩn cấp, tha thiết, xen lẫn lo âu.
- Anh ơi, ông Mộc đâu rồi, ông Mộc đâu rồi?...

- Anh ơi, có vây được hổ không?... Có vây được hổ thọt không?...
Cả tôi, cả Dũng còm đều thi nhau cất tiếng hỏi dồn dập. Nhưng người thanh niên chỉ kịp quay đầu nhìn chúng tôi trong giây lát rồi cứ nhắm hướng ngọn núi phía đông mà chạy miết.
Chúng tôi đứng thẫn thờ nhìn theo. Người thanh niên đã chạy tới con đường leo lên núi, nhưng anh ta lại vòng ra phía sau. Dũng còm kêu:
- Đi gọi ông Rộc. Tớ biết rồi, phường săn đã cử người về gọi ông Rộc.
Tôi hỏi nó:
- Ông Rộc nào?
Dũng nhìn tôi lạ lùng như nhìn một kẻ từ hành tinh nào đó rơi xuống:
- Ở bản Muốn mà không biết ông Rộc hay sao?
Tôi nhìn Loan, Loan lại nhìn tôi. Quả tình, hai tôi chưa nghe tới cái tên lạ lùng này lần nào cả.
Thấy vậy, Dũng bắt đầu giảng giải:
- Bản này có hơn hai chục nóc nhà cùng ở trong thung lũng. Nhưng riêng có một nhà lẻ loi ngoài ngọn núi kia – nó giơ tay chỉ ngọn núi trước nhà, cao nhất trong dải núi phía đông, đỉnh nhọn hoắt như một mũi tên và luôn luôn sáng óng ánh vì những mỏm đá bắt ánh nắng – Đó là nhà ông Rộc, người thợ săn số một, nổi tiếng cả vùng rừng này. Ông đi săn từ năm mười một tuổi. Bố mẹ ông Rộc đều chế sơm nên ông ở với ông nội và được ông nội dạy nghề săn bắn thú. Quanh năm, người tới nhà ông Rộc mua da hổ, da báo, mua mật gấu, mật trăn và các thứ cao, thứ xương đi mòn nhẵn con đường chung của bản. Hồi đó, ông Rộc cũng ở trong thung lũng này. Nhà ông gần nhà trưởng bản, phía lưng núi chếch về bên trái vườn giâu gia kia kìa... – Dũng còm giơ tay chỉ cho chúng tôi xem – Đó, hồi đó nhà ông Rộc vào loại lớn nhất bản Muốn. Đến bọn phìa, tạo cũng phải kiêng nể vì ông Rộc có thể bắn trúng con mắt trái hoặc con mắt phải của con sơn dương đứng xa bốn quang dao.
Dũng còm ngừng lại, vì mắt nó vẫn theo dõi người thanh niên đang chạy vòng quanh chân núi. Vừa thoắt thấy bóng áo xanh của anh giữa đám cây, Dũng nói:
- Còn phải mười lăm phút nữa mới tới được nhà ông Rộc, nếu chạy qua rừng ổi ven suối...
Nó lẩm bẩm một mình, cặp mày chau lại.
Tôi giục:
- Rồi sao nữa, kể đi.
Dũng còm tiếp tục:
- Ông Rộc nổi tiếng đến nỗi những kẻ tình nguyện theo hầu ông để học nghề một năm phải ăn hết một nhà gạo, thịt. Bây giờ, họ vẫn còn tới thăm nom, biếu quà bánh cho ông. Nhất là sau cơn tai nạn.
- Tai nạn gì cơ? – Tôi sốt ruột hỏi dồn.
Từ từ đã, tớ mới kể được chứ... – Dũng còm nhăn nhó – Thế, ông Rộc có rất nhiều đệ tử. Được ông dạy, dần dần họ cũng giỏi giang. Vợ ông ít đi làm nương mà ở nhà cơm nước cho khách suốt năm. Ông Rộc nhiều bạn người chỉ có một đứa con trai. Ông cũng dạy cho nó nghề săn từ năm thằng bé mười một tuổi. Bà vợ ông than khóc, xin cho nó làm nương, nuôi bò. Nghề làm nương không nguy hiểm, dù có nghèo cũng bảo toàn chữ thọ. Vả lại đứa con trai đó dù không làm gì, với số của cải bố mẹ để lại, cũng thừa thóc thừa thịt ăn. Mặc vợ hết van vỉ đến khóc lóc dằn dỗi, ông Rộc vẫn cương quyết đào luyện con trở thành một thợ săn cao cường như mình. Thằng bé rất thông minh, dũng cảm. Nó cũng đã từng bắn được gấu ngựa, lợn lòi khi chưa đầy mười sáu tuổi và khiến đám học trò của ông Rộc phải kính nể. Tới năm thằng bé mười tám, ông Rộc định làm lễ cho con nhập phường. Đó là cái lế chứng nhận thằng bé đã hết thời gian tập sự, đủ tư cách làm một người thợ đứng trong phường săn. Ông bảo đứa con ở nhà để có đủ sức khoẻ ngày hôm sau ra mắt anh em phường. Ông đưa hai người học trò vào núi. Trời hôm đó sương mù đặc tới độ giơ bàn tay trước mặt hai gang nhìn không thấy. Ông Rộc rủa trời đất nhưng cương quyết hạ một con thú. Một bậc tổ nghề như ông, lẫy lừng khắp vùng mà trở về tay không thì không đúng lẽ. Ông cùng hai người học trò tìm đến con gấu ngựa ông đã theo dõi và đánh dấu hang. Lần trước, vai đã nặng khiêng nên ông khôngmuốn đi đến cùng, bắn con gấu. Ông định hôm nay sẽ bắn nó mang về, giống như người khác vào chuồng bắt một con lợn để mang lên thịt. Cả ba người lần tới hang gấu. Họ thấy cái bóng lù lù của nó bên kia một mỏm đá, trong màn sương loãng, trắng đục. Ông Rộc không cần ngắm, giơ súng bắn. Tài bắn của ông không cần nói, viên đạn cứ bật khỏi nòng là con thú ngã. Nhưng lần này, không phải con thú

kêu hộc lên mà là tiếng thét đau đớn của đứa con trai ông.
- Bố ơi, bố bắn lầm rồi!...
Thì ra đứa con trai không ở nhà theo lời ông Rộc dặn. Nó hiếu thắng, muốn lập chiến công trước khi chính thức bước vào phường. Khi ông Rộc đi, nó cũng rủ một người bạn nữa vào rừng. Và rủi ro thay, nó cũng lại muốn bắn con gấu ngựa là lần săn trước, hai bố con đã tìm hang và đánh dấu...
Dũng ngừng kể. Tôi lặng đi vì câu chuyện ghê gớm quá. Tâm trí xốn xang, tôi và Loan ngồi im nghe Dũng kể tiếp:
- Sau cơn tai nạn đó, người vợ ông Rộc chết vì buồn phiền. Ông Rộc rời nhà từ trong bản ra nơi đứa con trai ông bị bắn chết. Ông làm bàn thờ vợ con, treo cành lá cữ trước cửa, không tiếp ai, không làm gì, không đi tới đâu. Trước bàn thờ vợ con, ông dựng khẩu súng chúc mũi xuống và thề không bao giờ còn đi săn nữa.
Tôi hỏi:
- Thế anh thợ săn lúc nãy chạy tới nhà ông làm gì? Ông ấy đã bỏ nghề rồi mà!
Dũng gật:
- Ờ, đúng là mấy năm nay ông Rộc bỏ nghề. Ông chỉ sống bằng của cải còn lại và nương lúa nhỏ trước nhà. Nhưng tài nghệ của ông thì cả vùng còn kính nể. Chắc hẳn cuộc săn gặp điều trắc trở mà ngoài ông Rộc không ai vượt qua nổi nên họ cử người tới gặp ông.
- Theo đằng ấy, ông Rộc có ra tay không? – tôi hỏi.
- Mình chưa thể nào biết được – Dũng đáp. Đôi mắt nó nhìn xa lắc xa lơ.
- Làm sao cậu biết được nhỉ? Cậu mới tới bản Muốn chưa đầy tuần trăng mà... - tôi thắc mắc với nỗi bất bình.
Dũng còm ngẩng lên nhìn tôi:
- Thế cậu không biết, từ ngày tớ về đây chỉ có tớ đi củi hay sao? Các cậu là con gái nên chỉ việc dỡ sắn, nấu cháo cho lợn và nấu cơm... Ngày nào đi củi, tớ cũng vác thêm cho ông Rộc một bó. Hôm gặp ông ấy ngồi một mình trước vườn, tớ bỗng thấy thương. Tớ tưởng ông ấy là người cô đơn, ốm yếu và nghèo khổ nên kiếm giúp ít củi. Ai ngờ chuyện lại là thế...
Chúng tôi ngồi im, mỗi đứa theo đuổi một ý nghĩ. Trời đã ngả sang chiều từ lúc nào không rõ. Ánh nắng bò dài trên thung lũng, trắng như lụa bạch. Những ngọn cây in trong nắng hóa nhạt như màu mạ non. Rồi ánh nắng cũng hết. Đàn bò đã về chuồng, tiếng mõ lóc cóc quen thuộc. Dũng còm chạu xuống mở cửa chuồng, dồn bò vào. Nó bảo tôi và Loan mau mau đổ cám lợn vào máng để đóng chặt cửa chuồng lại. Tôi và Loan hối hả làm việc. Không đứa nào nói một lời nhưng đều cố gắng làm xong mọi việc thật nhanh trước khi trời đổ tối để lên cầu thang. Hình ảnh con hổ thọt đã thành tinh vì hung dữ và ranh ma, cộngvới câu chuyện thương tam của Dũng còm kể về ông Rộc khiến chúng tôi sởn gai ốc. Cả ba đứa làm chu tất mọi việc trước khi trời sập xuống. Sao mà ở đây, hoàng hôn ngắn ngủi thế. Mặt trời vừa ngã xuống sau núi là bóng tối đã từ khắp nơi đổ về, không còn có một khoảnh khắc chờ đợi. Mà bóng tối đã về là gió lạnh cùng sương núi giá buốt cũng về theo. Lúc đó, thung lũng, vườn cây, rừng núi... những gì ban ngày quen thuộc, tươi đẹp rực rỡ trước mắt ta bỗng nhên trở thành bóng đêm quái dị, đầy đe doạ. Cả ba đứa đã rửa chân tay xong, lấy nước vào bếp. Lúc đó, chúng tôi mới bắc nồi cơm, bụng đói như cào.
- Phải chụm lửa cho thật to nhé. Đêm nay, chúng mình sẽ thức canh lửa suốt đêm.
Tôi nói thế. Dũng còm và Loan đồng ý ngay. Nhưng sau khi ăn cơm xong, cơn buồn ngủ kéo chúng tôi rũ xuống. Cả ba đứa đều gật gù. Tôi cho Dũng còm và Loan đi ngủ trước, một mình tôi ngồi canh bếp. Nhưng cơn buồn ngủ đã khiến tôi ngã gục, mặc dù tôi tự véo tai, tự cấu vào chân, rứt tóc và vã nước lạnh vào mặt. Sớm hôm sau, tôi thấy mình nằm còng queo trên sàn, bên bếp lửa. Lửa còn cháy âm ỉ vì thôi đã chụm rất nhiều cây củi lớn và ngoài củi khô, tôi chụm lẫn cả củi tươi cho lâu bén.
Ngoài chuồng bò, lũ bò đánh sừng lóc cóc vào những thanh ván chắc. Bầy lợn con lợn mẹ hộc lênđòi ăn. Trời sáng trắng. Tôi vội vàng đánh thức Loan và Dũng. Chúng tôi hối hả múc cám cho lợn ăn, mở gióng chuông thả đàn bò vào núi. Những con bò nhảy cẫng, con nọ húc vào mông con kia chạy vượt lên. Loan ném cho gà một đấu ngô tấm. Nó cầm cây que dài đuổi lũ gàtống vộ và mái già để cho lũ gà con và đám gà choai ăn. Bầy gà trống hơn hai chục con trước khi tản mát ra khắp vườn tìm mồi còn vỗ cánh phành phạch, vươn cổ gáy.

Xong mọi việc, ba đứa chúng tôi trở vào nhà. Loan lúi húi bắc chõ xôi lên. Tôi với Dũng còm mỗi đứa một góc. Tự dưng tôi nhìn gian nhà rộng mênh mông và thấm thía nỗi buồn. Chỉ vắng ông già Mộc hai buổi sáng mà sao đã thấy vắng vẻ vậy. Hình ảnh ông ngồi hút thuốc bên bếp lửa với chõ xôi bốc hơi nghi ngút đã quá quen thuộc mỗi ban mai, khi chúng tôi vừa tỉnh giấc. Giờ đây, thiếu ông, tất cả trở nên lạnh lùng, trống trải… Nhưng rồi vài ba tháng nữa, khi người cháu ông được về phép và đưa chúng tôi đi theo, ông già có thấy nỗi buồn của tôi buổi sáng hôm nay không?…
Tôi đang nghĩ lan man thì khắp thung lũng bỗng vang lên những tiếng hú. Tiếng hú dồn dập khiến không gian náo động. Dường như tất cả những vòm lá, những ngọn cây, những mỏm đá đều ném tiếng hú lên cao khiến chúng trở thành một bản hoà âm ghê gớm. Tất cả dân trong bản đều đổ xuống dưới thung lũng. Những ông già ốm yếu và những đứa bé tí xíu đứng lố nhố khắp các sân trước nhìn ra đường. Tất cả đều nhìn về phía cửa rừng, nôn nao chờ đợi. Khoảng thời gian ấy kéo dài. Cửa rừng như mở ra. Đoàn người xuất hiện. Thoạt tiên là người thợ săn trạc tuổi năm mươi. Ông ta đi mau lẹ, súng cầm trong tay và chiếc túi đi săn đeo nơi thắt lưng. Sau ông là hai người nữa. Rồi tới một tốp bốn thanh niên cúi đầu về phía trước, dáng điệu như những người kéo thuyền. Chờ mãi, không thấy ai khiêng con thú bị bắn. Cũng không thấy bóng dáng ông già Mộc thân yêu của chúng tôi. Tự dưng, tôi nắm tay Dũng còm, Dũng còm nắm tay Loan. Cả ba chúng tôi đứng im lặng, mắt căng ra theo dõi đám người di chuyển dọc con đường mép núi. Tim phập phồng vì những phỏng đoán rủi ro mà không một đứa nào dám nói ra lời… Chúng tôi không dám thở mạnh.
Đoàn người vẫn tiến về phía bản, lúc ẩn lúc hiện sau những mỏm đá, những bụi cây. Sau cùng, họ đã hiện ra hoàn toàn trên con đường đổ vào thung lũng. Tôi nhìn rõ mặt từng người. Ông già đi đầu tiên sát nhà bà Kín. Hai người đi sau ở gần khu nhà trưởng bản. Bốn thanh niên lạ mặt ở bản khác nhập phường đang kéo con hổ trên một thứ đòn quệt kiểu như đòn làm xe quệt cho trâu kéo. Đó là một con vật kinh khủng. Hẳn là nó nặng lắm nên người ta không thể khiêng mà phải làm đòn quệt kéo đi. Con hổ đã già nên lông không còn màu vàng như những bức tranh tôi thường thấy trong miếu thờ mà biến thành một thứ màu tro xám nhạt. Những vằn đen cũng bạc phếch, in lờ mờ trên lưng và hai sườn. Lông rụng từng đám, trông bẩn thỉu gớm ghiếc. Toàn thân nó bốc lên mùi gây gây, hôi hám đến buồn mửa. Khi chết, nó vẫn còn gây niềm kinh sợ. Nhưng đồng thời, nó cũng làm chúng tôi thất vọng vì nó không có dáng vẻ oai dũng như chúng tôi thường tưởng tượng, mà bẩn thỉu, nhem nhuốc.
Một người dân bản đá chân vào cái bụng to lớn của con hổ thọt:
- Ái chà, cái bụng này chứa hàng trăm con bò, con lợn của dân các bản rồi đây. Hôm nay con cọp thành tinh này mới đi theo lũ bò, lũ lợn đó.
Chúng tôi không còn để ý tới con vật gớm ghiếc đó nữa. Chúng tôi đi tìm những người thợ trong phường săn, hỏi tin ông già Mộc. Đám thanh niên kéo con hổ đang ngồi thở. Còn ông già cầm súng đi đầu trong đám thợ săn bảo chúng tôi:
- Ông các cháu còn ở trong rừng, canh xác thằng bé bị con cọp vồ chết.
- Ông cháu bắn chết con hổ này à?
- Không. Ông Mộc bị trẹo tay phải bó cánh tay treo lên cổ từ ngày hôm qua, lúc lùa cọp vào vòng vây. Người bắn con cọp thọt này là ông Rộc. Ngoài ông Rộc, không ai dám bắn nó đâu.
- Thế ông Rộc đâu?
- Cũng ở lại đó với ông Mộc.
- Hai ông ở đó tới bao giờ về?
- Bao giờ người nhà thằng bé bị cọp vồ tới nhận xác nó đem về làm ma.
Thấy băn khoăn, ông ta nói thêm:
- Không lâu đâu. Đã có thằng khỏe chân chạy đi báo tin rồi.
Dũng còm lặng im từ nãy, cất tiếng hỏi:
- Ông Rộc với ông cháu ở rừng nào hả ông? Có gần hang Khỉ Trắng không?
Ông già thợ săn nhướng cặp mày ngắn ngủn lên:
- Ô, mày cũng biết hang Khỉ Trắng sao? Giỏi đấy!... Đúng rồi, ở hang Khỉ Trắng chỉ cách chừng nửa quăng dao thôi.
Dũng còm quay lại:
- Hai đằng ấy ở nhà, tớ vào với ông Mộc đây.

Nói xong, nó co chân định chạy. Nhưng tôi nhanh hơn, tôi đã túm chặt lấy đuôi áo của nó:
- Không được, tớ đi với.
Rồi tôi quay lại:
- Loan ở nhà nhé. Tớ với Dũng còm đi một tí tẹo thôi.
Loan hốt hoảng kêu:
- Không! Không đâu…
Nhưng nó chưa kêu hết câu thì tôi và Dũng còm đã chạy đi. Tôi chắc Loan không dám đuổi theo vì nó vốn hiền và nhát. Vả lại, xưa nay nó quen phục tùng lệnh của tôi. Mà nếu có định chạy theo cũng không nổi vì nó béo ục ịch như con vịt bầu. Quả nhiên, tới đoạn đường rẽ, tôi quay lại đã thấy cô nàng ngoan ngoãn leo cầu thang trở lại sàn.
Phần tôi và Dũng, không còn cảm thấy đói khát gì nữa, chúng tôi chạy như bay, mặc gai các bụi cây dọc đường cào cấu, mặc những cú vấp ngã đau điếng và những túm lá ban ướt cọ vào ngứa đến phỏng tay. Dũng còm quả là cừ khôi. Nó thuộc đường như đã ở đây hàng chục năm rồi. Tôi cứ nhắm theo nó mà chạy hơi thở phì ra hai lỗ tai mới theo kịp.
- Bê! Cháu Bê!... Dừng lại!...
Tiếng kêu ông già Mộc vang lên cùng với tiếng gió ù ù trong óc. Tôi vẫn cứ còn chạy theo quán tính mươi bước nữa mới dừng lại được.
- Cháu Bê, cả cháu Dũng nữa!... Ai bảo các cháu đến đây?...
Ông già Mộc từ trong rừng cây bước ra, giơ tay đón chúng tôi và sốt sắng hỏi.
- Không… Không có ai bảo cả… tự chúng cháu đi tìm ông …
Tôi nép vào ông già, hổn hển đáp. Chúng tôi đã được gặp ông, sau bao nhiêu khắc khoải lo âu. Ông Mộc kéo cả tôi lẫn Dũng còm vào lòng, mặc dầu ông chỉ còn cử động được cánh tay phải. Cánh tay trái, đúng như ông già thợ săn về trước đã nói, nẹp chặt bằng một thanh tre treo trước ngực.
- Ông bị trẹo hả ông? Ông có đau lắm không? – tôi hỏi.
- Không – Ông già Mộc lắc đầu – Trẹo là chuyện thường. Chỉ vài nắm lá là xong thôi.
Lúc đó ông già Rộc thủng thỉnh bước tới. Đó là một người cao lớn, hơi gầy. tưởng như ông được kết bằng những đám rễ cây xoắn chặt lấy nhau. Gương mặt ông đều đặn nhưng hốc hác. Đôi mắt sáng quắc, hơi dữ, nhưng lại pha lẫn vẻ ngơ ngác và nỗi buồn. Ông Rộc nắm tay Dũng còm lắc lắc. Hai người đã quen nhau từ trước nên rủ rỉ chuyện trò.
Ông Mộc kiếm một khúc gỗ cho tôi ngồi. Tôi bỗng ngửi thấy mùi tanh đâu đó bay tới. Tôi xực nhớ hai ông già canh xác một người bị cọp thọt vồ chết, chờ gia đình người đó tới mang về. Tôi bỗng rùng mình. Tôi hỏi:
- Xác người chết có gần đây không ông?
Ông già đáp:
- Gần. Nhưng cháu đừng nghĩ tới nữa.
Tôi hỏi:
- Sao anh ta lạ bị hổ vồ hả ông? Anh ta có phải thợ phường săn không?
- Không – ông lắc đầu – thằng bé đó đi vào rừng gỡ mấy đõ ong đã đánh dấu. Rủi cho nó gặp lúc mình vây con cọp. Ông bảo nó ra khỏi vòng về nhà nhưng nó không nghe. Nó ham xem nên đòi mọi người cho ông ờ lại. Tới lúc con cọp lọt vòng rồi, tất cả đều trèo lên cây. Ông là người vững dạ nhất thì đã trẹo tay rồi nên không ai dám bắn. Con cọp này là con cọp đã thành tinh, nó dạn người, ăn người như ăn con bò, con lợn. Nghe tiếng thanh la, tiếng mõ dồn, nó chạy. Nhưng tới khi nhìn thấy người, nó liền dừng lại, cứ đi quanh quẩn dưới gốc cây. Tất cả mọi người đều đeo súng, nhưng không ai dám bắn vì tay phải ôm cây cho chắc, lỡ mà tuột tay rơi xuống gốc thì làm mồi cho cọp ngay. Cứ như vậy, người nhìn cọp, cọp rình người từ giữa buổi sáng cho tới non trưa, thằng bé đi gỡ đõ ong sợ quá, không chịu nổi nữa. Khi con cọp há mồm gầm lên một tiếng thì nó tuột tay ôm, ngã xuống gốc cây ngất xỉu. Con cọp thọt liền nhảy tới vồ trúng bụng kẻ xấu số. Lúc đó, may mắn sao, cậu trai trong phường trẻo ở ngọn cây xa nhất tụt xuống, luồn ra phía sau núi, về bản gọi ông già Rộc. Con cọp đang ăn mồi nên không chú ý nữa, anh ta đi thoát.
- Cháu có gặp anh ta đi qua bản, hú gọi ông già Rộc. – tôi nói.
- Ừ - ông già Mộc đáp lời – không có ông Rộc còn gay go lắm. Cậu ấy thông minh thât. Phi ông Rộc, không ai bắn được con hổ thọt trong tình thế ấy.

Tôi nhìn ông Rộc. Con người đáng kính nể ấy vẫn chống cằm, tư lự nhìn đâu đó, như không hề nghe tới câu chuyện về mình.
- Ông Rộc bắn ra sao hả ông? – tôi hỏi.
- Mắt đối mắt, mặt chọi mặt – ông già Mộc kể tiếp – Bắn như thế là kiểu bắn độ. Người thợ săn chỉ có hai con đường: hoặc là bắn trúng con thú dữ hoặc là phải chết. Con cọp thọt đứng trong tư thế bình thường bởi nó vừa ăn thịt người. Lưỡi nó thè ra liếm mép đỏ hỏn. Ông Rộc giương súng nhằm thẳng đi ngược lên. Con cọp nhìn ông. Ông cũng nhìn con cọp chằm chằm. Cứ như thế, khoảng cách giữa ông Rộc và con cọp dữ thu ngắn dần lại. Tới đúng lúc con cọp quật đuôi xuống chẩn bị nhả thì ông nổ súng. Thông thường, hễ quật đuôi sang trái thì cọp sẽ nhảy sang bên phải. Điều này người thợ săn nào mới nhập phường cũng biết. Cốt yếu là phải bắn trúng ngay, không được chệch đường ngắm, không được hóc hay thối đạn. Lúc ngồi trên cây, ông chỉ lo mỗi hai điều thôi.
Ông già ngừng lại, đưa tay giụi mắt. Hai ngày đêm căng thẳng thần kinh, hẳn ông cũng mệt mỏi. Tôi không dám hỏi nhưng ông kể tiếp:
- May cho ông, may cho dân bản là ông Rộc bắn trúng ngay từ viên đạn thứ nhất. Đạn xuyên giữa trán con vật. Nó nhảy vọt lê, cao hơn đầu người chừng một thước, rồi rơi xuống. Trước khi chết, nó vật vã ba bốn lần. Cháu đã nhìn thấy anh em phường săn đem xác nó về bản chưa?
- Cháu nhìn thấy rồi ông ạ. Nhưng chán lắm, nó vừa thối vừa bẩn thỉu. Cháu không muốn nhìn lâu.
Ông già cười, xoa đầu tôi.
Tôi đã thấy đói bụng, định nhắc ông về. Nhưng giữa lúc đó, từ trong cánh rừng chạy ra một người đàn ông. Ông ta chạy ra đột ngột khiến tôi giật mình, phải ôm chặt lấy ông già Mộc. Sau khi định thần nhìn rõ bộ mặt ông ta, tôi bủn rủn chân tay, không nói được nữa. Vì bộ mặt ông ta là bộ mặt người hủi. Một bộ mặt sưng phồng như mặt sư tử, đôi tai lở loét. Hai bàn tay co quắp, có nhiều ngón đã rụng đốt. Ông ta biết sự ghê sợ của tôi và Dũng còm, nên không tiến đến gần. Đôi chân đi giày vải rách xơ dừng lại cách nơi chúng tôi ngồi chừng hai mươi bước chân.
- Các ông cho tôi cáci thây người kia nhé… - Ông ta cất tiếng nói, giọng khàn khàn.
Ông già Mộc và ông Rộc vẫn điềm tĩnh ngồi, đưa mắt nhìn người hủi. Còn hai chúng tôi thì bíu chặt ông như hai trái bắp non dính chặt vào thân cây. Con người khốn khổ kia tiếp tục nói:
- Hai ông làm gì cái thây chết đó. Cho tôi. Nó sẽ cứu cho tôi được làm người. Tôi ở trong núi này mấy chục năm nay khổ hơn con khỉ trên cây, con rắn con rết trong hang…
Ông ta dừng lại như nghẹn họng vì tủi nhục. Rồi ông ta nuốt nước bọt một cách khó khăn và chỉ lên cây bằng những ngón tay cụt gớm ghiếc:
- Các ông xem: con khỉ trên cành có tay chân leo trèo hái quả. Con rắn con rết cũng biết bò, biết trườn… Trời cho tôi làm con người mà bắt tôi không được sống kiếp người. Đã bao nhiêu lần tôi bứt lá ngón về ăn mà trời bắt tội, không cho tôi cái gan to, không cho tôi cái tài nuốt lá độc… Tôi xin hai ông thây ma kia… Nó sẽ cứu tôi làm kiếp người!
Nói xong, người hủi giơ tay chỉ về phía sau, nơi xác kẻ xấu số bị hổ ăn đang bốc mùi máu tanh lợm. tôi không dám nhìn nơi ông ta chỉ, tôi cũng không dám nhìn bộ mặt sư tử sưng phồng lở loét, tôi quay đi. Ông già Mộc im lặng. Ông già Rộc gác cây súng vào vai, chậm rãi đáp:
- Thằng đó người bản bên kia. Phải chờ người nhà nó tới mới xin được.
Người hủi cất tiếng van thảm thiết:
- Tôi xin chôn cất tử tế cho nó khi tôi xong việc rồi. Đằng nào nó cũng trở thành ma. Còn tôi, tôi xin hai ông cho tôi được sống kiếp con người. Đừng bắt tôi sống kiếp sống sâu bọ trong hang núi, tôi đến ăn lá ngón, ăn quả độc để chui vào mồ thôi…
Giọng ông ta rồ lên như khóc.
Hai ông già đưa mắt nhìn nhau. Rồi ông già Mộc đáp lời:
- Thôi được, làm đi. Xong rồi phải chôn cất cho tử tế. Mày biết rằng mày đã mó tới xác người là không ai làm ma được cho nó nữa đâu.
Người hủi cúi rạp đầu:
- Thưa ông, tôi biết ạ, tôi biết ạ…
Nói xong, anh ta biến mất. Tôi nghe tiếng chân bước xa dần, rồi tiếng chân chạy huỳnh huỵch tại chỗ, như người chạy vòng quanh một gốc cây. Tôi và Dũng còm giỏng tai lên nghe nhưng

không biết đầu đuôi ra sao cả.
Ông già Rộc lúc đó bảo:
- Ông đưa hai đứa bé về bản đi. Mặt chúng nó tái xanh như chàm kìa. Tôi sẽ ngồi đây chờ người nhà thằng bé xấu số kia tới.
- Ông nói rằng…
Ông già Mộc ngập ngừng. Nhưng ông Rộcđã gật đầu cắt ngang:
- Tôi biết mà. Ông cứ yên tâm… Ông về trước đi.
Nói xong, ông rút thuốc trong túi châm lửa hút. Trong khi đó, tiếng chân chạy huỳnh huỵch kia vẫn vang lên không nghỉ trong rừng, nghe như chỉ cách nơi ông ngồi dăm bảy chục bước chân.
Dọc đường, ông già Mộc và hai chúng tôi đều im lặng. Chúng tôi bước hối hả để về bản cho mau. Ở bản, người ta xẻ thịt con cọp. chia cho mọi nhà. Tấm da lột, bộ xương và những chiếc vuốt cọp còn để cả ở trước sàn nhà chúng tôi. Những vệt máu dây trên gỗ thâm đen.
Loan bưng ra một rổ thịt, nói là phần chia của phường. Mùi thịt tanh lạ lùng. Tôi nói với ông già Mộc:
- Đừng ăn ông ạ. Cháu sợ lắm.
Ông gật đầu:
- Ờ, để cả cho ông Rộc. Cả tấm da nữa. Ta chỉ lấy mấy cái vuốt cho các cháu đeo. Bộ xương đem nấu lên chia cho mỗi nhà một vài lạng.
Chúng tôi ra máng nước rửa mặt, rửa chân tay. Ông Mộc vợi nước nóng trong thùng ra tắm gội. Trước khi tắm, ông bỏ vào nước một nắm lá khô. Chỉ lúc sau, nắm lá nở bồng, tỏa mùi thơm nồng nồng, hăng hăng như mùi cây hương nhu dưới xuôi, rất dễ chịu. Tắm xong, ông cất tiếng hú gọi bà Kín. Bà cởi cánh tay treo nẹp tạm bằng tre rồi trộn các thứ lá với cao đen nhánh như hạt na bó cho ông. Tay ông bây giờ chỉ quấn một lớp vải bọc dày, vẫn cử động nhẹ nhàng được.
- Ông đừng làm việc nặng nhé. Ba ngày là khỏi thôi.
Bà nói rồi cầm túi thuốc, tất tưởi ra cầu thang.
Ông Mộc hỏi với theo:
- Lúc anh em trong phường thịt con cọp, bà có ở đấy chứ?
- Có – bà Kín trả lời.
- Bà có thấy họ đốt râu nó đi không?
- Có. Đốt râu trước, mổ thịt sau.
Bà đáp lời rồi xuống thang nhanh thoăn thoắt.
Ông già Mộc gật đầu:
- Như thế là tốt rồi.
Ông nói riêng mình ông nghe. Rồi ông vào bếp, ngồi ăn xôi với chúng tôi. Lúc đó, trời đã trưa.
Chúng tôi đang ăn dở bữa thì ông Rộc bước lên sàn. Ông có vẻ mệt, nét mặt phờ phạc. Ông dựng cây súng vào vách sàn, lẳng lặng lấy chiếc thau đồng ra máng nước.
Ông Mộc bỏ dở bát xôi, tự tay lấy nước nóng trong thùng và lá thơm bỏ vào thau cho bạn. Ông Rộc rửa mặt, bỏ mũ lau mái tóc đốm bạc rồi mới rửa sạch chân tay. Xong ông thong thả vào ngồi bên cạnh Dũng còm.
- Chúng cháu mời ông ăn xôi ạ.
Tội nói trước, Dũng và Loan nói sau.
- Ờ, cứ ăn đi thôi.
Ông Rộc đáp lời. Gương mặt ông không linh hoạt như gương mặt ông già Mộc. Nó trầm mặc, u uẩn.
Ông Mộc mở tủ lấy cao hổ, cắt ra hai lát, bỏ vào hai chiếc chén sứ hơ lên than cho nóng chảy rồi rót rượu trong chiếc hũ nhỏ vẫn để dành vào chén. Mùi rượu thơm lừng, nóng sực. Mới ngửi đã thấy say say như ăn nhiều rượu nếp ngày mồng năm tháng năm.
Ông già Mộc đưa chén rượu cho khách, nói:
- Uống để mừng ông. Nỗi đau không làm nhụt cái chí. Nỗi buồn không kéo chùng sợi gân tay người đi săn. Từ hôm nay trở đi, ngọn súng lại quay về rừng. Con cọp, con heo chết cho yên bụng người dân bản.
Ông Rộc không nói gì. Ông nâng chén rượu ngang mặt mình, ngửa cổ uống một hơi.
Chén thứ nhất nhấp giọng để nói với nhau điều hay. Chén thứ hai mới làm nóng cái bụng.
Ông già Mộc vừa nói vừa rót cho mỗi người một chén rượu nữa. Uống xong, họ ăn xôi với thịt

nướng. Loan nấu thêm một bát canh tai chua với mấy con cá trê đầu to bằng bao diêm, thân dài nhỏ tí teo chúng tôi bắt được trong hốc suốt từ mấy hôm trước. Canh có nhiều lá thơm và ớt nên hai ông già húp xùm xụp, khen ngon.
- Ông ở với mấy đứa cháu, vui quá thôi – Ông Rộc nói.
- Ờ, mấy đứa cháu ngoan lắm. Mặt chúng nó sáng như sao mà – Ông Mộc gật đầu rồi hỏi – Người nhà thằng bé bị cọp vồ có nói gì không?
Ông Rộc đáp:
- Tôi bảo con cọp ăn hết xác rồi. Làm cái lễ ở cửa rừng cho nó thôi.
- Còn đứa hủi kia?
- Nó vác nửa cái xác thằng bé, dốc ngược lên cho máu chảy thấm xuống áo quần, xuống người. Nó tin rằng con trùng hủi sẽ ăn máu người chết, không ăn thịt da nó nữa… Ông có biết nó sống ở đâu không?
Ông già Mộc nói:
- Hồi nó ở rừng trám đen, tôi biết. Sau dân bản đuổi chạy đi. Nhưng nó có đứa em họ vẫn thường đem đồ ăn, thức dùng vào cửa rừng cho.
Ông Rộc gật đầu:
- Tôi biết thằng đó. Nó thương anh nhưng xấu hổ không dám nhận. Cứ một tuần trăng một lần, nó đem gạo, muối, dầu thắp đèn và đồ vật vào bỏ trong núi… Ông có biết thằng anh nó ở đâu không? Nó ở cái hang dơi phía sau hang Khỉ Trắng. Hang Khỉ Trắng rộng lại đẹp nên người dân bản đi làm nương thường ghé vào nghỉ. Thằng hủi sợ, bỏ lên hang dơi phía sau. Cái hang đó hẹp, tối, lại đầy phân dơi… Ôi chao, ở đó không chết cũng là tài…
- Ông ơi, người hủi đó không có bố mẹ, anh em ruột sao?
Ông Rộc đáp:
- Hồi ông còn nhỏ, gia đình nó giàu lắm. Lúc đó nó mới một hai tuổi thôi. Bò đàn nhà nó có vài ba trăm con. Lợn kín dưới sàn. Rồi năm hai mươi tuổi, nó bỗng phát bệnh. Bố mẹ thương đứa con một, bao nhiêu thầy thuốc cũng rước về chữa. Nhưng bệnh càng ngày càng nặng khiến dân bản hoảng sợ. Nhà nó tốn không biết bao nhiêu bạc trắng với đồ cúng cho phìa, tạo để khỏi bị đuổi vào rừng. Bố nó nhờ người mua từng xe ngựa thuốc lào dưới xuôi đem lên rải cho con nằm. Rồi có người mách cách chữa bằng bò sống. Con bò sống, mổ bụng ra, rút hết ruột, nhét người bệnh vào trong, khâu lại, chỉ thò đầu ra ngoài để thở, để ăn uống. Con trùng hủi ra sẽ ăn thịt bò, không đục khoét thịt da người bệnh nữa. Cứ làm hết một trăm con bò sẽ lành. Bố mẹ thằng bé giết cả đàn bò gần ba trăm con mà nó vẫn không khỏi bệnh. Các ngón chân nó bắt đầu rụng từng đốt. Người bản sợ, không cho ở trong bản nữa. Gia đình nó phải rừng. Bố mẹ thằng bé ăn lá ngón chết. Còn nó sống lay lắt tới tận ngày nay… Ồ, nó tới gần bốn chục tuổi rồi đấy, ông Mộc nhỉ?
- Ờ, cũng khoảng đấy – ông già Mộc gật đầu.
Chúng tôi đã buông đũa buông bát từ lâu. Tôi nói với hai ông già:
- Dân bản đuổi người hủi vào rừng là sai. Họ đáng thương. Họ không có tội.
- Biết vậy, nhưng ai cũng sợ lây bệnh. Lúc ở trong rừng, cháu có dám nhìn vào mặt nó đâu – ông già Mộc bảo tôi.
- Vâng. Nhìn người bệnh, ta vẫn sợ. Nhưngbvệnh của họ chữa được. Nhà nước mình có nhiều traitập trung những người mắc bệnh hủi. Ở trại, họlành bệnh, lấy vợ lấy chồng, cũng sinh con, cũng trồng vườn hái quả và câu được cá tôm… Ông chưa đọc báo nói về chuyện ấy nên ông không biết thôi.
Hai ông già nhìn tôi bằng cặp mắt hồ nghi. Tôi quả quyết nói:
- Cháu xin thề với hai ông là cháu nói thật. Các ông cứ bảo trưởng bản, bảo xã làm công văn gửi lên Ty y tế tỉnh, họ khắc cử cán bộ xuống đưa những người hủi vào trại.
Ông Rộc chậm rãi nói:
- Nếu vậy thì tốt lành quá. Ở quả núi bên kia cũng có hai vợ chồng người hủi. Cả xã có tới bốn, năm người. Rồi cả huyện nữa. Họ ở trong rừng nhưng họ cũng ăn nước suối, rửa nước suối. Họ ở đầu nguồn, dân bản ở cuối nguồn, lây bệnh lúc nào không biết được. Cháu nói điều hay, lẽ phải đấy. Chiều nay, ta qua trưởng bản bàn xem…
Ông Rộc quả là một con người hành động. Ngay chiều hôm đó, ông kéo ông Mộc tới nhà trưởng bản bàn việc luôn. Cán bộ xã và huyện nhiều việc, nhưng cũng đang lúng túng về vấn đề này. Cứ

thình thoảng lại có một đoàn dân bản tới đòi đuổi những người nghi mắc bệnh vào rừng. Rồi những vụ đốt nhà người mắc bệnh, những trận xô xát tàn nhẫn xảy ra. Xã làm công văn gửi lên Ty y tế tỉnh.Khoảng vài tuần lễ sau đã có công văn phúc đáp. Nhưng phải ba tháng nữa, khi Tết Nguyên Đán đã qua, khi tôi và Loan ở trên đồn biên phòng Khậu Phai, mới có cán bộ y tế của tỉnh về các xã trong huyện, đưa những người mắc bệnh tới trại tập trung. Dẫu sao, đó cũng là một kỷ niệm đẹp của chúng tôi với bản Muốn. Cũng như việc ông già Mộc xây dựng chuồng nuôi bò tách biệt khỏi nhà ở của người.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 17

ĐƯỜNG LÊN BIÊN GIỚI VỚI CUỘC GẶP GỠ BẤT NGỜ

Gia đình gồm bốn người chúng tôi sống thật vui vẻ. Ông già Mộc coi chúng tôi như những đứa con. Chúng tôi thương yêu và quý trọng ông như người cha mình. Dũng còm là đứa thoải mái nhất trong cuộc sống ở bản Muốn. Từ khi ông Rộc trở lại nghề săn, nó theo riết ông ngày đêm. Lúc nó ở nhà, lúc nó qua bên kia núi thăm ông Rộc, thoăn thoắt như con thoi. Hình ảnh cai Cân, ông bố tồi tệ, hẳn đã phai mờ trong tâm hồn chú bé. Nó hòa nhập với cuộc sống nơi đây một cách lạ lùng, từ cách ăn mặc tới cách nhìn, điệu đi dáng đứng. Bây giờ khó ai có thể phân biệt nó với những đứa bé chính gốc ở bản này. Cả hai ông già đều quý Dũng. Nó đi săn say mê như một thợ săn phường chính thức. Nó đi củi, làm nương cũng giỏi hơn bất cứ đứa trẻ nào trong bản. Đầu óc tinh khôn, tay chân khéo léo nên nó làm con nước, làm cối giã gạo,làm máng dẫn nước rất đẹp. Ông già Mộc mua một con ngựa hồng hai tuổi. Từ đấy đi đâu, hai ông cháu thường cưỡi ngựa, trông oai phong lẫm liệt, không kém gì những viên tướng trong Tam Quốc Chí. Loan hạt mít cũng đã quen với cảnh sống êm ấm, bình lặng này. Tuy nhiên, nó vốn thụ động. Hễ tôi bảo gì, nó sẽ nghe theo như vậy. Còn tôi, dù biết ơn ông già Mộc và thương yêu ông thật sự, tôi vẫn không quên mục tiêu chuyến đi dài. Tôi vẫn nhớ bố tôi và nghĩ rằng nếu tôi có mặt trên cái đồn tiền tiêu phía bắc đó, hẳn bố tôi sẽ vui sướng vô cùng.
Một buổi tối trời lạnh buốt vì đã hoàn toàn sang tiết đông, tôi nói với ông già Mộc:
- Ông ơi, cháu muốn lên Khậu Phai thăm bố cháu. Bao giờ thì ông cho cháu đi?
- Ông biết cái bụng cháu rồi – ông già gật đầu, nhưng mắt ông lại buồn buồn nhìn ngọn lửa – Thư của đứa cháu ông từ Nường Le vừa tới bản tuần trước. Nó hẹn về ăn Tết. Ăn Tết xong, nó sẽ đưa cháu theo.
Tôi khẽ đáp:
- Cháu cảm ơn ông.
Tôi biết ông sẽ rất nhớ, rất buồn khi chúng tôi rời bản Muốn ra đi. Lại căn nhà sàn mênh mông với bóng ông đơn độc lúc ra lúc vào và ngọn lửa chập chờn trong bếp lửa. Nhưng tôi không thể ở lại đây với ông mãi mãi. Tôi phải đi.
Tôi nói:
- Cháu sẽ không bao giờ quên ông. Sau này khôn lớn, cháu sẽ lại tìm về bản Muốn thăm ông.
Ông già Mộc gật đầu:
- Ông biết cháu là đứa trẻ ngoan. Một đứa con hiếu thảo sẽ là kẻ thủy chung với mọi người.
Tôi nhìn ông:
- Cháu còn được ở đây với ông gần hai tháng nữa.
Ông già gật đầu:
- Ờ, ông sẽ cho cháu đi chơi khắp các dãy núi quanh thung lũng ở bản Muốn. Ông sẽ cho cháu xem hết các con suối ngắn suối dài ở vùng này…
Ông già đã giữ lời hứa. Cứ lần lượt, mỗi tuần một lần, ông cho tôi và Loan cưỡi ngựa đi chơi núi, từ ngọn núi phía đông cho tới ngọn núi phía tây. Bên trong dãy núi dài, nó những thác nước nhỏ, đẹp không kém những thác nước chúng tôi thường nhìn thấy trong bưu ảnh. Ông hái cho chúng tôi những trái vả chín mõm, bên trong mật đọng như thạch. Ông giảng cho chúng tôi biết cách tìm hướng đi trong rừng ban đêm và ban ngày, cách phân biệt những trái cây độc với trái cây lành ăn được. Ông chỉ cho tôi những loài hoa rực rỡ và những cây nấm nâu trông đẹp mắt nhưng đụng tới là bỏng rộp da tay, mù mắt, hoặc nấu ăn sẽ ngộ độc. Trời mùa đông, vùng

núi, ngày ngắn tẻo teo. Chẳng trách người ta vẫn bảo: Tháng mười chưa cười đã tối. Một tuần trăng qua nhanh như con ngựa hồn đi ngang thung lũng. Chả mấy chốc nọi nhà đã rậm rịch đón Tết Nguyên Đán. Trên này, ít ai cúng ông Táo. Nhưng từ mười rằm, hai mươi trở đi, người bản đã đi vào núi hái lá dong kĩu kịt gánh về. Bản Muốn ở xa đường quốc lộ nên không ai hái lá dong bán. Những bản gần đường, người ta kiếm được bạc trăm bạc nghìn mỗi dịp chuẩn bị Tết như thế này. Hồi ở vùng xuôi, tôi đã từng thấy những toa tàu xanh ngát lá dong chạy về Hà Nội. Ở gia đình chúng tôi, Dũng còm hái một gánh lá dong lớn. Hôm sau, nó lại hái một gánh nhỏ hơn cho ông Rộc. Nó biết gói bánh đòn theo kiểu người trong bản, nó cũng lại biết gói bánh vuông như ở dưới quê. Ông Mộc bảo Dũng ngày hai mươi bảy gói bánh cho nhà, còn hai mươi tám sang gói bánh cho ông Rộc. Chúng tôi chỉ có nhiệm vụ mang lá ra suối rửa, kỳ cọ từng lá lật hết mặt này tới mặt kia, không được để cho giập nát. Lá càng sạch bánh càng lâu thiu. Rửa lá xong phải về đồ xôi, rang bỏng rồi quết bánh dày. Việc thịt lợn đã có ông già rậm râu người trong bản lo. Ông ra gần như thợ làm thịt lợn cho dân bản. Nhà nào thịt lợn cũng gọi ông. Chưa xong nhà này, đã tất tả sang nhà khác. Hai mươi chín tết, ông mới thịt lợn nhà. Nói là thịt vì ngày Tết, chứ sọt rơm của ông đã có tới dăm sáu chục cân rồi. Nhà nào cũng biếu ba bốn cân, gọi là để đền ơn ông làm giúp. Cả bản dồn lại, số thịt ấy bằng ngả một con lợn tạ. Ở vùng núi, không như phố xá. Ngày Tết, trong bản vẫn cứ giống ngày thường. Không có các cửa hiệu chăng đèn dây chăng vải đỏ quảng cáo hàng, không có người qua kẻ lại đông đúc. Họa chăng, chỉ có tiếng pháo nổ đì đùng ở từng nhà là gợi nhớ tới cảnh lũ trẻ trong phố đốt pháo chơi. Ngược lại, ở các bản, nhà nào cũng trồng nêu, có treo đủ các thứ khánh và các hình thú vật cắt giấy. Dưới chân nêu vẽ vạch vôi trắng hình tròn. Gió đánh những chiếc khánh đồng, khánh bạc treo lanh canh. Ngày Tết Nguyên Đán, nhưng mọi nhà trong bản đều treo cờ. Ngoài ra, không có gì hơn. Hoạt động ngày Tết dồn tụ quanh bếp lửa. Người ta giã giò, gói bánh, rang bỏng, ngào mật, làm chè lam ngũ vị… đều ở bếp. Những chảo gang, chảo đồng ngào ngạt mùi thơm. Người bản Muốn chỉ giỏi làm bỏng. Bỏng họ làm cầu kỳ hơn dưới xuôi. Thoạt tiên, phải hông gạo nếp lên cho vừa chín. Xôi chín, tãi ra các nong phơi và sấy than cho khô. Từng hạt xôi ép dẹt lại, trong suốt. Lúc đó bỏ vào chảo rang. Chảo gang lớn, than bên dưới phải tải đều, đủ độ nóng cho những hạt xôi khô nở dậy từ từ tới hết cỡ. Rang bỏng xong, thắng đường ngào và ép thành khuôn. Làm bỏng kiểu này, bánh bỏng kết khuôn rất chắc, ăn vừa ngọt, vừa dẻo, không nở bồm bộp như cách làm bỏng dưới xuôi. Chè lam và ngũ vị thì cả bản phải nhờ vào tay ông già Mộc.

Hai món này vốn do ông đưa từ dưới quê lên và dạy cho mọi người. Chè lam ông làm đầy đủ vị gừng, thảo quả, vừa ngọt, vừa béo lại dai như cao su. Cầm miếng chè lam thật rắn, nhưng cắn lại dẻo. Để trong thúng phủ bột, hàng tháng không khô, không chảy. Ngũ vị ông làm cũng ngon hơn bất cứ hàng ngũ vị nào thường bán ở các chợ vùng xuôi ngày Tết. Tôi và Loan chỉ lo chạy lăng xăng, làm những việc ông sai vặt cũng đủ thở ra đằng tai. Hóa ra, lo một cái Tết cũng mệt thật. hàng trăm thứ việc không tên cứ đẻ ra ùn ùn chỉ quanh chuyện làm đồ ăn, thức uống. Nhưng đó cũng là những giây phút vui nhất của một năm. Khi tất cả mọi việc đã xong, ông Mộc bưng mâm cơm đặt lên bàn thờ tổ. Rồi ông quay ra bếp bảo chúng tôi vợi nước nóng trong thúng tắm tất niên. Ông tắm gội, thay quần áo rồi lên thắp hương, khấn vái trước bàn thờ rất lâu. Dưới ánh đèn ba dầu và ánh nến chập chờn, trông ông già nua hiền lành và xa lạ với ông ngày thường. Nét mặt ông nghiêm trang quá khiến chúng tôi cũng hồi hộp theo. Tưởng chừng trong đám đèn nến lung linh kia, có những người khác biệt với chung ta, từ cõi mông lung nào đó trở về. Và ông già Mộc đang thầm thì trò chuyện với họ.

Tôi bỗng nhớ, hồi tôi còn bé tí teo, có lần ông tôi nói rằng: “Ta có thể nhìn thấy những người ầm (những người đã chết). Có thể nghe thấy cả tiếng nói của họ, nếu ta được gối đầu lên một chiếc gối làm bằng lông quạ. Không phải lông quạ người đi săn bắt được, mà là lông những con quạ già, chết âm thầm trong góc núi, dưới vực sâu hoặc ở góc bãi tha ma hoang vắng nào đó…” Lúc ấy, tôi ước chi có được chiếc gối lông quạ thần kỳ. Có nó, chắc tôi sẽ thấy được gương mặt người vợ và hai cô con gái xinh đẹp của ông Mộc. Tôi sẽ nghe tiếng chuyện trò thầm thì của họ với ông. Hẳn họ than phiền rằng từ khi bị giặc giết, họ nhớ bản, nhớ ông suốt đêm ngày, rằng dưới đất không có lửa sưởi nên rất lạnh, rằng họ muốn ông luôn luôn nhớ tới họ và khẩn cầu sức mạnh linh thiêng nào đó cho họ được trở về…

Tiếng pháo nổ từng hồi làm cơn mơ màng của tôi bị cắt đứt. Ông Mộc đã vái hạ mâm, bảo

chúng tôi:
- Nào các cháu, ta ăn bữa cơm giao thừa để đón năm mới. Năm nay, ông chúc các cháu mạnh khỏe, không cơn gió độc nào vật ngã, không con thú độc nào làm sây sát chân tay. Ai cũng vui, ai cũng đẹp như manh áo mới vậy.
Bữa cơm bắt đầu sau những lời chúc mừng của ông. Chúng tôi lúng túng vì lần đầu tiên trong đời, chúng tôi nhận những lời chúc mừng trịnh trọng đến thế.
Tôi nâng chén rượu lên, thay mặt cả ba đứa, chúc ông:
- Cháu chúc ông một mùa xuân mới, đẹp như hoa mận trên núi, trong như nước suối qua rừng ổi. Chân tay ông cứng hơn đá lèn, dẻo hơn rễ cây. Tất cả chúng cháu đều luôn luôn thương và nhơ ông như người ông ruột thịt của mình.
Nói xong, mặt tôi nóng rực lên. Tôi không ngờ tôi lại nói được những ý nghĩ của mình trơn tru như vậy. Dẫu sao, tôi cũng chỉ là đứa bé. Ông già Mộc lặng đi vì cảm động, rồi gật đầu:
- Ông biết tấm lòng của cháu. Ông biết các cháu. Các cháu sẽ khôn lớn, sẽ trở thành những con người vững vàng như ngọn núi, không giống như cây cỏ leo ven đường, gió thổi đằng đông ngả sang đông, gió thổi đằng tây lại ngả sang tây… Nào, ông cháu ta uống chén rượu mừng năm mới…
Từ nhà này qua nhà khác, khắp bản Muốn pháo nổ rền vang. Ông già của chúng tôi cạn chén rồi cầm mồi lửa châm bánh pháo treo trước cửa. Ngay tức khắc, từng tràng súng liên thanh nổ giòn giã vang rền.
Dũng còm đầy tự hào nhìn ông già Mộc:
- Ông xem, pháo nhà ta nổ giòn, nổ to nhất bản.
Ông già gật đầu:
- Ông biết, cháu giỏi lắm. Cháu sẽ là người đàn ông khá đấy.
Dũng còm sướng rơn vì lời khen đó. Chẳng là Dũng đã nhồi pháo giỏi hơn cả đám trai bản, mặc dù chính lũ trai bản truyền nghề cho cậu ta.
Dũng còm còn chứng tỏ là người đàn ông thực thụ. Khi ăn cơm xong, nó xuống thang cửa sau, lấy lên một cây đuốc dài quết nhựa trám.
- Ông à, ông cháu ta đã ăn xong bữa cơm đầu năm. Giờ cháu sang thăm ông Rộc kẻo ông Rộc buồn.
Ông già Mộc gật đầu:
- Cháu nghĩ thế là trúng bụng ông. Không nghĩ được điều đó, cháu là kẻ lạ. Nghĩ được điều đó, cháu đúng là cháu ông già Mộc này.
Nói xong, ông đưa Dũng còm ra cửa, tự tay châm đuốc cho nó. Trời đêm mịt mùng thăm thẳm. Chỉ có ngọn đuốc của Dũng còm là điểm sáng duy nhất giữa màn đen mênh mông. Chúng tôi đứng nhìn theo ngọn lửa lay động giữa thung sâu, hắt lờ mờ lên những bóng dáng chập chùng của rừng núi. Cho tới khi đốm lửa nhỏ mất hút, ba ông cháu mới quay vào.
Ông già Mộc bảo chúng tôi đi ngủ. Ông không buồn ngủ, ông sẽ ngồi canh nồi bánh mật. Bánh chưng, bánh đòn đã vớt ra rồi, ông còn gói thêm bánh mật. Tôi hỏi vì sao đã có bánh dày với bỏng, chè lam, ngũ vị, ông còn gói thêm bánh mật cho lãng phí. Ông chỉ cười:
- Khắc có việc cần, cháu à.
Bây giờ, ông ngồi canh nồi bánh sôi lục ục. Còn chúng tôi chui vào trong chăn. Trời càng về khuya càng rét. Loan ngủ ngay. Riêng tôi, tôi thao thức vì chưa thấy người cháu của ông Mộc về. Ban ngày tôi cố gắng không hỏi chuyện đó để ông Mộc khỏi buồn. Tôi sợ ông nghĩ rằng tôi muốn mau mau từ biệt ông. Tuy nhiên, tối đến, khi chui vào trong chăn, tôi lại nóng ruột vì mong ngày được ra đi. Càng gần Tết, nỗi mong càng da diết. Càng gần Tết, tôi càng nhớ bố tôi. Tất nhiê, tôi nhớ cả mẹ nữa. Người mẹ tôi ở dưới phố, mẹ sẽ không buồn như bố tôi ở trên vùng núi cao. Những ngày tháng sống ở nơi đây đã khiến tôi hình dung được lờ mờ cuộc sống của những người lính biên phòng.
Cũng rừng, cũng núi, cũng các bản như ở đây – tôi nghĩ. Nhưng không đẹp, không vui bằng đây vì vùng núi ở đó hiểm trở lắm. Mà còn khổ vì thiếu nước. Anh chiến sĩ đồn Nường Le cháu ông già Mộc đã chẳng viết rằng phải khiêng nước từ dưới vực lên đỉnh núi cao, chia từng ca, vừa đánh răng vừa rửa mặt đó hay sao? Rồi ở đó,làm gì có bếp lửa ấm áp suốt năm như nơi đây, làm gì có những chiếc chảo gang, chảo đồng bốc lên mùi thơm ngào ngạt của bỏng nén, chè lam ngũ vị. Nhiều lắm, anh nuôi sẽ chỉ gói cho mỗi người một hai đòn bánh, trong khi ở đây tôi

được ngủ trong nệm ấm, ăn đủ thứ ngon, từ bánh trái tới thịt nấu nấm hương, măng khô, mộc nhĩ… Cũng giò chả, cũng nem rán… Không khác gì mộtcái Tết no đủ ở vùng quê. Tôi bỗng nhớ những dịp bố về phép, mỗi lần bố ôm tôi, tôi lại đẩy ra vì áo quần bố có mùi là lạ, tay bố vàng khè khói thuốc lá… Tôi cứ bảo đó là mùi rừng…
- Ôi, tại sao mình lại vô tình và trẻ con như vậy?
Tôi ân hận mãi. Nghĩ liên miên, tôi bỗng thấy ướt lạnh nơi khóe mắt. Tôi vội vã vùi đầu vào gối, nhắm mắt lại. Nhưng giấc ngủ không tới. Tiếng pháo vẫn cứ nổ đì đẹt khắp bản. Các dãy núi bao quanh thung lũng nhại lại âm vang đó. Ngoài bếp, lửa than tí tách bắn lên. Bóng ông già Mộc vẫn ngồi nghiêm trang như pho tượng đá. Tôi bỗng dưng nhớ bố Thế, người thầy thân yêu của tôi. Rồi tôi lại nhớ tới những dãy chai lọ trong phòng thí nghiệm, những chiếc bình cổ cong, các loại kính hiển vi mà chúng tôi đã từng soi vi trùng trong nước cũng như phóng đại một cái chân ruồi. Biết bao lần, bố Thế cho tôi điều khiển nhóm chuyên hóa làm các phản ứng hóa học trong phòng thí nghiệm. Nước rau xanh biến thành màu quỳ tím, chât muối kết tủa dưới các đáy lọ, kèm theo làm khói trắng khét lẹt bay lên… Tôi hình dung hàng phượng vĩ dọc đường tới trường. Bàn tay nổi gân xanh của mẹ tôi đang đẩy que đan. Món chè đường với xôi vò là món cổ truyền mẹ luôn lấy lòng tôi mỗi lần tôi ốm:
- Ăn đi con. Ngày trước cụ ngoại chủ ăn chè đường, xôi vò quanh năm mà khỏe đến chín mươi hai tuổi mới mất…
Thị trấn thân yêu của tôi. Những đường quen, những vườn cây quen thuộc, tưng chiếc ghế, từng bụi cỏ. mảnh hồ đầy rêu quanh ngôi thành cổ. Vuông lụa bay phất phới trên cây cột trước cửa chợ… Những kỷ niệm… Những kỷ niệm chồng chất lên nhau, dồn nén xô ép. Tôi thấy tức thở. Tôi lau nước mắt, âm thầm ghìm nén những cơn nức nở trong họng. Nhưng có lẽ ông già Mộc đã nghe tiếng thút thít của tôi. Tôi thấy ông đưa tay lên cào mái tóc. Rồi ông đứng dậy khẽ thở dài. Ông đi tìm que hương mới để thắp…
Sáng hôm sau, khi tôi thức dậy, cả nhà đã ngồi đầy đủ quanh mâm cơm chờ tôi. Dũng còm vừa từ nhà ông Rộc trở về. Nó bảo với tôi rằng nó ngồi nói chuyện với ông Rộc suốt đêm, không hề ngả lưng chợp mắt một phút. Điều đó đáng kính nể thật. Tôi nghĩ bụng: "Trông còm nhom nhe vậy mà nó thực đáng là đàn ông".
Tôi rửa mặt, chải tóc xong, mọi người cầm đũa bát. Hôm nay con bé Loan bóc bánh mật vừa vớt khỏi nồi. Bánh còn nóng hổi. Ông Mộc bảo:
- Phải để se se đã, ăn nguội mới ngon.
Nhưng chúng tôi không đưa nào đợi cho nguội mà vừa ráo nước đã ăn ngay. Dẫu ăn nóng, bánh cũng rất ngon. Bánh mật giống như bánh nếp, bánh dợm dưới xuôi. Nhân đỗ xanh giã nhỏ ngào đường, có thêm dừa hoặc vừng hoặc thịt nạc tùy thích. Vỏ bằng bột nếp. Nhưng gọi là bánh mật vì vỏ nếp cũng trộn mật. Do đó, luộc phải thật kỹ và rắc ít hàn the cho giòn. Bánh mật vớt ráo nước, cứ treo lên vách nhà nơi gió lùa là để được rất lâu. Vùng núi, trời lạnh nên đường không lên men chua. Ngược lại, gió thổi se khiến vỏ bánh càng dẻo dai và bánh thêm ngọt. Cũng giống như chè đậu đãi, khi để nguội, bốc hơi đi bao giờ cũng ngọt hơn chè nóng mới múc.
Ăn xong, ông Mộc dắt cả ba chúng tôi đi chúc Tết khắp bản. Vào nhà nào cũng từng đấy thứ bánh, thứ chè bày ra. Vao nhà nào cũng phải ăn một tí nên chiều về bụng cứ ngang phè. Dũng còm nằm vật ra gjường kêu:
- Tôi nay cháu không thể ăn thêm một tí gì nữa. Đừng nấu cơm ông ạ.
Ông Mộc bảo:
- Phải nấu cơm cúng chứ. Ngày mùng một mà.
Tôi không chú ý tới mọi việc vì tôi chỉ mong ngóng cháu ông già Mộc trở về. Hễ cứ có tiếng chân bước ngoài cầu thang, tôi lại chạy tọt ra xem. Nhưng buồn thay, toàn là dân bản sang chúc Tết.
Sáng mùng hai, có bước chân rất lạ. lòng khấp khởi, tôi đã tưởng anh chiến sĩ biên phòng. Nhưng hóa ra, đó là người đàn ông thấp bé bẩn thỉu mấy tháng trước đã lạy xin ông già Mộc nấu cho ít cao ngựa bạch. Ngày Tết, ông ta vẫn mặc chiếc áo bông cũ kỹ. Cổ quấn chiếc khăn bông to, cáu ghét. Ông ta đi giày vải đã rách lòi ngón chân. Trông ông ta tiều tụy, thảm hại giữa đám dân bản áo chàm, áo trắng, áo hoa đào mới, mặt tươi tắn vì rượu Tết và men trầu. Ông ta bước vào cửa:
- Năm sớm, chúc ông ăn nên làm ra, phát tài bằng ba bốn năm ngoái.

Ông già Mộc đứng lên đáp lời:
- Không dám, xin cảm ơn ông. Mời ông vào nhà uống rượu đầu xuân.
Rồi ông quay vào bảo chúng tôi dọn mâm cơm cúng xuống:
- Đầu năm, tôi cũng chúc ông điều lành vào nhà, điều dữ đi ra, con người đỏ da, sáng bụng.
Người khách chắp hai tay, vái dài trước bàn thờ rồi quay lại:
- Xin đa tạ ông ạ… Tôi biết ơn ông nhiều…. Tôi biết ơn ông cả đời.
Người đàn ông chọn đúng dịp Tết mà tới là rất khôn ngoan. Ngày Tết, thù hằn cũ xóa bỏ, bụng dạ sáng như gương để mang điều may điều tốt về cho năm mới. dẫu là kẻ xấu xa nhất, ngày Tết đã tới nhà, vái trước bàn thờ gia tộc, đã chúc lời đầu xuân thì được coi là khách và được đối xử rất trân trọng, nhiệt thành. Ông già Mộc đãi cơm rượu ông ta hai ngày liền. Sáng mùng bốn, khi ông ta đi, ông cho không ba lạng cao ngựa bạch. Người khách cầm món tiền bị từ chối, nhét vào trong túi áo ngực, cúi xuống, miệng lắp bắp lời cảm tạ. Trông ông ta rõ là mộtkẻ hèn đang sung sướng.
Chiều mùng bốn, cháu ông già Mộc mới về.
- Chào anh, em mong mãi… Em mong anh từ trước Tết cơ.
Tôi chưa cần ông già giới thiệu tên họ, đã nắm tay anh kéo vào. Người chiến sĩ trẻ măng cũng không tỏ vẻ ngạc nhiên, rút trong túi áo phong thư:
- Em có thư của bố gửi đây này. Nó bị ướt một góc vì anh gặp cây cầu gãy phải bơi qua suối Nường Le.
Tới lúc đó, ông Mộc mới nói:
- Đây là em Bê, chú đã biết thư cho cháu biết rồi. Còn đây là anh Khiết, bộ đội đóng ở Nường Le. Em Bê có ý đợi cháu từ trong Tết. Chú biết nó mong lên biên giới gặp bố lắm rồi… Được thư của cháu đã lâu, sao giờ mới về tới bản?
Anh Khiết đặt ba lô xuống sàn:
- Mùa lũ vừa rồi gãy mấy cây cầu mà giao thông tỉnh chưa chữa được. Cháu phải bơi qua, vất vả quá. Xe lại đông, phải nằm chờ ở bến ba hôm.
Ông Mộc bảo:
- Giờ đi rửa mặt, nghỉ ngơi rồi ăn cơm đã.
Nhưng anh lắc đầu:
- Cháu được nghỉ đến mồng tám thôi. Chú cho cháu về nhà kẻo bố mẹ cháu mong. Ruột cháu nóng như lửa đốt rồi.
Tôi hỏi:
- Thế nhà anh ở đầu?
Anh chỉ:
- Ở bản khuôn, cách đây hai trái núi.
Ông Mộc gật đầu:
- Thôi được, cho mày về, cầm bánh vừa đi vừa ăn vậy. Ngày mồng tám qua đaay đón em Bê cùng đi, nhớ đấy.
Anh chiến sĩ gật đầu:
- Cháu nhớ rồi. Thủ trưởng đồn Khậu Phai cũng dặn ba bốn lời là đón em Bê lên.
Ông già Mộc buộc một chùm vừa bánh đòn, vừa bánh chưng, lại vừa bánh mật vào ba lô cho Khiết.
- Cháu đói ghê chú à.
Anh nói một cách hồn nhiên, chào chúng tôi rồi xuống cầu thang. Vừa đi anh vừa bóc bánh ăn một cách ngon lành.
Chúng tôi nhìn theo anh. Sau, Dũng còm nói:
- Bê sướng nhé, sắp được gặp bố rồi.
Tôi lặng im. Tôi đang sung sướng thật. Nhưng cùng với niềm sung sướng ấy, tôi lại băn khoăn vì những người ở lại. Loan tất nhiên sẽ đi cùng tôi. Còn Dũng còm, liệu bao giờ ông cậu nó bắt nó quay về cửa hàng phở ở bản Nọi? Rồi quãng đời cô đơn ở cái góc bản ngập phân bò và phân ngựa, với ông cậu, bà mợ lạnh lùng đó, Dũng còm sẽ ra sao?... Và ông già Mộc, khi chúng tôi đi hết, ông sẽ buồn tới bao giờ mới vơi? Sẽ có những ngày mưa dầm,sẽ có những đêm gió núi lạnh lẽo hú quanh chân thang. Ông sẽ ngồi một mình bên bếp lửa, trong ngôi nhà mênh mông này. Khi ông ốm ai sẽ nấu cho ông nồi cháo? Ai sẽ lên nương đào sắn cho lợn ăn khi từng đàn

lợn mẹ lợn con đói kêu rít dưới chuồng? Ai sẽ mở gióng cho đàn bòvào rừng buổi sớm và soát lại các chốt cài buổi chiều khi chúng đã no nê trở về nằm nhai lại cỏ. Rồi ai sẽ múc nước nóng vào thau đồng cho ông rửa mặt, bắc lại cái máng nước khi một con chồn hay con mang đi ăn đêm đạp ra ngoài nguồn suối?... Ông già Mộc quay lưng đi vào bếp. Đoán được những ý nghĩ của tôi, ông bảo:
- Cháu cứ đi… Cháu đừng lo cho ông. Trước đến giờ, ông đã sống ở đây quen rồi…
Tôi không nói, nhưng nghĩ: Đành rằng ông đã quen. Nhưng mỗi tuổi một già. Lúc đó con người sẽ yếu chân tay, sẽ mềm lòng. Lúc đó cảnh cô đơn sẽ đáng sợ hơn là khi người ta còn cứng cáp, vững vàng…
Loan biết hết những điều tôi nghĩ. Nó cũng ngồi im, mặt buồn rượi.
Tôi quay sang hỏi Dũng còm:
- Bao giờ thì cậu quay lại bản Nọi? Hay cậu về thị trấn luôn?
Dũng còm ngước mắt lên. Gương mặt nó trang trọng, khắc khổ như gương mặt ông già. Nó bảo tôi:
- Đằng ấy cứ an tâm đi đi. Đừng lo cho tớ. Cũng đừng lo cho ông Mộc. Tớ không về bản Nọi nữa đâu. Tớ cũng không về ở với ông cai Cân làm gì. Ông ấy quý mấy chiếc vòng vàng hơn tớ… Nó ngừng lại, nuốt nước bọt rồi nói tiếp: - Tớ sẽ ở đây. Hai người buồn cộng lại thành một cái nhà vui.
Đang ngồi trong bếp, ông già Mộc quay ra nhìn Dũng còm. Đôi mắt già nua của ông chớp chớp. Chừng như ông ngạc nhiên và cảm động quá. Tôi cũng vậy. Tôi nắm chặt tay Dũng còm:
- Đằng ấy thật là tốt… Đằng ấy ở đây, tớ yên tâm đi được.
Dũng còm mỉm cười:
- Con nai chọn cánh rừng nhiều lá ngon nhất để sống. con người cũng chọn mái nhà nào êm ái nhất với mình… - nó ví von hình ảnh như một người đàn ông vùng núi thực thụ.
Ông già Mộc từ bếp lửa ra, lặng lẽ ôm thằng bé trong đôi tay cứng cáp. Bằng cử chỉ của ông, tất cả chúng tôi đều cảm động và vui sướng. tất cả chúng tôi đều bằng lòng với cuộc sống của mình.
Tôi bảo Dũng:
- Cậu đã gần như một người dân bản Muốn rồi. Nhưng chúng tớ vẫn yêu cậu như yêu thằng Dũng còm nhút nhát hay khóc nhè của thị trấn quê hương.
Dũng đáp:
- Tụi mình không quên nhau được đâu.Tớ không muốn về dưới ấy khi chưa đủ tiền xây mộ cho mẹ tớ. Còn các cậu, các cậu nhớ luôn luôn lên đây. Lúc đó tớ đã có thể nướng thịt nai chính tay tớ bắn cho các cậu ăn.
Chúng tôi ngoéo tay nhau. Giây phút đó đẹp đẽ vô cùng.
Tôi đọc đi đọc lại lá thư ngắn ngủi, nhòe nước của bố tôi trong những ngày chờ đợi. Bố đã nhận được thư mẹ, biết rõ mọi chuyện ở nhà. Bôi không trách móc nhiều mà chỉ lo tôi trên đường từ nhà lên biên giới. khi được anh Khiết sang báo tin, bố đã mừng tới chảy nước mắt. Cả các chiến sĩ trong đồn Khậu Phai cũng vậy. Mọi người tưởng chúng tôi bị bắt cóc hoặc mắc tai nạn gì đó trong khoảng thời gian lâu biền biệt đó. Bố đã viết thư đi các nơi, nhờ các đồn công an dọc đường tìm tôi… Ôi, mọi chuyện cuối cùng rồi cũng tốt đẹp cả. Tôi nghĩ và tưởng tượng tới ngọn núi cheo leo có cái tên Khậu Phai, nơi giờ đây bố tôi đang mong chờ tôi từng giây từng phút.
Ngày mồng tám, chúng tôi dậy từ bốn giờ sáng. Nhờ chiếc đồng hồ báo thức cũ kỹ có cổ xe ngựa kéo nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn ông Mộcmua từ thời Pháp mà chúng tôi mới can đảm gạt được tấm chăn ấm áp sang một bên. Cái đồng hồ tuy cũ kỹ, troc hết nước mạ nhưng chuông reo cứ lanh lảnh từng hồi, không chịu thua cơn buồn ngủ của chúng tôi. Ông già Mộc bảo Dũng còm nấu cơm, nấu canh măng với chân giò lợn ăn cho mát ruột.
- Buổi sớm ăn cơm tẻ cho no. Suốt ngày đường chỉ được ăn bánh thôi đấy.
Ông bảo vậy. tôi với Loan thu xêpa quần áo, đồ vật. Áo bông mặc vào người rồi. Mỗi đứa còn những ba bộ quần áo nữa, không kể bộ áo hoa mới tin ông Mộc mua cho chúng tôi mặc Tết. Vì thế, cái túi cũ kỹ của chúng tôi trở nên chật hẹp. Ông già bảo:
- Cái túi đó đựng bánh ăn đường. Quần áo cho vào lu.
Ông mở tủ lấy ra chiếc làn mây tròn, cao, đã cũ lắm nhưng còn chắc chắn. Những sợi mây đan nhẵn bóng, màu vàng ám khói. Làn có nắp và có cả quai đeo. Ông bảo chúng tôi xếp áo quần

vào đó. Rồi đưa cho tôi một xấp tiền:
- Ông đưa cho cháu năm trăm để đi đường phòng thân. Tiền vé xe ông sẽ đưa riêng cho thằng Khiết. Cháu chỉ dùng tới món tiền này khi nào đường đi gập ghềnh, trắc trở.
Tôi nói:
- Không. Cháu không cần nhiều tiền như vậy. Đã có anh Khiết lo rồi mà.
Ông già Mộc lắc đầu:
- Ông nói cháu phải nghe. Lần trước, cháu đã gặp chuyện không may rồi. đừng để chuyện không may tới hai lần, cháu biết không…
Ông cất tiền cẩn thận vào túi trong của chiếc áo bông tôi đang mặc. Ông còn gài thêm ghim băng nữa, cẩn thận như một người mẹ già. Tôi không dám cảm ơn ông. Vì mọi lời lẽ lúc này đều nhạt nhẽo và vô lý. Tôi cứ lẳng lặng làm theo ông bảo. Sắp xếp mọi thứ xong xuôi, chúng tôi ăn cơm.
Trời lạnh buốt nên ông già Mộc bảo ăn gần bếp cho ấm. chúng tôi vừa ăn xong, chưa kịp uống nước đã thấy ánh đèn pin quét loang loáng trước sàn:
- Chú à, chú dậy chưa?... Em Bê đã sửa soạn xong chưa?
Anh Khiết vừa lên cầu thang vừa hỏi. Tôi mở cửa, anh bước vào, cởi mũ biên phòng, hơi thở phà trắng như sương muối.
- Sao, cả nhà ăn cơm rồi chứ?
Ông Mộc đáp:
- Ăn rồi. Mày đi từ nửa đêm hay sao?
Anh Khiết nói:
- Cháu ăn cơm tối qua rồi ngồi uống rượu với bố mẹ cháu tới nửa đêm. Gà gáy lần thứ nhất, ăn bữa nữa tiếp rồi đi luôn, không ngủ.
Gương mặt tròn đỏ ửng của anh, chứng tỏ anh chẳng hề mệt mỏi chút nào. Anh nhìn chúng tôi, hỏi:
- Đồ đạc, áo quần gói ghém xong rồi chứ?... Không phải mang thức ăn đi đâu. Anh nhiều bánh đòn lắm rồi.
Ông Mộc bảo:
- Phần cháu, cháu cứ mang lên cho anh em trên Nường Le. Tao lo đủ cho hai đứa cháu này rồi.
Tôi nói:
- Em và bạn Loan sẽ cùng đi với anh đấy.
Anh Khiết cười to:
- Thế gặp hổ thì làm sao anh cõng cả hai em mà chạy được?
Ông già Mộc cũng cười:
- Cháu Bê gan to lắm. Còn cháu Loan hay sợ. Đừng có dọa bậy bạ…
Hai cánh cửa mở toang khiến hơi sương lạnh tràn vào nhà. Tôi rùng mình. Nhưng niềm vui sướng trước lúc lên đường khiến tôi đủ can đảm để nhìn vào khoảng không tối đen trước mặt.
Anh Khiết hỏi:
- Đi tối không sợ chứ?
Tôi lắc đầu, đeo túi áo quần lên vai rồi quay vòa nhìn ông già Mộc:
- Cháu đi đây… Cháu chào ông. Rồi bao giờ…
Tôi định nói rằng rồi bao giờ có dịp, tôi sẽ trở lại đây, sống với ông một thời gian ở bản Muốn, ở cái thung lũng bây giờ đã trở thành thân thương với mình… Nhưng tôi không nói được hết câu. Nước mắt bỗng dưng trào ra, lăn rất nhanh qua gò má rồi đọng lại nóng và mặn trên môi.
Loan cũng đỏ hoe mắt, nói lí nhí:
- Cháu chào ông ạ.
Ông già Mộc cúi xuống, nói khẽ khàng:
- Ờ hai cháu đi đi… Rồi bao giờ lại trở về bản Muốn thăm ông…
Ông không đưa tiễn các cháu đâu. Ông đi bây giờ, đường đi thì gần, thì nhẹ bước, mà đường về vừa xa vừa nặng chân… Các cháu hiểu bụng ông chứ?... Các cháu lên đường cho may mắn…
Ông quay vào bếp. Tôi nhìn cái bóng cao gày của ông nhòe đi trong vòng sáng của ngon lửa. Gió từ ngoài thung lũng lùa vào, đập cánh cửa cạch một tiếng thật mạnh. Anh Khiết bảo chúng tôi:
- Chào bạn trai rồi đi.
Dũng còm lắc đầu:

- Không. Em sẽ đưa tiễn bạn Bê và Loan qua dãy núi trước nhà.
Anh Khiết thử lại công tắc chiếc đèn cầm trong tay, chào thật to:
- Cháu đi đây, chú à.
Ông già đáp rất khẽ:
- Ờ. Đi cho cứng chân cứng tay nhé.
Dũng còm khép cánh cửa lại. Rồi chúng tôi theo anh Khiết xuống cầu thang. Đường qua bản đen như mực. Nhờ ánh đèn quét loang loáng, chúng tôi mới nhận ra lối. Anh Khiết đi trước. Loan nhút nhát nên đòi bám ngay sau lưng anh. Tôi đi sau lưng Loan. Dũng còm sau rốt. đoàn chúng tôi như đang chơi trò rồng rắn, người nọ nắm áo lưng người kia bước. Đôi khi, một con rắn lao vụt qua chân chúng tôi. Dẫu đã có thuốc trị rắn cắn ông Mộc cho đem theo, chúng tôi vẫn cứ lạnh toát cả người. Anh Khiết bảo:
- Loài rắn trên cây dữ hơn loài rắn bò dưới đất. Đừng sợ cứ đi đi. Anh có thuốc chữa rắn cắn trong túi rồi.
Rồi anh pha trò:
- Rắn cắn các em, anh cõng được ngay. Còn rắn cắn anh, chắc các em phải treo anh lên đòn khiêng như thợ săn treo con gấu bị bắn, đúng không?
Chúng tôi cười câu ví của anh. Anh là người Nùng, cháu gọi vợ ông già Mộclà dì ruột, nhưng anh xuống vùng xuôi từ bé nên còn lém lỉnh hơn nhiều chiến sĩ người Kinh. Suốt đường đi, anh luôn luôn pha trò, trêu cợt hoặc kể chuyện tiếu lâm để chúng tôi quên mệt.
Vượt qua dãy núi bìa thung lũng, trời dần rạng sáng. Đã nhìn rõ hình những cụm gai ven đường, những gốc đại thụ xòe tán im lặng như người khổng lồ giữa trời sương. Các ngọn đèn thấp thoáng hiện ra khi làn mây nặng trĩu trôi xuống khe và lớp sương vây phủ loãng bớt.
Tôi bảo Dũng còm:
- Đằng ấy về đi kẻo đường xa lắm.
Anh Khiết cũng nói thêm:
- Đi đông người nói chuyện vui chứ quay về một mình đường vắng buồn lắm đấy anh chàng ạ. Mà phải đến mười hai cây số chứ không ít đâu.
- Vâng.
Dũng đáp. Nhưng chân nó vẫn bước theo chúng tôi. Tới khi ánh bình minh hửng lên nơi chân trời phía đông, những ngọn cây đã phơi màu xanh dưới ánh sáng, Dũng mới dừng lại:
- Các đằng ấy đi mạnh khỏe nhé. Nhớ viết thư về cho tớ.
Chúng tôi ôm lấy nhau. Giá ở dưới phố, chúng tôi đã chẳng dám làm thế vì sợ tụi bạn chế nhạo. Nhưng ở đây, tự dưng chúng tôi đều xô đến, cả tôi và Loan ôm chặt Dũng còm. Dũng còm cũng ôm lấy chúng tôi hồi lâu.
Rồi tôi nói:
- Chúng tớ đi nhé.
- Ừ, đi…
Đứa nào đứa nấy đều bước vội vã. Tuy nhiên, đi được một đoạn, tôi và Loan cùng ngoái lại nhìn Dũng. Cũng đúng lúc đó Dũng còm quay nhìn chúng tôi. Ba đứa giơ tay vẫy chào nhau lần cuối, bịn rịn mãi không nỡ dứt. Khi Dũng còm đã tụt xuống dưới chân đèo, trông chỉ bằng cái bắp ngô, nó còn ngoái cổ lên nhìn chúng tôi. Chắc hẳn nó chỉ thấy những đám cây xanh rì trên đỉnh đèo che khuất. Rồi cả tôi và Loan cũng không nhìn thấy cái bóng loắt choắt của Dũng nữa. Chúng tôi đang tụt xuống bên này quả núi. Trước mắt chúng tôi là một dòng suối đang róc rách chảy qua lối mòn.
- Tạm biệt nhé, bạn thân mến. nếu không có những ngày ở bản Muốn, chúng ta chẳng bao giờ hiểu nhau và thương nhau đến thế… Sau này, dù tôi đi đến phương trời nào, tôi cũng sẽ không quên bạn và sẽ không quên ngày về bản Muốn…
Tôi thầm thì nói với mình như vậy. Không hiểu sao, tôi vẫn tin rằng sẽ còn đi rất nhiều, đi rất xa. Tôi sẽ phải đi tới cái đỉnh núi ước vọng của mình.
Nào, lên đường.
Tôi tự hạ lệnh. Xốc chiếc lủ đeo trên vai, tôi bước dấn lên theo anh Khiết. Phương đông, bình minh đãn thay cho ánh lê minh xanh nhạt. Bình minh của vùng núi cao, lại vào tiến đầu xuân, không rực rỡ như những bình minh ta thường nghe tả trong sách. Đó là một bình minh êmả, trắng mềm như sữa đọng, dịu dàng như có hàng ngàn đàn cừu trắng toát từ những thảo

nguyên.mơ mộng lặng lẽ đi qua bầu trời, lặng lẽ gieo vào tâm hồn ta một thứ ánh sáng êm dịu màu bạc trắng và khiến ta cảm thấu trái tim mình trong trẻo, thanh khiết vô cùng trước thứ ánh sáng đó.
Đường từ bản Muốn lên biên giới không có gì cần ghi lại. Vì không có sự kiệnnào khiến chúng tôi phải vui sướng hay đau khổ, lo âu hoặc hãi hùng. Đã có anh Khiết, người đưa đường, chúng tôi vững tâm bước. Tới đâu đói chúng tôi ngã các thứ bánh trái ra ăn. Ông già Mộc cẩn thận đem cả bánh chưng, bánh đòn, bấnh mật, chè lam, ngũ vị cho vào túi. Lạicó cả một cái giò nguyên và một con gà luộc với gói muối. Đặc biệt, có rất nhiều bánh dày đã sấy khô. Tôi ngạc nhiên vì ngày Tết, ông cho chúng tôi bánh dày khô làm gì?...
Anh Khiết bảo:
- Ông già đã làm gì đều có lý cả. Bánh dày khô là thứ bánh ta sẽ ăn sau cùng. Để hàng tháng cũng không mốc.
Chúng tôi tới phố Lạng vào lúc xế chiều. Ở bến xe lên Cao Bằng, vô số người đợi xe như chúng tôi. Họ bảo ít nhất cũng phải chờ ba ngày nữa. Chúng tôi phải chờ đúng ba ngày thật. Đám khách đợi xe làm quen với nhau rất nhanh, chuyện râm ran từ sáng tới tối. Ban đêm, vì không đủ quán trọ, chúng tôi ngồi với bộ đội, công nhân địa chất ở chân một ngọn đèn gần đó. Có hang rộng, chúng tôi đốt củi sưởi. Rồi người nọ tựa lưng vào người kia ngủ. Tốp này ngủ, tốp kia thức canh. Anh Khiết thật nhanh nhẹn. Anh kiếm được rất nhiều lá khô, rải thành một lớp dày, rồi trải ni lông bên trên cho chúng tôi nằm. Anh mang chiếc võng làm chăn đắp cho hai đứa. Khi chúng tôi ngủ, anh thức canh cho lửa khỏi tắt và đuổi những con muỗi đói trong hang lảng vảng bay tới tìm hơi người. Chúng tôi cũng đã lớn khôn hơn dạo mới tới đây lần đầu tiên nên quen dần với việc ngủ đêm ngoài trời, không còn bị những nỗi sợ hãi, những con mê ám ảnh như đêm ngồi ngủ với anh Cao trước đây. Chúng tôi có ghé vào cửa hàng cô Múi. Cô đang đông khách nên chào hỏi thờ ơ. Chúng tôi cũng nói với cô mấy câu qua quít rồi đi. Trong ba ngày chờ xe đó, tôi đã tìm mua được một vài gói kẹo bạc hà, ổng mai cam thảo, kẹo hồng, kẹo nu-ga là mấy thứ bố tôi thích. Lần nào bố về phép, mẹ tôi cũng tìm mua mấy thứ đó cho bố tôi đem đi. Nghe người ta nói trên biên giới rét lắm. Nên tôi mua cho bố một chiếc khăn len dày, hai đôi găng tay len. Còn tôi và Loan thì mua mỗi đứa một chiếc khăn len kẻ ô vuông và hai đôi bít tất. Tôi cũng sắm thêm ít kim chỉ, khuy áo phòng khi cần tới, nhất là loại khuy lớn đính áo của bộ đôi biên phòng. Anh Khiết thấy chúng tôi sắm sửa như vậy, khen ngợi ghê lắm. Anh bảo, trên đó, có một đứa bé như tôi hoặc Loan lên thì cả đồn mừng vui, huống chi có những hai đứa – anh nói – Phải thịt lợn ăn mừng đấy.
Ngày thứ ba, chúng tôi mua được vé, lên xe đi Cao Bằng. Trên chuyến xe đó, ngờ đâu lại xảy ra một cuộc gặp gỡ. Một cuộc gặp gỡ kỳ quái đến nỗi không ai ngờ tới được, dù trong mọt giấc mơ.
Chuyến xe lên đường với số hành khách bốn mươi mốt người. Ai nấy đều kêu la, nhất là mấy người phải rớt lại chờ chuyến sau, vì lý do xe có tới bốn mươi ba chỗ.
- Hai chỗ này có người mua vé rồi.
Anh lái phụ nói thế rồi nhảy lên đóng sập cửa lại. Người đám người bên dưới phản đối, đấm thùng xe ầm ầm khiến anh ta đành mở cửa xe ra rút trong túi quần hai chiếc vé đã đóng dấu thu tiền sẵn:
- Khách bị rớt từ chuyến trước, được mua ưu tiên. Người khách chờ xe dọc đường. Bà con không tin thì xem vé đây này…
Đám người đang nhao nhao đành im re khi nhìn hai tấm vé xe đóng dấu đỏ chót. Ông lái xe chính quay đầu lại, cau mày:
- Thôi đi đi, lôi thôi mãi…
Anh chàng lái phụ đóng rầm cửa xe lại. Trước cặp mắt thất vọng của đám khách rớt phải đợi chờ. Xe chuyển bánh. Chừng hai mươi cây số sau, tới một dãy phố lèo tèo chừng hai ba chục nóc nhà, xe dừng lại. Một con bé buộc khăn đỏ, mặt mũi đen xì nhảy bổ ra, giơ tay vẫy rối rít:
- Đây, đây, bác tài ơi!... Ở đây cơ…
Người lái lại nổ mảy, đánh xe lên chừng hai mươi bước nữa, cho xe đỗ trước cửa một quán cơm, phở, rượu. Tấm biển đề ba chữ ngang nhau, trông thật kệch cỡm. Xe vừa tới, hai ba người đàn ba trạc trên bốn mươi từ trong nhà đi ra. Theo sau họ, hai người đàn ông vác những tải hàng nặng trĩu. Con bé đội khăn đỏ xách một chùm dâu gia lẫn với hai chiếc tay nải, hai cái làn

tre to, rất tưởi chạy theo sau. Những người đàn ông khuân hàng lên xe, xếp xong xuôi rồi chạy xuống. Hai bà chủ hàng vào chỗ ghế trống ngồi. Còn con bé trùm cái khăn đỏ chót đó ngồi ngay trên mấy tải hàng, mặc đám khách ngồi cạnh đó cằn nhằn. Nó vặt dâu gia ăn, ném hột ra ngoài cửa xe. Tôi thấy nó quen quen mà nghĩ mãi không ra ai. Tới khi nó quay lại, tôi nhìn rõ mặt và nhận ra Cóc tóc đỏ.
- Ô ô… chị Bê!
Cóc tóc đỏ cũng nhận ra tôi. Nó vùng đứng dậy kêu lên một cách vui vẻ. Rồi rất hung hăng, nó gạt người này, huých người kia, len đến chỗ chúng tôi.
- Cả con Loan tròn cũng ở đây nữa này… - nó đập tay lên vai tôi đau điếng – thế mà cả thị trấn đồn là chị bị bắt cóc đem sang Đài Loan bán, còn con béo kia thì đem lên vùng dân Mèo… há há há… vui thật.
Nó cười ngoác miệng tới tận mang tai, đôi mày đã thưa lại kẻ nhỏ như biến đi đâu mất. không đợi chúng tôi hỏi han, nó tiếp tục nói như bắn súng liên thanh:
- Ối giời ơi, thế mà hai bà cô lại ngồi đây mới chết chứ!... Này Loan béo ơi, mày chẳng biết lo nghĩ hay sao mà cứ tròn quay như con chim cun cút vậy. Lão cai Cân lừa hết vàng, hết tiền rồi giở trò tống cổ mẹ mày ra. Hai bên đánh nhau nhì nhằng mãi nhưng chả phân thắng bại gì, mẹ mày bây giờ sang ở nhờ cô giáo Hạnh, mẹ chị Bê đấy. Phải tay tao, tao cho nó một lưỡi dao bầu. Mẹ mày bây giờ gầy rồi, không béo đỏ phây phây như hồi trước nữa đâu. Bà ấy lại mở hàng bán bánh rán với bánh cuốn, không có sức đi buôn nữa… Thế mày không viết thư về sao?...
Nó cứ nói oang oang như ễnh ương kêu ngày mưa, không để ý tới bộ mặt đỏ tựa như hoa gạo của Loan vì xấu hổ và những cặp mắt tò mò của đám khách ngồi xung quanh. Tôi bảo:
- Kể làm gì những chuyện ấy cho buồn. Kể chuyện làm ăn của cậu xem sao. Cớ gì mà lang thang tới tận đây?
- Em ấy à?...
Cóc tóc đỏ hỏi lại rồi lần thứ hai ngoác miệng ra mà cười, không lý do gì hết. Trông nó đỏm dáng ra vẻ thiếu nữ. lông mày kẻ chỉ, tai đeo hoa, lại to lớn gấp rưỡi tôi nhưng nó cứ xưng em ngọt lịm khiến tôi thẹn đến nóng mặt lên.
- Em vẫn cứ ở chợ với bố em đến hết đời nếu cô em không tới lôi em ra khỏi cái hũ nút ấy. Cô em kia kìa – nó giơ tay chỉ bà lái buôn có nước da đen và cái cổ vạm vỡ đeo dây chuyền vàng ngồi ghế trước – Cô em tới chơi bảo bố em: "Nó lớn đến nơi rồi mà cứ giữ quanh quẩn ở chợ để làm con mẹ dại à? Cho đi theo tôi. Tập buôn tập bán kiếm miếng to mà ăn chứ cứ như anh gà què ăn quẩn cối xay thì hỏng đời…" Thế là em quấn gói quần áo, tếch theo cô em luôn. Em đi được nửa năm rồi đấy. Nghe tin chị bỏ học hai ba tháng thì em đi luôn. Đi miết cho tới bây giờ. Em cũng có tý vốn trong lưng rồi. Khi nào cô em cho nhập làng là em nhập ngay…
Nói tới đó, bộ mặt đầy mụn của nó vênh lên một cách tự hào. Tôi thấy nó mặc áo cánh xẻ, có bô đê gấu và quần sa tanh đen nên hỏi:
- Tiền đâu mà diện thế? Không để làm vốn buôn à?
Cóc tóc đỏ đáp:
- Tiền của em, em để làm vốn. Còn quần áo này là cô em sắm cho. Cô em tốt với em lắm.
Nó khoe một cách hồn nhiên. Tôi bỗng thấy mến đứa con gái thất học và xấu xí đó. Trong nó, có một điểm tốt đẹp là tính thực thà. Tôi hỏi Cóc tóc đỏ về những người trong phố. Nó lần lượt kể cũng với cái giọng oang oang như ễnh ương kêu, không hề biết mệt mỏi và thương lỗ tai đám khách xung quanh. Cuối cùng, nó bỗng chép miệng:
- Kể cũng lạ. Từ dạo đó chẳng có tin tức gì về thằng Dũng còm cả chị ạ. Cái thằng hiền nhất, thẳng thắn nhất nhà lão cai Cân thì bị mất tích. Còn mấy thằng anh nó, toàn một lũ chuyên lừa đảo, ăn cắp như điên.
Tôi liền kể cho Cóc tóc đỏ nghe chuyện gặp Dũng còm ở bản Nọi và nguyên nhân vu bắt cóc Dũng còm. Sau đó, tôi nó:
- Người cậu của nó tính lầm. Tưởng cai Cân xót con phải trả vang. Không ngờ, cai Cân lại xót vàng hơn.Có khi, loại người như lão, bớt con, đỡ cơm nuôi lão lại mừng...
Cóc tóc đỏ tròn xoe mắt, cặp mày thưa và nhạt mà của nó như dựng ngược lên:
- Em không biết cơ sự lại như thế. Cả thị trấn ghét lão quỷ ấy. Tưởng lão ấy chỉ đểu với cô Lưu. Ai ngờ lão hất hủi cả đứa con đẻ của lão. Đến nước này lão chỉ có ở với quỷ sứ dưới âm ty thôi. Chị có biết bây giờ lão làm gì không?

Cóc tóc đỏ ghé vào tai tôi, hỏi. Và lần đầu tiên, tôi thấy nó hạ giọng nói thầm:
- Lão buôn cơm đen. Tức là lão buôn thuốc phiện, hàng quốc cấm ấy. Lão cùng dây với một người quen cô em. Lão đểu quá. Để em dò xem rồi cho lão một vố, trả thù cho thằng Dũng còm và mẹ cái Loan.
Nói xong, Cóc tóc đỏ chau mày. Bộ mặt nó bỗng nhiên rắn câng lại như sành, trông già thêm mười tuổi nữa. Xe chạy thêm một con đèo thì Cóc tóc đỏ và hai bà lái buôn dỡ hàng xuống. Họ không đi tới cuối đường.
- Xin chào nhé… - Tôi giơ tay vẫy Cóc tóc đỏ.
- Chị Bê đi mạnh khỏe nhé é é…
Cóc tóc đỏ hét lên theo. Giọng nó vang vào hai vách núi nghe chói óc. Tôi còn nhìn thấy cái khăn đỏ chót của nó bay phất phơ khi xe đi tới đoạn đường vòng.
Tới Cao Bằng, chúng tôi chỉ nghỉ ăn cơm đúng nửa tiếng rồi lên đường đi ngay. Đường đi không ngắn như đường từ phố Lạng tới bản Muốn. Đi khỏi thị xã Cao Bằng chừng hai mươi cây số gặp một bản Tày. Rồi sau đó toàn là núi rừng vây bủa. Họa hoằn lắm mới gặp một người dắt ngựa thồ hàng đi ngược lại.
Anh Khiết rút khẩu súng ngắn trong bao ra cầm tay. Bây giờ anh ít nói hẳn đi. Anh cũng không pha trò hay kể chuyện tiếu lâm nữa. Anh trở nên điềm tĩnh và thận trọng. Chúng tôi hiểu được điều đó. Chúng tôi chỉ đi nhanh hơn và chăm chú theo dõi đường đi, tai lúc nào cũng giỏng lên chờ nghe tiếng động lạ hoặc nghe lời anh Khiết chỉ bảo.
Ngày đi, đêm anh Khiết mắc võng giữa hai cây cao mọc gần nhau cho chúng tôi nằm. Võng rộng, trở đầu đuôi nằm cũng ấm. Bên trên anh phủ mảnh ni lông che sương. Còn anh, anh trèo lên cây, lấy giây buộc người vào thân cây phòng ngã. Và súng cầm trong tay, thu trước bụng, anh tựa vào canh cây mà ngủ. nhiều buổi sáng, chúng tôi thức dậy trước, thấy anh còn đang ngủ ngon lành trong tư thế ấy.
Ngày nọ nối ngày kia. Chân hai đứa chúng tôi bắt đầu phỏng rộp. Mặc dù thời gian ở bản Muốn, chúng tôi đã quen đi nương. Ông già Mộc quả là người từng trải. Ông đoán trước cuộc hành trình nên đã lo cho chúng tôi đủ đồ ăn. Ba ngày đầu, chúng tôi ăn bánh chưng. Hai ngày sau, chúng tôi ăn bánh đòn và bánh mật. Sang đến ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, hoàn toàn chỉ còn bánh dày khô. Bánh dày khô đêm nhúng nước suối cho mềm rồi nướng lên, lúc đói ăn cũng ngon không kém bánh chưng, bánh đòn. Còn chè lam và ngũ vị là những thứ để dành làm quà cho các chiến sĩ biên phòng, chúng tôi cũng phải lấy ra ăn một ít vào ngày thứ tám. Ngày thứ chín mới tới đồn Khậu Phai.
Trời ơi, tả sao cho được nỗi vui sướng của chúng tôi khi đứng dưới ngọn núi cao chất ngất mà anh Khiết vừa chỉ vừa nói:
- Bê, bố của em ở đỉnh ngọn núi Khậu Phai này.
Chân tôi bỏng rát vì những vết rộp vỡ ra. Cả Loan cũng vậy. Chúng tôi đã vừa bò vừa lê suốt buổi sáng hôm nay để khỏi ngồi lại trong rừng. Anh Khiết phải dìu hai đứa từng đoạn, nhất là lúc qua suối hoặc lên dốc. Bây giờ, nỗi đau đớn tan biến. Tôi giục:
- Đi lên đi, anh cùng lên với chúng em.
Người lính biên phòng cười tủm tỉm:
- Hết đau chân rồi à?
Tôi im lặng, không đáp lời, hăm hở bước.
Khậu Phai quả là một ngọn lèn hiểm độc. Đường lên toàn sỏi và đá trơn. Hai bên, những khối đá tai mèo xếp chồng chất. Chỉ cần ngã xuống là nát thịt, tóe máu ngay. Giữa những tảng đá, thỉnh thoảng lại vọt lên một bụi cây. Nhưng không phải loài cây hiền hoặc hoa thơm, lá ngọt mà là loài gai, thân cành đầy những bó gai nhọn hoắt.
- Chao ơi, tại sao bố mình lại chọn một chỗ kinh khủng thế này mà ở chứ? Dưới kia, thung lũng mượt cỏ xanh, hoặc những ô ruộng connối nhau theo bậc thang đẹp biết bao…
Tôi nghĩ như vậy, nhưng tôi không nói. Mãi sau này khi gần trở về quê, tôi mới hỏi bố tôi điều đó. Và bố tôi đã đáp lại rằng:
- Chiến sĩ biên phòng phải ở nơi nào nhìn rõ kẻ thù nhất. Nơi đó, dù là hang hùm hay ổ rắn vẫn cứ phải dựng đồn tiền tiêu, trấn giữ biên thùy.
Trong ba người chúng tôi leo núi, Loan mệt hơn cả. tôi luôn phải dừng lại để đợi nó. Có những lúc, anh Khiết cõng Loan trên lưng. Trong lòng tôi biết ơn Loan vì sự tận tụy với bạn. Nếu

không vì tôi, có lẽ chẳng bao giờ Loan phải chịu đựng những giây phút gian nan khó nhọc như lúc này.
Chừng hơn một giờ sau, chúng tôi mới lên tới đồn. Đúng như tôi tưởng tượng, một cây cột được cắm giữa mảnh sân hẹp đục giữa những tảng đá. Trên cột, lá quốc kỳ đang lượn lờ như một cánh chim. Từng đám mây trắng muốt đi qua. Hơi thở chúng tôi phải ra cũng giống như những làn mây nhỏ. Chúng tôi đang đứng, vừa thở vừa ngắm nhìn quanh cảnh đồn thì một chiến sĩ người to béo phục phịch chạy ra:
- Khiết à, mày đưa con của thủ trưởng lên chơi phải không? Tao nhìn thấy từ dưới bìa rừng kia kìa.
Ngực anh lủng lẳng một chiếc ống nhòm. Thì ra anh đã theo dõi đoàn chúng tôi từ lâu. Anh Khiết đáp:
- Thủ trưởng đâu? Có gì cho ăn, cho uống đi. Vừa đói vừa khát đây này.
Anh chiến sĩ to như hộ pháp kia đáp:
- Thủ trưởng thân chinh dẫn toàn đồn đi tiễu phỉ. Có lệnh đột xuất tuần trước. Cả bên đồn Nường Le chúng mày với Khậu Phắt nữa đấy. Giữ đồn chỉ còn tao với thằng Tỉn thằng Síu. Mấy đứa hậu cần cũng đi theo chiến dịch rồi.
- Liên kết ba đồn hả?... Thế thì thành chiến dịch rồi. Không còn đánh lẻ như mọi bữa nữa… Thế mà mình lại không được đi đánh một trận lớn cho sướng, tức thật.
Anh chiến sĩ to lớn đồn Khậu Phai tò mò nhìn chúng tôi:
- Cả hai đứa đều là con thủ trưởng à?
Anh Khiết gắt:
- Mày hỏi gì mà dốt thế hả? Đây là em Bê,con thủ trưởng. Còn đây là em Loan, bạn của Bê… Chúng tao là khách lên đây mà mày chẳng mời vào nhà, không lấy nước uống, không mang cơm mang bánh ra đãi à?
Anh hộ pháp lúc bấy giờ mới cuống quýt ngượng nghịu nói:
- Ờ, tao quên. Tao gọi thằng Tỉn, thằng Síu nhé?
Anh Khiết hỏi:
- Có ba đứa, mày canh gác, còn chúng nó đi đâu?
- Dám đi đau trong lúc này? Chúng nó ngủ. Phải thay nhau canh gác mà – anh chiến sĩ kia trả lời.
Nghe xong, anh Khiết khoát tay, nói:
- Lềnh, đừng gọi chúng nó dậy làm gì nữa. Mày tìm xem có gì cho chúng tao ăn.
Rồi anh quay lại bảo chúng tôi:
- Vào đây các em… Nhà của các anh không to như nhà sàn dưới bản Muốn đâu.
Anh đi trước, như một chủ nhân thực sự. Anh Lềnh hộ pháp đi theo. Hai chúng tôi trong khi đứng nghe họ chuyện trò đã rét cóng tay, lập cậpbước qua mảnh sân đá. Sân rất hẹp, nhưng có những kẽ nứt dài. Bước vô ý có thể lọt chân, rơi dép xuống đó. Cuối mảnh sân có hai bồn hoa ghép bằng đá, đổ đất mùn trồng dây vạn niên thanh to bằng tai trâu nhưng mép sém vàng vì rét. Ở giữa hai bồn hoa trồng dây leo đó có một mảnh vườn nhỏ, đất rải trên sân, có những viên đá vuông vắn, xếp thành hình ngôi sao bao quanh. Mảnh vườn con con trông hoa cúc và hoa mào gà. Đấy là hình ảnh tươi mát của cuộc sống mà hơi ấm bàn tay con người đã gieo lên đỉnh ngọn núi tai mèo tua tủa những bụi gai này.
“Bao nhiêu năm bố mình đã ở đây”
Tôi nghĩ,khi chui vào một mái nhà lợp tranh dày, xung quanh là hai lượt ván gỗ ghép. Phía ngoài hai lượt gỗ, các chiến sĩ áp một lớp mỏng các tấm tranh, rồi dùng các tấm phên toàn bằng cật tre vàng óng ép chặt lại. Trông bên ngoài, gian nhà giống như một thứ đồ chơi xinh xắn đan bằng tre trúc. Nhưng bên trong, sạch sẽ và ấm áp. Lớp tranh giữa phần tre và gỗ giữ được nhiệt độ. Các chiến sĩ ngăn các gian nhà bằng ván ghép, tấm nào tấm nấy bào nhẵn bóng như đánh xi. Gian ngoài cùng là gian tiếp khách, làm việc, có bếp lửa nhỏ. Trên bếp, một chục cái phễu bằng tôn nối với ống khói ra ngoài trời.
- Hai em ngồi đây nhé. Có khát nước thì lấy nước trong ấm nhôm này này. Anh đi bóc bánh đã – anh Lềnh hộ pháp bảo chúng tôi bằng cái giọng Kinh chưa sõi, rất chậm chạp.
Chúng tôi ngồi xuống bên bếp lửa, trên những chiếc đôn thấp trên đan bằng mây theo kiểu của người Mèo. Ngồi đôn mây thật êm và dễ chịu. Anh Khiết tìm chiếc ca men, rót nước cho tôi và

Loan uống trước, anh uống sau. Chè ở đây ngon, nước xanh trong, vị vừa thơm vừa chát. Uống hết nước, vị chát mất đi, cỉ còn mùi thơm và vị ngọt lưu giữ rất lâu trong họng. Chúng tôi uống nước xong, anh Lềnh đem ra một đĩa bánh đòn.
- Ăn đi.
Anh nói cộc lốc rồi tiếp tục cắt đĩa bánh thứ hai. Một đầu sợi lạt tước nhỏ cắn chặt giữa hai hàm răng, đầu kia nằm trong tay phải, đòn bánh bóc trong tay trái. Anh quấn một vòng lạt quanh đòn bánh đã bóc sẵn, kéo căng sợi dây ra là bánh rơi xuống đĩa. Lát nào cũng giống lát nào, đều nhau như cắt bằng máy vậy.
Chờ anh Lềnh đặt đĩa bánh thứ hai xuống cái bàn thấp trước mặt chúng tôi, anh Khiết hỏi:
- Tết ở đồn chúng mày chỉ có thế thôi à?
- Còn chứ!
Anh Lềnh đáp và lại vào gian trong . Lúc sau, anh mang ra một tảng thịt lợn luộc đã khô cong bì.
- Ăn đi. Muối ở trong lọ kia kìa. Có cả mắm tôm rang ớt, ngon lắm.
Anh chỉ cho chúng tôi hai cái lọ độc bình lớn, nút bằng lá chuối khô. Không hiểu sao đồn biênphòng này lại có hai chiếc lọ độc bình đẹp như thế. Đó là hai chiếc lọ cổ, sứ Giang Tây, có vẽ hình tám cô tiên trong rừng. Có cô thổi sáo, cô gảy đàn tì bà, cô cưỡi hạc, cô cầm dải lụa đi trong mây… Hồi nhỏ, ông ngoại tôi cũng cho tôi xem, nhưng chỉ nhỏ bằng cái phích nước hai lít rưỡi, vừa đủ cắm cành đào ngày Tết. Còn ở đồn Khậu Phai, hai chiếc lọ này cao gần bằng đầu chúng tôi, có nghĩa là cao hơn một thước ba. Các chiến sĩ dung một lọ đựng muối, còn lọ kia đựng mắm tôm rang lẫn ớt bột. Có lẽ đó là hai món thực phẩm quý nhất vùng hiểm trở này.
Anh Lềnh lấy mắm tôm ớt ra một cái bát nhỏ. Chúng tôi ăn bánh đòn, thịt lợn luộc với mắm tôm. So với những thứ bánh trái với măng nấu chân giò, nấm hương xào thịt nạc của ông già Mộc ở bản Muốn thì những món ăn ở đây quả là quê kệch. Nhưng chúng tôi vẫn thấy ngon lành.
Anh Lềnh bảo:
- Đơn vị vừa thịt lợn xong, đã có lệnh đi. Thế là chẳng xào nấu gì hết, luộc cả con. Cắt để ở nhà một ít, còn đem theo. Tổ ở lại mang lòng xuống dưới bản làm rồi liên hoan với dân. Dân có cho ít bí xanh với rau cải để dưới bếp. Chiều nay ta xào.
Anh Khiết bảo:
- Chiều này ta về đồn Nường Le rồi. Mày xào nấy ngon vào cho hai em bé nó ăn.
Tôi nói:
- Đồn anh cũng đi tiễu phỉ hết rồi. Anh ở lại chơi với chúng em.
Anh Khiết xoa đầu tôi:
- Không được, anh phải về. Thế nào rồi cũng có dịp anh em ta gặp lại nhau.
Tôi chia số bánh chè lam và ngũ vị còn lại làm đôi để anh mang về đồn Nường Le làm quà một nửa. Còn lại, chờ anh Tỉn và anh Síu thức dậy đem ra liên hoan. Anh Lềnh buộc túm ba đòn bánh nếp đưa cho anh Khiết đi đường.
- Cẩn thận đấy – anh bảo bạn.
Anh Khiết đáp lại:
- Đừng lo cho tao. Lo cho em Bê với em Loan đó. Mày phải làm sao mọi sự tốt đẹp cho tới khi thủ trưởng quay về.
Hai người bắt tay nhau.
Chúng tôi đi cùng các anh ra hết khoảng sân nhỏ hẹp của đồn thì anh Lềnh bảo chúng tôi quay lại:
- Vào nhà đi.
Anh nói cộc lốc như ra lệnh. Nhưng chúng tôi còn đứng nhìn theo anh Khiết cho tới khi một đám mây lớn dày như tấm chăn bằng sương lạnh, cuốn chúng tôi vào trong.
- Đã bảo vào đi.
Lại nghe thấy giọng nói của anh Lềnh hộ pháp. Rồi anh dắt tay tôi với Loan đưa vào nhà.
Bắt đầu từ đó là những ngày buồn tẻ. Các chiến sĩ suốt ngày thay nhau canh gác hoặc ngủ. Cả ba anh lại cùng là người Nùng, người Mèo rất ít nói. Khác hẳn với anh Khiết, chẳng bao giờ họ gợi chuyện hoặc hỏi chúng tôi muốn gì, muốn đi đâu. Chính tôi phải gợi chuyện hỏi trước. Hóa ra trong ba người, anh Lềnh hộ pháp lại nói chuyện có duyên hơn cả, mặc dù cái giọng ồ ề của anh nghe mà sốt ruột.
Ở trên đồn, thỉnh thoảng chúng tôi nghe tiếng sung vọng tới. Các chiến sĩ vẫn bình thản giơ tay

sưởi trước bếp mỗi khi vừa tuần tra quanh núi hoặc đi xuống bản liên lạc với đơn vị dân quân về. Họ bảo tiếng súng ở vùng này ngày nào cũng có. Thường là sung bọn phỉ bắn trộm vào bản hoặc bắn thú để nướng ăn. Bọn chúng chui rúc trong rừng, nguồn tiếp tế ít ỏi nên phải ăn thịt thú là chính. Mỗi khi ta đi tuần tra thường đón nghe tiếng súng săn mà lần tới. Mười bận thì cũng sáu bảy bận gặp phỉ đói hoặc đám lửa nướng thịt thú nhen lên vội vàng giữa rừng còn bốc khói chưa tàn.
Buổi sáng ngày thứ tư, bỗng nhiên có người lố nhố chạy lên đồn. Vừa chạy họ vừa hú gọi rất khẩn cấp. Những người chạy đều đeo súng sau lưng. Anh Lềnh giơ ống nhòm lên ngắm nhìn rồi quay vào, đánh thức anh Tỉn và anh Síu.
Cả ba người cùng ra sân, chuẩn bị sẵn sàng súng đạn, bình nước và thức ăn khô dọc đường. Họ trao đổi với nhau bằng tiếng Nùng nên tôi không hiểu gì. Loan có nghe lõm bõm được đôi ba câu. Nó vốn có năng khiếu về ngôn ngữ hơn tôi. Nhưng nó cũng chỉ dịch được vài từ: "Dân quân dưới bản, nhanh lắm, phải đi thôi...". Sốt ruột, tôi dứt áo anh Lềnh:
- Có chuyện gì thế anh?
Anh đáp:
- Dân quân dưới bản lên gọi. Chắc bọn phỉ tới gần núi rồi.
Những người đang leo dốc lên đồn vẫn bám nhau đi. Họ mặc quần áo ka-ki màu lá úa hoặc vải nhuộm chàm, đội mũ nồi hoặc mũ bông biên phòng. Tiếng hú gọi lẫn với hơi thở hổn hển. Họ đã gần lên tới nơi. Anh Lềnh cúi xuống hỏi:
- Có chuyện gì thế?
Những người đang leo núi thi nhau đáp:
- Nguy lắm, nguy lắm, bộ đội ơi...
Tới khi ba thanh niên với một người đàn ông trạc ngoài bốn mươi tuổi lên tới nơi, anh Lềnh liền hỏi:
- Thế nào, có phỉ tới hay sao?
Người đàn ông đứng tuổi lắc đầu:
- Chúng tôi vừa đi tuần tiễu về. Không có bọn phỉ nhưng nguy lắm, anh Lềnh à... Dân bản chết hai người, đang còn chết nữa...
Anh Lềnh ngước đôi mắt lúc nào cũng có vẻ ngái ngủ, lì xì:
- Cái gì? Nói cái gì?
Một trong ba thanh niên trả lời:
- Chúng tôi đi tuần tiễu hai ngày. Về, thấy tất cả các nhà trong bản đều ốm. Có hai người già chết rồi... Còn nhiều người cũng muốn chết. Lão thầy mo Triệu đang cúng. Người bản đi qua dãy núi mời lão về.
Khi anh nói, ba người kia thi nhau thở, lột mũ lau mồ hôi ướt dầm dề trên trán. Người đàn ông có vẻ thất vọng:
- Chuyến này đến đốt bản mà đi thôi, anh Lềnh à.
Anh Lềnh bảo:
- Đừng nói chuyện đó.
Rồi anh quay lại bảo anh Tỉn và anh Síu :
- Hai đứa mày ở đây giữ đồn. Tao xuống bản.
Đám dân quân địa phương lục tục xuống trước. Anh Lềnh quay vào nhà lấy mũ bông biên phòng và bi đông nước mang theo. Thấy vậy, tôi nhào tới giữ chặt áo anh:
- Cho em đi với.
Anh lắc đầu:
- Không được. Bản này đã chết người mấy lần rồi. Không xuống được.
Tôi bướng bỉnh nói:
- Họ có chết vì đạn phỉ đâu? Họ chết vì ốm cơ mà... Em làm y tá cho trường đấy. Em đi với anh.
Quả tình chỗ này tôi bịa. Tôi có làm y tá cho trường bao giờ đâu. Nhưng tôi hay qua lại chơi với cô Dung, y tá của thị trấn và tôi có biết võ vẽ đôi điều. Mặc dù tôi đã liều nói vậy, anh Lềnh vẫn cứ tỉnh bơ:
- Không đi được. Lệnh thủ trưởng là bảo vệ em.
Tôi nói:
- Bảo vệ không phải là nhốt trong đồn. Anh xuống bản được em cũng xuống được.

Anh Lềnh không thèm nói gì, bước ra cửa.
Tôi bảo anh, giọng lạnh lùng:
- Anh đi trước, em sẽ đi sau. Em mà lạc, anh chịu trách nhiệm.
Tới đó, anh chiến sĩ hộ pháp bỗng dừng lại nơi ngưỡng cửa bối rối nhìn tôi. Tôi lấy chiếc khăn len kẻ ô, trùm tô hô lên đầu, nói với anh Tỉn và anh Sỉu.
- Loan thức dậy, các anh cứ bảo nó nấu cơm ăn, đừng chờ em nhé. Em đi với anh Lềnh đây.
Vì trong ba người, anh Lềnh là thượng sĩ, còn anh Tỉn với anh Síu chỉ là binh nhất, nên khi tôi đã áp đảo được anh Lềnh thì mọi sự xong xuôi. Hai anh binh nhất chỉ gật đầu một cách hiền từ rồi đứng nhìn tôi chạy theo anh Lềnh xuống núi.
Đám dân quân bản đã đi trước chúng tôi một thôi đường. Bóng họ thấp thoáng phía trước. Anh Lềnh chân cao nên bước thì bằng hai bước của tôi... Anh đi bình thường, tôi cũng phải chạy mới theo kịp. May mà anh biết ý đi chầm chậm để chờ. Con người to lớn trông cù mì thế nhưng nhiều khi lại tỏ ra rất tế nhị. Tôi đã cảm thấy mến anh. Anh cũng quý rôi nên hay ngồi kể tỉ mẩn mọi chuyện cho tôi nghe. Từ chuyện cô vợ chưa cưới của anh bị bướu cổ hiện đang về chữa ở Hà nội lẫn chuyện đứa cháu gọi anh bằng chú có sáu ngón chân. Mẹ thằng bé lấy sợi chỉ thắt cái ngón thừa đi, nhưng không hiểu chị làm thế nào, thằng bé bị sốt, cứ ưỡn bụng lên, mắt trợn ngược rồi chết... Tóm lại, tôi đã có thể coi anh như một người bạn lớn tuổi, đáng tin cẩn. Đi đường với anh thật yên tâm. Chúng tôi tới bản Khum vào giữa trưa. Bóng cây cối lờ mờ in ngay xuống gốc. Không có mặt trời, một vầng mây bạc hắt sáng xuống rừng núi. Bản Khum nằm dưới chân lèn đá, không ở giữa thung lũng tươi xanh như bản Muốn. Nhà cửa ở đây thấp nhỏ, tiều tụy hơn ở bản Muốn nhiều. Những đống phân trâu, phân người lầy như bùn nhão dưới sàn. Ở bản Muốn, người ta làm chuồng tiêu riêng. Ở bản Khum, đi đồng ngay vào chuồng lợn. Tiết trời mù sương, mưa lay phay khiến những con đường dính nhơm nhớp. Phân tràn từ những kẽ hở ván quây chuồng bò, chuồng lợn chảy ra đường. Mùi hôi thối quẩn trong không khí tù hãm, không thoát đi được. Tôi nói với anh Lềnh:
- Người bản này ốm vì bẩn. Phân bò, phân lợn, phân người cao ngập ngụa thế kia, sao không ốm được. Ở bản Muốn, nhà cao, đất rộng, thung lũng thoáng gió mà ông già Mộc với tụi em vẫn vận động dân bản làm chuồng nuôi bò nuôi lợn riêng. Dưới sàn để trống. Bản Khum vừa chật hẹp, vừa bí gió lại ở như thế này tránh sao khỏi bệnh tật...
- Ờ - anh Lềnh gật đầu – thủ trưởng cũng đã giải thích cho các anh và vận động dân bản nhưng chưa được. Nể bộ đội lắm, người bản mới dựng một gian nhà mở lớp học cho trẻ con. Còn họ vẫn quen ở như vậy. Cứ mỗi lần ốm, chết nhiều, người bản lại nhổ nhà, dời sang đất khác. Họ bảo đất đó có ma.
Chúng tôi vào nhà trưởng bản. Chính nhà ông ta cũng đang có người mẹ ốm. Bà cụ nằm trong buồn, chiếc chăn chiên che kín cửa. Anh Lềnh vào, ông trưởng bản rầu rĩ nói:
- Chắc bản ta lại phải dời khỏi núi này. Trời không thương người bản, cứ đuổi mãi thôi. Cái nhà sàn vừa dựng, ở chưa ấm đất. Cái nương vừa phá, chưa đánh hết rễ cây rễ cỏ, chưa thu được hạt lúa vài quầy, đã phải nhổ cọc nhổ sàn, địu con địu mẹ đi tìm đất khác. Kiếp người bản Khum là vậy, nghèo suốt đời. Nghèo đời ông sang đời con. Nghèo đời con sang đời cháu...
Mắt ông ta đỏ đục, lờ đờ, trông mệt mỏi và như đang cạn hết sinh khí. Anh Lềnh bảo:
- Tôi vào thăm người bệnh nhé.
Trưởng bản lắc đầu:
- Bộ đôi đừng vào, vào lây bệnh chết đấy. Người già chết còn tiếc huống chi trai chưa vợ chưa con...
Anh Lềnh không nói, lẳng lặng vén tấm chăn chiên bước vào buồng. Mùi hôi lưu cữu trong nhà trộn lẫn hơi phân tươi dwois sàn bốc lên khiến tôi muốn nôn thốc nôn tháo. Nhưng tôi cũng cố gắng bước theo anh Lềnh. Đừng bên ngoài một mình, giữa những người lạ, tôi có cảm giác sợ hãi. Bà già sốt mê man. Không cần đặt tay lên trán bà cụ, tôi cũng thấy hơi nóng từ người bà đang bốc lên hừng hực. Bà già nhắm nghiền mắt, không hay biết gì.
Anh Lềnh nhìn bộ mặt đỏ tím của bà, rồi khẽ thở dài, bước ra. Anh ngồi xuống bên bếp lửa, xòe bàn tay hơ:
- Người bản phát bệnh bao giờ?
Trưởng bản đáp:
- Hai hôm rồi. Từ hôm tôi sang bên kia núi thăm nhà vợ. Bà cụ ở nhà xuống con Mạy ăn cơm.

Sáng đó họ thịt con trâu, chia mỗi nhà vài cân xào uống rượu.
Ngừng một lát, ông ta chậm rãi nói tiếp:
- Thầy mo Triệu đang cúng ở nhà bên. Ông ta bảo hễ cúng không được thì phải dời bản ngay tức khắc.
Anh Lềnh cau mày:
- Lão đó nuôi bọn phỉ hàng tháng trời trong nhà. Ta đã cảnh cáo rồi. Có dịp khác là tới bắt thôi.
Trưởng bản vẫn đăm đăm nhìn ngọn lửa bằng đôi mắt buồn rầu:
- Người trong bản nhao nhác lắm. Tôi không biết tính sao. Vợ tôi lại sắp tới ngày nằm cữ.
Anh Lềnh hỏi:
- Sao ông không cho người xuống huyện mời y tá? Đem thuốc cho dân bản uống mới khỏi chứ vừa ốm lại tính chuyện dời bản sao nghe lọt tai...
Trưởng bản lắc đầu:
- Dân bản tin cúng hơn. Tôi ốm, tôi không đi được. Có mấy đứa dân quân còn cứng chân cứng tay thì phải lo chống giữ phỉ. Đàn bà con gái thì làm gì được?
Tôi sẽ giật áo anh Lềnh:
- Bệnh viện huyện có xa không anh?
Anh đáp:
- Đi bộ hai ngày đường. Đi ngựa thì nhanh hơn.
Tôi bảo:
- Anh mượn ngựa, anh với em cùng đi.
Anh Lềnh ngẫm nghĩ, rồi bảo trưởng bản:
- Ông cho tôi mượn ngựa, tôi đi.
Trưởng bản ngước lên:
- Ngày Tết anh cũng đi à?
Anh Lềnh đáp:
- Ngày Tết chúng tôi còn phải tiễu phỉ, có được ngồi bên bếp lửa mà bóc bánh đâu. Việc cứu người ốm cũng như tiễu phỉ, không thể chần chừ được. Ông lo mượn cho tôi hai con ngựa.
Trưởng bản ngạc nhiên nhìn tôi:
- Cả cái bé này cũng đi được à?
Anh Lềnh gật đầu:
- Đi được. Ông tìm ngựa nhanh lên. Cứu sống người nào hay người đó.
Trưởng bản không nói nữa, lẳng lặng xuống cầu thang. Chúng tôi ngồi lại bên bếp lửa chờ đợi. Chừng non nửa giờ sau, ông ta quay lại:
- Có ngựa rồi. Tôi vận động bà con ủng hộ bánh cho anh ăn dọc đường. Cả thóc cho ngựa nữa.
Ông đưa một chùm bánh đòn. Những chiếc bánh đòn vùng này chỉ nhỏ bằng nửa bánh ở bản Muốn. Tôi thấy lòng nao nao vì nghĩ tới sự khốn khó của con người.
Anh Lềnh nói:
- Đi.
Chúng tôi bước xuống cầu thang. Mỗi con ngựa đã có một bị thóc đeo trước cổ. Yên làm bằng bao tải, trên lót vải rách xơ. Anh Lềnh đeo vào lưng chùm bánh ông trưởng bản đưa cho rồi chúng tôi lên ngựa nhằm hướng tây bắc, đi mải miết. Những quãng đường bằng, chúng tôi thúc ngựa chạy đều đều. Đoạn dốc, ngựa đi không, còn người xuống bộ. Xuống thung lũng hoặc xuống đèo, anh Lềnh bảo:
- Nằm xuống, nắm chắc dây cương nhé.
Rồi anh thét ngựa phi nước kiệu. Gió ù ù bên tai khiến tôi chóng cả mặt. Rủi con ngựa lỡ bước hoặc vấp ngã là toi đời. Nhưng may sao, hai con ngựa đều rất khỏe. Đường chúng tôi đi hoàn toàn trôi chảy. Gần chiều, anh bóc bánh đưa cho tôi ăn. Ăn xong, hai anh em tới một con suối. Chúng tôi nhảy xuống, rửa tay, dắt ngựa lội qua. Nước lạnh khiến tôi rùng mình. Khi vừa tới bờ suối bên kia, bỗng có tiếng chim kêu ngay phía trước, trong một lùm cây rậm ven đường:
- Hú mà…
Tiếng chim kêu rất to, nghe như tiếng người thét. Tôi giật mình ngẩng lên nhìn. Còn anh Lềnh thì sững lại. Mặt anh tái mét, đôi mắt thất thần như người trong cơn hoảng loạn. Tôi tưởng anh ốm nên vội hỏi:
- Anh làm sao thế?

Anh Lềnh đứng ngây, không trả lời.
Lúc đó, tiếng chim lại vang lên lần thứ hai:
- Hú mà…
Tiếng chim giống như tiếng người đang ngồi thu mình trong vòm lá dày đặc phía trước thét lên để trêu cợt chúng tôi. Anh Lềnh vẫn đứng im, mặt tái xanh như chàm đổ. Tôi chưa kịp hiểu vì sao thì tiếng chim cất lên lần thứ ba, rõ ràng như một kẻ tai quái rít ngay trên đầu chúng tôi.
- Hú mà…
Hai con ngựa đang đi bị dừng lại, cúi đầu tìm cỏ ven đường. Anh Lềnh vẫn chưa nói được tiếng nào. Tôi thấy bộ mặt to lớn của anh bạc phếch, nhợt nhạt như người trúng gió. Tôi nắm tay anh, da tay anh nổi gai ốc. Tôi nói:
- Anh làm sao thế? Anh có ốm, em xoa dầu cho… Em có lọ dầu trong túi áo bông đây này.
Vừa nói, tôi vừa vỗ vỗ vào lưng anh.
Như chợt tỉnh ra, anh khẽ rùng mình rồi lắp bắp:
- Không, anh không ốm… Không, không… Ta đi thôi…
Anh nhảy lên ngựa, thúc nó chạy như cuồng mặc dù đường rất khó đi. Tôi cố gắng hết sức mới đuổi theo kịp anh được. Vượt khỏi con suối đó chừng ba cây số, chúng tôi tới một con dốc cao. Anh Lềnh nhảy xuống ngựa, quay lại nhìn đoạn đường vừa đi qua như nhìn một con quỷ, một cơn ác mộng hãi hùng:
- Ối dà dà…
Tôi cười:
- Anh làm gì mà phi ngựa như ma đuổi. Em không cẩn thận thì đã ngã gãy cổ rồi.
Anh lắc đầu:
- Ối dà, em không biết đâu…
Anh lại quay đàu nhìn quãng đường vừa đi lần thứ hai, với đôi mắt sợ sệt, kinh hoàng.
Tôi hỏi:
- Có chuyện gì ghê gớm thế?
Anh lắc đầu:
- Chưa nói được. Đi hết đỉnh núi này rồi anh sẽ nói.
Anh bỏ giỏ thóc đeo ở cổ ngựa xuống cho nó ăn. Sau đó, anh bảo tôi dắt ngựa lên dốc. Từ chân con dốc tới đỉnh dốc, thời gian rất lâu. Ước chừng có tới gần một tiếng đồng hồ. Mặc dù tôi khẩn nài, cầu cạnh, giận dỗi đủ trò, anh vẫn cứ im thin thít. Khi tới đỉnh núi, anh lẩm bẩm nói câu gì đó trong miệng. Rồi anh thở một hơi dài giống như người vừa trút được gánh nặng:
- Bây giờ, nói được rồi… Lúc ở suối, em có nghe thấy gì không?
Tôi đáp:
- Có nghe. Tiếng chim kêu.
Anh Lềnh nói:
- Đúng rồi… đúng rồi… Nhưng không phải là chim thường đâu. Nó là con chim hú mà, nghĩa là con chim gọi hồn. Nó kêu ở đâu, ở đó phải có người chết. Năm trước, trưởng bản nói với anh: "Cách đây sáu năm, bản Khum ở cách đồn Khậu Phai hơn một ngày đường. Bản đang yên lành, bỗng dưng một chiều, con chim hú mà tới kêu ba tiếng. Hôm sau, dân bản bắt đầu ốm chết. Chết dần chết mòn hai phần. Lúc đó, người bản mới dời tới chân núi đồn Khậu Phai"
Tôi nói:
- Em nghe nói con chim kêu như thế gọi là chim bệnh. Loài chim này thường ăn thịt thối mắc trong răng hổ. Nó tới đâu có nghĩa là hổ tới đó vồ người, bắt bò bắt lợn. Đúng không?
- Không, không… - anh Lềnh lắc đầu một cách quyết liệt – Không phải, không phải mà… Anh đã nghe nói tới con chim này từ hồi năm tuổi. Ông anh kể với bố anh. Bố anh lại nói chuyện cho cả nhà… Vùng anh người ta cũng sợ con chim hú mà lắm. Thường thường, cả đời người có khi không nghe thấy tiếng nó kêu. Nhưng đã gặp nó là có chuyện không lành – anh ngừng lại, nuốt nước bọt rồi thì thầm nói tiếp - Những người già sợ không dám nhắc tới tên nó. Ông anh bảo con chim này không bay dưới ánh mặt trời. Nó chỉ đậu ở những vòm lá tối mà người đi rừng không bao giờ nhìn thấy. Ta chỉ biết được nó khi nó chết. Con hú mà chết, xương trắng rơi xuống gốc cây, giống in hệt bộ xương người. Cái đầu nó cũng giống như đầu lâu người, xương cánh giống xương tay người, xương chân cũng giống xương chân người.
- Thế anh đã nhìn thấy bộ xương nó bao giờ chưa? – Tôi hỏi.

- Chưa. Nhưng người già nói đúng, nói thiêng lắm.
Anh Lềnh đáp, giọng thành kính, tin cẩn. Tôi hiểu rằng trong tâm hồn người lính vùng này, câu chuyện hoang đường kia đã để lại một dấu ấn không thể nào phai lạt. Làm gì có con chim kêu một tiếng mà hàng loạt người chết, ngoại trừ con chim đó là trái bom tấn vô hình hoặc nó có thể phát ra luồng khí độc hay một khối lượng vi trùng nguy hại tới mức con người không thể nào chống đỡ.
Tuy vậy, tôi im lặng đi bên anh. Trời đã tối từ lúc nào không biết. Anh Lềnh rút chiếc đèn pin từ trong túi ra:
- Hết con dốc này, anh em ta lại lên ngựa được rồi. Cặp ngựa này khá đấy. Gần bằng ngựa của đồn Khậu Phai – Anh nói, giọng rất tự hào – Anh nuôi ngựa giỏi nhất đồn, thủ trưởng thường khen anh luôn đấy.
Có tiếng cọp gầm rất xa vẳng tới. Ông già Mộc đã giảng cho tôi tiếng gầm đó là tiếng hổ đựcgọi hổ cái. Tôi rùng mình, hỏi:
- Tiếng cọp gầm đấy. Anh sợ không?
Anh cười hề hề:
- Sợ gì? Súng trongtay, đèn trong tay đây… Ban ngày, gặp hổ chỉ vụt que nứa nó cũng cong đuôi chạy.
Tôi ngạc nhiên hỏi:
- Sao lại thế?
Anh Lềnh bảo:
- Có gì đâu! Con hổ nào đã ăn người một lần quen là cứ ăn mãi. Người ta bảo là cọp thành tinh. Còn những con khác thấy người phải sợ chứ… Nó cũng tưởng mình là một con vật có thể gây hại nó được.
Tới đó, anh lại cất tiếng cười hồn nhiên:
- Mình chỉ cần vụt que nứa là nó chạy. Loài hổ sợ nhất nứa. Nứa sắc, cứa đứt da, chảy máu. Mà đã chảy máu là nó cứ đưa lưỡi liếm mãi. Lưỡi hổ sắc, càng liếm càng rách thịt, chảy máu. Cứ thế, có khi hổ không chết vì đạn mà lại chết vì một vết nứa cứa thôi đấy.
Trời đã tối mịt. Con dốc cũng vừa hết. Anh Lềnhnhắc tôi lên ngựa rồi anh cũng nhảy lên lưng con ngựa của anh, giục chúng đi. Tôi đi sau, anh đi trước rọi đường, ánh đèn pin quệt loang loáng. Bóng anh cao lớn, lúc nhoà lúc hiện trong đêm. Kể cũng lạ, anh sợ tiếng kêu của một con chim đến thế, mà đi trong đêm tối mịt mùng, lúc nào cũng có thể gặp phỉ hoặc thú dữ, anh lại dửng dưng như ta đi giữa đồng lúa. Còn tôi, dù can đảm đến mấy, tôi vẫn sợ hãi trước đêm rừng. Tôi luôn luôn có cảm tưởng một con thú nào đó, hoặc một con hổ, một con gấu, một con trăn khổng lồ, hoặc một bóng đen bí hiểm từ vòm cây rậm rịt sắp nhảy bổ tới ôm choàng lấy tôi. Nhất là trong các xó xỉnh, những vệt sáng xanh cứ nhấp nhoáng như những con mắt lúc mở lúc nhắm, cười cợt. Tôi hiểu đó là vệt lân tinh trên các thân gỗ mục. Nhưng một nỗi sợ hãi khó giải thích vẫn khiến tôi toát mồ hôi gáy. Tôi gọi anh Lềnh:
- Anh Lềnh ơi, anh đi sau, em đi trước cơ.
Anh quay lại bảo:
- Nhưng còn phải soi đường, lại phải phát hiện xem có dấu vết tụi phỉ mò đi ăn lẻ không chứ.
Tôi bí nhưng vẫn cứ nói:
- Không, em cứ đi trước cơ. Đi sau em không thích.
Anh Lềnh ngạc nhiên:
- Sao lại không thích? Đường núi mà, đi hàng một dễ lọt chứ đi song song, ngựa không lách được.
Tôi hết lý, nhưng bóng đêm phía sau lưng tôi mỗi lúc một dày đặc hơn. Và nỗi đe doạ cũng từ trong bóng đêm mênh mông đó, nhòm ngó tôi bằng những đôi mắt lập loè. Tôi kêu lên:
- Anh Lềnh, em không đi nữa đâu!
Anh chiến sĩ hiền lành kinh ngạc trước tiếng kêu đột ngột của tôi, nhảy xuống ngựa:
- Sao thế?
Rồi anh bế tôi sang ngựa của anh, cho ngồi sau lưng. Còn con ngựa của tôi, anh nới dây cương, buộc vào sau yên. Anh ngồi trước, tôi ngồi sau, ôm lưng anh, thỉnh thoảng lại quay đầu nhìn xem có bóng đen nào đuổi theo hoặc con thú dữ nào rình mò không. Từ lúc đó trở đi, tôi hoàn toàn yên trí. Đôi ngựa vẫn bước đều đặn.

- Lọc cọc, lọc cọc, lọc cọc…
Tiếng vó nện xuống đường nghe đều đều như tiếng tích tắc của đồng hồ hoặc tiếng quay của bánh xe lửa nghiến trên đường ray. Nhịp điệu đó khiến ta dễ buồn ngủ. Khi không còn lo âu, sợ hãi nữa, tôi đâm buồn ngủ thật. Hai mí mắt nặng trĩu cứ sập xuống. Thỉnh thoảng, một con chồn đêm lao soạt vào bụi rậm khiến tôi giật nẩy người. Ngoài những vệt lân tinh, không còn ánh sáng nào hơn. Cứ như vậy dăm bẩy lần, tôi không giật mình hoảng sợ nữa. Ngay cả tiếng mang tác ngay ven suối, hay tiếng hổ gầm nói thung sâu nào đó vẳng tới cũng không thể khiến cặp mi mắt nặng trĩu của tôi nâng lên được. Tôi ngủ lúc nào không rõ. Tiếng vó ngựa lọc cọc vẫn cứ vang lên đều đặn. Trong giấc ngủ rất dài, tôi chỉ nghe thấy riêng một thứ âm thanh buồn tẻ đó mà thôi…
Tôi tỉnh dậy khi phố huyện đã hiện ra trước một thung lũng dài, không đẹp bằng thung lũng bản Muốn nhưng rộng hơn. Những ngôi nhà gạch xây trong lòng thung, chạy dọc theo đường chính. Anh Lệnh và tôi tới bệnh viện huyện khi người thường trực chưa mở cửa. Ông ta còn quấn chăn ngáy như hò kéo gỗ trong cái chái nhà lợp ngói đỏ chót, rường cột mới tinh, chưa nhẵn vết rìu.
- Này, này, chưa đến giờ vào thăm bệnh nhân. Buộc ngựa ra ngoài kia không nó ỉa ra cổng bệnh viện bây giờ.
Ônng ta mở mắt gườm gườm nhìn hai chúng tôi, mắng một hồi rồi lại nhắm mắt, rụt đầu vào tấm chăn bông hoa mà ngủ.
Anh Lệnh gọi:
- Chúng tôi không đến thăm bệnh nhân đâu. Chúng tôi cần gặp bác sĩ, mở cửa cho chúng tôi…
Ông thường trực ngồi nhổm dậy, hai mắt đỏ kè:
- Gặp bác sĩ nào chứ? Ở đây có hai bác sĩ mà.
Anh Lệnh đứng ngẩn người, không đáp được. Tôi nhanh trí nói:
- Bác sĩ phụ trách bệnh viện, người có quyền cao nhất ở đây. Ông cứ bảo có người trên đồn biên phòng Khậu Phai về gặp.
Ông già thường trực chăm chăm nhìn tôi và anh Lệnh, rồi khẽ kêu "ái dà dà" trong miệng, chui khỏi cái chăn ấm áp như con sâu kèn chui khỏi vỏ. Ông ta choàng áo bông, chụp lên đầu chiếc mũ dạ cũ, rồi xỏ chân vào đôi guốc tự đẽo lấy, lẹp kẹp đi vào. Chúng tôi buộc ngựa, đứng thi nhau giậm chân cho đỡ rét. Chừng mười phút sau, một người đàn ông bận áo bờ-lu trắng đi ra. Thấy tôi, ông ta vồn vã hỏi trước:
- Cháu vừa ở dưới xuôi lên hả?
- Vâng.
- Cháu người ở đâu?
- Cháu ở Bắc Ninh.
- Ô, con gái xứ Kinh Bắc cũ. Còn chú ở Ninh Bình. Cháu đã bao giờ tới đó chưa?
- Chưa đâu ạ.
- Nhưng chú cháu ra vẫn cứ là người miền xuôi. Trên này, gặp đồng hương là quý lắm…
Nói tới đó, bệnh viện trưởng mới sực nhớ tới người chiến sĩ biên phòng cao lớn vẫn đứng im lặng sau lưng tôi. Ông giơ tay:
- Chào đồng chí. Mời đồng chí vào đây.
Chúng tôi cùng vào, trình bày sự việc ở bản Khum. Ông bác sĩ trưởng viện tên là Tính nói:
- Thực ra việc này Ty y tế phải làm. Nhưng lực lượng cán bộ y tế ở tỉnh mỏng quá, không thể phục vụ hết.Các bản lại ở cách xa đường. Nhất là bản người Mèo trên núi cao, đi hàng tháng trời mới tới. Chuyện các bệnh dịch tràn lan, chết hàng loạt người năm nào cũng có. Nhiều vùng, người bản cúng tới vài trăm lợn và cả đàn trâu bò… Có ca đau ruột thừa mà lập ra bốn đàn cúng. Khiêng tới viện thì ruột đã thối, không thể nào cứu chữa.
Ông bác sĩ ngừng lời. Tôi hỏi:
- Thế chú đi cùng chúng cháu lên bản Khum chứ?
Ông trưởng viện ngập ngừng:
- Tôi không dám bỏ viện đi đâu vì các ca mổ, các ca bệnh lý nguy hiểm cần trực tiếp xử trí nhiều lắm. Nhưng để một y tá đi thì cũng không yên tâm. Một trường hợp lầm lẫn có thể gây chết hàng loạt người và mất uy tín của ngành. Đối với người dân tộc vùng cao, đã mất uy tín một lần thì khó mà lấy lại được.

Tôi nói:
- Chú không thể giao lại bệnh viện cho chú bác sĩ viện phó hay sao? Tới bản Khum rồi về ngay chỉ mất ba, bốn ngày.
Ông bác sĩ Tính cười, phô hai hàm răng vàng khè khói thuốc:
- Cháu có biết mấy năm rồi chú chưa đi phép không?... Năm năm ba tháng. Đứa con út lên năm chưa thấy mặt chú mà chú cũng chẳng được bế nó lần nào. Chỉ nhìn ảnh mẹ nó gửi lên thôi.
Tội lặng im. Bác sĩ trưởng viện nói tiếp:
- Ở đây chưa có bác sĩ, dân cứ gọi như vậy quen miệng đi thôi. Cả viện này chỉ có chú và chú Hiền là y sĩ. Chú Hiền chuyên khoa ngoại, còn chú phụ trách chung. Sáu y tá có hai người Kinh, còn lại bốn là dân tộc ít người đang đào tạo chưa đủ vững tay nghề. Tình thế khó khăn lắm...
Ông thở dài.
Anh Lềnh lúc ấy mới nói:
- Báo cáo đồng chí, tôi đang làm nhiệm vụ giữ đồn, canh gác bọn phỉ. Tôi phải giao việc cho anh em khác, vượt rừng về đây. Đồng chí cố gắng đi kẻo dân bản Khum chết nhiều lại dời bản. Hiện giờ lão thầy mo Triệu lập đàn cúng dưới đó. Lão bảo cúng không khỏi thì phải đưa dân đi... Tôi thấy có chuyện chẳng lành...
Nhìn đôi mắt lo âu của anh khi nhắc tới chuyện chẳng lành, tôi biết anh không nghĩ về hai người bị bệnh đã chết ở bản Khum thật sự mà lại nghĩ đến tiếng kêu ghê sợ của con chim hú ở bờ suối chiều qua. Tôi năn nỉ:
- Việc quan trọng lắm, chú đi đi..
- Được, chờ tôi nhé.
Y sĩ Tính nói rồi bước đi. Chắc ông tìm y sĩ Hiền dặn dò mọi việc. Xong, ông xách về một túi dết căng đầy những thuốc men, dụng cụ khám bệnh và bảo:
- Đi. Đã đi thì phải thật nhanh, tranh thủ từng giờ từng phút.
Khi ông ra cửa, một cô y tá trắng mũm mĩm chạy theo, đưa túi cơm:
- Chú Tính, phải mang thức ăn dọc đường chứ.
Y sĩ viện trưởng quay lại dặn:
- Cô nhớ theo dõi ca viêm màng não tối hôm qua.
Cô y tá gật đầu:
- Cháu nhớ rồi.
Chúng tôi ra khỏi viện. Y sĩ Tính cưỡi con ngựa ô cao lớn của anh Lềnh. Còn anh, và tôi cưỡi chung con ngựa hồng của tôi. Cả đêm qua nó được đi không nên còn dư sức. Qua cửa hàng ăn uống của huyện, cả ba chúng tôi vào ăn phở. Phở ở đây còn kém phở bản Nọi xa nhưng đói nên đành nhắm mắt nuốt. Ăn xong, tôi mua một chục bánh mật, bánh rán của các hàng dân bán quanh đó. Anh Lềnh không có tiền. Tôi đưa tiền để mua thóc cho ngựa ăn no. Rồi chúng tôi lên đường.
Từ phố huyện tới bản Khum chúng tôi không nghỉ một phút nào, trừ những lúc ăn uống. Ăn hết cơm với xôi nếp của y sĩ tính rồi tới bánh rán bánh mật tôi mua. Ông y sĩ tận tuy với nghề cứ luôn miệng giục đi. Ông nóng ruột vì cả những người ốm đang đợi ở bản Khum lẫn những người bệnh ở viện nhà.
Y sĩ Tính không hề ngủ. Mắt ông vẫn sáng quắc mặcdù mặt gầy hốc hác. Anh Lềnh cũng không ngủ. Chỉ có tôi, vì yên trí ngồi ôm lưng anh nên ban đêm tôi vẫn vừa ngồi vừa ngủ được một giấc dài.
Đi suốt ngày, suốt đêm. Sáng hôm sau, người và ngựa tới bản Khum. Lại thêm một nhà nữa có người chết, treo cành lá cữ trước cửa. Tiếng than khóc, tiếng la gọi, tiếng gào rú của thầy mo Triệu, tiếng trống và tiếng chũm choẹ cùng lúc vang rền náo động. Chúng tôi vào nhà trưởng bản trước. Y sĩ Tính không nói nhiều, chỉ gật đầu chào chủ nhà rồi bước vào buồng người bện ngay. Hẳn ông ta đã ở vùng này lâu, hẳn lương tâm người thầy thuốc trong ông thật lớn nênông đã chịu đựng mùi hôi hám tanh tưởi một cách bình thản. Ông khám bệnh cho bà già, hỏi chủ nhà dăm ba câu rồi nói:
- Dịch sốt nhiệt thán. Người bệnh ăn phải trâu hoặc bò chết vì bệnh nhiệt thán.
Ông hỏi trưởng bản bằng tiếng Nùng. Trưởng bản tròn xoe mắt ngạc nhiên, gật đầu đáp:
- Đúng, ông nói đúng lắm. Bà cụ có ăn thịt trâu ở nhà con Mạy, em gái tôi.
Y sĩ Tính bảo:

- Tất cả những ai ăn thịt con trâu đó đều sẽ mắc bênh sốt này.
Trưởng bản hỏi:
- Có chữa được không?
Y sĩ Tính đáp:
- Uống thuốc, tiêm thuốc kịp thời thì chữa khỏi.
Trưởng bản mừng rú lên.Ông ta cuống quít chạy xuống cầu thang:
- Để tôi đi báo cho dân bản biết. Thế là con trâu chết làm hại người bản Khum chứ không phải Trời làm hại người bản Khum. Ôi dà dà…
Ông ta đi một lúc, hối hả quay về, hơi thở tuôn khói ra hai lỗ mũi:
- Bác sĩ đi theo tôi, nhiều lắm… Nhiều người ăn thịt trâu bị ốm lắm.
Ông y sĩ Tính đã tiêm cho bà cụ xong, lấy thuốc dặn cô con dâu bụng chửa vượt mặt, tức là nguờii vợ trẻ của ông trưởng bản, cho bà cụ uống rồi đeo túi thuốc, ra đi.
Anh Lềnh bảo tôi:
- Giờ em với anh về trên đồn chứ?
Tôi lắc đầu:
- Không, ở đây xem chú Tính tiêm.
Anh Lềnh cười:
- Thế em ở lại xem nhé. Anh về một tí rồi xuống bản ngay.
Tôi gật đầu. Anh lên đồn, còn tôi theo trưởng bản và y sĩ Tính đi từng nhà, tiêm và cho người bệnh uống thuốc. Y sĩ Tính giao cho tôi đeo túi thuốc khi đi đường, lấy bông tẩm cồn hoặc xoè diêm đốt lửa sát trùng kim tiêm nên người bản tưởng tôi là một cô y tá bé xíu. Và họ nhìn tôi bằng con mắt thán phục vô cùng.
Vòng hết bản, trời đã tối. Trưởng bản đốt đuốc đưa chúng tôi đến mấy nhà cuối cùng. Mấy nhà này thuộc loại khá trong bản. Có người ốm là họ khắc lập đàn cúng ngay. Tới nhà nào cũng thấy khói hương nghi ngút. Còn đồ lễ buộc lại để đem tới nhà thầy mo Triệu. Đồ lễ gồm mười hai vuông lụa hồng, mười hai vuông vai trắng. Xôi đầy mâm và gà luộc cả con bày lên trên. Nhà nào nhà nấy mấy người ốm vẫn sốt li bì mặc dù tàn hương làm thuốc của thầy mo với giấy đốt rải đầy trán, đầy bụng. Họ nhìn chúng tôi, ngao ngán:
- Thôi mà, không chữa được đâu. Cúng hết lễ lớn, lễ con mà ma vẫn trói người ốm xuống giường, bịt mắt không cho mở.
Rồi họ bảo trưởng bản:
- Người bản Khum ta rồi lại phải cõng nhà bỏ đất này ra đi thôi.
Trưởng bản nói:
- Tiêm thuốc, uống thuốc sẽ khỏi. Cả bản đã được tiên thuốc, uống thuốc rồi. Nay đến nhà mày thôi đấy.
Chủ nhân thờ ơ bảo:
- Làm thì làm thôi. Nhưng con chimhú mà đã kêu ngoài suối lớn rồi. Hai hôm trước, có đứa đi nương về nghe thấy.
Ôi, lại con chim hú mà… - tôi nghĩ. Sao mà nó gây cho người dân vùng núi cao nỗi kinh hoàng ghê gớm đến như vậy.?…
Y sĩ Tính thăm bệnh cho người ốm xong. Ông vẫy tôi lại:
- Cũng là dịch nhiệt thán. Ta chuẩn bị tiêm.
Tôi lấy bông tẩm cồn sát trùng kim. Y sĩ bẻ ống thuốc. Tôi nghĩ mình cũng có thể trở thành một người thầy thuốc được, trừ việc mổ xẻ. Vì cứ nhìn thấy máu là toi chóng mặt quay cuông, muốn ngã luôn. Chúng tôi lần lượt tiêm thuốc cho khóm nhà còn lại của bản Khum. Lúc xuống cầu thang, tôi thở phào:
- Hết rồi, chú Tính nhỉ.
Nhưng trưởng bản biết tiếng Kinh. Ông ta nói:
- Chưa hết đâu. Còn một nhà nữa ở rìa núi. Nhà nó có đứa con mười hai tuổi bị bệnh nghèo quá, chạy vạy vay tiền, vay lúa khắp bản tới chiều nay mới đủ lễ. Hiện thầy mo Triệu đang cúng ngoài đó.
- Có đi nữa không chú?
Tôi hỏi y sĩ Tính. Trời tối đen, gió thổi lạnh tới tận xương. Bó đuốc trưởng bản cầm trong tay cũng đã gần tàn. Y sĩ Tính trả lời không ngập ngừng:

- Đi chứ. Cố gắng thêm chút nữa, cháu à.
Tôi im lặng đi theo ông. Từ đó về sau, tôi hiểu rằng người thầy thuốc thật sự phải có lòng nhân ái sâu xa, phải có tinh thần trách nhiệm cao cả. Những đức tính đó tạo nên phẩm chất riêng biệt cho họ. Không một nghề nghiệp nào đòi hỏi phẩm chất cao như vậy.
Trưởng bản nhìn đường, rồi nói:
- Bác sĩ chờ tôi một lúc nhé. Tôi phải thay đuốc. Trời tối mà đường còn dài.
Nói xong, ông ta hối hả rẽ vào một lối mòn, lên ngôi nhà gần đó nhất. Còn lại tôi và y sĩ Tính đứng trong đêm. Ông kéo tôi tới gần, choàng tay qua vai tôi:
- Rét quá hả cháu? Mới lên đây chưa quen được với thời tiết ghê gớm này. Nhưng quen rồi lại béo ra, má đỏ hây hây ấy. Con gái hợp với khí hậu núi. Chỉ có đàn ông là không. Các chú ở đây, anh nào cũng sụt ít nhất ba bốn cân trở lại.
Tôi hỏi:
- Sao chú không xin về dưới xuôi?.. Ở đây lâu buồn lắm.
Y sĩ Tính cười hiền lành:
- Cháu nói nghe ngon lành như ăn chè đỗ đãi ấy. Nếu xin được chú đã chẳng phải ở liền năm năm không nghỉ phép. Làm gì có ai thay? Không lẽ cứ bỏ mặc người bệnh chết mà đành lòng đi được…
Tôi nói:
- Bố cháu cũng thế. Lần nào về phép, mẹ cháu hỏi, bố cháu cũng bảo chờ cấp trên cho người thay. Chờ mãi mười lăm năm vẫn cứ ở đồn Khậu Phai này.
Y sĩ Tính vỗ vỗ vào lưng tôi:
- Người lên thì ít, người muốn xuống lại nhiều. Việc ở đây cứ ùn lên không đủ sức gánh vác. Mình không muốn bị lương tâm cắn rứt, mình phải đưa vai ra thôi.
Trưởng bản đã xuống cầu thang, cầm bó đuốc lớn cháy rừng rực.
- Ta đi thôi nào.
Giọng ông thào thào, bốc mùi rượu. Hẳn là ông ta đã tranh thủ uống một bát trước khi ra đi.
Trời rét. Sương quấn thành một lớp dày bay là là trên mặt đất, bao quanh các chân núi. Chúng tôi đi trong sương mù như những người bị bệnh mộng du, cứ bập bềnh trôi nổi. Tôi có cảm giác tất cả bị sương đẩy trôi xuống một bờ vực trơn ướt. Nhưng đó chỉ là những bụi cây đẫm nước quệt vào gấu quần tôi. Đi chừng gần một giờ mới tới nhà người bệnh. Chúng tôi lên cầu thang giữa lúc thầy mo Triệu đang la hét, nhảy nhót. Những vuông lụa hồng, vuông vải trắng xếp trên bàn thờ. Cả một mâm xôi trắng với con gà luộc bày bên trên. Hai hàng nến mỡ bò cháy nghi ngút, mùi bốc lên khét lẹt. Mấy tờ giấy bản lão thầy mo vẽ bùa chú nguệch ngoạc dán ngay dưới chân nến.
Chúng tôi vào, thầy mo Triệu ngừng lại. Sau khi nghe trưởng bản giảng giải, lão dằn dỗi bảo chủ nhân:
- Thôi nhé, bác sĩ tới tiêm rồi, tôi không cúng đâu. Cái ma về đừng gọi tôi nữa nhé.
Chủ nhân, một người đàn ông trạc ngoài ba mươi, trông gầy gò tiều tụy. Nước da anh ta vàng khè vì sốt rét. Chị vợ cũng ăn bận tồi tàn. Cả hai cuống cuồng chắp tay lạy thầy mo Triệu khi lão dọa bỏ đi.
Trưởng bản nói:
- Bốn nhà ông cúng có người nào khỏi đâu? Phải để cho bác sĩ tiêm mới hết bệnh.
Rồi trưởng bản quay vào nói với vợ chồng chủ nhân:
- Mấy nhà đó nó tiêm thuốc hết rồi.
Ông kể tên một loạt bốn nhà chúng tôi vừa tới và nói:
- Đồ lễ còn bỏ trên bàn thờ, chưa bọclụa đem sang núi cho thầy mo. Tao nói có sai đâu?
Vợ chồng chủ nhân lúc ấy lại cuống quít quay sang lạy y sĩ Tính xin tiêm thuốc cho đứa con độc nhất của họ.
Thấy vậy, thầy mo Triệu đội mũ, cởi áo dài lễ làm bộ định bỏ đi. Người vợ lại chạy tới níu kéo, năn nỉ:
- Thôi mà, thầy thương vợ chồng tôi chứ. Chạy mòn chân mới sắm đủ lễ cúng con ma… Thầy thương cho…
Tình thế thật oái oăm. Đứa bé ốm nằm trong nhà bỗng la lên như người phát cuồng. Y sĩ Tính và tôi chạy vào buồng theo mẹ nó. Trên chiếc giường không trải chiếu mà trải tấm da bò, một

thằng bé còm nhom, đầu và hai mắt to thao láo đang kêu la rền rĩ. Nó rú lên từng tràng tiếng Nùng. Hơi thở vừa nóng vừa hôi. Y sĩ Tính bảo tôi:
- Bệnh tới giai đoạn ba rồi. Phải nhanh tay mới thoát.
Chúng tôi chuẩn bị tiêm thuốc ngay trong căn buồng nhỏ hẹp thắp ngọn nến mỡ bò khói mù. Bên ngoài, lão thầy mo Triệu vẫn đang dằng dai nói gì đó với trưởng bản. Tiêm xong, y sĩ Tính bảo tôi:
- Cháu ra ngoài đó chờ. Chú ngồi theo dõi thằng bé này. Nó đang trong cơn nguy kịch.
Tôi ra ngoài nhà. Trưởng bản nhìn tôi. Tôi bảo:
- Tiêm thuốc rồi. Nhưng chú Tính phải ngồi đó theo dõi tiếp. Bệnh thằng bé nặng lắm.
Trưởng bản quay sang hỏi người bố:
- Nó sang nhà bác nó ăn thịt trâu, phải không?
Người bố đáp:
- Đúng rồi. Tôi hết tiền nên không mua.
Trưởng bản nói:
- Vợ chồng mày mà ăn thì cũng bị bênh luôn. Nhà anh mày nằm ốm hết rồi. May quá, tao lại đưa vợ tao sang bên kia núi thăm bà cụ.
Lão thày mo Triệu từ nãy vẫn ngồi im. Nghe hai người nói chuyện, thấy mình bị bỏ quên, lão xăm xăm đứng dậy:
- Tôi về đây.
Đẹo cái bị lên vai, lão cười nhạt, cặp môi thâm xám hé ra, phô hai hàm răng nhỏ, nhọn hoắt:
- Ôi dà, ma về đừng có trách thầy mo Triệu nhé.
Người đàn ông chủ nhà hớt hải đứng lên, mặt xanh mét:
- Xin thầy ở lại làm lễ. Xin thầy thương cho cháu. Cái ma về, vợ chông tôi chết mất thôi.
Thầy mo dừng lại. Hẳn lão đang dùng dằng giữa sự kênh kiệu với món đồ lễ. Lão vênh mặt đứng quay lưng vào bàn thờ, không nói năng gì.
Trưởng bản thấy vậy, giàn xếp:
- Thôi, đồ lễ đã bày ra rồi, thầy mo cứ cúng. Càng nhiều người ra tay cứu chữa, càng mau lành bệnh chứ sao.
Thầy mo Triệu đủng đỉnh quay vào, bỏ tay nải, khoác áo dài lễ, ngồi trước bàn thờ. Cứ lẩm nhẩm trong miệng, ba que hương cầm tay múa loại xị lên một hồi, lão lại hét thật to, nhẩy cẫng lên rồi ngồi phịch xuống sàn. Động tác đó lặp đi lặp lại, không biết mỏi. Nhìn bộ mặt thâm xì của lão, tôi ghét quá. Lão đã tới làm lễ ở năm nhà trong bản. Đêm nay, người ta phải mang lễ qua núi, tới tận nhà lão để cung phụng lão mặc dù tất cả những người bệnh đều được cứu chữa bằng thuốc của nhà nước. Sáu mươi vuông lụa hồng, sau mươi vuông vải trắng, năm mâm xôi và năm con gà. Đó là cả một gia tài đối với những người dân nghèo nàn ở bản Khum này.
Tội sực nhớ tới một câu trong bài giảng:
“Ở nơi nào sự ngu dốt thống trị thì nghèo hèn cũng thống trị theo”
Câu nói ấy trôi tuọt theo bao nhiêu câu nói khác vào quên lãng. Tới lúc này, tôi sực nhớ lại và thấm thía chân lý đã vạch ra.
Tôi nhìn chăm chăm vào mặt lão thầy mo. Nhưng lão đang hành nghề. Lão đang múa may trong cái trò của lão. Tôi nhìn cái sàn tre nhẵn thín, nơi lão thỉnh thoảng lại nhảy cẫng lên rồi buông đít rơi phịch xuống. Tôi chợt nảy ra một ý nghĩ. Tôi bỏ xuống cầu thang…
Ánh đèn, ánh lửa nến hắt xuống mặt đất. Tôi do dẫm bước vào chuồng nhốt súc vật dưới sàn. Nhà này nghèo, chỉ có ba con bò và một đàn lợn. Thấy người lạ, chúng lục tục kéo nhau vào một góc. Tôi kiếm que nứa thật nhọn và cứng. Phải lần mãi, tôi mới rút được nó ra ở hàng rào quây đậu leo và cây cà tím. Tôi nín thở, vào chuồng bò. Ánh nến lọt qua những kẽ sàn, hắt xuống từng vệt dài và rất thẳng. Tôi chờ đúng lúc thầy mo Triệu nhảy cẫng lên. Trước khi lão buông đít rơi phịch xuống sàn, tôi thò que nứa nhon qua kẽ hở, vào đúng nơi mà mông lão sẽ rơi xuống.
Một tiếng hét dài hốt hoảng vang lên. Tôi ném cây que bỏ chạy thục mạng. Không hiểu sao lúc đó trí nhớ của tôi lại kỳ diệu đến thế, mặc dù bình thường tôi là đứa hay quên. Nhưng lúc đó, những nẻo đường trưởng bản đã từng dẫn tôi với chú Tính đi, tôi đều nhớ như in. Đêm tối, xoè bàn tay trước mặt không nhìn rõ, tôi cứ theo trí nhớ mà chạy. Những cành dâu gia, những lá bưởi, loà xòa ven đường quệt vào mặt tôi, ướt lạnh. Mặc, tôi cứ chạy, chạy mãi. Tiếng chân đuổi

theo tôi mỗi lúc mỗi nhỏ dần. Lão thầy mo không thể đuổi kịp tôi. Chắc lão đã quay lại.
Lúc đó, tôi mới vừa đi vừa thở, tay đưa lên xoa hai má rát như bỏng ví những cành cây quất vào. Phía trước có anh đèn pin loang loáng.
Dân quân bản đi tuần chăng? – tôi nghĩ. Nhưng giọng nói chậm rãi quen thuộc của anh Lềnh đã vang lên trong bóng đêm:
- Ôi dà, sao em đi có một mình? Chú Tính đâu rồi?
Tôi kêu to:
- Anh Lềnh!
Và tôi lao tới, ôm chặt lấy anh, với nỗi vui sướng không cùng.
- Em đói bụng rồi hả? – Anh Lềnh hỏi tôi.
- Không, không, lão thầy mo Triệu đuổi em.
Tôi hổn hển đáp. Rồi tôi kể vắn tắt chuyện vừa xảy ra. Anh Lềnh lẩm bẩm trong miệng:
- Chết thôi, chết thôi…
Tới đoạn lão buông đít rơi phịch xuống cây nứa nhọn, anh cười khe khẽ trong họng:
- Ô, lão thầy mo đó không tốt, lão độc bụng lắm. Có bị thế cũng đáng.
Anh vuốt tóc tôi, ngạc nhiên hỏi:
- Này Bê, cái khăn len của em đâu?
Tôi đưa tay lên đầu. Lúc đó tôi mới biết chiếc khăn len đã rơi mất dọc đường, khi tôi chạy trốn lão thầy mo. Anh Lềnh bảo:
- Giờ anh đưa em tới nhà trưởng bản ngồi, anh giải quyết mọi việc, tìm khăn đã. Xong, ta về đồn.
Tôi ngoan ngoãn theo anh lên nhà trưởng bản. Ở đó, cô vợ trẻ của ông đãi tôi xôi hông còn nóng với muối ớt. Ăn xong, tôi còn chờ một lúc lâu mới thấy anh Lềnh, trưởng bản và chú Tính về. Chú Tính bảo tôi:
- Con bé này làm chú mât miếng gạc và thuốc cầm máu. Phải phạt cháu thôi.
Trưởng bản nhìn tôi tò mò, cười tủm tỉm. Còn anh Lềnh không nói gì.Anh dựng khẩu súng vào vách sàn, tới ngồi bên bếp lửa giơ tay hơ. Chú Tính kể cho tôi nghe khi bị nứa đâm vào mông, lão thầy mo đau quá kêu thét lên bỏ dở cuộc lễ, chạy xuống cầu thang đuổi theo tôi khiến mọi người ngơ ngác không hiểu chuyện gì. Không đuổi được tôi, lão đành quay về. Lão thò tay vào mông xem, thấy máu chảy ra, sứt một miếng thịt. Lão kêu rống lên. Chú ra lau vết thương, tẩy trùng, tiêm cho lão một ống Vi-ta-min K cầm máu rồi lấy băng dính dán gạc băng lại. Lão Triệu tức giận định bắt chủ nhà sắm đồ lễ khác làm lại từ đầu nhưng anh Lềnh tới, lão hoảng sợ vội làm lễ tiếp rồi tự tay bưng số đồ lễ về qua núi, không bắt chủ nhânphải mang sang như mọi nhà trong bản.
- Bị một vố đâu, lão mới chừa – tôi nói.
- Cháu làm thế mà không có chú với anh Lềnh ở đó là nguy rồi – chú Tính nói. Chú chỉ trưởng bản, nói tiếp – Ông trưởng bản tiến bộ nhưng dân bản nhiều người còn tin thầy mo. Khi mọi người còn tin thầy mo mà mình làm như vậy, coi như mình xúc phạm tới họ.
Tôi cãi:
- Lão có chữa khỏi cho ai đâu? Lão chỉ lừa họ để lấy đồ lễ.
Chú tính gật đầu:
- Biết vậy mà mình phải lặng im. Mọi sự nóng vội trong đời đều làm hỏng việc.
Trưởng bản loay hoay một lúc trong buồng. Lát sau ông ta bước ra, tay cầm hũ rượu, tay kia cầm miếng thịt nai khô:
- Mời bác sĩ với bộ đội uống một chén rượu mừng. Mấy hôm nay tôi lo thắt ruột. Phải rời bản thì khổ quá.
Cô vợ trẻ của trưởng bản đế thêm:
- Nhiều người sợ thầy mo lắm. Trước đây, vợ chồng chúng tôi cũng sợ lão. Bụng lão rất độc, lão nuôi một bầy sâu râu cọp trong nhà. Định hại ai, lão hại được ngay.
Tôi nhìn trưởng bản, hỏi:
- Sâu râu cọp là gì?
Anh Lềnh khẽ đập vào tay tôi:
- Để cho ông ấy nướng thịt nai không cháy hết.
Đúng là trưởng bản đang gạt than để nướng thịt nai thật. Ông lấy con dao sắ, lạng tảng thịt nai

khô thành từng lát mỏng, nhúng vào một bát nước vàng thẫm, hình như mật mía pha với ớt giã rôi đặt lên than nướng.
Anh Lềnh giải thích cho tôi nghe:
- Những người già vẫn bảo: Săn cọp về phải đốt trụi râu đi hãy làm thịt. Đừng để cho ai cắt được cái râu ấy. Râu cọp đem cắm vào ông măng ba tháng chín ngày sẽ trở thành sâu. Con sâu này chuyên ăn thịt sống, cũng giốn như cọp vậy. Phải nuôi nó bằng thịt sống. Một năm, nó dài bằng ngón tay trỏ, to bằng cái đũa lớn đơm xôi. Cứt sâu ỉa ra là thuốc độc. Chỉ cần thả một hột ngô cứt sâu râu cọp vào chum nước, cả nhà ăn đều chết. Thế nên người ta sợ loài sâu này. Những kẻ nuôi giống sâu này là thứ người hiểm ác.
Tôi lắng nghe. Và tôi chợt nhớ tới ngày ở bản Muốn. Khi từ hang Khỉ Trắng đi về, ông già Mộc đã hỏi ngay bà Kín:
- Lúc thịt cọp, bà có thấy người bản đốt râu nó đi không?
Và bà Kín gật đầu:
- Đốt rồi. Đốt xong mới xẻ thịt…
Chao ôi, thật là những chuyện lạ lùng, kỳ ảo, không khác chi truyền thuyết hoang đường. Nhưng mùi thịt nai khô nướng bốc lên lẫn với mùi rượu cay nồng lại hoàn toàn có thực. Những lát thịt nai đã được lật đều hai mặt sém vàng, mùi ớt cay với mùi mật mía cháy thơm tở khắp gian nhà. Cô vợ trẻ của trưởng bản đặt thêm bát muối giã nữa.
- Người nhà tôi ăn mặn lắm mà.
Cô ta nói. Và trưởng bản gật gù, tỏ vẻ hài lòng trước cử chỉ ân cần của cô vợ.
- Tôi biết ơn bác sĩ, biết ơn bộ đội lắm. Ta cùng uống rượu mừng.
Ông ta rót cho tôi một bát rượu đầy:
- Cháu cũng uống đi chứ. Uống cho vui lòng người bản Khum… Ta ước ao một đứa con quá. Một đứa con có đôi mắt đen như đôi mắt của cháu đây này.
Đầu ông ta lắc lư, dù ông ta mới uống hơn một nửa bát rượu. Ông ta nhìn mọi người, uống nốt nửa bát còn lại. Y sĩ Tính, anh Lềnh lần lượt uống. Còn tôi, tôi khẽ nhấp một tí rồi trút rượu sang bát anh Lềnh. Ngọn lửa cháy ở giữa chúng tôi, rọi lên gương mặt mọi người làn ánh sáng rung rinh, đỏ rực của nó.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 18

TÔI ĐÃ GẶP BỐ VÀ NHẬN ĐƯỢC THƯ CỦA MẸ Ở ĐÂU?

Ngay đêm ấy, uống rượu xong, anh Lềnh bảo:
- Cảm ơn bác sĩ nhé. Tôi đã cử người đưa đồng chí trở về huyện. Ta đi ngay bây giờ hay sáng mai?
Y sĩ Tính đáp:
- Đi ngay thôi. Ở viện tôi còn có mấy ca rất nặng đang theo dõi trên lâm sàng. Tôi đi đêm quen lắm rồi.
Anh Lềnh không nói gì thêm, bước ra cầu thang giơ tay che miệng làm loa, hướng về phía núi Khậu Phai mà hú. Trong đêm tịch mịch, tiếng hú nghe vang động làm sao. Hú ba tiếng rồi, anh quay vào:
- Ta lên đồn ngay bây giờ nhé. Em có sợ không?
Tôi đứng dậy:
- Có gì mà sợ?
Y sĩ Tính cười:
- Trời ơi, đồng hương nhỏ tuổi của mình khá thật.
Tôi trả lại ông cái túi dết lúc đi căng phồng thuốc tiêm, thuốc uống, giờ đã lép xẹp. Chúng tôi chia tay nhau. Y sĩ Tính bảo khi nào tôi về nhớ rẽ qua bệnh viện huyện thăm ông. Rồi ông chào mọi người, xuống cầu thang.
Chúng tôi cùng tiễn ông. Trưởng bản đốt bó đuốc nhựa trám soi đường. Dưới chân cầu thang, cặp ngựa con hồng con đen đang đứng gõ chân cho đỡ rét. Trưởng bản đem thóc cho chúng ăn.
Lát sau, từ phía núi có tiếng hú dài. Rồi ánh lửa đuốc chập chờn tiến đến, mỗi lúc một rõ hơn. Trong ánh mắt theo dõi chăm chú theo dõi của mọi người, binh nhất Síu hiện ra, trang phục chỉnh tề, súng liên thanh đeo sau lưng, súng ngắn giắt bụng. Tay anh cầm cây đuốc lớn.
- Báo cáo, tôi có mặt.
Anh đứng nghiêm, giơ tay chào anh Lềnh theo điều lệnh. Anh Lềnh chào đáp lại rồi đáp:
- Thi hành mệnh lệnh.
Binh nhất Síu dập hai gót chân:
- Rõ.
Anh quay sang nhìn chúng tôi:
- Bác sĩ đâu ạ? Tôi có nhiệm vụ hộ tống đồng chí.
- Tôi đây, tôi đây… Ta cùng đi với nhau cho vui.
Y sĩ Tính đáp lại, cuống quýt. Ông ngượng ngùng trước thái độ trịnh trọng của hai chiến sĩ biên phòng đối với mình. Ông đeo túi dết, nhảy lên lưng con ngựa ô, rồi giơ tay chào chúng tôi lần nữa:
- Hôm nào về, nhớ vào chơi, đồng hương trẻ tuổi nhé.
Tôi đáp:
- Cháu nhớ rồi.
Tiếng nói của chúng tôi đập vào vách đá, nghe như có người nhại. Anh Síu nhảy lên lưng con ngựa hồng, thúc mũi giày giục ngựa chạy. Bó đuốc trong tay anh cháy phần phật, khi xa dần trông như một vầng mặt trời giữa lớp mù sương.
Tôi hỏi anh Lềnh:
- Đi giữa đường, cháy hết đuốc thì làm sao?
Anh Lềnh đáp:
- Có đèn pin chứ. Đốt đuốc là để đỡ tốn pin. Được đoạn đường nào hay đoạn đường ấy.
Rồi anh quay lại chào trưởng bản:

- Thôi, ông lên ngủ cho khoẻ. Anh em tôi về đây.
Trưởng bản lên cầu thang.
- Anh em ta lên đường – anh Lềnh nói rồi rút trong túi áo ra chiếc khăn len đưa cho tôi – Em có biết em đánh rơi ở chỗ nào không? Ngay dưới cầu thang nhà lão thầy mo đang cúng. Chưa lên nhà, anh đã nhặt được.
Tôi trùm khăn ấm thật. Có lên vùng núi cao mới thấy rõ giá trị củ một tấm khăn len, một chiếc áo bông, một đôi bít tất hoặc găng tay. Khi ta có chúng, cái lạnh giá ghê rợn của thiên nhiên bị đẩy lùi lại và con người bỗng thấy tự tin hơn ở những của cải mình đã làm ra, ở nền văn mình, phương tiện giúp con người chống đỡ và chiến thắng sự khắc nghiệt của hoàn cảnh sống. Tôi nhớ lại rành rọt những lời thầy giáo dạy sử đã dạy. Và tôi bỗng thương những bầy người thời nguyên thuỷ, khi họ chưa có áo quần, chưa có những kiến thức của con người…
Anh Lềnh đập vào vai tôi, khiến tôi giật bắn lên:
- Sao im lặng thế?… Mọi lần em nói chuyện vui lắm mà.
Tôi đáp:
- Em đang mong về đồn cho thật nhanh.
Nhưng những ý nghĩ miên man vẫn cứ chạy qua óc tôi như những tia chớp trong một đêm đông, rất nhanh, rất ngắn nủi nhưng mạnh mẽ.
Tôi lên tới đồn, chưa kịp bước vào nhà, Loan đã nhảy ùa ra ôm. Rồi vừa ôm nó vừa hỏi huyên thuyên trăm ngàn thứ chuyện. Tôi bước vào, ngạc nhiên vì quanh bếp lửa có tới ba bốn chục chiến sĩ đang ngồi. Ngọn lửa cháy thật cao, y như ngọn lửa trại,hắt sáng lên từng khuôn mặt đen râm, hốc hác và mệt mỏi. Thấy tôi, họ quay ra nhìn:
- Ô, em Bê, con gái thủ trưởng đấy!
- Ôi, con bé xinh quá nhỉ… Thủ trưởng cứ nhắc tới luôn.
Hai người lớn tuổi chạy tới, nắm tay tôi, ân cần nói:
- Vào đây cháu. Ngoài trời lạnh lắm hả?
Tôi nhìn quanh. Một nỗi lo âu mơ hồ như dòng điện run rẩy lan khắp người. Tôi nhìn lại lượt nữa. Vẫn không thấy gương mặt quen thân của bố tôi. Tôi hỏi anh Lềnh:
- Bố em đâu?… Bố em đâu, anh Lềnh?
Người chiến sĩ to lớn như hộ pháp bước tới gần bếp lửa, kéo tôi ngồi:
- Rồi anh sẽ nói. Em cứ ngồi sưởi cho ấm đã.
Tôi rút tay tôi khỏi bàn tay rộng lớn của anh:
- Không. Em không ngồi. Anh nói đi. Bố em đâu rồi?
Anh Lềnh ngước nhìn tôi, khẽ đáp:
- Bố em bị thương chưa về được.
Tôi lạnh toát người. Tôi muốn khóc. Nhưng tôi cố gắng ghìm giữ để hỏi thêm:
- Thế bây giờ bố em nằm ở đâu?
Một trong hai chiến sĩ lớn tuổi vừa ân cần nắm tay tôi lúc nãy trả lời:
- Bố cháu đang ở trạm phẫu thuật của trung đoàn. Cháu đừng lo. Thế nào rồi bố cháu cũng sẽ về đây.
- Không – tôi nói – Cháu không chờ bố cháu về đây. Cháu đến ở với bố…
Nói tới đó, tôi khôngkìm được dòng nước mắt nóng hỏi đang tràn khỏi bờ mi. Những giọt nước mắt lớn, lăn rất nhanh, rơi lã chã.
- Bố… bố ơi!…
Tôi bỗng bật tiếng gọi trong cơn nức nở. Hàu như tất cả những oan ức, những đau khổ của riêng mình, những nỗi lo âu, những niềm thương nhớ đã ấp ủ suốt cuộc hành trình cùng lúc tràn đầy trái tim nhỏ bé của tôi. Những gì tôi dự định sẽ nói với bố tôi liền biến thành cơnnức nở kéo dài với nỗi nghẹn ngào dâng lên, không nhấn chìm được xuống. Mọi người để cho tôi khóc rất lâu. Tới khi tôi ngủ gục bên bếp lửa, họ mới bế tôi lên giường, đặt nằm bên cạnh Loan. Họ trùm cho chúng tôi hai tấm chăn bông. Bên ngoài, còn phủ thêm lượt dù để giữ hơi ấm. Vì thế, hai chúng tôi ngủ say tới gần mười giờ sáng hôm sau mới thức dậy.
Tôi bảo Loan:
- Tớ phải đến trạm phẫu thuật của trung đoàn với bố tớ. Đằng ấy cứ ở đây chơi nhé.
Loan giãy nảy lên:
- Không, đằng ấy xấu chơi lắm. Đằng ấy xuống bản Khum đã bắt tớ ở nhà một mình rồi. Bây giờ

tớ không chịu đâu.
Tôi bảo:
- Nhưng đường đi khó khăn. Có thể gặp hổ. Cũng có thể gặp cả phỉ nữa.
Loan lắc đầu:
- Chả gặp cái gì hết. Mà gặp cái gì cũng được. Tớ cứ đi. Đằng ấy đi đâu, tớ đi đấy.
Tôi nói:
- Thôi được, chúng mình sẽ cùng đi. Ta đi ngay ngày hôm nay. Ăn cơm xong là lên đường.
Tất cả các tiểu đội đều đã đi làm nhiệm vụ hết. Hai người chiến sĩ đứng tuổi hôm qua chính là hai trung uý phó đồn. Các chú ấy vừa xới cơm cho chúng tôi ăn vừa trò chuyện. Một chú đã hai năm chưa về phép, còn chú kia cũng như bố tôi, đã hơn ba năm chưa về. Cả hai người đều nhớ nhà, nhớ con da diết. Họ ôm chúng tôi, vuốt tóc, vuốt má, vồn vã âu yếm nhưng vụng về. Tôi nói:
- Giờ cháu tiến bộ nhiều rồi, cháu biết thương bố cháu. Trước đây, bố cháu về phép ôm cháu vuốt tóc như các chú bây giờ là cháu chui khỏi vòng tay, chạy ra phố liền. Cháu chê người bố cháu có mùi thuốc lá với mùi rừng...
Hai trung úy cười vang.
Một chú bảo:
- Các chiến sĩ đã chuẩn bị ngựa với thức ăn đường rồi. Chú cử anh Lềnh và một chiến sĩ người Kinh bắn giỏi nhất đại đội đưa các cháu đi. Các cháu bằng lòng chứ?
Tôi gật đầu:
- Cháu cảm ơn chú.
Hai trung úy phó đồn lần lượt bắt tay chúng tôi. Ngoài sân, anh Lềnh cùng một chiến sĩ thấp bé, gương mặt lanh lợi đã chờ sẵn bên ba con ngựa. Anh Lềnh nói:
- Ta lại đi thôi.
Anh cùng người chiến sĩ kia dắt ngựa xuống núi trước. Tôi và Loan quay lại, chào các trung úy phó đồn lần cuối rồi đi theo. Loan xách túi quần áo, tôi đi tay không. Nó muốn thế vì mấy hôm nay tôi mệt.
Trạm phẫu thuật của trung đoàn nằm giữa rừng già. Những dãy lều bạt nối tiếp nhau. Giường nằm của bệnh nhân bên trong cũng là thứ giường bạt, khung nhôm có thể gập gọn và di chuyển nhẹ nhàng. Bóng bác sĩ, y sĩ, y tá quây mặc áo trắng đi lại giữa khu nhà bạt, dưới vòm cây xanh màu diệp lục khiến tôi có cảm giác như chiến tranh đang xảy ra gần đây. Đúng là một cuộc chiến tranh thật. Nhưng cuộc chiến tranh âm thầm không tiếng đại bác nã, không có bộc phá nổ, không có tiếng thét xung phong và ngàn ngàn quân lính tiến lên trong hồi kèn xung trận. Cuộc chiến tranh tiêu diệt phỉ diễn ra trong những dãy núi cao chót vót, những khu rừng thăm thẳm bịt bùng. Người chiến sĩ phải chiến đấu khó khăn hơn, đơn độc hơn, dai dẳng hơn... Ý nghĩ đó khiến tôi thương bố và tự hào vì bố.
Người lính thường trực trạm phẩu thuật đưa chúng tôi tới tận nơi bố tôi đang nằm. Ở đây, bệnh nhân ít nên các nhân viên phục vụ bệnh viện thuộc từng người.
- Đại úy Vũ Đình Tùng, có người tới thăm.
Bố tôi đang nằm quay mặt vào trong. Hình như bố đang lơ mơ ngủ. Nghe người thường trực trạm phẫu thuật goi, bố quay ra.
- Bố ơi...
Tôi khẽ gọi. Rồi tôi bước tới một bước quỳ xuống, ôm đầu bố.
- Ô, con Bê, con Bê của bố...
Bố nhắm mắt lại. Từ hai đuôi mắt, nơi những nếp nhăn hình rẻ quạt hằn lên, những giọt nước mắt lặng lẽ chảy. Tôi kinh ngạc nhìn những giọt nước mắt lớn và đục lăn qua thái dương. Tôi chưa nhìn thấy bố tôi khóc bao giờ.
- Bố ơi, bố có đau không bố?
Tôi cất tiếng hỏi. Không hiểu sao, giọng tôi sai lạc hẳn đi, nghe như tiếng nói của một người nào đó. Nước mắt tôi, tưởng chừng như đã khô cằn vì những cơn nức nở ngày hôm qua, lại trào lên, cay xè giữa hai mí mắt còn sưng húp. Nước mắt tôi rơi vào đám tóc bố. Tóc bố cứng, mùi mồ hôi và mùi bụi bốc lên. Hẳn là suốt chiến dịch tiễu phỉ vừa qua, bố không được tắm gội. Đám râu quai nón bao quanh khuôn mặt bố cũng chưa được cào, cọ nham nhám vào mặt tôi. Tôi ngửi thấy mùi thuốc súng khét lẹt trên áo quần bố, mùi thuốc sát trùng hăng hắc và mùi

các vết thương vừa được băng bó xông lên... Nhưng bây giờ, tất cả những điều đó đối với tôi không còn ý nghĩa. Tôi cảm thấy bố không còn xa lạ với tôi như trước. Bố không còn là anh bộ đội về phép, đeo ba lô bước vào nhà, người bốc lên mùi rừng và mùi thuốc lá – cái anh bộ đội mà tôi phải gọi bằng bố theo lệnh của mẹ tôi. Nhưng dì mẹ tôi có dỗ dành, đe nẹt thế nào, tôi cũng không ngồi chơi với anh ấy được quá nửa tiếng đồng hồ... Không, bây giờ bố tôilà bố tôi, một phần cơ thể tôi, tình thương yêu trìu mến, niềm kính phục và lòng tự hào của tôi. Tôi ôm đầu bố trong tay, cho bố tha hồ hôn lên đôi má và mái tóc tôi. Bây giờ, bố không thể vuốt ve tôi bằng đôi tay cứng rắn nữa. Tay bố bị thương, băng trắng toát đặt lên trước ngực...
Hai chiến sĩ từ biệt bố tôi ra về. Tôi và Loan ở lại trạm phẫu thuật. Chúng tôi giúp các cô y tá nấu nước, thay bông băng, tắm gội, đơm khuy áo đứt và vá những chỗ rách cho các chiến sĩ. Có lẽ đó là những công việc có ích nhất trong tuổi thơ mà chúng tôi đã làm được. Nó dạy chúng tôi lòng nhẫn nại và đức tính chịu đựng. Lòng hy sinh và sự cần mẫn của nhiều cô y tá khiến tôi kinh ngạc. Cácc cô đã phục vụ quân đội mười hai năm liền. Trừ những đợt phép ngắn ngủi, quanh năm các cô sống dưới vòm lá rừng, chăm sóc các thương bệnh binh. Những người phụ nữ như thế phải có tấm lòng dịu dàng và khoan dung của một bà tiên trên thượng giới hay của một người mẹ hiền trên thế gian.
Ngoài những lúc quanh quẩn bên giường bệnh của bố hoặc giúp các cô y sĩ, y tá làm việc, tôi và Loan cũng còn đủ thời gian vào rừng chặt măng hoặc hái nấm. Gần trạm phẫu thuật có một con suối lớn, nước sâu. Suối có nhiều cá. Anh cấp dưỡng của trạm dạy chúng tôi câu cá một lần. Từ lần sau, chúng tôi tự đi câu lấy. Ngày nào cũng câu được cá, ít nhất cũng ba bốn con bằng ngón chân cái. Đem rán lên vừa một đĩa con. Có lần chúng tôi lôi được con cá quả nặng tám lạng, khắp lườn nó hoa vàng đen trông rất dữ tợn.
Đoạn suối nông tít dướiha nguồn có ốc. Thỉnh thoảng tôi và Loan lại dậy sớm, đi xuống dưới đó bắt ốc về nấu canh lá lốt. Món canh ốc được nhiều người thích. Người thích nhất cố nhiên là bố tôi. Dạo đó đang là mùa xuân. Sau mỗi cơn mưa, hằng hà sa số nấm mọc lên trên các thân gỗ mục, trong các trảng cỏ khuất bóng cây. Từ nấm mỡ, nấm hương cho tới nấm mối, nấm cỏ... Được nấm hương thì tuyệt diệu. Nếu không, các thứ nấm khác hái về còn tươi cũng thơm, đem nấu với mắm tôm và thịt hộp ngon lắm. Món canh nấm khiến mọi người trong trạm, từ bác sĩ trạm trưởng tới anh binh nhì thường trực , từ chú thiếu tá bị bệnh kiết kinh nên đến anh binh nhất Mã Anh Tòng mất một bàn chân trong đợt tiêu phỉ vừa rồi... đều nghiện. Cứ vắng món canh đó hai ba hôm là mọi người lại bảo chúng tôi:
- Này hai co nàng Bạch Tuyết, vào rừng hái nấm đi chứ!
Hoặc là:
- Thiếu món canh nấm của hai cô bé, cơm nhạt hẳn đi. Liệu có cách nào cho nó mặn mà thêm không nhỉ?
Tất nhiên, không phải vì những chuyện vặt như vậy mà họ quý hai đứa tôi. Nhưng đó là những kỷ niệm gắn bó chúng tôi với họ. Bố tôi không nói. Nhưng ánh mắt của bố cho tôi biết rằng bố hài lòng. Sức khỏe của bố đã khá hơn nhiều. Hai bàn tay bị thương đã gần lành. Những ngày đầu mới đến, tôi phải rửa mặt, cạo râu, chải đầu cho bố. Còn những việc nặng nhọc hơn đã có các cô y tá làm. Bố tôi sung sướng nhất là những lúc tôi rảnh việc, tới ngồi bên bố, tỉ mỉ nhổ những sợi tóc sâu hoặc những sợi tóc bạc sớm. Tôi phơi những chiếc áo quần của bố lên các tảng đá lớn ven suối, chờ tới khi khô đem về, dò từng mũi chỉ thêu chữ Tùng với hai cành lá xanh. Bố tôi bảo:
- Mẹ dạy con thêu à?
- Không. Nhà trường có giờ dạy nữ công. Nhưng hồi ở trường con lười khâu vá, thêu thùa lắm. Dạo ở bản Muốn, con mới chăm.
Bố tôi lại hỏi:
- Bản đó đẹp hơn bản Khum chứ?
Tôi đáp:
- Đẹp hơn nhiều bố ạ.
Rồi tôi dần dần kể cho bố nghe những chuyện xảy ra trong cuộc phiêu lưu của tôi. Mỗi ngày một chuyện. Các cô y tá bảo:
- Nói chuyện vừa phải thôi. Cho bố khỏe lên đã.
Tuy thế, bố luôn luôn đòi tôi kể chuyện cho bố nghe, kể cả những chuyện xảy ra ở trường mà

mẹ tôi đã viết thư kể tỉ mỉ cho bố biết.
Tôi có cảm giác hình như tôi nói bao nhiêu chuyện cũng không đủ. Vì những tháng ngày đằng đẵng nhờ mẹ con tôi trên vùng biên cương heo hút này dài quá.
- Chuyện thằng Ly với thằng Dũng còm thì có gì liên quan tới bố mà bố bắt con kể? – tôi hỏi.
- Ồ không. Chuyện nào ở dưới phố mình cũng hay cả. Con cứ kể đi.
Bố tôi đáp lời. Rồi bố lại chăm chú lắng nghe, đôi mắt đen và sáng như dán vào miệng tôi với xiết bào trìu mến.
Ngày tháng cứ thế trôi. Tới lúc cô y sĩ phụ trách điều trị báo tin tuần sau bố tôi được tháo băng hoàn toàn thì chúng tôi nhận được thư. Thư gửi lên đồn Khậu Phai, anh Lềnh đem xuống.
- Anh em nhớ thủ trưởng, mong thủ trưởng về - Anh nói vậy rồi rút trong túi ra mấy cặp bánh mật với một gói bỏng nếp – Quà của đồn gửi cho hai em đấy.
Anh bảo tôi và Loan như vậy. Nói xong, anh đứng chờ xem bố tôi có nhắn gì không. Nhưng bố tôi chỉ cười:
- Mình cảm ơn các cậu. Toàn thể anh em trong đồn phải đề cao cảnh giác nhé. Chiến dịch vừa rồi tuy thắng lợi nhưng bọn phỉ ở bên kia biên giới lại vừa tràn sang. Trên đó nghe tình hình chưa?
- Báo cáo thủ trưởng, anh em đã được học tập nhiệm vụ mới rồi – Anh chiến sĩ nghiêm trang đáp.
Bố tôi nói:
- Nhắc với các Trung úy phó đồn là giải quyết phép cho mấy cậu người Mèo và người Lô Lô ngay, trước khi ta bước vào trận chiến đấu mới.
Anh Lềnh đứng thẳng, dập gót chân vào nhau:
- Báo cáo, rõ!
Bố tôi gật đầu:
- Thế thôi, cậu về cho sớm sủa nhé. Đàn ngựa của đồn ta vẫn khá nhất tuyến hay lại tụt xuống rồi.
- Báo cáo thủ trưởng, ngựa đồn Khậu Phai vẫn đứng đầu bảng ạ.
Anh Lềnh đáp một cách rành rọt, đầy tự hào, rồi giơ tay chào, quay ra. Tôi với Loan tiễn anh tới bờ suối lớn rồi mới quay vào. Trong khoảng thời gian ấy, bố đã đọc xong thư. Bố đưa cho tôi:
- Con đọc xem.
Thấy giọng bố xúc động, tôi lo lắng hỏi:
- Có chuyện gì đấy bố?
Bố không trả lời, nhắc lại:
- Con đọc đi.
Tôi nhìn Loan. Loan cũng nhìn tôi. Rồi tôi mở tờ giấy khổ rộng gấp làm tám. Hai chúng tôi chụm đầu cùng xem:
Thân yêu gửi hai bố con,
Mẹ đã nhận được thư của Bê viết khi chờ xe lên Cao Bằng. Từ đó tới nay không có tin tức gì thêm nữa. Mẹ tin chuyến đi của con và bạn Loan sẽ tốt đẹp vì đã có anh chiến sĩ Khiết đi cùng. Mẹ nghe con kể qua về ông già Mộc về anh Khiết, cảm động lắm. Những người đã giúp mình trong cuộc đời, cho tới lúc chết cũng không được quên ơn, nhạt nghĩa. Về phần mẹ, mẹ vẫn khỏe. Cô Lưu hiện ở cùng mẹ, mở cửa hàng bán bánh rán và bánh cuốn. Cửa hàng đông khách và cô Lưu đã trở lại vui vẻ, khỏe khoắn. Con nói cho Loan yên tâm. Điều mừng vui nhất đối với mẹ con ta rất bất ngờ. Sau khi con đi một tháng, có người ở bộ giáo dục về tìm mẹ. Mẹ đang dạy, Ty giáo dục mời lên ngay. Ở đó, mẹ gặp ông thứ trưởng. Mẹ rất ngạc nhiên. Gia đình ta không hề quen biết một ai trên Bộ, dù chỉ là văn thư hoặc người làm hành chính, kể chi tới ông thứ trưởng này. Sau khi nghe mẹ kể xong, ông gật đầu:
- Cảm ơn chị.
Rồi ông lặng lẽ cắp cặp ra xe, trở về Hà Nội. Buổi tối thầy Thế và thầy Bách tới chơi cũng nói chuyện là ông thứ trưởng gặp các thầy, hỏi chuyện nội bộ trường, chuyện bà Vinh và vụ kỷ luật của con. Các thầy bàn tán nhiều về việc này lắm. Tuy nhiên, mẹ cũng không ngờ được rằng ngay tuần sau, Ty giáo dục về trường, lật hồ sơ kỷ luật của con cùng vài vụ khác, họp hội đồng giáo viên xét lại. Mẹ nghe nói trong mấy cuộc họp này, bà hiệu trưởng bị anh em trong trường, nhất là thầy chủ nhiệm con, đấu tranh mạnh mẽ lắm. Biên bản họp mang lên Ty và gửi lên văn

phòng Bộ cho ông thứ trưởng xem. Đúng ba tuần sau, quyết định kỷ luật cũ của con đã được xóa. Điểm hạnh kiểm của con đã được toàn bộ hội đồng kỷ luật nhất trí phục hồi. Bê yêu quí, mẹ mừng đến rơi nước mắt. Bản quyết định mẹ nắm trong tay rồi. Con trở về ngay bây giờ sẽ được tới lớp học ngay... Mẹ mong như thế, nhưng mẹ cũng biết hiện nay con đang ở với bố. Và hai bố con có những giờ phút gần gũi nhau. Thôi, con cứ ở chơi với bố cho thỏa những ngày xa cách. Trước vụ hè, con trở về nhà, ôn lại bài vở để vào năm học mới. Từ nay trở đi, mẹ có thể ngẩng cao mặt nhìn mọi người, không còn buồn tủi nữa. Bố của con chắc vẫn khỏe. Đã lâu quá bố con chưa về phép. Nếu dịp này, bố con thu xếp đưa con về nhà chơi thì thật may. Mẹ ngừng bút. Cho mẹ gửi lời thăm Loan và các chú chiến sĩ trong đồn của bố.
Mẹ thương yêu hai bố con rất nhiều!
Hạnh.
Tôi nhìn bố, rồi nhìn Loan. Cả hai người cùng nhìn tôi với cặp mắt long lanh vui sướng và trìu mến. Tôi ôm chặt cô bạn trong tay. Chúng tôi không nói được lời nào. Niềm hạnh phúc như men rượu đang thấm đượm trong tâm hồn tôi. Tôi có cảm giác bồng bềnh, say sưa như đêm giao thừa ở bản Muốn, uống quá nhiều rượu.
- Ta sẽ trở về!... Ta sẽ chiến thắng!...
Tôi muốn hét lên như vậy. Tôi muốn gào thật to cho cả cánh rừng già rung chuyển lên, và những vách đá xa xôi ngoài thung lũng cũng vang lên tiếng kêu của niềm vui và hy vọng.

Dương thu Hương

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Chương 19

THAY CHO ĐOẠN KẾT

Khi tháng năm bắt đầu thổi xòe những cánh phượng vũ trên đường phố thì lúc đó bố con tôi cùng Loan từ đồn Khậu Phai trở về. Dầu đã sang hè, buổi sớm miền núi vấn lạnh cóng. Chỉ tới lúc mặt trời đã lên, sương tan, không khí mới nóng rực lên. Các chiến sĩ trong đồn với một trong hai chú trung úy phó đồn đưa chúng tôi đến hết đường vào bản Khum.
- Tạm biệt! Tạm biệt nhé!... Sẽ có ngày gặp lại...
Tôi giơ tay, hét lên thật to khi các chiến sĩ đã leo lên lưng chừng con đường dốc lên đồn. Họ giơ tay vẫy chúng tôi. Còn tôi vừa đi vừa thích thú lắng nghe hai vách núi nhại lại tiếng hét của mình. Niềm vui sướng tràn đầy khiến tôi nhảy nhót như đứa bé lên năm. Vậy mà tôi đã mười bốn tuổi, cái tuổi sắp trở thành thiếu nữ.
Hoa chuối rừng nở đỏ chót, hoa đỗ quyên dại và hoa kim tước, hoa kim anh nở khắp nơi, như dăng lên tấm lụa của hội hè. Những con sơn ca núi lao vụt từ dưới mặt đất lên không trung, xòe cánh lượn và buông tiếng hót say mê. Từng đàn bướm lớn, rực rỡ đến quái dị trong lèn đá bay ra giống như những đám mây sặc sỡ lượn lờ trên mặt đất. Thỉnh thoảng lại có một dòng suối chảy qua đường, nước trong vắt, phô những hòn sỏi tròn trĩnh dưới đáy...
Ôi, sao đường về lại đẹp đến thế!...
Không bao giờ tôi có thể quên được hình ảnh tươi sáng và lộng lẫy của núi non, của rừng, của suối và của chính tâm hồn ngày ấy.
- Không, con người phải đấu tranh và phải chiến thắng...
Ý nghĩ đó vang lên trong óc tôi, như tiếng nhạc ngựa vang rền trong thung lũng mùa xuân. Con người phải chiến thắng những buồn khổ, những bất hạnh và nỗi thất vọng của chính mình. Không bao giờ được nghĩ tới chuyện chấm hết, dù khi ta là một đứa trẻ mười ba hay là một người già xấp xỉ tám mươi... Tôi nhớ lại dáng dấp của ông già chăn vịt, nhớ mái tóc trắng phơ của ông, nụ cười thầm lặng và hóm hỉnh của ông. Cả cây bút vàng gài trong túi áo... Vâng, tôi nhớ tất cả, và tôi thầm cảm ơn ông. Chính ông đã dạy tôi nên người, trong cái khoảnh khắc buồn thảm nhất của thời niên thiếu...
Sau này, tôi biết ông là một giáo sư nổi tiếng, thầy dạy ông thứ trưởng Bộ giáo dục đã về giải quyết vụ kỷ luật oan ức của tôi. Khi tôi học xong chương trình phổ thông, sang Hà Nội tìm ông, người ta báo cho tôi biết ông đang họp tại Mát-xcơ-va, do Viện hàn lâm Liên Xô triệu tập. Tới lúc tôi tốt nghiệp đại học mỏ ở Hung-ga-ri về nước, ông đã mất. Tôi gặp ông trong nghĩa trang Văn Điển. Một ngôi mộ xanh rờn cỏ, nằm giữa những dãy dài mộ chí. Cũng tấm bia đá giản dơn ghi tên họ, ngày sinh và ngày từ biệt cuộc đời. Tôi đặt bó hồng trắng dưới tấm bia và quỳ trước mộ ông. Trong trái tim tôi, ông là ánh sáng vô cùng thanh khiết, tựa nguồn nước trong nhất trên đỉnh núi, như làn mây trắng trôi từ một rạng đông trắng êm đềm. Nước mắt tôi nhỏ lên những cánh hồng xinh xắn. Tôi ngồi trước mộ ông cho tới chiều tà, khi ông đội nón lá, cầm gậy chăn vịt bước ra bảo:
- Về đi, ông phải lùa vịt về nhà. Còn cháu, cháu hãy thắp cây đèn và mở những trang sách ra.
Tôi trở về với phòng thí nghiệm đồ sộ. Ở đó, không có hình vẽ con khủng long với những bộ xương trắng bằng thạch cao mà có rất nhiều máy phân tích hiện đại và các mẫu quặng nằm chờ trong các ngăn tủ.
Trong số những người tôi đã gặp trên đường năm ấy, có những người không bao giờ tôi còn gặp lại nữa. Ví dụ như ông y sĩ Tính, như anh Cao, anh Khiết, anh Lềnh.

Thằng bé đã ăn cắp balô của chúng tôi trên tàu tôi gặp lại trong một trại cải tạo. Tôi có người anh họ làm quản giáo trên trại đó. Tôi lên trại chơi và nhìn thấy thằng ăn cắp khi nó đang cuốc đất trồng sắn. Cố nhiên, nó không nhận ra tôi. Làm sao một thằng ăn cắp có thể nhớ được một trong số hàng trăm nạn nhân của nó?...
Tôi về thăm quê, đi chơi khắp lượt và gặp gần hết mọi người. Trước tiên là chị Bội. Bây giờ, chị là nhân viên bán thuốc. Chị tỏ ý ngượng ngùng vì chuyện cũ, xin lỗi tôi.
Tôi cười:
- Bây giờ, ta phải nhìn tất cả những chuyện đó như trò trẻ.
Chị béo xồ ra, mặt đầy tàn nhang, không còn xinh đẹp như xưa. Tôi hỏi chuyện Ly, chị nói:
- Ly không ở phố nữa. Nó xin đi công nhân mỏ nhưng thiếu cân và không đủ chiều cao nên không được nhận. Ly phải làm hợpđồng cho công trường nhà máy phân đạm Bắc Giang. Bây giờ nghe đâu nó đã được vào biên chế và chuyển sang đội bảo vệ...
Tôi đi qua nhà Ly, nhưng không gặp ông bố và bà dì ghẻ ghê gớm của nó. Trên đường, tôi gặp Đào Ca. Anh bán kẹo, suốt ngày cầm ống xóc xóc những thẻ tre gọi trẻ con tới mua;
- Kẹo kéo trắng dai, bánh bột đậu thơm ngon đây ây ây....
Mặt anh ta ngơ ngẩn, đờ đẫn. Anh đã thành ông già quá sớm.
Xít trở thành một công tử cực kỳ đẹp trai, lấy vợ sớm và khi tốt nghiệp Trường đại học y khoa thì đã có một đứa con trai ba tuổi. Sau anh chàng bỏ vợ. Gặp tôi, anh ta có ý định theo đuổi tôi nhưng tôi không mảy may rung động trước bộ mặt đẹp của anh ta. Tuy nhiên câu chuyện cũ về vụ kỷ luật giữa anh ta với tôi, tôi vẫn nhớ. Tôi xuống trường chơi. Bố Thế thân yêu của chúng tôi đã chuyển về một cơ quan tuyên huấn ở Trung Ương từ khi tôi đi học nước ngoài. Giờ, thầy Bách lên làm hiệu trưởng thay bà hiệu trưởng cũ. Khi thầy cùng tôi dạo chơi trên mảnh sân cũ, quanh hội trường lớn và bể nước, dọc theo các hành lang và qua bồn hoa trước cửa văn phòng, tôi bỗng cảm thấy thời học sinh trong trẻo và tươi sáng của tôi hiện lên tươi rói trong ký ức. Nhưng mọi vật đều như nhỏ bé hơn, dịu dàng hơn và kỳ lạ hơn. Những tán kim phượng hoe vàng cũng như những bông phượng vĩ đỏ có nhụy mà chúng tôi thường chơi chọi gà nở rung rinh trên đầu tôi. Chúng là những bông hoa của dĩ vãng. Một dĩ vãng không thể nào phai nhạt. Thầy Bách dẫn tôi thăm lớpcũ và phòng thí nghiệm. Ông già coi phòng có chiếc mũi cong cong đã về hưu. Giờ, người cai quản lại là một cô giáo dạy hóa trẻ măng, tóc cắt ngắn, cao lớn như nữ cầu thủ bóng rổ.
Ở nhà tôi, Loan trở nên đứa con chính vì tôi bận công việccứ đi biền biệt quanh năm. Bố tôi đã chuyển từ đồn Khậu Phai sang một đồn khác ở miền Tây Tổ quốc. Mẹ tôi vẫn dạy học, cô Lưu vẫn bán bánh cuốn và bánh rán. Loan hạt mít cũng dạy trường cấp hai ngay thị trấn. Vì ở gần hai mẹ, được ăn ngon nên nó cứ tròn mãi ra.
Cóc tóc đỏ đã lấy được chồng, có bốn con, không buôn chuyến mà mở quán bán bùn riêu. Ả to béo đến nỗi người ta không dám gọi là Cóc tóc đỏ như thời son rỗi mà phải gọi rất kính cẩn là bà Bún béo. Bà Bún béo nặng trên bảy mươi cân, tóc búi ngược sau gáy, hai cánh tay nung núc thịt suốt ngày đơm bún, chan riêu, thu tiền của khách. Gặp tôi nó mừng rỡ kêu:
- A, chị Bê!... Chị Bê.... Tưởng mất tăm mất tích, ai dè còn về quê cơ chứ!... ngồi xuống đây, ngồi xuống đây...
Khi tôi ngồi xuống ghế, Cóc tóc đỏ ngày xưa mở miệng nói như bắn liên thanh:
- Chị Bê biết không? Chị đi rồi, em cho lão cai Cân một vố kinh hồn. Em theo dõi được mối buôn cơm đen của lão. Đúng lúc lão định cất một mẻ vó to thì em báo công an. Lão quỷ ấy mua một con khỉ trắng thật to, nhốt vào chuồng tre đưa về Hà Nội. Tất cả các ống tre đều đục thủng, nhét đầy thuốc phiện bên trong. Công an hỏi, lão làm già quát tháo. Tới khi vạt ống tre gióng chuồng, lão mới trắng bệch mặt ra... Nửa tháng sau, người ta lại phát hiện rằng lão đã tham gia vào một vụ giết người, đoạt thuốc phiện trên Lào Cai. Bây giờ thì ... – Cóc tóc đỏ giơ hai cánh tay bắt chéo nhau trước mặt, như điệu những tên cướp bị trói – lão ở trong nhà tù mà nghỉ mát....
Rồi sực nhớ ra là chưa mời tôi uống nước, Cóc kêu váng lên:
- Chị uống nước nhé!... À thôi, ăn bún riêu... Cơm tây cơm tàu mãi, về quê ăn bát bún xem có ngon không nào...
Nó quát con lấy rau ghém, nước chấm, rồi đơm bún chan riêu ép tôi ăn. Bún của Cóc tóc đỏ ngon nhưng thiếu vị cay. Ăn xong, tôi cảm ơn cô béo rồi tiếp tục đi chơi các nhà quen trong thị

trấn.
Một vụ hè, tôi đưa Loan lên bản Muốn thăm ông già Mộc. Ông vẫn thân thiết và gần gũi như xưa, dường như chúng tôi chẳng có một khoảng thời gian dài xa cách. Tôi biếu ông chiếc áo khoác và chiếc mũ lông Mông Cổ. Tôi mua cho Dũng còm khẩu súng săn mới, hai nòng. Dũng đã hoàn toàn trở thành một chàng trai bản Muốn. Ước nguyện duy nhất của Dũng là xây mộ cho người mẹ quá cố đã thực hiện xong. Bây giờ, cậu ta chờ ngày lành tháng tốt để lấy vợ. Người vợ tương lai của Dũng là một cô Nùng xinh xắn học trung cấp y khoa dưới phố Lạng. Dũng còm cho chúng tôi xem ảnh cô với vẻ tự hào. Khi nào cô gái Nùng tốt nghiệp, đeo chiếc túi có chữ thập đỏ trở về trạm y tế bản Muốn thì họ sẽ làm lễ cưới. Ông già Rộc chết rồi. Người bản chôn ông tại căn nhà ngoài núi, nơi đứa con ông chết vì một viên đạn nhầm nhỡ. Ông đã cho Dũng khẩu súng săn trước lúc nằm xuống giường. Dũng còm rủ tôi và Loan lên bản Nọi thăm vợ chộng người cậu nhưng chúng tôi từ chối. Loan phải chuẩn bị bước vào năm học mới. Còn tôi, tôi cũng còn vô số công việc đợi chờ. Vả lại, trước khi về Hà Nội, tôi cũng muốn thăm lại hòn đảo Hoa Vàng, dòng sông Xanh, mẹ con chú bé đánh cá. Hòn đảo chỉ là một gò đất rộng ước non một sào. Có lẽ xưa kia nó cũng nhỏ bé vậy thôi, nhưng trước cặp mắt thơ dại của chúng tôi nó đã biến thành một thế giới bí ẩn và quyến rũ. Cả dòng sông, con đường đê nghiêng nghiêng và dải đầm sen cũng trở nên nhỏ bé như vậy.
Tôi đi lại con đường bờ mương dẫn tới gò cây gạo, nơi tôi đã gặp ông già chăn vịt. Nơi cuộc đời mở ra trước mắt tôi làn ánh sáng rực rỡ và mãnh liệt. Nơi lần đầu tiên, tôi nhìn được chân trời và những con đường khác nhau trên mặt đất. Nơi tôi hiểu rằng, rôi sống nghĩa là phải vượt lên mọi điều rủi ro, mọi đau khổ và bất hạnh để đi tới đích của cuộc đời...
Tôi muốn một giây phút yên tĩnh, nhắm mắt lại để hồi tưởng chuyến phiêu lưu thời niên thiếu, trước khi bước lên con đường mới, con đường phía trước cuộc đời mình...
Quảng Bá 19-11-1983.
HẾT